

văn nghệ

VÌ TỔ QUỐC, VÌ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NĂM THỨ 53

TẾT TÂN TÝ



HỘI NHÀ VĂN VIỆT NAM

SỐ 3 . 4 . 5 / 2001



Tranh : PHẠM MINH HẢI

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH VIETSOVPETRO

TRỤ SỞ CHÍNH: 105, Lê Lợi, TP.Vũng Tàu.

ĐIỆN THOẠI: (84)-64-839871/72

FAX: (84)-64-839857



Mặt trời ban đêm

Ảnh: NGUYỄN NAM CAO

VIETSOVPETRO-

Liên doanh giữa Việt Nam và Liên Bang Nga - được Nhà Nước Việt Nam phong tặng Danh Hiệu Đơn vị Anh Hùng Lao Động.

Ngày thành lập : 19.6.1981.

Vùng hoạt động : 3 mỏ : Bạch Hổ, Rồng, Đại Hùng.

*Sản lượng dầu thô khai thác từ năm 1986 đến năm 2000 đạt 88 triệu tấn.
Cung cấp khí vào bờ từ năm 1995 đến năm 2000 đạt 5 tỉ mét khối.*

**Nhân dịp Xuân Tân Ty 2001, Tập Thể Lao Động Quốc Tế VIETSOVPETRO
Kính chúc Bạn đọc Báo VĂN NGHỆ TRẺ Năm Mới AN KHANG, THỊNH VƯỢNG**

HÀNH TRÌNH CỦA BÁC

HỒNG HÀ



Đồng chí NGUYỄN ÁI QUỐC - Ảnh chụp năm 1923 tại Mátxcova

Cuộc đi tìm đường cứu nước của Bác Hồ từ đầu thế kỷ XX kéo dài đúng 30 năm. Con đường gian truân ấy đã đi qua mấy chục mùa Xuân, trải rộng khắp năm châu bốn biển. Các năm 1911, 1921, 1941 là những mốc rất đáng ghi nhớ trong hành trình nhiều vạn dặm của Bác.

NGUỖY Sinh Cung đón ngày năm mới 1901 mở đầu thế kỷ XX ở Huế. Cậu bé 11 tuổi ấy sống với mẹ, bà Hoàng Thị Loan. Gia đình ở trong một gian nhà nhỏ trước mặt Viện Đô Sát. Thân sinh là ông Nguyễn Sinh Sắc đang đi làm thu kỹ cho trường thi Hương ở

Thanh Hoá, dặt theo Nguyễn Sinh Khiêm, người con trai lớn. Nguyễn Sinh Cung ngày ngày cắp vở đi học. Cậu bé thấy kinh thành Huế đẹp và to. Cung điện, đền chùa, thành quách, lâu đài nguy nga.

Nhân dân Huế nô nức đi chợ Đông Ba sắm Tết Tân Sửu. Nhưng gia đình Nguyễn Sinh Cung không có Tết. Bà Hoàng Thị Loan lâm bệnh nặng. Do túng thiếu và quá vất vả, đúng một tuần trước Tết, ở tuổi ba mươi ba, bà tắt thở bên đứa con trai mới đẻ vài tháng và trong niềm thương xót của Nguyễn Sinh Cung. Bà con láng giềng giúp đưa thi hài bà qua cống Thanh Long, ra khỏi thành nội rồi xuống thuyền trên sông Hương đến táng ở chân núi Ba Táng thuộc dãy Ngự Bình của Huế.

Giữa Tết Tân Sửu, ở làng Chùa tỉnh Nghệ An, ông Nguyễn Sinh Sắc vô cùng đau đớn nhận được tin bà Loan từ trần. Ông vội vàng trở vào Huế. Không thể sống được ở đất đế đô, ông đưa hai con về làng Sen, quê nội. Nguyễn Sinh Cung được thân phụ đổi tên là Nguyễn Tất Thành. Ông Sắc trở lại Huế để dự thi Hội, khoa Tân Sửu. Đậu Phó bảng, ông lại quay về làng Sen.

Triều đình Huế bổ ông Sắc đi làm quan nhưng ông từ chối. Ông muốn ở quê nhà trông nom cho con cái học hành. Ông gửi Nguyễn Tất Thành đến học ở nhà cử nhân Vương Thúc Quý, con trai một lãnh tụ Cần Vương chống thực dân Pháp ở núi Chung. Nhiều sĩ phu yêu nước trong vùng, kể cả Phan Bội Châu, thường đến nhà ông Phó bảng Sắc để bình thơ và bình luận về tình hình đất nước. Nguyễn Tất Thành được thân phụ sai lấy nước và liếp thuốc cho khách. Có lần, Nguyễn Tất Thành đứng nghe ông Phan Bội Châu ngâm câu thơ cổ chữ Hán đại ý: Cú đến bữa

com là ngồi nghĩ đến chuyện làm sao cho có công với dân với nước.

Chúng tôi ngồi trong nhà năm gian của ông Phó bảng làng Sen, huyện Nam Đàn. Gian nhà ngoài là nơi tiếp khách. Phía tây và phía nam trở của sổ đón ánh nắng. Không gian tĩnh lặng. Chúng tôi đứng ngắm bộ phản ba tấm bằng gỗ đa. Tưởng như đầu dây vẫn rộn tiếng đàm luận của các nhà yêu nước Nam Đàn 90 năm về trước. Những từ "yêu nước, thương dân" cất lên trong gian nhà tranh này đã để lại dấu ấn trong tâm hồn của Nguyễn Tất Thành năm Tân Sửu đầu thế kỷ XX.

NGUỖY Tất Thành mừng xuân Tân Hợi năm 1911 ở Sài Gòn. Người thanh niên ấy vừa sống những năm sôi động của kinh thành Huế. Học trường tiểu học Pháp - Việt Đông Ba rồi Trường Quốc học Huế, anh hàng hải tham gia cuộc vận động duy tân và phong trào chống thuế của nông dân. Anh đã thấy tận mắt những vụ khủng bố, đàn áp của lính Pháp. Một hoài bão lớn thôi thúc anh: vào phía Nam, đi ra nước ngoài tìm đường cứu nước. Nguyễn Tất Thành ở tạm một chi nhánh của Công ty nước mắm Liên Thành tại Sài Gòn, số nhà 128, Khánh Hội. Anh làm quen với những hiệu giặt là cho thủy thủ các tàu nước ngoài để nhờ xin việc trên tàu.

Đầu tháng 6, anh mang tên gọi mới Văn Ba, lên tàu biển thuộc Hãng vận tải hợp nhất Năm Sao của Pháp để nhận việc. Dòng chữ to son ở thành tàu: "Đô đốc Latuser Trévin". Anh nói với một người bạn làm thợ: "Tôi muốn đi ra ngoài xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta". Chúng tôi lần đầu tiên tìm thấy ở Sở Hàng hải thành phố Cảng Đông Kéc, cục bắc nước Pháp, quyển sổ khá to đóng bìa cứng của con tàu anh Văn Ba làm thủy thủ. Sổ ghi đầy đủ tên, quốc tịch, tiền lương tháng của toàn bộ thủy thủ. Cuối sổ ghi lúc kết thúc hành trình về Pháp tại cảng Đôngkéc, 14 thủy thủ do ốm yếu và không chịu được sóng gió đã bỏ tàu lên bộ đối nghề. 38 thủy thủ khác, trong đó có Văn Ba ở lại tàu tiếp tục chuyến đi mới.

(Xem tiếp trang 4)

"Nhân dân ta, Đảng ta tự hào về các nghệ sĩ, chiến sĩ trên mặt trận văn học - nghệ thuật, từ mấy chục năm nay mặc dầu còn hạn chế, mặc dầu chúng ta chưa thể bằng lòng, nhưng đã để lại những tác phẩm nuôi dưỡng tâm hồn, lễ sống của hàng triệu con người Việt Nam và trường tồn với dân tộc".

Tổng Bí thư LÊ KHẢ PHIÊU
(Phát biểu tại Đại hội VI Liên hiệp các Hội Văn học - Nghệ thuật Việt Nam)



KÍNH CHÀO THẾ KỶ XXI

Quyến luyến, tự hào, hy vọng, đó là những tình cảm chung của mỗi người chúng ta khi cánh cửa của thế kỷ XXI đã xịch mở.

Ngoảnh lại, thế kỷ XX bão táp và kỳ vĩ, một thế kỷ nâng dậy cả non sông, làm thay đổi diện mạo dân tộc và số phận của mỗi một con người. Hồn cốt của những biến cải cách mạng vĩ đại đó là Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa Xã hội với Người kiến trúc sư thiên tài là Chủ tịch Hồ Chí Minh. Biết bao năm tháng không thể nào quên. Biết bao giá trị đã được tạo lập. Xin thấp nén nhang thành kính tưởng nhớ và đời đời biết ơn những người con đáng yêu nhất đã ngã xuống vì tương lai và sự trường tồn của Tổ quốc!

Thế kỷ XXI đã bắt đầu.

Bước vào thế kỷ mới, hành trang mang theo là vô giá, nhưng thách thức cũng không lường. Vượt qua thách thức đó, dân tộc nhất định sẽ tới đích. Chắc chắn đây sẽ là thế kỷ của tầm cao mới Việt Nam, thế kỷ cộng hưởng đẹp đẽ trí tuệ, tài năng, tâm huyết của con Lạc cháu Hồng, khơi dậy mọi tiềm năng, phát huy cao nhất những năng lực nhân tính, phấn đấu cho các mục tiêu cao cả: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Kính chào thế kỷ XXI. Kính chào Đại hội IX của Đảng-sự kiện chính trị trọng đại, cột mốc đầu tiên của thế kỷ mới.

VĂN NGHỆ

vn.3



Xuân Tân Ty - 2001

Văn nghệ

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)

HÀNH TRÌNH

(Tiếp theo trang 3)

Trụ sở Hãng vận tải Năm Sao ở số 3, đường Mandép, Pari. Ông Ginbe Tiloa, Tổng giám đốc Hãng, tiếp chúng tôi. Ông đưa ra một bản đồ thế giới trên đó vẽ hành trình con tàu của anh Văn Ba chạy trong năm 1911. Anh đã qua ba đại dương: Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, Đại Tây Dương và nhiều biển. Anh đã thấy nhiều xứ sở, nhiều thuộc địa và nhiều nền văn hoá. Những hiểu biết, những phát hiện tích lũy được qua các châu lục là vốn quý cho cuộc đời anh. Nhưng bằng học thuyết nào và con đường nào để giải phóng dân tộc, anh chưa thể tìm ra. Dù sao, đã ra đi được đối với anh là một hạnh phúc. Buổi anh rời Sài Gòn lên đường ra thế giới là một bước ngoặt lớn. Chúng tôi đi tìm hình ảnh bên cạnh Sài Gòn lịch sử ngày đó.

Hãng phim Pháp *Gô-mông* ở Pari còn giữ nhiều thước phim về Đông Dương những năm đầu thế kỷ. Người Pháp đã quay phim tài liệu về Hà Nội, Sài Gòn đến gần trăm năm, từ năm 1901 đến năm 1913. Cảnh đường phố, di tích văn hoá, sinh hoạt, phong tục của dân, các nghề thủ công của người Việt Nam. Chúng tôi chọn xem phim về Sài Gòn năm 1911. Có đoạn quay cảnh bên cảng Sài Gòn. Những người phu mình trần, mồ hôi nhễ nhại vác những bao hàng nặng trên lưng đưa xuống tàu. Những "ông tây bà đầm" tiến nhau. Những con tàu biển đang nhả khói. Hôm nay trên cầu Khánh Hội, chúng tôi đứng nhìn yêu mến vùng bến cảng đã chứng kiến anh Văn Ba bước lên tàu. Chúng tôi dùng cà phê rồi Thành phố Hồ Chí Minh chạy về hướng biển, theo đúng luồng lạch con tàu đã đưa anh Văn Ba từ thành phố này ra đi cách đây đúng 90 năm. Trước mắt là biển bao la, sóng cuộn. Thấy biển và cũng thấy sức mạnh phi thường của một thanh niên 21 tuổi nuôi chí lớn.

Nguyễn Ái Quốc, tức Nguyễn Tất Thành, tức Văn Ba, chào ngày đầu năm mới 1921 giữa Pari, nơi anh đã sống và hoạt động chính trị được bốn năm. Tại Thủ đô Pari, sau mười năm bôn ba khắp thế giới để khảo sát, tự rèn luyện và đấu tranh, anh đã tìm thấy con đường giải phóng dân tộc mình. Con đường đó đi theo và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin. Hai ngày trước, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở thành phố



Nhà số 9 ngõ Công Poanh (Pari), nơi Nguyễn Ái Quốc ở trọ từ năm 1921

Tua, anh tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp và là người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Anh đã từ một người yêu nước tiến bộ trở thành một chiến sĩ xã hội chủ nghĩa.

Kho lưu trữ của Bộ Thuộc địa Pháp ở số 6, phố Uđinô, Pari còn giữ những phòng hồ sơ riêng về anh trong năm 1921, một năm hoạt động sôi nổi, phong phú của anh tại Pháp. Anh đề xướng việc lập Ban nghiên cứu thuộc địa của Đảng Cộng sản Pháp, là thành viên nhóm phụ trách ban. Anh tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa, tập hợp những người yêu nước ở các nước thuộc địa của Pháp; làm việc ở Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp; viết nhiều bài báo chống thực dân Pháp, bắt đầu viết cuốn sách *Bản án chế độ thực dân Pháp*; sinh hoạt Chi bộ Đảng Cộng sản và Đoàn Thanh niên Cộng sản Pháp; viết báo cáo và bản tham luận chuẩn bị Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp; thường xuyên dự nghe, tranh luận và diễn thuyết ở Câu lạc bộ Phô-bua; đi làm thuê cho hiệu ảnh Lené để kiếm sống... Chính quyền Pháp bắt đầu lập một nhóm mật thám chuyên việc theo dõi Nguyễn Ái Quốc. Nhóm này còn có nhiệm vụ sáu tháng một lần chụp chân dung Nguyễn Ái Quốc. Bộ trưởng Bộ Thuộc địa Pháp Anbe Xarô mời anh đến Bộ để gặp, nội chuyện. Anbe Xarô cho rằng chưa thể để Đông Dương độc lập được vì Đông Dương chưa có sức. Nguyễn Ái Quốc trả lời: "Nếu nước Pháp trả lại nền độc lập cho chúng tôi, ông sẽ thấy chúng tôi biết cầm quyền cai trị lấy".

Chúng tôi đến thành phố cảng Mác-xây, miền nam nước Pháp. Phố Sác-tơ-ơ êm đềm. Ở đây có Hội trường Bôvi, nơi tháng chạp năm 1921 diễn ra Đại hội lần thứ nhất Đảng Cộng sản Pháp. Nguyễn Ái Quốc đến dự với tư cách là đại biểu chính thức của Đại hội, bắt chập 500 cảnh sát Pháp rải quanh các phố gần Hội trường để đón bắt anh. Báo chí Pari đăng ảnh anh tại Đại hội. Anh nói về tội ác của thực dân Pháp tại quê hương anh. Theo anh, nhiệm vụ bức xúc nhất của nhân dân anh là giải phóng dân tộc. Tại Đại hội, anh kêu gọi nhân dân các thuộc địa làm cách mạng giải phóng dân tộc gắn với cách mạng vô sản chính quốc. Ở tuổi 31, Nguyễn Ái Quốc đã trở thành một Chiến sĩ cách mạng quốc tế.

NGUYỄN Ái Quốc đón Xuân Canh Ngọ năm 1931 ở Hồng Kông. Anh mang một tên gọi mới: Tổng Văn Sơ. Trên lãnh thổ này năm trước, cũng vào dịp xuân về, anh đã làm được một việc lớn: Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ Hồng Kông, anh giữ mối liên hệ thường xuyên với phong trào Cộng sản quốc tế, với chiến sĩ cách mạng trong nước, với đồng chí, bạn bè ở các nước Đông Nam Á.

Tại nơi ở là ngôi nhà 186 phố Tam Lung, Hồng Kông, anh đọc các thông tin từ trong nước gửi ra. Anh viết thư cho Ban Chấp hành Trung ương Đảng ở trong nước nhắc nhở các công việc cần làm, phê bình những thiếu sót trong công tác Đảng. Các báo cáo của anh gửi từ Hồng Kông về Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản ở Mátxcơva có giá trị đặc biệt. Được tin Lý Tự Trọng ở trong nước bị bắt, anh lập tức kêu gọi Quốc tế Cộng sản, Quốc tế Cộng hội đi, Đảng Cộng sản Pháp đòi thả Lý Tự Trọng. Nhưng ngày mồng sáu tháng sáu, chính anh đã bị một sĩ quan người Anh và mấy cảnh sát Hồng Kông ập vào nhà bắt đi. Một tin sét đánh làm bàng hoàng các đồng chí và bạn bè của anh ở Việt Nam và trên thế giới.

Nhà tù Vích-tô-ri-a ở cuối dốc phố Cựu Bảiây, Hồng Kông có nhiều trại giam khác nhau. Vích-tô-ri-a là thủ phủ của Hồng Kông. Chúng tôi đến Hồng Kông, đi quanh cái nhà ngục khét tiếng ấy đã từng giam giữ Nguyễn Ái Quốc. Tường nhà tù cao hơn 4 mét cắm mảnh thủy tinh vỡ. Từng đoạn tường treo những bảng lớn viết bằng sơn trích đoạn Bộ Luật Hồng Kông, chương 234, quy định về nhà tù. Ở công chính có thông báo cấm đỗ xe trước mặt nhà tù. Đứng ở đây nhà dân xây phía vách phải nhà tù có thể nhìn thấy một phần phía trong nhà tù. Chúng tôi cố nhìn vào để nhận ra nhà giam ba tầng, mỗi tầng hai dãy xà lim, ngang một thước, dọc không đầy hai thước. Đây là nơi Nguyễn Ái Quốc bị

cầm tù hơn 2 năm trời sau những ngày đen tối của mùa hè năm 1931. Ngày ấy, các chính quyền thực dân hi hung sẽ thủ tiêu được nhà cách mạng Việt Nam vĩ đại. Nhưng sự bình tĩnh và ý chí kiên cường của vị lãnh tụ Đảng Cộng sản Việt Nam đã thắng tất cả. Sau khi ra tù, Người rời Hồng Kông bằng tàu thủy, đón Tết Quý Dậu năm 1933 ở thành phố Ha Môn.

NGÀY Tết dương lịch năm 1941, Nguyễn Ái Quốc về tới Tĩnh Tây, miền nam Trung Quốc, rất gần Tổ quốc. Quân Tưởng Giới Thạch đang đi thu nạp và chia rẽ những người Việt Nam yêu nước sống ở Trung Quốc, chuẩn bị thực hiện những mưu đồ tình quái khổng lồ chống Việt Nam. Mọi hoạt động của Bắc không chút dễ dàng. Bắc lấy tên Hồ Chí Minh, đóng vai nhà báo khi đi chuyển. Năm ngày sau, Hoàng Văn Thụ từ Việt Nam sang báo cáo Bắc tình hình trong nước và Đảng Cộng sản Việt Nam đang chuẩn bị Hội nghị Trung ương 8, chờ đón Bắc về chỉ đạo. Phát xít Nhật đã vào Đông Dương, bắt thực dân Pháp cung cấp đủ lúa gạo nuôi quân Nhật và nộp cao su đưa về Nhật. Số cán bộ yêu nước Việt Nam hoạt động ở Trung Quốc đi theo Bắc ngày càng đông. Bắc mở lớp huấn luyện chính trị cho 43 cán bộ cách mạng Việt Nam ở làng Nậm Quang. Trong lớp treo cờ đỏ sao vàng. Đây là lớp huấn luyện Việt Minh đầu tiên của nước ta. Bà C. Ragiô, chuyên gia trường Viễn Đông Bác Cổ ở Hà Nội thời ấy, tả: "Không khí hoạt động của người Trung Quốc và Việt Nam ở vùng biên giới Hòa Nam lúc bấy giờ là không khí một tiểu thuyết ly kỳ hấp dẫn".

Mồng một Tết Tân Ty, năm 1941, Bắc Hồ mặc bộ quần áo chàm, quần xắn cao, đầu vấn khăn, tay chống gậy đi chúc Tết nhà dân Trung Quốc trong làng Nậm Quang. Mồng hai Tết, Bắc cùng một số cán bộ lên đường về nước. Bắc đi bộ hơn một tuần trên những đường mòn lượn giữa các nếp núi vùng biên giới hướng về tỉnh Cao Bằng. Một ngày xuân đẹp trời, vượt lên một đoạn dốc ngắn rồi xuống một sườn núi lởm chởm đá, Bắc thấy hiện ra cột mốc 108. Tổ quốc đây rồi. Người đứng lặng hồi lâu, xúc động. Người đặt chân lên đất nước yêu quý. Đây là ngày 8-2-1941. Hoa đào, hoa mai xôn xang trong gió xuân mừng đón Người về.

Hôm nay đón Tết Tân Ty đầu thế kỷ XXI, chúng ta lại nhớ đến Bắc Hồ. Cách đây đúng 60 năm, đêm đầu tiên sống trên đất Mẹ sau 30 năm xa Tổ quốc cũng dịp Xuân Tân Ty, Bắc ngủ trong hang Cốc Bó rất lạnh, đọng hơi sương.

Người là một trong những vĩ nhân được kính phục nhất của thế kỷ XX. H.H.

"THIỆP MỜI" ĐẠI TƯỚNG NGUYỄN CHÍ THANH

HÀ BÌNH NHƯỠNG



Đại tướng Nguyễn Chí Thanh (phải) thăm biên đội của Ngô Đức Mai (bên trái) tại sân bay Gia Lâm ngày 25 - 6- 1967

NIỆM vui lớn đã đến rất bất ngờ với Ngô Đức Mai. Không một tin hiệu, một lời "rỉ tai" nào báo trước. Chỉ tới lúc này, khi chiếc xe con đang bon bon trên đường băng bỗng dừng lại đúng nơi biên đội Mai đang trực chiến, anh mới sững sờ nhận ra người xuống xe chính là Đại tướng Nguyễn Chí Thanh.

Cũng dễ hiểu vì sao Mai sững sờ, bởi anh biết Đại tướng đã trở lại quân ngũ từ năm 1964, nhưng ông đã vào sâu hãn Nam Bộ để thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam ở tại ngay chiến trường. Đường vô Nam ra Bắc trong lúc chiến tranh này đâu dễ dàng. Lại nữa, mùa hè năm 1967 này, giặc Mỹ đã đưa cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lên đến đỉnh cao mà Hà Nội đang là trọng điểm. Ở sân bay nơi Mai đang trực chiến là một "điểm nóng" của trọng điểm này.

Khi biết rõ người phi công đang đứng nghiêm trước

mặt chào mình là Ngô Đức Mai, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã bước nhanh tới ôm choàng lấy Mai rồi vừa cười sáng khoái vừa chỉ lên hai ve áo không mang quân hàm của mình mà nói:

- Cậu ngỡ ngàng lắm phải không? Ngỡ ngàng vì sao vì "Đại tướng - binh nhì" này lại bất ngờ có mặt ở đây!

- Thưa Đại tướng! Đúng là chúng tôi không ai nghĩ là Đại tướng đã ra ngoài này. Càng không ngờ và quá vui mừng, cam động được đón Đại tướng ở đây.

- Minh bí mật ra Hà Nội và cả việc đến thăm các đồng chí ở đây cũng bí mật mà. Nhưng chuyển thăm Không quân hôm nay không bột phát đâu nhé, mà mình theo "Thiệp mời" của Mai đó. Mai ngăn người ra, phải tới lúc vào cuộc trò chuyện thoải mái giữa Đại tướng với Mai, anh mới hiểu rõ được ngụ ý câu nói này. Chẳng là, trong chuyến bí mật ra Hà Nội theo triệu tập của Bộ Chính trị để bàn về chiến lược chung của cả

nước, cách đây hai ngày, Đại tướng đã đến thăm Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân với cương vị là Ủy viên Bộ Chính trị, trực tiếp làm Chính ủy Bộ chỉ huy Miền trong suốt mấy năm cùng với Chỉ huy trưởng Trần Văn Trà.

Ở trong đó, Đại tướng đã có biết bao chuyện về thực tế đánh Mỹ trên chiến trường miền Nam. Những chuyện rất chân thật đó lại qua giọng nói xù Huê của Đại tướng đã cuốn hút các đồng chí trong Bộ Tư lệnh quân chủng Phòng không - Không quân suốt hai giờ liền.

Về phần mình, Đại tướng cũng đã hân hoan và rất thích thú với cách đánh và những chiến công bắn rơi máy bay Mỹ của bộ đội Phòng không - Không quân qua báo cáo của các đồng chí trong Bộ Tư lệnh Quân chủng. Chuyện về trung úy phi công trẻ tuổi Ngô Đức Mai bằng súng ca-nông trên Mĩc - 17 đã bắn hạ được viên đạn tá Noman Gatdixơ, phi công Mỹ già đời đã có hơn 6.000 giờ bay và từng là hiệu trưởng một trường đào tạo phi công Mỹ đã được dẫn kể để báo cáo với Đại tướng trong buổi gặp mặt này.

Nghe xong, Đại tướng đã đứng dậy, đôi mắt sáng láng niềm vui, ha hả cười và nói ngay:

- Tuyệt vời! Thật tuyệt vời! Với đế quốc Mỹ, ta phải "trả lời" chúng bằng những chuyện như thế, bằng những trận đánh như thế. Đây là cách đánh của Việt Nam - Sau đó, Đại tướng ngừng lại, tươi cười nhìn mọi người khích lệ rồi bằng giọng nói ấm nhẹ, ông tâm tình: Ở trong Nam, mỗi khi mới đài Tiếng nói Việt Nam nghe tin miền Bắc bắn rơi máy bay Mỹ là bọn mình hả lòng hả dạ. Nay các đồng chí sắp xếp cho mình gặp cậu Mai nhé. Minh mê cậu ấy rồi đấy!

Ngụ ý tấm "Thiệp mời" mà Đại tướng nói với Ngô Đức Mai và cuộc trò chuyện thân tình như cha gặp lại con giữa Đại tướng với Mai đang diễn ra lúc này đã bắt nguồn như thế.

- Nào đừng e ngại, cứ tự nhiên. Minh chưa hình dung hết về trận không chiến thế nào. Mai cứ thoải mái kể lại trận đánh cậu đã bằng cách nào mà hạ thủ

(Xem tiếp trang 47)

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)

Chào năm mới 2001 !

Tháng chạp nửa đêm, thêm một giây
Tờ lịch mới đổ những con số 1
Ngày 1, tháng 1, năm 2001.
Thời gian sang... vẫn có gì đột ngột
Và có gì bỗng bột trong tim
Mừng hay lo ? Ta chỉ lặng im
Lim dim mắt. Để bình tâm suy nghĩ.
Ở hôm nay, ga đầu tiên thế kỷ
Mở đường lên thiên niên kỷ thứ ba.
Chuyến tốc hành sắp lăn bánh đi xa...

Với chiếc vé tám mươi năm, hơi cũ
Ta lên tàu, cùng mọi người thích thú
Đời thật vui. Nhiều gương mặt quen thân
Mấy toa đầu, toàn lão tướng, danh nhân
Ngục lấp lánh huân chương vàng rực.
Những toa sau, nhiều công nông trí thức
Anh hùng Lao động, Chiến sĩ thi đua
Chuyện râm ran thời kháng chiến, Pháp bại,
Mỹ thua
Gian khổ hy sinh, mà cười đùa như mới qua
mùa gặt.
Lắm lúc nhắc bạn xưa, các bác già lau nước mắt

Ôi ! Cái thuở đạn bom, máu chảy, lửa nung
Mà ung dung, "ra ngô gặp anh hùng"
Mà thương nhau, như con cùng một mẹ.

Vui nhộn nhất là toa tuổi trẻ
Rất "vô tư", hắt nhẩy rần rần
Vẫn nghiêm trang bàn "lập nghiệp, lập thân",
Chuyện làm việc, học hành, kinh doanh,
sản xuất

Ôi ! Bao nỗi lo toan, giữa đời chập giật
Biết đâu là thật giả, ngay gian !
Phải xung phong xóa lạc hậu, nghèo nàn
Thế kỷ mới gọi lương tâm, trí tuệ.

Cuối đoàn tàu, vẫn còn dăm bảy ghế
Cả ghế mềm cho các vị lão thành
Ta lắng nghe não loạn những âm thanh
Tiếng rạn vỡ những lâu đài tu bản
Bọn lái súng, ngân hàng, vênh vang ngạo mạn
Gào trong đêm "toàn cầu hóa", "văn minh"
Xiềng mạ vàng siết chặt cả hành tinh
Và cả tiếng gấm vang của nhân dân phần nọ

Quét sạch lũ bất lương, xây dựng lại cơ đồ
sụp đổ

Cho sáng lại quê hương Cách mạng Tháng Mười
Đổi mới Liên Xô và cả loài người
Giành lại chủ quyền, tự do, hạnh phúc.

Đời hồi đời ! Đầu dòng trong, dòng đục ?
Mơ màng nghe trong gió thổi vào toa
Tiếng ai như tiếng của Bác Hồ ta ?
Chớ ngủ say trên vòng hoa chiến thắng
Hãy liêm chính, giữ lòng trong sáng
Thị trường ta không mua bán nghĩa tình
Chân lý không ở hư vị, hư vinh
Giá trị mới trong mỗi con người mới

Ta mở mắt. Bình minh lên mát rượi
Xuân đến rồi. Chim ríu rít hàng cây
Đường rộn ràng, xe máy chạy như bay
Và lộc cộc, như mỗi ngày, xe rác lăn bánh tới
Chào các chị áo phông vàng, năm mới !

Đêm tháng Chạp năm 2000.

TẾT đến! Rất nhiều nhà ở miền
Bắc đều có cảnh đào. Để biểu
lộ tình yêu và niềm thương cảm
với người vợ phải sống xa quê,
Nguyễn Huệ đã cho ngựa phi nước đại
đem cành Đào của đất Thăng Long về
tặng Ngọc Hân công chúa vì ở quê ông
không có đào. Từ xa xưa, các tỉnh miền
Nam chọn cành mai làm biểu tượng cho
ngày Tết. Lên làm Tổng thống Ngô Đình
Diệm đã xảo quyết chọn luôn Mai và
Trúc gắn trên lon sĩ quan, dùng điển
tích của ông cha ta để chứng minh cho
chủ ý của ông ta, lý do tại sao lại chọn
hoa Mai, Diệm dẫn ra lời thơ của Cao
Bá Quát: "Nhất sinh đề thủ bách mai
hoa". Còn cành Trúc? Theo truyền
thuyết thì Trang nguyên Mạc Đĩnh Chi
của nước ta đi sứ sang Tàu. Một lần
quan Trang đến chơi nhà viên Tể tướng,
trông thấy bức tường gấm có thêu con
chim sẻ đậu trên cành trúc rất sinh
động, Mạc Đĩnh Chi nhắm mắt con
chim thật nên đi rón rén lại gần và vỗ
chim. Tể tướng nước Tàu và các quan
khác cười hô hố vì ông Trang Việt Nam
bị lừa. Nhanh trí, Mạc Đĩnh Chi giật bức
trường, xé làm đôi. Quan Tể tướng tức
giận vì mất bức thêu quý, nhưng ông ta
đánh ngậm bồ hòn làm ngọt, nở nụ cười
khi nghe Mạc Đĩnh Chi giải thích:

- Tôi trộm nghĩ Trúc là quân tử. Sẻ là
tiểu nhân. Nếu để kẻ tiểu nhân đứng
trên quân tử là trái đạo. Vì lợi ích của
quốc, tôi đã xé bức trường.

Ngô Đình Diệm khá thâm hiểm Ông
ta lợi dụng chất tình túy của dân tộc làm
vật trang trí, nguy trang, tô son, trát
phấn cho chế độ do ông ta cầm đầu.
Ông ta đã bị giết chết năm 1963 nên
không thể biết câu chuyện "Cành Mai
ngày tết cứu nguy" của chiến sĩ tình báo
Ba Lê khôn khéo lừa được địch như thế
nào vào dịp Tết 1968. Trước tết Mậu
Thân anh Bảy Vĩnh là Trưởng ban Quân
báo Sư đoàn (nay là đại tá, Anh hùng
LLVTND, đã nghỉ hưu) vào gặp chiến sĩ
tình báo Nguyễn Văn Lê tức Ba Lê (lúc
đó đang gửi chúc Trưởng ban Quốc
phòng Học viện nguy) để nghị đặt tổ
điện đài trong nhà anh. Anh Ba Lê chấp
hành lệnh ngay. Khó khăn là làm cách
nào đưa điện đài, vũ khí và các chiến sĩ
bảo vệ cùng trưởng đài vào nhà anh Ba
Lê? Anh Ba đưa ra gợi ý: Anh đã mọc
nổi được người đưa rau vào nhà anh
hàng ngày. Đứng giờ hẹn, các chiến sĩ
ta đột nhập từ chợ vào nhà người chở
rau. Anh em đã xếp điện đài và ba khẩu
súng đã tháo rời vào một căn xé (sọt)
chở đầy áp rau. Một chiến sĩ quê ở miền
Tây Nam Bộ giả làm "ét" (tiếng Pháp là
giúp đỡ, là phụ lái) cho bác Hai. Nhờ
mạo hiểm đi nước cờ liều, đã thành
công, đưa được một người, vũ khí và
điện đài vào cất trong hầm bí mật.

Anh Bảy Vĩnh cho biết:

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)

- Hai đồng chí còn lại là người thành
phố nên đã quen đường ngang, ngõ tắt
ở Sài Gòn. Trên đường dẫn đến nhà
anh Ba Lê, một đồng chí bị cảnh sát
bắt. Cậu ta kể về nhà mình, về khu phố
mình và lý do cậu ta có mặt ở đường
Ngô Quyền. Tội cảnh sát tin ở lời khai
của cậu ta. Sau hai giờ ngồi ở đồn cảnh
sát, cậu ta xin đi mua thuốc lá rồi chuẩn
lườn. Bốn chúng tôi ở trong nhà anh Ba
qua Tết Mậu Thân.

này. Nếu yên hẩn, không đổ bể gì, anh
gọi điện báo cho tôi: "Con mèo nhà ta
đẻ bốn con".

Sáng mùng 4 Tết Mậu Thân, nghe
tiếng đập của dồn dập, anh Bảy Vĩnh ra
lệnh cho ba chiến sĩ:

- Các đồng chí ở yên trong hầm. Chỉ
khi nào có lệnh của tôi mới được nổ
súng.

Anh Bảy mở cổng. Tên đại uý và ba
tên trung uý, thiếu uý cảnh sát với súng

CÀNH MAI NGÀY TẾT CỨU NGUY

NGUYỄN TRẦN THIẾT

Tôi hỏi vui:
- Cơm nước do ông bà chủ nhà phục
vụ?

Anh Bảy Vĩnh lắc đầu. Đến phút
chót cấp trên trực tiếp của anh Ba ra
lệnh buộc anh rời khỏi Sài Gòn trong dịp
tết Mậu Thân với hai dự kiến: Nếu như
chúng tôi bị địch bắn chết hay bị bắt anh
sẽ lặn luôn, trường hợp mọi việc suôn
sẻ, anh lại giữ thế hợp pháp đã gây
dụng được.

Trước khi rời nhà, anh Ba Lê dặn
bạn: "Anh nhớ nhập tâm số điện thoại

lục làm làm cầm tay, giọng hách dịch:

- Ai là chủ nhà?
- Thưa ông bà chủ đưa các cô, cậu
về quê ở Gò Công ăn Tết, tôi coi nhà.
- Anh làm gì trong nhà này.
- Tôi là quán gia.
- Nhà này có chúa Việt cộng không?
- Xin mời các ngài sĩ quan soát nhà.

Anh Bảy Vĩnh lo lắng. Anh chị Ba Lê
giao toàn bộ nhà cửa, tài sản cho quân
Giải phóng, anh làm cách nào để bảo
vệ được? Điều đặc biệt quan trọng là
anh phải bảo vệ an toàn cho anh Ba Lê.



Ảnh: THẾ BÌNH

Gài được một điệp viên có tầm cỡ, với
chức vụ cao như vậy trong hàng ngũ
địch đâu phải dễ dàng? Khi dẫn tụi sĩ
quan cảnh sát lục soát bếp, hành lang,
anh Bảy liếc mắt lên gác. Ngay phút
này, nếu anh ra lệnh "bắn" là cả bốn sĩ
quan cảnh sát sẽ về chầu Diêm Vương
ngay, nhưng việc tiếp theo sẽ ra sao?
Anh cần phải bình tĩnh, rất bình tĩnh để
không gây chút nghi ngờ nhỏ cho tụi
địch. Anh lấy chùm chìa khoá mở cửa
nhà trên. Anh đẩy cửa, tên đại uý và ba
sĩ quan dưới quyền lạng đi trước cành
mai nở hoa vàng rộ rất đẹp. Theo phần
xạ tự nhiên, tụi nó ngấm từng cành hoa,
nâng niu những bông mai. Quả thực từ
ngày anh ta mua về không phải một
nhánh (mà gần như một cây mai) đẹp
vào loại nhất Sài Gòn, anh Bảy không
tiền phê bình, song anh thấy là anh Ba
tiêu xài quá lãng phí. Mấy tên cảnh sát
sau mấy câu trầm trồ ca ngợi vì tò mò
hay vì dò xét, hỏi viên quán gia về giá
cành mai mua ở đâu, bao giờ... Anh Bảy
Vĩnh trả lời trôi chảy, ngấm khoe sự giàu
có, từng trải và đầy thế lực của chủ
nhà. Tên đại uý hất hàm.

- Ủa, đây là nhà ngài Hạ nghị sĩ Ba
Lê!

- Dạ, đúng vậy!
- Ông nghị sĩ có thể lục làm phải
không?

- Thưa ông đại uý, chính ở tại phòng
khách này, ông chủ tôi đón nhiều nhân
vật cao cấp.

Anh Bảy Vĩnh nhắc đến đến tên tổng
thống, phó tổng thống các bộ trưởng,
thủ tướng... có thiệp chúc mừng ngài
hạ nghị sĩ. Bọn cảnh sát mới đọc thiệp.
Chúng thực sự kinh nể vị chủ nhà đầy
quyền thế. Anh Bảy Vĩnh không ngờ là
anh có bửu bối trong tay. Trước ngày rời
Sài Gòn, anh Ba Lê đã đem toàn bộ
thiệp chúc tết của Nguyễn Văn Thiệu,
Nguyễn Cao Kỳ, Trần Văn Lắm và các
nhân vật có tầm cỡ của nguy quân,
nguy quyền treo cành mai. Tên đại uý lộ
ý sung sướng:

- Tụi tôi ở Tổng Nha được lệnh kiểm
tra khu vực này vì nghĩ có điện đài là
xuất hiện trong dịp Tết Mậu Thân. Ông
thưa giùm với ông hạ nghị sĩ là tui không
rõ đây là nhà ông.

Anh Bảy Vĩnh rót rượu sâm banh mời
khách.

- Trình đại uý, tôi sẽ thua với ông
chủ là đại uý và các vị đây chỉ thừa
hành phận sự.

- Đùng vậy! Tam biệt ông!
Tiền khách đi rồi, anh Bảy Vĩnh lo
cho các chiến sĩ của mình "lặn" xong
mới quay số điện thoại báo tin "Mèo đẻ
bốn con". Anh Ba Lê trở lại cương vị cũ,
liên tục công tác cho đến hết ngày
30-4-1975.■



Minh họa của LÊ QUẢNG HÀ

● Năm 2000, ngành Thủy sản đạt con số kỷ lục: Xuất khẩu 1,4 tỷ USD.

● Nhưng đó mới là phần nổi của tảng băng.

NGAY từ giữa tháng 9 năm 2000, trong cái sân rộng mênh mông của Bộ Thủy sản, người ta đã xầm xì bàn tán. Đầu mối của những cuộc bàn luận là Trung tâm thông tin và Hiệp hội chế biến thủy sản. "Được mấy trăm triệu đô rồi?". "Tuyệt quá. Chín trăm rưỡi?". Còn hai tuần nữa, thừa sức một tỷ".

Tiến sĩ Thái Thanh Dương, giám đốc Trung tâm thông tin ri tại tôi:

- Con số một tỷ đô la chắc chắn sẽ diễn ra vào ngày cuối tháng chín này. Nói sai, tổ đi đầu xuống đất.

Tôi biết, anh Dương nói thế, tức là đã vững tin ở những số liệu thống kê qua hệ thống Internet, qua báo cáo nhanh từ các cửa khẩu hải quan và các tổng công ty, các đơn vị xuất khẩu Thủy sản mà từng buổi, từng ngày trung tâm anh nắm được.

Tôi càng tin những dự đoán của anh Dương khi thoáng nhớ lại chuyến thăm mấy "đại gia" làm hàng thủy sản xuất khẩu ở Cần Thơ, Sóc Trăng vừa rồi. Chứa năm nào các đơn vị chế biến xuất khẩu trong ngành thủy sản lại tăng trưởng với nhịp độ cao như thế. Công ty TNHH Kim Anh, Sóc Trăng của giám đốc Quý đã sắp đạt doanh số xuất khẩu năm 1999, trên đà thừa thắng đang lấp đặt thêm một nhà máy chế biến vào loại hiện đại nhất khu vực Đồng Nam Á với công suất tới 100 triệu USD/năm. Công ty chế biến thủy súc sản Cần Thơ (CaFaTex) của giám đốc Nguyễn Văn Kịch, đơn vị xuất khẩu xếp danh sách đầu bảng của Bộ Thủy sản và đang được đề nghị Nhà nước tấn phong Anh hùng, năm ngoái đạt 62 triệu USD xuất khẩu, năm nay kế hoạch 65 triệu, nhưng giám đốc Kịch tiên đoán sẽ vượt 80 triệu. Một con số phi thường.

Buổi sáng 30-9 đi qua phòng tiến sĩ Thái Thanh Dương tôi được anh thông báo:

- Một tỷ đô la rồi. Nhưng tớ không dám công bố. Chờ phát ngôn chính thức của lãnh đạo Bộ.

Cả cơ quan Bộ Thủy sản xôn xao suốt một ngày trời.

Ngày hôm sau, 1 tháng 10 năm 2000, báo Nhân Dân đăng tin: "Ngành Thủy sản đã đạt con số xuất khẩu 1 tỷ USD. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu gửi thư chúc mừng".

Người sung sướng và hạnh phúc nhất trong khu nhà 12 đường Nguyễn Công Hoan, Hà Nội những ngày đó có lẽ là Bộ trưởng, tiến sĩ Tạ Quang Ngọc.

- Đêm qua tớ không ngủ. Điện cho mấy nơi đề nghị kiểm tra lại các số liệu xem có thật đạt một tỷ chưa thì hãy công bố. Thậm chí công bố chậm vài ngày cũng chẳng sao. Ngại nhất là cánh báo chí. Minh sơ suất điều gì họ lại làm um lên rằng mình chỉ thích thành tích. - Anh Ngọc gặp tôi ở giữa cái sân rộng mênh mông, nói mấy câu như muốn giải bày tâm sự, rồi lại sải bước về dãy nhà làm việc.

Tôi phần nào đã hiểu tâm trạng của ông Bộ trưởng. Là một chính khách có gốc gác từ một trí thức làm khoa học, nhưng cốt lõi của con người ông có nhiều tố chất của một nghệ sĩ. Những giờ phút ưu tư, hoặc gặp một số sự cố căng thẳng của Bộ, của ngành, tôi thường thấy ông dút hai tay vào túi quần, sải nhịp bước chậm rãi giữa cái sân rộng mênh mông như khoảng sân phơi cá của làng chài kia. Cái dáng cao dong, sải chân dài, đầu hơi cúi về phía trước khiến tôi sực nhớ tới nhà báo kỳ cựu và tài hoa Tạ Quang Đạm, thân sinh ra ông Bộ trưởng. Ngày tôi mới nhập làng báo, năm 1977 hay 1978 gì đó, tôi đã được nghe nhà báo Tạ Quang Đạm, chuyên viên cao cấp của báo Nhân Dân đến giảng về nghề nghiệp viết báo, làm báo, về tính hình thể giới và trong nước tại báo Người giáo viên nhân dân (nay là báo Giáo dục và thời đại). Anh Ngọc có dáng

người giống cha, nhưng tính cách có lẽ giống ông bác ruột, giáo sư Bộ trưởng Tạ Quang Bưu, một người nổi tiếng trong giới trí thức và khoa học mấy chục năm nay, tức là nghiêng về cái phần nghệ sĩ, dễ ưu tư, vui buồn...

- Ông biết không, đạt 1 tỷ USD, mừng thì mừng thật nhưng mà lo như người cười trên lưng hổ. - Anh Ngọc lại giải bày với tôi. - Không thể bốc đồng được đâu. Đừng thấy báo chí nói "cường quốc thủy sản", "Chúng ta sẽ đạt 2,5 tỷ USD vào năm 2005" mà mừng. Gắng lắm. Ông có biết, chúng ta phải phấn đấu suốt 40 năm ròng mới đạt được 1 tỷ USD xuất khẩu vừa rồi không?

Vâng. Tôi là người ngoại đạo, mới "lạc" vào ngành Thủy sản. Nhưng phần nào đã ngó ra câu tục ngữ của người xưa: "Thú nhất thả cá, thứ nhì gá bạc", không gì nhanh giàu bằng hai thứ đó. Nhiều con bạc, chỉ qua đêm đã trở thành tỷ phú. Nhiều kẻ muốn giàu sổi, mở sòng bạc, phát lên trông thấy. Vậy mà gá bạc mới chỉ đứng thứ nhì. Muốn thứ nhất phải thả

tôm. Cả huyện Vĩnh Châu, Sóc Trăng như một đại công trường. Nhiều đại gia từ Sài Gòn mang tiền về mua đất đảo ao nuôi tôm. Nhiều gia đình nuôi vài hec-ta tôm sú. Đồi thuở nhà ai, năng suất một hec-ta nuôi tôm hơn cả năng suất cấy lúa, tức là đạt tới 7-8 tấn một hec-ta. Mà giá lúa so với giá tôm là một vực một trời, một kg tôm một trăm bảy mươi ngàn đồng, hơn một tạ lúa. Một hec-ta nuôi tôm sú gấp trăm lần lúa. Con số nuôi tôm chạy dần dạt từ Cà Mau ra Phú Yên - Khánh Hoà, Quảng Trị, Thanh Hoá, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bờ biển Quảng Ngãi cát trắng bờ bồi, vậy mà tháng tám vừa rồi dân đảo ao trên bãi cát ven biển, lớt vài thắm nước, pha nước biển vào nước ngọt để nuôi tôm.

Ở tỉnh An Giang, phong trào nuôi cá lồng đang thịnh phát. Bất chấp hàng năm lũ dâng ngập mái nhà, các lồng cá bè ở Châu Đốc, Tân Châu vẫn trụ vững như những pháo đài. Trong dịp Tổng thống Mỹ Bill Clinton sang thăm Việt Nam, một đoàn thương gia nghề cá Hoa Kỳ cũng làm một chuyến ngược sông Hậu lên An Giang,

nào thấy bới xem voi. Cái phần chìm của tảng băng ấy mới quan trọng. Ấy là công việc lặng lẽ và vĩ đại của những người khai thác và những người nuôi trồng... Con số 2 triệu tấn tổng sản lượng năm 2000 này là cực kỳ ý nghĩa. Đó mới là phần chìm của tảng băng. Các vị đã ra biển đánh cá bao giờ chưa?

Tôi bỗng nhớ tới câu ví "mò kim đáy biển". Có lẽ nghĩ ra câu ví thâm thúy này là những người đánh cá trên biển? Vâng, biển mênh mông và đa phần chẳng bao giờ thợ mòng như các nhà thơ tưởng tượng. Biển dữ dội và khắc nghiệt vô cùng. Lặn đi biển ở đảo Phú Quốc năm 1986 và lần cùng các nhà khoa học Viện nghiên cứu Hải sản Hải Phòng, trên con tàu Biển Đông vừa rồi, khiến tôi "hãi" biển đến suốt đời. Cả hai lần ấy, một lần trên chiếc ghe của một người buôn lợn từ Hà Tiên ra Phú Quốc, một lần trên con tàu nghiên cứu khoa học 1500 mã lực, tôi đều say sóng và nôn ra cả mật xanh, mật vàng. Sóng biển Phú Quốc tưởng như nhấn chìm chiếc ghe bé xíu như chiếc vỏ trấu khi chúng tôi đang lênh đênh giữa quần đảo Hải Tặc một đêm giông bão. Còn sóng biển Bạch Long Vĩ vừa rồi lại quăng quật, văng tôi từ sàn tàu bên này qua phía bên kia.

Vậy mà những người đánh cá xa bờ mỗi năm có tới hai trăm ngày cực nhọc trên biển như vậy. Bản báo cáo thành tích của Anh hùng Lao động, thuyền trưởng Nguyễn Thị Hồng, một thuyền trưởng nữ duy nhất của ngành Thủy sản trong vụ cứu mấy chục người trong trận bão Linda 1997 đã khiến đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu thực sự xúc động và cảm phục. Mò kim đáy biển cũng khó khăn gian khổ đến mức ấy là cùng. Ấy là chưa kể rất nhiều chuyến đi biển, hàng vạn ngư dân vĩnh viễn không trở về...

Người nuôi thủy sản lại có cái cực nhọc khác. Con tôm sú giống ở Cà Mau, ở Phú Yên giá có thể lên tới 5 triệu (1 con chừng 200 gram). Một ao tôm có thể lòi vài chục triệu, nhưng rủi ro cũng khôn lường. Rất nhiều gia đình trắng tay, vì lũ, vì dịch bệnh... Trên vùng núi cao Sơn La, Lai Châu, Hà Giang, tao được một ao nuôi cá, đưa được những con chép lại, rô phi, mè vinh... lên thả đại trả như hôm nay, là những kỳ công sánh ngang với Ngu công dời núi xua. Không phải ngẫu nhiên mà con trai nhà văn tài danh Nam Cao, phó giáo sư tiến sĩ khoa học Trần Mai Thiên, tuổi 60, đầu đã bạc trắng như cước, 40 năm, cuộc đời khoa học của ông chỉ gắn liền với con cá nước ngọt. Từ đề tài khoa học mà ông và các đồng nghiệp được Nhà nước trao giải thưởng Hồ Chí Minh vừa rồi: "Nghiên cứu nâng cao chất lượng một số loài cá nuôi nước ngọt ở Việt Nam", đến danh hiệu Anh hùng Lao động mà Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I do ông làm Viện trưởng, được Nhà nước phong tặng vừa rồi, cũng là thành tích nhân giống, phát triển nghề cá nước ngọt.

Tiến sĩ Nguyễn Việt Thắng nói rất chí lý: Một tỷ từ USD xuất khẩu của ngành Thủy sản mới chỉ là phần nổi của tảng băng. Kích cỡ, dung lượng phần chìm của ngành Thủy sản là phần ít người nhìn thấy. Nó góp phần lớn lao trong việc bổ sung nguồn dinh dưỡng tiêu dùng nội địa, nâng cao giá trị dinh dưỡng cho hàng chục triệu người, tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo. Có thể vì một cách khác như thế này chăng? Nếu cá ngành Thủy sản như một con thuyền lớn, thì cái thành tích xuất khẩu 1,4 tỷ USD năm 2000, như một cánh buồm. Đó là cái phần thàng hoa và lừng mạn nhất của con thuyền. Buồm càng lớn, càng chứa được nhiều gió, con thuyền càng đi nhanh, đi xa...

Càng nhớ câu thơ hay đến tài tình của Huy Cận: "Mùa xuân tươi tốt cả cây buồm". Không có mùa xuân, cây buồm làm sao có thể "tươi tốt" được. Mùa xuân ấy là Văn khí của Đất nước.

Con thuyền thủy sản đang giương một cánh buồm vào thiên niên kỷ mới. ■

Xuân 2001

MỘT CÁNH BUỒM VÀO THIÊN NIÊN KỶ MỚI

Ghi chép của HOÀNG MINH TUỜNG

cá. Một vốn mười lời. Trùng một ao cá, một vụ cá, có thể đổi đời.

Nhưng... cá hai thứ thả cá và gá bạc ấy đều rất mong manh, may rủi vô cùng. Cái nghề cá, độ may rủi càng lớn. Thăm họa Hậu Lộc, Thanh Hoá do cơn bão tháng 8 năm 1996, đại họa cho những ngư dân phía Nam trong cơn bão Linda tháng 11 năm 1997 còn nhỡn tiền đó. Và trận lũ lịch sử ở Đồng bằng Nam Bộ vừa rồi. Biết bao gia đình trắng tay, lại mua sắm tàu thuyền, lưới cụ, lại đào ao, đóng lồng bè từ đầu. Tôi nhớ một câu tục ngữ khác cũng nói về cái nghề thủy sản: "Năm đất với cỏ hàng hương còn hơn năm giường với cỏ hàng cá". Nghề cá là một nghề thật cực nhọc, dầm mui tục luy, khổ ải. Năm giường với cỏ hàng cá suốt ngày nhột nháp tanh tươi còn sướng nổi gì?

Trở lại câu chuyện 40 năm của ngành Thủy sản mà Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc vừa nhắc. Nếu tính từ cái mốc năm 1960, khi ngành Thủy sản bắt đầu từ nghề cá nhân dân với những hợp tác xã nghề cá, những đoàn tàu đánh cá mà đã có lần các thị sĩ Chế Lan Viên, Huy Cận từng cùng dong buồm ra khơi vùng biển Cô Tô, Bạch Long Vĩ, để rồi Huy Cận viết nên bài thơ nổi tiếng "Đoàn thuyền đánh cá" góp một câu thơ bất hủ: "Mùa xuân tươi tốt cả cây buồm". Những ngày ấy chúng ta mới tính đến con số nghìn tấn, triệu đôla. Phải đến năm 1990 mở đầu thập kỷ tăng tiến của ngành Thủy sản, cá nước mới đạt được con số kỷ lục hơn một triệu tấn sản lượng (con số chính xác là 1.019.000 tấn) giá trị kim ngạch xuất khẩu đạt hơn 200 triệu đôla (con số chính xác là 205 triệu USD). Năm 1994 - năm đại thắng lợi, vượt kế hoạch 5 năm 1990 - 1995 trước thời hạn một năm với tổng sản lượng trên 1,2 triệu tấn, giá trị xuất khẩu 458,2 triệu USD. Và 5 năm sau, năm 2000 này, ngày 1 tháng 10, toàn ngành thủy sản vượt ngưỡng xuất khẩu 1 tỷ USD; cuối tháng 10 vượt mức kế hoạch 1,9 triệu tấn sản lượng. Kỷ lục năm 2000: 1,4 tỷ USD và trên 2 triệu tấn tổng sản lượng là điều không còn nghi ngờ.

Vậy là trong vòng 10 năm đổi mới (1990-2000) ngành Thủy sản đã làm nên một kỳ tích: Tổng sản lượng tăng gấp đôi và giá trị xuất khẩu tăng gần gấp 7 lần. Chưa bao giờ những người làm nghề cá cá nước lại vào vào mùa trúng đậm như bây giờ.

Lại nhớ cơn sốt nuôi tôm ở vùng Đất Mũi Cà Mau cuối tháng 7 vừa rồi. Dân cá vùng Đầm Dơi, Cái Nước nhất loạt tháo cống ngăn mặn lấy nước biển vào nuôi

dịch thân khảo sát các cơ sở nuôi và chế biến cá tra, cá ba sa, hai đặc sản đang được dân Mỹ ưa chuộng và chiếm thị phần cao trong xuất khẩu thủy sản của Việt Nam. Theo Thủ trưởng, tiến sĩ Nguyễn Thị Hồng Minh, người được phân công đặc trách khâu chế biến xuất khẩu thủy sản, cùng đi với đoàn thương gia Mỹ kể lại: Các thương gia Mỹ ban đầu hoài nghi. Họ xem các lồng nuôi cá bè trên sông Hậu, xem các phạn xưởng chế biến của Công ty xuất khẩu thủy sản An Giang, đơn vị vừa được phong tặng danh hiệu Anh hùng, họ ngạc nhiên và trầm trồ, không ngừng chung ta có công nghệ chế biến tiên tiến ngang Mỹ và các nước công nghiệp phát triển.

Chẳng cứ gì người Mỹ bất ngờ. Ngay những người ngoại đạo mới thăm nhập ngành Thủy sản, cũng "bổ chứng" vì những bước đi táo bạo và lừng lẹ của ngành Thủy sản gần hai chục năm qua.

Hãy thử hình dung: Nếu trong nông nghiệp, khoán 10, khoán 100 đã tạo ra bước khởi phát của đồng ruộng, đưa nông nghiệp vượt qua của ải 19 triệu tấn lương thực những năm 1979-1980 để đạt con số kỷ lục 35 triệu tấn tổng sản lượng, xuất khẩu 4 triệu tấn gạo năm 2000, thì trong lĩnh vực thủy sản, cơ chế tự cân đối, tự trang trải do ngành đề xuất với Chính phủ những năm 80, cũng là những tháo gỡ có tính quyết định cho ngành Thủy sản bứt phá đi lên. Khẩu đột phá đầu tiên để tự cân đối, tự trang trải là khâu chế biến và xuất khẩu thủy sản. Những công nghệ mới nhất, những tiêu chuẩn nghiêm ngặt của lĩnh vực chế biến được áp dụng. Hàng loạt các xí nghiệp chế biến đông lạnh được ra đời. Các doanh nghiệp tự tìm đối tác nước ngoài, tự đưa hàng xuất đi các thị trường thế giới. Đầu năm 2000, 18 Xí nghiệp chế biến thủy sản được lọt vào danh sách 1 xuất khẩu vào EU. Cuối năm, danh sách tăng lên 40, và 50 đơn vị vào đầu năm 2001. Nhiều tỉnh đồng bằng Nam Bộ, tỷ trọng xuất khẩu thủy sản đã vượt quá nửa tổng kim ngạch xuất khẩu. Ví như Cần Thơ, một tỉnh không có biển mà năm 2000 này đã xấp xỉ 130 triệu USD. Cà Mau và Sóc Trăng thế mạnh thủy sản còn lớn hơn nữa. Theo nhiều chuyên gia dự tính, năm nay Cà Mau là tỉnh dẫn đầu cả nước về xuất khẩu thủy sản, đã xuất được gần 250 triệu USD, đạt tới bảy mươi phần trăm giá trị kim ngạch xuất khẩu của tỉnh.

Nhưng đó mới chỉ là phần nổi của tảng băng - tiến sĩ Nguyễn Việt Thắng, Thủ trưởng Bộ Thủy sản nói với tôi - Nếu chỉ nhìn vào 1 tỷ USD xuất khẩu để đánh giá thành tựu của ngành thủy sản thì khác

NGUYỄN ĐÌNH THI

Những câu hỏi

Đóa cúc vàng lẫm lẽ trong đêm
Tỏa hương thoảng giữa hai thế kỷ

Cúc vàng ơi cô phải
Cổng bằng đầu tiên là ở bát com mỗi nhà
Giải phóng đầu tiên khỏi đói rét ngu tối
Phẩm giá đầu tiên là có việc làm
Tự do đầu tiên là được lựa chọn
Bình đẳng đầu tiên là ngang nhau nam nữ
Nhân nghĩa đầu tiên là coi trọng mạng
sống con người
Hy vọng đầu tiên là ở suy nghĩ
Hạnh phúc đầu tiên là yêu và thương

Đóa cúc vàng tỏa thơm trong đêm
Nhìn người loay hoay với những câu hỏi.

Giao thừa

Tóc anh bạc rồi mắt anh mệt mỏi
Anh nhìn gì mãi trong đêm nay
Chuông trống rộn ràng giao thừa rồi
Anh còn nhìn gì mãi

Một trăm năm nào đến kia
Bầu trời xôn xao nghìn tiếng nói
Bao nhiêu điều chưa ai biết tới
Bay đầy không gian
Trong sâu thẳm hồn người
Đang hiện ra một thế giới
Nguyên sơ và trong sạch hơn
Như nước như lửa.

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

Ban thơ

tặng Đồng Đức Bốn

BẠN chủ đóng gạch nơi nao
Văn chương lấm láp, vêu vào mặt người

Bất ngờ bạn đến thăm tôi
Gửi cho mấy tập, ôi trời : là thơ

Câu dài câu ngắn ngắn ngo
 Những rơm với lửa, những tơ với tình
 Một người hoang dại một mình
 Bơ vơ giữa phố mong thành thi nhân

Lòng yêu, yêu đến trong ngần
Đường xa thương vết chân trần bạn tôi

Mong sao bạn bớt bụi ngủ
Cố làm thơ nữa để rồi gặp nhau

HOÀNG CẨM

Số phận

Số phận mỗi người ? Mi từ đâu đến ?
Thương chính anh là tác giả của cuộc đời anh
Một triết gia đông phương

NHỮNG tưởng lò than anh vạc dần tuổi tác
 Khi sớm chiều bề bốn mộng không em
 Em chợt đến thổi bay mành bụi bạc
 Thấy hồn anh bùng sáng giữa chùng đêm

Mong có em đặt bàn tay dịu mát
Lên ngực trần nghe xương cựa dưới da khô
Hắn đột nhiên em co tay bỗng rất
Vì người anh rực lửa từ bao giờ

Em huyễn tưởng mỗi năm thêm xuân ba tháng
Thừa tìm đồng nông ha trắng nắng vàng thu
Bù đắp hết đắng cay những tháng ngày
lặn dần
Em trở lại thanh tân vượt gió thay mùa

Em dâu biết khi lá vàng kêu xào xạc
 Dầu còn treo lay lắt ngọn u trầm
 Chỉ loảng thoảng lời thơ than phận bạc
 Là đủ thấm hai quảng thâm quanh mắt
 Với đôi nét nhăn dài bạc má đến nghìn năm
 Thu 2000

Thu 2000

Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Quang Riệu sinh năm 1932 tại Hà Nội (quê gốc làng Lại Xá -Hoài Đức - Hà Tây) sang Pháp từ năm 1950; hiện ông là Giám đốc Nghiên cứu Trung tâm Nghiên cứu khoa học Quốc gia - Pháp. Suốt nửa thế kỷ hoạt động khoa học ở nước ngoài, GSTS Nguyễn Quang Riệu luôn hướng về Tổ quốc. Những năm gần đây Giáo sư thường về Việt Nam công tác và giảng dạy tại các trường đại học. Là một nhà khoa học có uy tín lớn, GSTS Nguyễn Quang Riệu đã có những đóng góp quan trọng cho các chương trình hợp tác khoa học Pháp - Việt. Ông là tác giả của 3 cuốn sách đã in ở Việt Nam: Vũ trụ phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại; Lang thang trên giải Ngân hà; và Sông Ngân khi tỏ khi mờ. Vừa qua chúng tôi đã gặp ông nhân dịp ông về dự Đại hội Thi đua lần thứ VI theo lời mời của Thủ tướng Phan Văn Khải. Chúng tôi xin giới thiệu bài viết của Giáo sư Tiến sĩ Nguyễn Quang Riệu dành cho báo Văn nghệ.



Giáo sư Tiến sĩ NGUYỄN QUANG RIỀU

THẾ kỷ XX đã trôi qua, Thiên niên kỷ 2 vừa kết thúc. Thủ đô Thăng Long nghìn năm văn hiến đã được thành lập từ 10 thế kỷ. Tết Tân Ty năm nay là Tết Nguyên đán đầu tiên của Thế kỷ XXI và của thiên niên kỷ 3, thật là một sự kiện hiếm hoi. Năm Tân Ty ra đời đúng vào dịp chúng ta được chào mừng cả Thế kỷ mới lẫn Thiên niên kỷ mới. Hầu sinh phải đợi 100 năm nữa mới bước vào Thế kỷ mới khác và 1000 năm nữa mới chào đón Thiên niên kỷ sau.

TRƯỚC BUỔI BÌNH MINH CỦA THIÊN NIÊN KỶ BA

Giáo sư Tiến sĩ: NGUYỄN QUANG RIÊU

Trong suốt 20 thế kỷ, nhân loại đã trải qua nhiều chuyển biến văn hoá và khoa học kỹ thuật để đạt đến nền văn minh siêu việt hiện đại. Những triết gia và văn nhân nổi tiếng phương Đông và phương Tây ở thời cổ đại đã có những đóng góp đáng kể vào kho tàng văn hoá nhân loại. Những công trình kiến trúc đồ sộ như Kim tự tháp Ai Cập, quần thể đền đài Acropole Hy Lạp và Đền Thiên Đế Thích Khmer được coi là những kỳ quan của Thế giới. Qua những bức vẽ thô sơ trong hang núi ở thời cổ đại, đến những bức tranh của họa sĩ kiêm bác học lỗi lạc Leonardo da Vinci ở thời Phục Hưng, những tác phẩm của trường phái ấn tượng Châu Âu thế kỷ XIX và của những họa sĩ hiện đại... chúng ta chứng kiến được quá tiến triển của ngành hội họa toàn cầu. Những dấu ấn văn học của nhiều thế hệ đã mở đường cho chúng ta tiếp tục làm kho báu văn hoá của nhân loại ngày càng phong phú.

Thành tựu của các nhà bác học phương Tây ở thế kỷ XV - XVII đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong quá trình tiến triển của ngành khoa học tự nhiên. Nhờ tư duy độc đáo và táo bạo của các nhà khoa học đại tài này, cảnh của Vũ trụ đã được hé mở để nhân loại bắt đầu ngó nhìn vào bầu trời bao la bí hiểm. Đến đầu thế kỷ XX, các nhà vật lý học mới đưa ra những thuyết cơ bản để tìm hiểu vũ trụ. Đồng thời, cơ học lượng tử được đề xuất ra để chúng ta thâm nhập vào thế giới vi mô của nguyên tử, nhằm khai thác khả năng sản xuất năng lượng hạt nhân một cách đại quy mô để phục vụ con người. Về mặt y học, những công trình nghiên cứu di truyền học được áp dụng để điều trị bệnh tật hiểm nghèo. Hiện nay, những phát minh của ngành y được ngày càng làm tăng tuổi thọ và nâng cao đời sống của nhân loại.

Dựa trên thuyết tương đối của nhà bác học Einstein, các nhà khoa học khám phá được thế giới vi mô để nghiên cứu nguồn gốc và sự tiến hoá của Vũ trụ, trong đó có Mặt Trời và Trái Đất chỉ là những phần tử nhỏ li ti. Ngày nay Vũ trụ vẫn còn nhiều bí ẩn, mặc dù các nhà thiên văn học đã dùng trí tuệ cùng với kính thiên văn đặt trên mặt đất và phóng lên không trung để tìm hiểu những sự kiện xảy ra từ thời khai thiên lập địa. Vũ trụ là một phòng thí nghiệm thiên nhiên vĩ đại lý - hóa - sinh chứa đủ các loại hoá chất hữu cơ quen thuộc, kể cả những khí độc như cacbon oxit, xyanua (cyanure) v. v... Chúng ta không thể ngờ rằng trong Ngân hà có cả rượu, dấm, muối, đường cùng kim cương, hồng ngọc và bích ngọc!

Ngân hà, cũng như muôn vạn thiên hà khác trong Vũ trụ, chứa hàng trăm tỷ ngôi sao và hành tinh. Chỉ khác là hệ Mặt trời và hành tinh Trái đất của chúng ta nằm trong Ngân hà. Những hoá chất trong Vũ trụ được điều chế trong lòng các vì sao rồi phun ra môi trường giữa các sao. Tế bào của sinh vật trên Trái đất xuất phát từ những hoá chất đó. Chúng ta đều là "con cháu" của các vì sao trong Vũ trụ! Liệu có sự sống trên các hành tinh khác như con người trên Trái đất? Nếu có thì diện mạo và trình độ văn minh của những "người" đó ra sao? Đây là một trong những vấn đề mà các nhà thiên văn học và sinh học đang quyết tâm nghiên cứu. Tôi mong rằng

trong thế kỷ XXI, khoa học kỹ thuật với những vệ tinh và trạm tự động vũ trụ phóng lên hành tinh trong hệ Mặt trời, sẽ cung cấp những giải đáp thỏa đáng cho những câu hỏi lý thú trên.

Các nhà thiên văn quan sát Vũ trụ thường sử dụng những thiết bị hiện đại đắt tiền. Đất nước chúng ta đã có một truyền thống thiên văn lâu đời. Những sự kiện xảy ra trên bầu trời đã được ghi chép tỉ mỉ trong *Đại Việt sử ký Toàn thư*. Tuy nhiên nước ta hãy còn đang trải qua các giai đoạn phát triển khoa học kỹ thuật để đuổi kịp các nước tiên tiến. Sự phát triển ngành khoa học này mà không đòi hỏi nhiều kinh phí. Mục tiêu đầu tiên là giới thiệu ngành thiên văn cho quảng đại quần chúng. Sách phổ biến thiên văn viết bằng tiếng nước ngoài không thiếu. Tuy nhiên tôi thiên nghĩ, nếu muốn tác phẩm có tác dụng đối với đối tượng trong nước, chúng ta nên viết những cuốn sách phổ thông bằng tiếng Việt thích hợp với văn hoá của người Việt Nam. Trên tinh thần đó, tôi đã viết những cuốn sách phổ biến thiên văn xuất bản ở trong nước. Chúng ta cũng cần đào tạo một đội ngũ cán bộ chuyên ngành để nghiên cứu và giảng dạy thiên văn trong các trường phổ thông và đại học. Ngoài mục tiêu khám phá Vũ trụ sâu thẳm, các nhà thiên văn còn nghiên cứu những vấn đề liên quan đến môi trường để bảo vệ Trái đất nhỏ bé của chúng ta chống lại những

thiên tai.

Kỳ này tôi về nước để tổ chức và giảng một lớp học về Vật lý Thiên văn và Môi trường tại Đại học Quốc gia Hà Nội, với sự cộng tác của một số giáo sư Pháp và Mỹ của Đại Thiên văn Paris, Đại học Pierre - Marie Curie Paris và Viện Khí tượng Helsinki. Ngoài những bài giảng, chúng tôi tổ chức những buổi quan sát bầu trời bằng kính thiên văn để quần chúng được ngắm những thiên thể kỳ diệu trong Vũ trụ. Một số giáo sư nước ngoài tôi mời về giảng cũng là những nhạc sĩ nghiệp dư. Trong một buổi liên hoan, họ trình bày những bản nhạc cổ điển phương Tây cùng các nhạc sĩ Thủ đô. Nhạc sĩ Văn Kỳ và các ca sĩ trong nước cũng đã tham gia hát những bài ca thuần túy Việt Nam làm bầu liên hoan càng thú vị và lớp học thiên văn tại Thủ đô dưng về văn nghệ.

Trong dịp này tôi cũng được vinh dự tham gia Hội nghị Thi đua toàn quốc cùng các đại biểu trong và ngoài nước trong một bầu không khí đầy nhiệt tình và thân mật. Lễ kỷ niệm 75 năm thành lập Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương cũng là dịp để tôi nhớ lại thời thơ ấu, những ngày tôi còn là học sinh trung học, trường tôi tản cư từ Hà Nội lên thị xã Sơn Tây. Tôi cùng các bạn học thường rủ nhau tập bơi trên con sông Tích Giang chảy quanh Van Miếu ở Sơn Tây, nơi có trường Mỹ thuật. Hồi đó, trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương cũng tạm chuyển từ Hà Nội về thị xã này. Những họa sĩ tên tuổi như Giáo sư Nam Sơn (người đồng sáng lập trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương), Giáo sư Inguimberty và Họa sĩ Tô Ngọc Vân cũng từ Thủ đô lên đây giảng dạy. Chúng tôi được làm quen với các họa sĩ đàn anh, sau này họ trở thành những nghệ sĩ nổi tiếng của ngành hội họa Việt Nam. Khứu giác tôi vẫn còn nhớ tới mùi hương hắc rất đặc biệt của sơn mực mà họa sinh dùng để phác họa trên giấy.

Trước thềm Thiên niên kỷ 3, tôi lấy làm phấn khởi và triển vọng phát triển và kiến thiết nước nhà. Sự tham gia của một số Việt kiều trong nhiều lĩnh vực nghệ thuật, văn học và khoa học là những đóng góp, tuy hãy còn khiêm tốn, nhưng đã mở đường cho những công trình hợp tác lâu dài với cán bộ trong nước. Để án xây Cung Khoa học tại Thủ đô trong đó có một nhà chiếu hình Vũ trụ sẽ trở thành hiện thực trong năm 2001. Để án này được đề xuất từ nhiều năm nay nhằm phổ biến những khái niệm khoa học thông thường và tái tạo những hiện tượng thiên nhiên xảy ra trong Vũ trụ. Tôi mong rằng, đây là dịp để tôi tham gia vào một công trình phổ biến cụ thể, khuyến khích nhân dân Thủ đô và toàn quốc đến ngắm vòm trời nhân tạo lấp lánh các vì sao, trong không khí mát mẻ của nhà chiếu hình Vũ trụ. Nhân danh là một nhà thiên văn vật lý, tôi ước mong nước ta chóng có một đội ngũ chuyên gia để sau này tham gia vào cuộc chinh phục Vũ trụ cùng cộng đồng các nhà thiên văn trên thế giới.

Nhân dịp năm mới tôi xin kính chúc các bạn đọc một năm mới hạnh phúc và cùng bước vào một thiên niên kỷ rực rỡ của Tổ quốc Việt Nam. ■

VINH DỰ ĐƯỢC LÀ NGƯỜI CẦM BÚT TRONG THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH

Bài phát biểu nhân dịp Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh
Nhà văn ANH ĐỨC

VÀO những ngày đầu năm mới này, khi được tin mình cùng một số anh chị văn nghệ khác vinh dự được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh, tôi thật sự phấn khởi và xúc động. Trong đời viết văn, tôi cũng đã có mấy lần được giải, nhưng lần này là lần mang ý nghĩa thật đặc biệt. Đây không phải là giải thưởng cho một tác phẩm của một cuộc thi, đây là giải thưởng dành cho những tác phẩm của cả một đời. Hơn thế nữa, giải thưởng càng đặc biệt cao quý vì nó mang tên một con người sáng đẹp nhất thời đại - Hồ Chí Minh. Và vinh dự biết dường nào cho thế hệ cầm bút chúng tôi được sinh ra, lớn lên, trở thành nhà văn ở trong lòng thời đại đó - thời đại mà sau khi dân tộc vừa vùng lên bẻ gãy xích xiềng chưa đầy một tháng thì tiếp theo ba mươi năm ròng đất nước lâm trận, đối mặt với biết bao thủ thách hiểm nguy, biết bao gian khổ hy sinh. Từ trong khói lửa ấy, thế hệ nhà văn cách mạng ra

dời, nhập cuộc, đã "cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu" với nhân dân, viết nên những trang viết về cuộc chiến đấu anh hùng. Từ trong khói lửa ấy, văn học đã đơm hoa kết trái. Tôi nghĩ vinh dự mà chúng tôi có được hôm nay sẽ không bao giờ xuất hiện, nếu chúng tôi không có mặt trong cuộc trường chinh vĩ đại đó, nếu chúng tôi không nếm trải đói khát trên đường Trường Sơn, không nhiều lần ở dưới địa đạo, dưới hầm bí mật, không tận mắt nhìn thấy người chiến sĩ ngã xuống trên chiến trường, người du kích bám trụ xóm làng, người nông dân cày xới cánh đồng dưới lửa đạn để làm ra hạt gạo nuôi quân, các bà mẹ rút ruột đưa hết đứa con này tới đứa con khác ra trận. Ngày hôm nay chúng tôi thật may mắn vì còn có mặt mà nhận giải thưởng này, trong khi có rất nhiều đồng đội đồng nghiệp chúng tôi không còn nữa. Họ là những người cầm bút hy sinh ở trận địa trong tư thế cầm súng. Cũng có những anh chị đi qua chiến

tranh đến được hoà bình nhưng đã mất vì tuổi cao sức yếu, vì bệnh tật, bởi phải chịu đựng những năm tháng quá ác liệt, gian khổ. Tôi lại nghĩ tuy văn học nghệ thuật đạt được những thành quả chủ yếu là từ sự sáng tạo của cá nhân người nghệ sĩ, nhưng để tạo dựng nên một sự nghiệp chung, đó là thành quả của tất cả, từ người còn tới người mất, người được giải và chưa được giải, trẻ và già, phải là của tất cả mới có thể làm nên một nền văn nghệ Việt Nam mới, cách mạng, dân tộc và hiện đại.

Riêng tôi, kể từ khi cầm bút tới nay đã bốn mươi bảy năm, vậy mà lúc nào tôi cũng thấy làm nghề văn tựa như người bơi giữa biển lớn, cứ bơi hoài nhưng chẳng ghé được bến bờ nào ưng ý - bởi biển văn chương ấy chính là cuộc đời, nó mênh mông, bao la không khác chi ngàn trùng ngọn sóng nhảy nhót, biến động biến hình khiến cho mình đâu có công, cật lực vẫn chưa khi nào cảm thấy ngời bút miêu tả được trọn vẹn, êm



xuôi. Rồi khi ngồi đọc lại những gì đã viết, lại thấy lộ ra nhiều chỗ chưa được.

Nhưng duy nhất có một điều được rất đỗi lớn lao, bao trùm, một điều khiến tôi không hề có chút băn khoăn nghĩ ngợi, ngược lại luôn đem tới cho tôi niềm vui sướng và tự hào - ấy là tôi được ở trong văn hội lịch sử hiếm có, ở trong đội hình văn học cách mạng, được viết, được góp phần nhỏ bé của mình trong cuộc đồng hành cùng dân tộc trên con đường lớn, tuy hết sức gian khổ cam go nhưng cực kỳ vẻ vang - con đường Hồ Chí Minh.■



TỪ ĐÂU TÔI ĐẾN

Nhà văn NGUYỄN QUANG SÁNG

Chị tôi giấu tờ báo, bơi xuống vượt qua đồn bốt, rượt qua sông Tiền tìm cha tôi.

- Cậu Hai, cậu coi tờ báo này, thằng Sáng thành nhà văn.

Điều mừng trước tiên là cha tôi nhận ra chân dung tôi trên mặt báo, có nghĩa là tôi còn sống - Điều thứ hai là điều lạ.

- Nó đi bội đội, sao nó không lên tá lên tướng mà thành nhà văn

(Vâng! Thưa cha, con đã trở thành nhà văn rồi). Quân đội là trường đại học viết văn của tôi. Và cũng không chỉ có một mình tôi. Rất nhiều nhà văn của chúng ta ngày nay nếu không nói là phần lớn đều xuất thân từ người lính.

Năm 1952, từ chiến trường trở về căn cứ rừng U Minh. Tôi bắt đầu viết, viết về người lính của đơn vị tôi, viết về người dân trong làng tôi. Mãi cho đến năm 1963 (mười một năm sau) những trang viết đầu tiên ấy mới ra mắt bạn đọc. Tiểu

thuyết Đất lửa...

Không còn ở quân đội nhưng tôi vẫn theo bước bộ đội trên chiến trường. Đầu năm 1966, tôi cùng với bao nhiêu anh bộ đội vượt Trường Sơn, từ Hà Nội tôi đi thẳng vào chiến trường Đồng Tháp Mười.

Truyện ngắn đầu tiên khi trở về Nam, viết trên chiếc xuống giữa đồng nước trong tầm bom đạn của quân giặc: truyện ngắn *Chiếc lược ngà* - Cùng với anh bộ đội, từ chiến trường này, tôi viết kịch bản, phim *Cánh đồng hoang*, *Mùa gió chướng*...

Nhân vật văn học của tôi, nếu không trực tiếp là anh bộ đội thì cũng là người mẹ, người cha, người vợ, người tình và những người luôn sát cánh với anh bộ đội.

Dù không còn ở quân đội, nhưng vẫn nghĩ tôi là nhà văn xuất thân từ người lính, lính Cụ Hồ.■

2-2-99

TỪ đâu tôi đến với văn chương. Tôi sinh ngày 12-1-1932, tại làng Mỹ Lương - An Giang, một làng bên bờ sông Tiền. Bên này sông nhìn qua bên kia sông là Cù lao Gieng, quê hương của nhà cách mạng Ung Văn Khiêm, cũng là quê hương của nhà trí thức lớn, bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng.

Theo con đường rải đá, đi ngược lên dòng nước về nhà trường của huyện tôi, phải đi qua cột dây thép. Đây là nơi hoạt động của nhà Cách mạng Châu Văn Liêm, chỉ bộ Đảng cộng sản đầu tiên của tỉnh An Giang ra đời từ đây - Năm 1930, là cờ búa liềm của Đảng đã phấp phới giữa hai cột dây thép hai bên bờ sông.

Cũng từ làng qua tỉnh, đi xe ngựa trên con đường đất cạp theo lòng sông Ông Chưởng, đến bên bờ sông Hậu, xa kia một rặng cây xanh mọc lên giữa dòng sông là Cù lao Ông Hổ, quê hương của Bác Tôn Đức Thắng.

Năm 1944, 14 tuổi tôi vào bộ đội từ đây, làng tôi - Theo bộ đội, đi biến biệt, đi khắp các chiến trường miền Tây Nam - Bộ.

Đến ngày tập kết (1954) cha tôi lặn lội xuống U Minh thăm tôi, tôi vẫn là anh bộ đội sắp sửa xuống tàu tập kết.

Đến năm 1965, người chị bà con cô cậu được một người chú bà con là cán bộ cho chị xem tờ báo *Văn nghệ* Hội Nhà văn Việt Nam phát hành qua thủ đô Nam Vang, rồi từ Nam Vang được chuyển về vùng du kích Đồng Tháp Mười.

Ngày hội
của
Tổ quốc

Ảnh:
PHAN
HỮU
ĐỖ



HUY CẬN

Tâm sự cùng thơ

Suốt một đời ta hai tiếng thơ
Một về vũ trụ quê không bờ
Một về máu thịt đường nhân thế
Hu thực hòa âm sản tiếng to.

Đêm nay xem kịch, vào tâm sự
Bao cuộc đời nào ta có quen
Nghệ thuật thần tiên chấp mỗi đẹp
Lòng ta hữu hạn hóa vô biên.

Diệu ơi ! Xương sọ một màu đen⁽¹⁾
Tuồng Diệu còn nghiêng dưới ánh đèn
Nghiêng bút khắc thơ, nghiêng một kiếp
Tài hoa, đau khổ : trọn thần duyên

(1) Cằm xương sọ của Xuân Diệu ngày cải táng.

NGUYỄN XUÂN SANH

Nghe đất, đón mùa

Không gian làm trẻ lại
Một tập thể cây rừng
Người vẫn chờ hoa trái
Từ thời gian sau lưng.

Dù nắng hanh gió bắc
Rừng gần mãi với người
Tiếng suối ngân man mác
- Một hợp xướng đời tươi.

Người đi về với núi
Yêu thương từng gốc cây
Mép rừng, nhật bó củi
Hẹn vui với đêm, ngày.

Đã qua vạn buổi nắng
Đã gặp ngàn lượt mưa
Đứng, đi đều thấm lặng
Nghe đất, mà đón mùa.

Một chiều gặp lại bờ sông Lũ

PHAN XUÂN HẠT

Tìm về bạn cũ

T ha thiết mong tìm về bạn cũ⁽¹⁾
Bạn cũ đây rồi
Gặp lại ngày xưa...

Nửa thế kỷ trôi mau
Như bóng ngựa vút qua cửa sổ
Bạc mái đầu
Tóc đã dần thưa...

Áo bạn phai màu xanh chinh chiến
Kính tôi già vài đi - ốp nặng thêm
Bút anh ghi số nhà, số điện...
Run run tay nét cứng, nét mềm !

Riêng chuyện : Nhà cửa, vợ con...
Kể mất người còn
Ai hôm nay không về họp mặt
Mộ năm đầu mấy chục năm tròn ?

Gác lại ngoài sân chức, hàm, học vị
Danh toại, công thành nhiều, ít chẳng sao
Kể chỉ khổ nghèo, vút xa phú quý
Rượu mừng nâng lên nóng ấm mây... tao... !

Tha thiết mong tìm về bạn cũ
Bạn cũ đây rồi
Trường xưa một thuở
Nào, can chén dĩ thời... !

21-5-2000

(1) Mượn lời bài nhạc Ngày về của Hoàng Giác

TRẦN LÊ VĂN

Ngày xuân đọc thơ Tú Xương

Kỷ niệm 130 năm sinh nhà thơ Tú Xương

Buồn quá cho nên bất tiếng cười
Tiếng cười vang vọng đến muôn nơi
Thời Tây vô số trò nhăng nhố
Đủ về nên tranh giễu cợt đời

"Quanh năm buồn bán ở mom sông"
Thương vợ hai vai nặng gánh gồng
Ngán mình "ba chữ nghèo ngao" mãi
Chẳng thể vì ai đến đáp công

"Dán ngay lên cột" bài thơ Tết
Ông Tú vui nghe bà phẩm bình
Rằng "hay hay quá !" bà khen ngợi
Hồn thơ ông bay tít mây xanh

HỒNG CHINH HIỀN

Tìm em trong ngày xuân

Ngày xuân
Ta như quả pa-pao
Bay qua rồi bay lại
Từ tay em là hoa
Đến tay anh là trái

Từ tay em là cái
Đến tay anh là con
Anh tìm trong hơi còn
Biết có hay không có !

Cái núi mình lấm đá
Anh lật hết đá coi
Cái rừng mình lấm cây
Anh cũng lay hết cội

TẠ HỮU YÊN

Ngọt ngào xuân

N gựa hồng đi nước kiệu
Thong dong chẳng đường xa
Áo em bay rất điệu
Nét hoa trong rừng hoa.

Phiên chợ xuân đầu năm
Bao nhiêu là chờ đợi
Trăng khuya lên với vợ
Đêm bạn tình gặp nhau.

Tiếng khèn buông mê mải
Nỉ non đến nao lòng

NGÔ QUÂN MIỆN

Tiếng tù và

Chiều quê, ai thổi tiếng tù và
Nhu tiếng ngàn năm gọi rất xa
Nhu tiếng công chiêng ngày Đền đất
Anh Sơn Tinh và em Ngọc Hoa (*)

Tiếng tù và thổi. Trống và loa
Rượu rót sừng trâu, men nếp hoa
Lễ hội khăn xanh và áo đỏ
Hôm nay tương tư về hôm qua

Tiếng tù và thổi dọc triền đê
Mục đồng thông thả dắt trâu về
Nghe gọi đàn xa, bà gọi cháu
Xóm thôn quần tụ, ấm bờ tre

Tiếng tù và thổi, gió vi vu
Tán bành như lửa giữa sương mù
Người về quê cũ nghe hơi gió
Chợt sáng bừng lên một ấu thơ.

(*) Công chúa Ngọc Hoa, con vua Hùng, vợ Sơn Tinh

XUÂN HOÀI

Phong lan

Nếu không mang về phố
Hương sắc kỳ diệu này
Hoa nở như không nở
Rừng sâu mấy ai hay

Nếu chỉ cây và cây
Những vùng rừng hoang vắng
Hương sắc trời ban tặng
Cho phong lan cũng thừa

Sinh ra trong nắng mưa
Rừng nào không biết nữa
Góc phố cao đến ở
Đẹp như chưa bao giờ...



Ảnh PHAN HỮU ĐÓ

Thiếu nữ Giao

Từ San Chua, Xứ Chải
Từ Sủ Phán, Hầu Thào
Từ Nậm Sài, Xa Phú
Hỏi em đâu, em đâu ?

Lửa đốt cháy tim anh
Anh phải bay phải chạy
San Sả Hồ, Má Tru
Tả Phìn, Giảng Ta Chải⁽¹⁾

Cái môi em nói vậy
Khiến cho lòng ta thương
Cái mắt em nhìn vậy
Là không để ta buồn

Thương em ta để lòng
Nhớ lời em nhắn nhủ
Ta học sáng chữ rồi
Giàn gìn⁽²⁾ ta đã nhỏ ?

Em là thơm hạt gạo
Em là lạ chum hoa
Tìm em dù nát đá
Trên đường xa rất xa.

(1) Các địa danh thuộc tỉnh Lào Cai

(2) Cây thuốc phiện

Sao mà đây ầu yếm
Những đôi tay ôm vòng.

Chín mong những đôi môi
Đang vào thì xuân sắc
Môi mọc những nụ cười
Đốt tìm nhau - đôi mắt.

Xuân ngọt ngào đến thế
Vây những đôi bạn tình
Họa mi rồi sẽ kể
Những lứa đôi bán mình.

LƯU TRÙNG DƯƠNG

Những trò chơi tuổi nhỏ

(Thay lời các cháu nhỏ của tôi)

Em chưa được ra nước ngoài
Không biết rõ những trò chơi tuổi nhỏ
Ở Ma-li, Thụy Điển, U-ru-goay...
Nhưng, đọc sách, xem phim, nhìn các bạn
vui chơi,

Em có điều thích thú
(mà các cô, các chú
chắc cũng bỏ qua thôi) :

Đã bao lần em tự hỏi, rất vui :
Sao thế nhỉ ? Sao những trò chơi
Của tuổi nhỏ ở nước này nước nọ,
Ở rất xa nhau mà rất giống nhau
Như chung một xóm làng, đường phố ?

Bạn nhỏ ở sa mạc châu Phi
Cũng thích những hòn bi
Như bạn nhỏ quê em miền hải đảo.
Và cánh diều trên làng em vì vu thổi sáo
Có rú rê, có hò hẹn những cánh diều
Nhật - Bản, Xy-ry ?

Em ước gì có cuộc thi đánh đáo, đánh bi...
Của cầu thủ tí hon trên toàn thế giới !
Em sẽ đặt tên "Thế vận hội những trò chơi
tuổi nhỏ" !

Đó sẽ là mùa Đại hội
Vui nhất xưa nay !
Đó sẽ là mùa Đại hội
có nhiều tiếng reo hò, cổ vũ nhất xưa nay !
Là ngày hội của Tuổi Thơ, Tình Bạn,
Niềm Vui !...

Hoan hô những trò chơi ở đâu cũng có chung
khuôn mặt !
Hoan hô những trò chơi giữ mãi tuổi thơ cho
trái đất !...

Đà Nẵng một mùa vui

HÀ MINH ĐỨC

Gió

Đêm qua
Gió đã trở về
Đánh thức dây trong anh nỗi nhớ
Gió có về bên em ?

Con gió lang thang
Gió đưa cánh chim về với phương Nam
Và con thuyền đến nơi hò hẹn
Gió thích reo vui và rung hoa trái
Lấy thơm hương thơm của những vườn cây

Gió bóng bệch cho mái tóc bay
Gió lộng thổi cho dập dờn bóng nắng
Gió tìm thấy nơi em sức sống
Để riêng em bồi rồi ngưng ngừng

Ai thả hương cho gió
Ai giải nắng cho cây
Cám ơn gió
Đã đưa hồn em về với chốn này.

CẢM NHẬN HÀ LAN

MAI THÚC LÂN

ĐOÀN chúng tôi đến Amsterdam - Hà Lan vào một buổi sáng đầu tháng 10. Trời lạnh và mù. Sân bay Schiphol tuy không to đẹp bằng sân bay Dubai hay Paris nhưng cũng khá hiện đại và nhộn nhịp. Các ban phụ trách đối ngoại của Quốc hội Hà Lan và anh Đinh Hoàng Thắng, Đại sứ nước ta đón đoàn tại nhà khách sân bay và đưa thẳng về thành phố La Hay. Ở Hà Lan, Amsterdam là Thủ đô, nhưng là Thủ đô kính tế, thương mại, dịch vụ, còn các cơ quan Quốc hội, Chính phủ và cả Nữ hoàng đều đóng ở thành phố La Hay, cách Amsterdam 60 km, nơi có Tòa án Quốc tế xử các tội phạm chiến tranh, diệt chủng. Chúng tôi được bố trí ở Khách sạn Des Indes ngay trung tâm thành phố. Chương trình làm việc của Đoàn đã được ban bố từ rất sớm, giờ nào việc ấy ngay từ hôm đoàn đến. Ngoài các buổi chào xã giao ông Chủ tịch Thượng viện và bà Chủ tịch Hạ viện, hội đàm với đoàn đại biểu Hạ viện, dự chiêu đãi của ông Phó Chủ tịch thứ nhất Hạ viện, còn có các buổi làm việc với Bộ Ngoại giao và Bộ Kinh tế, thăm cảng Rotterdam, thành phố Enkhuizen, nơi có đập ngăn biển nổi tiếng Afsluidijk, Thủ đô Amsterdam, Bảo tàng Van Gogh và gặp gỡ cán bộ, nhân viên Đại sứ quán, sinh viên Việt Nam và Việt kiều ở đây.

Điều lý thú và gây ấn tượng sâu sắc với chúng tôi trong chuyến thăm Hà Lan là thái độ chân thành, thẳng thắn, tinh thần hợp tác, thông cảm của các thượng nghị sĩ, hạ nghị sĩ cũng như các quan chức trong Chính phủ đối với công cuộc đấu tranh của nhân dân ta trước đây và công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế, xã hội hiện nay. Đoàn của ta chỉ có ba đại biểu Quốc hội: Tôi, anh Nguyễn Xuân Thiết, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc và chị Phan Lệ Hồng, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo tỉnh Sóc Trăng. Theo chương trình, ban cũng bố trí một đoàn ba đại biểu của Hạ nghị viện gồm ông Phó chủ tịch thứ nhất, một đại biểu thuộc Ủy ban Đối ngoại và một đại biểu thuộc Ủy ban Kinh tế - Tài chính làm việc với đoàn ta. Thời gian hội đàm ấn định là một giờ từ 16 giờ 30 đến 17 giờ 30. Nhưng khi bước vào hội đàm thì phía bạn không những chỉ có ba đại biểu đã ấn định mà còn có thêm năm thượng nghị sĩ, hạ nghị sĩ, quan tâm đến Việt Nam cũng tới



Đoàn đại biểu Quốc hội Việt Nam trước trụ sở Tòa án Quốc tế La Hay

đại. Họ đến một cách tự nhiên, không câu nệ, chăm chú lắng nghe và đưa ra nhiều câu hỏi, nhiều vấn đề để trao đổi, thảo luận.

Sau khi nghe thông báo tình hình, một bà tự giới thiệu là thượng nghị sĩ thuộc Đảng Dân chủ Thiên chúa giáo phát biểu hoan nghênh những thành tựu của nước ta và đề nghị đoàn ta cho biết kinh nghiệm và giải pháp nào của Việt Nam trong việc đưa tỷ lệ đói nghèo xuống còn 11% và việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước. Bà ta cho đó là những kết quả rất đáng trân trọng trong lĩnh vực xã hội, giáo dục của Việt Nam. Một bà khác thuộc Đảng Dân chủ Xã hội hỏi về tình hình thất nghiệp và vấn đề tư vấn pháp luật của Quốc hội Việt Nam được tổ chức như thế nào. Có một ông là giáo sư đại học nêu ra ba vấn đề: Một là khi Việt Nam chuyển qua nền kinh tế thị trường, thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp thì lao động trong các doanh nghiệp này phải rút đi, vậy phải giải quyết việc làm ra sao; hai là việc giáo dục đại học ở Việt Nam được tiến hành thế nào, Nhà nước có chính sách gì để phát triển mạng lưới giáo dục đại học và trên đại học; ba là diễn biến

tình hình lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long và công tác cứu trợ.

Những vấn đề mà các đại biểu Hà Lan đặt ra chúng tôi có theo dõi và quan tâm nhiều đến tình hình Việt Nam. Và đoàn ta cũng đã nêu bật những chính sách, biện pháp của Đảng và Nhà nước trong việc giải quyết những khó khăn từ một nền kinh tế bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Bạn đã tỏ ra thông cảm và khâm phục ta đã vượt qua những khó khăn và đạt được những thành tích tốt đẹp, đồng thời khẳng định sự tiếp tục viện trợ của Hà Lan cũng như khuyến khích các nhà đầu tư Hà Lan vào làm ăn ở Việt Nam. Cuộc hội đàm trở nên sôi nổi, kéo dài đến quá 18 giờ. Ông Phó Chủ tịch Hạ viện đã phải đề nghị tạm dừng và sẽ tiếp tục trao đổi trong buổi chiêu đãi ngay sau đó. Đáng chú ý là trong các buổi làm việc, không phải bạn chỉ có nghị ca, thông cảm mà họ cũng đã đề xuất đến những hạn chế về pháp luật, về cơ chế, về vấn đề tham nhũng ở nước ta một cách khá cụ thể và thẳng thắn, nhất là trong các lần gặp đại diện Bộ Ngoại giao và Bộ Kinh tế.

Do Đại sứ quán ta không có ai nói

thao tiếng Hà Lan nên phải nhờ anh Seep Lihooy, một chuyên gia người Hà Lan từng làm việc cho các dự án của UNDP và WB tại Việt Nam làm phiên dịch cho đoàn. Seep có vợ người Việt Nam, quê ở Hà Nội và anh ta nói tiếng Việt rất chuẩn. Seep làm việc rất nhiệt tình, cẩn thận, chu đáo và đã góp phần quan trọng vào việc chuyển tải nội dung hội đàm của hai đoàn đại biểu Quốc hội hai nước và những cuộc tiếp xúc thường xuyên của đoàn ta với nhiều đối tượng ở nước bạn. Tôi có hỏi Seep là anh học tiếng Việt từ bao giờ và nhờ đâu mà anh nói tiếng Việt chuẩn như vậy. Seep cười tiết lộ là khi anh quen và yêu cô gái Việt Nam gốc Hà Nội và hiện nay là vợ anh, anh đã đến chơi nhà người yêu và đã được bà mẹ vợ tương lai đưa ra hai điều kiện để được làm rể nhà bà: thứ nhất là phải học nói tiếng Việt cho thạo và thứ hai là cưới phải hoàn toàn theo phong tục Việt Nam. Thế là anh phải lo học tiếng Việt do người yêu dạy cho, đồng thời chịu khó học trong giao tiếp với bất cứ người Việt Nam nào khi làm việc, khi mua bán, khi đi dạo chơi... Và nhờ đó anh đã nói thạo tiếng Việt rất nhanh. Do công việc, Seep đã đi đến nhiều địa phương của Việt Nam nên anh còn tỏ ra rất am tường phong tục tập quán Việt Nam. Hôm chia tay ở Amsterdam, Seep bảo chỉ kịp ghé lại nhà một hôm để hôm sau phải bay sang Việt Nam và lên tận Gia Lai thăm tra một dự án về trồng rừng ở đây. Đó là một người Hà Lan để lại trong tôi rất nhiều ấn tượng về lòng nhiệt tình, sự khiêm tốn và phong cách đối xử tinh tế...

Nhân dân Hà Lan tự hào về công sức của nhiều thế hệ đã đắp đê ngăn biển, cải tạo một vùng đất thấp dưới mặt biển trở thành một vùng đất canh tác trù phú màu mỡ và những đô thị hiện đại; về Cảng Rotterdam lớn nhất thế giới; về nền thể thao với đội bóng đá "con lóc màu da cam"; về xứ sở của hoa tuy luy và đàn bò sữa nổi tiếng thế giới.

Hôm chúng tôi đến thăm cảng Rotterdam trời rất đẹp. Nắng vàng và gió hơi lạnh lạnh, cứ có cảm giác như mùa thu Hà Nội. Ông Ivo Blom, phụ trách quản lý Cảng đồng thời là đại diện Ủy ban thành phố đưa chúng tôi đi thăm cảng bằng một chiếc tàu du lịch. Đó là một ông già quốc thước, râu tóc bạc phơ tự hào nói với đoàn Việt Nam là ông đã từng cộng tác với nhà đạo diễn và quay phim nổi tiếng Gioric Iven của Hà Lan, người bạn lớn và cũng là công dân danh dự của Việt Nam. Cảng Rotterdam chạy dài 25 km trên sông Ranh. Hai bên bờ cơ man là căn cứ, là bãi công tạc, là khách sạn, nhà hàng, là các nhà máy lọc dầu, hoá dầu. Dưới sông là tàu thuyền, có những con tàu hàng trăm nghìn tấn, là các ụ sửa chữa tàu. Theo giới thiệu của ông Ivo thì hàng năm cảng bốc dỡ 310 triệu tấn hàng hoá, thu trên 200 triệu USD, đạt công suất và hiệu quả cao nhất các cảng trên thế giới.

Rotterdam là thành phố phía nam, còn Enkhuizen thì ở phía bắc của Hà Lan. Từ Rotterdam qua La Hay, qua Amsterdam lên Enkhuizen hai bên đường là những đồng cỏ bát ngát, có rất nhiều bò, cừu thành thoi gặm cỏ và chơi đùa nhón nhơ. Phong cảnh thật là thanh bình và nên thơ. Lại có một vùng trồng hoa, rau quả trong nhà kính; những cái nhà kính rộng hàng hecta và chính tại đây đã sản xuất rau và hoa quả bán khắp Châu Âu và nhiều nước khác trên thế giới. Nông nghiệp nhà kính của Hà Lan đã đạt đến đỉnh cao của hiện đại hoá và thu nhập rất cao, nhưng giá trị nông nghiệp cũng chỉ chiếm xấp xỉ 4% GDP của nước này. Ở Enkhuizen chúng tôi được ông phụ trách Trung tâm Thông tin quản lý nước Navi-duct giới thiệu về các ông trình ngăn biển thành các hồ rồi cho rút nước ra để cải tạo đất mặn thành đất canh tác. Trước đây, việc này do nông dân hợp tác tự làm, còn sau này thì do Nhà nước đầu tư thực hiện rồi bán hoặc cho nông dân thuê đất. Đất Hà Lan một phần không nhỏ thấp dưới mặt biển, ngay như sân bay Schiphol ở Amsterdam cũng thấp dưới mặt nước

VŨ TÚ NAM

Chào tiền thế kỷ XX

NHƯ giấc mộng
Nhu tòa lâu đài vô hình
Thế kỷ trôi trong máu và nước mắt
Trôi giữa hai bờ Anh hùng và Gian ác
Tiếng chim vô tư riu ràn
Trên lớp trái chín rụng nát
Cánh bướm rực rỡ hiện lên bên kén sâu
Hoa bùng sáng giữa chiến trường sụp đổ
Trẻ thơ chấp chững đi
Theo bóng cha ông

Thế kỷ là thế đó
Mộng - thực
Thật - giả
Tử - sinh
Chẳng có gì vô nghĩa ở đời này
Từ cái chết nảy ra sự sống
Rối sự sống nhân lên sự sống
Thời gian có khi nào cũ
Con người luôn theo cái Thiện vươn lên
Thế kỷ cuốn trôi mạnh mẽ
Thúc giục sức mới vững bền

3-2000

BẢO ĐỊNH GIANG

Màu hoa

TINH khiết màu hoa - cánh áo tiên
Đẹp chum huệ trắng lúc sang đêm.
Giáo thừa nhớ Bắc năm nao ấy
Thơ chúc Xuân vui - ấm trước đèn.

Nhè nhẹ hương bay tỏa khắp phòng
Vui mùa đất nước đã tàn đông.
Bác ơi! huệ trắng khu vườn cũ
Chắc cũng nhớ Người trở trắng bông!



biển 4m. Nhưng đến bây giờ thì người ta không rút nước ra để cải tạo thành đất canh tác nữa vì trình độ thâm canh đã lên cao, diện tích đất cho sản xuất nông nghiệp không cần nhiều; mặt khác để bảo vệ môi trường và phát triển du lịch nên các hồ chứa nước được giữ lại để cho khách đến du ngoạn trên hồ bằng thuyền. Chúng tôi đến tham quan một âu thuyền và ngó ngang trước một khung cảnh trời, nước, tàu thủy, thuyền buồm, lâu đài và những cột cánh quạt phát điện bằng sức gió xếp thành một hàng dài vươn thẳng lên trời cao. Xa hơn là đồng cỏ, điểm xuyết đôi chiếc cối xay gió thời trung cổ, tất cả đã tạo nên một bức tranh vừa cổ kính, vừa hiện đại...

Người nước ngoài đến Hà Lan ít ai là người không đến thăm đập ngăn biển Afsluitdijk, được coi là một kỳ quan vì quy mô to đẹp của nó. Không biết có đúng không nhưng nhiều người bảo là những nhà du hành vũ trụ nhìn xuống quả đất chỉ thấy được hai công trình do con người tạo nên là Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc và đập ngăn biển này. Chiếc đập dài 32 km, vắt qua biển nối liền hai miền đất của Hà Lan được xây dựng từ tháng giêng năm 1927 cho đến tháng 5 năm 1932 thì hoàn thành. Theo giới thiệu thì ý tưởng xây dựng chiếc đập này đã có từ thế kỷ thứ XVII, nhưng mãi đến năm 1918, nhà kiến trúc Cornelis Lely mới đưa ra một kế hoạch hoàn chỉnh cho việc xây dựng đập. Đến khi làm Bộ trưởng, ông Lely đã khởi công xây dựng công trình vĩ đại này; nhưng rồi ông mất vào năm 1929 khi đập chưa hoàn thành. Để tưởng nhớ công lao của ông, người ta đã dựng tượng ông đặt trên một bệ cao ở đầu đập phía nam, trên bệ có khắc tên ông "Lely (1854 - 1929)". Chúng tôi đã đến trung tâm con đập, leo lên Đài tưởng niệm, đi qua một chiếc cầu vượt để lên hân mặt đập nhìn ra phía biển. Ở đây gió lồng và rét, chỉ thấy một bên là biển, một bên là hồ, ở giữa là đập và con đường cao tốc, xe ô tô các loại liên tục qua lại. Quả là một công trình kết hợp nhiều mặt: thủy lợi, giao thông, bảo vệ môi trường, tham quan du lịch. Nhưng cái đáng nói là với đập Afsluitdijk đã cho thấy sức sáng tạo và năng lực lao động của nhân dân Hà Lan trong công cuộc chinh phục thiên nhiên để đem lại cuộc sống tốt đẹp cho mình. Còn ở La Hay, thành phố rất yên tĩnh, thành phố của cơ quan, công sở; ngược lại ở Amsterdam người rất đông đúc, đúng là một trung tâm thương mại, dịch vụ, du lịch. Người các nước về du lịch ở đây chen chúc trên các đường phố, quảng trường, công viên. Bảo tàng Van Gogh người vào xem kín cả các phòng tranh, im lặng chiêm ngưỡng từng bức tranh của nhà danh họa tài hoa nhưng sống một cuộc đời gian khổ và tự kết liễu đời mình ở tuổi 37. Hà Lan tự hào về các danh họa Van Gogh và Rembrandt...

Xã hội Hà Lan cũng có những mặt trái không tốt đẹp của một nước tư bản lâu đời. Hà Lan là nước đưa vào luật pháp cho phép kinh doanh mãi dâm và cũng cho phép sử dụng ma túy với liều lượng hạn chế(!). Và ngành kinh doanh thân xác phụ nữ tại đây đã ở vào mức độ trống rỗng, có thể nói là kinh khủng khi đi qua những khu phố mà trong các nhà kính, các cô gái mãi dâm Âu có, Á có gần như khoả thân phô diễn và chào mời khách một cách hết sức lộ liễu. Đây phải chăng là quyền con người mà các nhà lý luận của chủ nghĩa tư bản thường lên tiếng bênh vực!

Thời gian ở Hà Lan của chúng tôi không dài và cũng không có đủ điều kiện để tìm hiểu sâu thêm về những vấn đề quan tâm. Nhưng bốn ngày ở Hà Lan đã để lại trong tôi những cảm nhận về đất nước, con người ở đây, một đất nước đã có những thương thuyền và thương nhân đến nước ta từ thế kỷ XVI, XVII và đã từng là thực dân thống trị nước Indonêsiya rộng lớn, một đất nước đã có quan hệ ngoại giao với nước ta từ năm 1973 mà nay chúng tôi mới có dịp đặt chân tới.■

Tháng 10 năm 2000.

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)



Minh họa của ĐỖ DỪNG

LÍNH QUÂN Y

Truyện ngắn của TRUNG TRUNG ĐÌNH

TÔI được ông Ba Sang gọi lên lán của ông để nhận nhiệm vụ. Thực lòng tôi chẳng ưa gì tình ông, một ông già khó tính, mặt lúc nào cũng lấm lấm, lì lì, khô như củi. Ngoài bốn mươi tuổi mà ông vẫn chưa có "thời cơ" lập gia đình, phần vì hoàn cảnh chiến tranh, quanh năm suốt tháng ở phía trước. Phần vì bản tính ông khô khan thế nên rất khó gần phụ nữ. Nghe đầu trước khi được về Nam chiến đấu, ông cũng có mối tình khá sâu nặng với một cô giáo rất xinh ở Hà Nội, nhưng khổ nỗi chỉ vì ông biết yêu mà lại không biết thổ lộ tình yêu, nên cuối cùng người ông yêu sa vào tay một tay bạn thiết, hôm ông dẫn tay ấy tới thăm cô nàng. Kể từ sau cái ngày đáng buồn ấy, ông không còn có cảm tình với bất kỳ người con gái nào nữa.

Áy thế mà khi cậu cộng vụ của ông tới gọi tôi thì trung đội trưởng Chín Thung của tôi lại bảo: "Tao biết tổng nhiệm vụ chi rồi. Mì phải nhận đó nghe. Cứ nhận đại đi, rồi về tao nói cho mà hay sau!". Quái lạ cái nhà anh Chín Thung này! Tôi thấy cái sự ầm ố của anh mới rõ là nhằm nhì, vì tôi là lính, làm sao dám từ chối lệnh của cấp trên mà xui nhận với lại không nhận! Vậy nên tôi mới hỏi anh: "Anh nói gì lạ? Anh biết nhiệm vụ gì không mà cứ nói càn?" - "Thì mày cứ tới đó khắc biết!". Thế đấy! Nói thế thì còn nói làm quái gì? Tôi là y tá của đơn vị, tất nhiên nhiệm vụ thế nào chả dính dáng đến nghiệp vụ chuyên môn, nhưng đây tôi muốn hỏi là hỏi ở cái ý khác, ngoài chuyên môn kia, mặc dù tôi vẫn tự biết, cái thú chuyên môn tạm thời mà tôi phải gánh là do thân làm tôi đời bởi tôi đầu có yêu nghề y. Tôi luôn tự nhận mình là một y tá bất đắc dĩ. Chả là sau trận đồn Chè, tôi ngồi buồn, ti tấy mủ túi thuốc chiến lợi phẩm của đơn vị ra xem, tình cờ thấy có quyển sách "Cẩm nang y tá", liến mọ mẫm đọc. Té ra cái sự tiêm chích theo như trong sách này dạy cũng chẳng phải khó khăn gì cho lắm. Mà ngay cả cái việc chẩn đoán các căn bệnh thông thường, thực ra cũng đơn giản. Ví như muốn tiêm chích một loại thuốc có dấu thì nhất thiết phải lược thuốc lên, rồi tiêm vào mông. Sau khi phóng mũi kim xuống, phải rút ngược lên một tí, coi xem có máu không. Nếu có máu hút theo có nghĩa là ta đã chích trúng động mạch, cần phải kéo nhanh mũi kim lên đầu hoặc nhấn sâu xuống, rồi lại thủ coi xem máu có còn hút theo thuốc lên xa-ranp nữa không. Nếu máu hết theo lên tức là không nguy hiểm nữa, tiêm được rồi đấy. Còn nếu dùng kháng sinh thì nhất thiết phải thủ phản ứng trước khi tiêm. Bệnh nào cũng có nguyên nhân và cách chữa trị. Tìm được nguyên nhân thì chữa trị đơn giản, cứ theo ba-rem liều lượng có sẵn, thế là ổn. Thằng Đào kêu đau bụng, rờ vô hồ chậu phải cu cậu giật thót lên. Tôi bảo đau ruột thừa, phải đưa nó đi cấp cứu ở trạm xá gấp. Thế mà trúng chóc. Cũng vì có vụ đau ruột thừa của thằng Đào mà tôi có dịp làm quen với trạm xá. Nói tới trạm xá tức là nói tới cái sự tươi đời vì ở đây lúc nào cũng vừa có nếp lại cũng vừa có tẻ!

Người tôi được làm quen đầu tiên là y sĩ Thu. Chị Thu tiếp nhận thương bệnh binh ở phòng cấp cứu, sau khi hỏi ý chớp nhoáng với bác sĩ Long, họ đi đến kết luận là phải mổ ngay. Tôi được họ mời phụ mổ. Đến nước này tôi phải thủ nhận trình độ chuyên môn *giẻ rách* của mình. Cả bác sĩ Long lẫn chị Thu đều không tin, họ bảo lúc này không cần khiêm tốn. Té ra cái sự phụ mổ cũng chẳng có gì ghê gớm lắm. Tôi đứng cạnh chị Thu, tiếp tay cho chị những thủ đạo kéo bông gạc khi anh Long cần. Sau ca mổ, tôi được chị rủ xuống bếp gac nuôi... tu tôi. Ấy là món chè đỗ xanh nấu với mật ong. Lần đầu tiên được chén món này, tôi thấy ngon và thơm vô cùng. Còn anh Long thì thậm chí không thêm ăn. Anh bảo chỉ cần nhắc đến đỗ xanh là anh đã ón dưng tóc gáy! Chẳng là nằm ngoài trạm xá được trên cấp đầu xanh thay gạo, ca tháng trời ăn tuyến đầu xanh nên anh ngán đến tận bây giờ. Hôm rời bệnh xá về, chị Thu gởi tôi một lít mật ong và một túm đỗ xanh, bảo "biểu anh Ba Sang", tôi mới biết ông Ba đầu phải chú người gố. Chị Thu bảo chị với "anh Ba" là đồng hương. Biết vậy, tôi chẳng bình phẩm gì. Tôi thấy chị nói tiếng Huế hay Trị Thiên gì đó, còn ông Ba nói rất giọng Quảng, đồng hương Miến cũng còn khó nữa là. Tôi nghĩ, nếu ông Ba mà "vớ" được bà Thu này, thì đời ông coi như được đền bù xứng đáng. Chị Thu người mảnh dẻ, nhưng không phải cái mảnh dẻ yếu điệu, yếu đuối. Chính sự mảnh dẻ của chị lại toát lên vẻ cứng cỏi, kẻ cũng có hơi khô, nhưng bù lại, nghe chị nói ta có cảm giác chị đang thì thầm từ đầu đó, một thứ giọng ngân nga như chuông lại vừa trầm ấm, gần gũi.

- Em nói anh Ba đừng gởi chị cho chị nữa, nghen.

Đây, giọng chị đấy, chỉ cần nghe là ta không có cách nào khác mà không "đạ".

- Dạ. Tôi ngoan ngoan nói.

Tôi hồi ấy mới mười chín, hai mươi, lại mới vào chiến trường, mới tham gia đánh đấm được dăm trận lẻ tẻ, mới đủ mọi thứ nên thấy cái gì cũng lạ, cũng hong hóng nghe, hong

hóng theo dõi, và cả hong hóng suy nghĩ nữa. Về tới đơn vị, tôi kể lại chuyện đó với anh Chín Thung. Anh Chín là người Quảng, cùng quê với ông Ba Sang. Đã nhiều lần anh muốn cho chị Thu tìm hiểu ông Ba nhưng cả anh cũng là người vùng, chỉ biết nói với chị rằng, anh Ba Sang là người tốt! Nói thế thì ai chả nói được? Chả lẽ anh em chúng tôi là người xấu hết à? Thật khó lọt lỗ tai tôi chứ chưa nói gì tới tai chị Thu. Và lại, nghe đồn chị Thu cũng lắm chuyện lắm. Chị chỉ thích yêu mấy anh bộ đội miền Bắc, có học thức cao, lại trẻ tuổi. Chính anh Chín có lần bảo với tôi rằng, chị Thu mê tay Long bác sĩ, nhưng tay Long đã có vợ, có con nên cứ tránh chị, mặc dù hai người ở gần nhau. Tôi nghiêm thấy có lẽ đúng. Anh Long tỏ ra khá lạnh lùng với chị Thu, một điều "cô", hai điều "cô", ngay cả khi chêm món chè anh cũng có cái vè của người né tránh. Còn chị Thu thì cứ như không: nhe nhàng, gần gũi và hơi cam chịu.

Hôm tôi đem mật ong và đỗ xanh của chị Thu về trao cho ông Ba Sang, ông tra hỏi tôi rất nhiều, rằng: Thu có nói gì với em không? Thu có bảo bao giờ thì đi với đội phẫu ra phía trước không? Thu không viết cho anh chữ nào à? Tôi bất thốt được tình cảm của thủ trưởng nên cứ ầm ố kể rằng, chị ấy chỉ hỏi thủ trưởng có khỏe không, có hay buồn, hay cầu với anh em không thôi. Ông Sang ngồi thủ ra một lúc rồi bỗng đưa cho tôi chỗ đỗ xanh và mật ong ấy, bảo đem về nấu chè cho anh Chín và anh em trung đội trình sát cùng ăn. Tôi chả đại gì không nhận. Về đến nơi, đem "chiến lợi phẩm" ra khoe, anh Chín mắng tôi một trận lên bờ xuống ruộng, rồi mới nói: "Mày đừng bộp xộp, ông ấy hàm hàm nhưng tốt bụng cực kỳ, đừng để nhiều người hay chuyện, ông ấy nhụt chí". Tôi tất nhiên là "Vâng".

Bằng đi một thời gian vì bao nhiêu công chuyện, hôm nay ông Ba Sang lại nhớ tới tôi mà gọi, hẳn có chuyện gì đây? Tôi mong sao mọi điều đến với ông và chị Thu được suôn sẻ. Và tôi tự dung cảm thấy người người thương ông, lại cũng phát hiện ra ông đâu phải người khô như củi mà thỉnh thoảng anh em lính tráng chúng tôi cứ hay đem ra bình luận.

Tôi vừa lội qua suối thì đã thấy anh chàng cộng vụ của ông Ba Sang đón ngay trên bờ. Đó là một thanh niên dân tộc Bah Nar có giọng nói cũng, rất khó nghe: "Thủ trưởng biểu tui chờ anh", anh ta nói từng tiếng một. "Có chuyện gì quan trọng không?", tôi hỏi. Anh ta bảo rằng, thủ trưởng bố trí cho tôi tới trạm xá học một thời gian để về làm y tá chính thức cho đơn vị. Tôi nghe mà ngán ngẩm. Thực lòng, tôi đâu có mê cái nghề ấy. Chẳng qua vì lúc rồi tôi tò mò tìm hiểu, rồi khi bí thì ra tay, bây giờ đến nước này rõ là thân lấm tôi đời rồi! Anh bạn cộng vụ khoác súng đi trước, bảo tôi theo

sau. Tôi buồn bã ra mặt, trong lòng chỉ nghĩ tới chuyện phải từ chối thế nào để ông ta hiểu, đừng bắt tôi đi học. Nhưng tôi đâu có nghĩ được điều gì cho mạch lạc?

- Anh Bình. Thủ trưởng biểu tui dẫn anh vô đây.

Tôi sững lại trước cửa một căn nhà hầm nhỏ, có biển đề "Quân y đơn vị". Chẳng lẽ chuyện đã gọn ghẽ thế này rồi sao? Chẳng lẽ ông ta không cần hỏi xem nguyện vọng của tôi? Nghĩ thế, người tôi giật run lên, nhưng chân vẫn cứ bước vào. Tôi không ngờ chị Thu đang ngồi đó, trước cái bàn ghép bằng phen nữa, cùng cái túi Quân y. Thấy tôi vào, chị ngẩng lên nhìn tôi, mặt đầy nước mắt. Rồi bỗng chị lao tới, ôm chầm lấy tôi, vừa nức nức khóc, vừa nói:

- Em ơi! Chị em mình bị người ta đánh tráo cho nhau rồi!

Tôi không hiểu. Không tài nào hiểu được đánh tráo cái gì và ai là người ta?

Té ra ông Ba Sang không phải là chủ người gố. Chính âm mưu này do anh Chín lập ra, sau này tôi mới biết. Anh Chín đã tới trạm xá gặp bác sĩ Long, kể về tình yêu của ông Ba Sang với chị Thu, rồi anh đề nghị anh Long, nếu thương chị thì nên cho chị chuyển về đơn vị chúng tôi, để hai người có dịp gần nhau, vì cả hai cùng đều lớn tuổi cả rồi, mà chiến tranh thì chả biết tới bao giờ chấm dứt. Anh Long nghe cũng xuôi tai, có điều, anh đề nghị cho cậu y tá Bình - tức là tôi, ra trạm xá thế chân chị Thu, phải có thêm một y tá nam trẻ khỏe như tôi thì anh Long mới chấp nhận.

Cho mãi tới bây giờ tôi vẫn nhớ gương mặt đen xạm của ông Ba Sang khi ông tới chỗ chúng tôi, bắt gặp cảnh khốc lốc của chị Thu. Ông nói run run:

- Thôi, thôi mà. Không có gì đâu mà. Nếu các đồng chí không ưng thì thôi cũng được kia mà. Ở đây với trạm xá cũng vẫn là một đơn vị, tôi đâu có ép...

Đúng thế. Trạm xá chỉ là một đầu mối của đơn vị. Nhưng tôi đã nhận ra nét mặt quá đau khổ của thủ trưởng Ba, khi ông khê đặt tay lên vai tôi, nói nhỏ: "Tuyệt em thôi mà!".

Không phải tuy tôi, điều ấy tôi hiểu. Nhưng lúc đó nếu tôi từ chối, hẳn từ chối được. Ấy vậy mà tôi đã lại "Vâng" một cách nước đôi, để rồi sau đó phải khoác ba lô về trạm xá thật. Còn chị Thu với ông Ba đã thành vợ chồng sau đó nửa năm, đúng vào dịp tôi được nhận bằng y tá, trước Tết ta vài ngày, trước khi toàn đơn vị được lệnh vào chiến dịch lớn. Đám cưới của họ, nói như anh Chín Thung là lấy vợ làm gốc, món ăn chỉ có độc một nồi quân dụng lớn chè mật ong nấu với đỗ xanh, do chính anh Chín vừa là anh nuôi vừa là trưởng ban tổ chức nấu, ai ăn được bao nhiêu thì tùy khả năng mà mức.■

N GƯỜI con gái trong bức ảnh *Cầu người* nở nụ cười rất tươi khi cùng đồng đội kê vai đưa thương binh qua sông. Khi ấy, chị không hề biết mình đang được chụp ảnh. Nụ cười luôn nở thường trực trên môi chị, cả những lúc gian khổ, hiểm nguy, ác liệt nhất. Hơn 30 năm sau gặp lại, thời gian tàn phá không ít vẻ đẹp thanh xuân của một thời, nhưng tôi vẫn nhận ra chị nhờ nụ cười. Phải, chính là chị - người nữ thanh niên xung phong trong bức ảnh *Cầu người* đã từng ngấm mình dưới nước, lấy vai làm cầu cho đồng đội đưa thương binh qua sông. Chiến tranh kết thúc, bỏ vai con gái của chị thêm một lần nữa làm chiếc cầu nối đưa những đứa con đi qua những ngày đất nước đầy biến động, khó khăn. Hơn 30 năm, chắc hẳn gương mặt chị phải già nua, mỗi một hơn nhưng vẫn còn nguyên vẹn đó nụ cười hồn hậu, tươi xinh và lạc quan của một thời làm cầu người cho thương binh qua sông...

Ngôi nhà tập thể C19/1 của chị Giáp Thị Thanh Tiến tại khu phố 2 tổ dân phố 22, phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9 không khó kiếm nhưng tôi phải mất một buổi sáng ở Thủ Đức, vì không mấy ai biết chị. Khi tôi hỏi đường, một bà già hỏi lại: "Chị ấy là vợ của ai?". "Hình như chồng của chị ấy là Năm Hiếu". Bà chỉ vào một ngôi nhà cấp 4 lọt thỏm trong khu vườn tạp. Trời ạ, tôi đã đi ngang qua ngôi nhà này năm lần bảy lượt, giờ mới biết tên người ta mới biết chị. Anh Năm Hiếu đón chúng tôi rất vui vẻ, nhiệt tình: "Đến tôi đi gọi bà về. Bà đang làm việc ngoài xí nghiệp gỗ Hoa Phong". Và cú thế anh giao nhà cho tôi rồi đạp xe đi...

Tôi có dịp quan sát ngôi nhà chị. Đồ vật bày trí trong nhà rất đơn sơ nhưng ngăn nắp, sạch sẽ. Ngôi nhà gợi cho chúng tôi hiểu chủ nhân của nó có một cuộc sống rất thanh bạch. Một lát sau một phụ nữ trạc 50 xuất hiện. Chị nở nụ cười tươi chào chúng tôi. Không cần nói gì thêm tôi cũng biết ngay đó là "Út Thanh Tiến", bởi nụ cười của chị vẫn nguyên vẹn sự tươi tắn, lạc quan như ngày nào ngấm mình trong dòng nước lạnh kẻ vai làm cầu người cho thương binh đi qua...

- Quê tôi ở Mỏ Cày, Bang Tra, Nhuận Phú Tân, Bến Tre, tham gia thanh niên xung phong năm 19 tuổi...

Chị kể về hành trình từ xứ dừa xanh tươi đến cánh rừng miền Đông ma thiêng nước độc, đầy đạn bom ác liệt rồi định cư lại quận 2. Hơn 30 năm, thời gian tham gia thanh niên xung phong vẫn tươi nguyên trong ký ức chị...

Sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng, mẹ chị sẵn sàng ủng hộ đứa con gái út yêu quý của mình tham gia thanh niên xung phong. Từ Bến Tre, chị hành quân lên cánh rừng miền Đông, sẵn sàng đáp lại lời kêu gọi của chiến trường. Dáng dấp mảnh mai, quen được mẹ cưng chiều, chị chưa từng biết đến đi xe, thồ tải... Những ngày đầu tiên làm nhiệm vụ cáng thương, tải đạn, đôi vai con gái của chị

NGƯỜI KHIÊNG CẦU NGƯỜI

TRẦN HƯƠNG

Chị Giáp Thị Thanh Tiến - dưới nước - người thứ nhất từ hàng bên trái đang khiêng cầu người



Vợ chồng anh chị Giáp Thị Thanh Tiến sau 25 năm



sung vũ, nhúc nhối. Chị đã từng trải qua những đêm trong rừng toại thân đau nhức, rêu rã; con đau thể xác cộng hưởng với nỗi nhớ nhà, nước mắt chị chảy ra lạnh lẽ. "Nhiệm vụ càng khó khăn mà mình hoàn thành được mới vinh quang, út à!". Lời dẫn dắt của mẹ trước lúc lên đường khiến chị không cho phép mình bỏ cuộc. Chị giấu biệt đơn vị chúng bệnh tim, lặng lẽ tập xe, lặng lẽ tập thồ hàng tăng dần trọng lượng. Không quen đi xe thồ, nhiều lần chị té sấp trên đường rồi tự gượng dậy. Có khi vì kiện hàng quá nặng, đường dốc chị không gượng được, cả xe và người tuột xuống suối. Cũng không ít lần trên đường tải hàng chị bị ngã xiêu, may mà đồng đội phát hiện đỡ về đơn vị... Bé nhỏ và yếu đuối nhưng vành môi xinh tươi của chị luôn nở nụ lạc quan. Chị có gương mặt sáng rõ như trăng rằm, nhan sắc thời thiếu nữ thách mọi khó khăn, thiếu thốn, bệnh tật trong chiến tranh.

Tôi hỏi:

- Bức ảnh *Cầu người* đã ra đời trong hoàn cảnh nào. Ai đã chụp bức ảnh đó cho chị?

Chị nhủ mảy, cố nhớ lại:

- Tôi cũng không biết mình được chụp ảnh. Thủ thực, lúc đó chúng tôi chỉ lo một điều cốt tử: làm sao đưa được thương binh qua sông. Tôi nhớ đó là thời điểm ác liệt nhất của chiến dịch Mậu Thân. Khi đi, dòng suối còn khô nhưng bạn cáng thương trở về, sau một cơn mưa, dòng suối ngập nước. "Không để thương binh bị thương hai lần". Đó là câu khẩu hiệu của thanh niên xung phong chúng tôi thời đó. Thà chúng tôi chịu ướt, chịu lạnh, chớ các anh đã bị thương, mất nhiều máu mà bị ướt thì rất nguy hiểm. Vậy là đơn vị chúng tôi đi tìm những tấm ván nhà kho của hậu cần còn bỏ lại trong rừng rồi kê vai mình làm trụ cầu cho đồng đội cáng thương binh đi qua... Tôi nhớ hình như lúc đó trên bờ có một đoàn phóng viên của quân đội. Có lẽ một trong những phóng viên mất trận ấy đã rung động trước một cảnh tượng "kỳ lạ" nhưng trở nên quá bình thường, quen thuộc của thanh niên xung phong chúng tôi nên đã ghi máy ảnh ghi lấy. Hết phục vụ chiến dịch này đến chiến dịch khác, cuộc đời thanh niên xung phong cứ trôi đi... Cho đến ngày hoà bình, nhân một cuộc triển lãm ảnh, một đồng đội phát hiện ra tôi trong bức ảnh *Cầu người*. Anh ấy xin một bức tặng cho tôi. Ngắm bức ảnh ấy, tôi vô cùng ngạc nhiên, xúc động. Tôi xin được chuyển lời cảm ơn đến nhà nhiếp ảnh nào đó đã kịp ghi lại sinh hoạt của đơn vị tôi lúc thực hiện chiếc *cầu người*...

Hơn 30 năm, kỷ ức thời thanh niên xung phong vẫn đau đáu trong mắt

chị: "Thời ấy chị em chúng tôi thương nhau lắm, chia nhau từng chén cơm rau lá bướm. Quấn áo thiếu đến nỗi đứa nào ở nhà thì nhường quần dài cho đứa đi phục vụ chiến đấu. Tôi nhớ lần ấy có mấy đồng chí ở Trung ương Đoàn đến thăm đơn vị. Tôi trực ban chỉ mặc độc chiếc quần đùi không dám ra báo cáo. Mấy anh thấy vậy cử một đơn vị bộ đội qua hậu cần nhận vải về may cho chị em. Có được bộ đồ mới, chúng tôi sung sướng vô ngần..."

Năm 1974, chị ra công tác Đoàn Thanh niên huyện Tân Biên - Tây Ninh. Chị lập gia đình cùng anh Hiếu - huyện đội phó. Hoà bình, chị về làm cấp dưỡng tại Học viện Chính trị Nguyễn Ái Quốc. Chồng tham gia bộ đội, một lần nữa chị lại kê vai chống đỡ cho cuộc sống gia đình có ba con nhỏ đầy khó khăn. Chị đã từng cắn răng nuốt lại nước mắt khi cô con gái đầu lòng vì gia cảnh khó khăn phải bỏ học. Đưa con vào trường đào tạo công nhân, chị tự an ủi dù không được học lên cao nhưng con gái chị sẽ phấn đấu trở thành một người thợ giỏi. Cậu con trai kế của chị được tuyển vào công an. Mỗi tháng, hai vợ chồng chị trích phần lương hưu ít ỏi mua vài chục gói mì chất chịu xuống Sài Gòn thăm con. Cậu con trai út đang học trung học. Dù không được khỏe nhưng chị vẫn cố làm thêm ở xí nghiệp gỗ Hoa Phong để có thêm tiền nuôi con ăn học. Không đòi hỏi gì cho mình, chị nói: "Tôi đã quen từng tiếm mà sống qua ngày. Tôi tin những khó khăn về vật chất rồi sẽ trôi qua. Được trở về sau ngày hoà bình, tôi thấy mình đã điễm phúc hơn biết bao đồng đội đã vĩnh viễn nằm lại giữa những cánh rừng. Đưa được các anh chị ấy về nghĩa trang, những người còn sống như tôi mới cảm thấy yên lòng..."

Và cũng thật bất ngờ, nhân cuộc họp mặt nữ thanh niên xung phong do Bảo tàng Phụ nữ Nam Bộ tổ chức, nhiều hình ảnh thanh niên xung phong được đăng trên những trang báo. Nhà nhiếp ảnh Phạm Thịnh nhận ra bức ảnh *Cầu người*, đứa con tinh thần của anh ra đời hơn 30 năm trước. Anh kể: "Năm 1968, tôi là phóng viên của Thông tấn xã Giải phóng, hành quân cùng bộ đội. Đó là thời điểm ác liệt và vô cùng căng thẳng của cuộc chiến tranh. Sau khi giành được thế chủ động, địch phản công quyết liệt. Bom B52, chất độc hoá học ngày đêm trút xuống những cánh rừng. Rồi pháo bảy, pháo chục... Những đơn vị thanh niên xung phong phấn đấu là nữ đảm nhiệm phục vụ chiến đấu và giải quyết hậu quả chiến trường. Những bờ vai con gái liên tục tải lương thực, súng đạn, cáng chiến thương... Trên đầu các chị là đạn pháo. Cái chết dường như hiển hiện trước mắt. Nhưng cũng chưa bao giờ các chị bình tĩnh, lạc quan đến thế. Vâng, phải thật là bình tĩnh các chị mới sáng tạo ra *cầu người* để những thương binh được đưa về tuyến sau kịp lúc, an toàn. Chỉ nụ cười ấy thôi của một người con gái cũng đã nói lên ý chí Việt Nam: Bằng bất cứ giá nào cũng phải chiến thắng giặc ngoại xâm. Đó là nụ cười rất Việt Nam - nụ cười của chiến thắng. Cho đến giờ tôi vẫn không tìm ra ngôn từ nào chính xác và đẹp hơn để thể hiện ý chí ấy. Rất may, nhiếp ảnh đã giúp tôi ghi lại khoảnh khắc tuyệt vời đó..."

Chính tác giả cũng không ngờ "Nụ cười rất Việt Nam" đó được triển lãm ở Tiệp Khắc, Hungari... Nụ cười ấy đã làm rơi lệ bao trái tim nhân ái, giúp bạn bè thế giới hiểu thêm cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Trong khi đó, người chụp ảnh và những thanh niên xung phong trong bức ảnh vẫn mãi miết bám chiến trường. "Tôi vẫn không hay *Cầu người* đã được triển lãm ra nước ngoài". Nhà nhiếp ảnh Phạm Thịnh nói thêm: "Bức ảnh ấy đã đạt nhiều giải thưởng. Nhưng với tôi, không có giải thưởng nào làm mình hạnh phúc hơn khi từ miền Nam ra, anh Lâm Tấn Tài (do bị thương trong chiến dịch Mậu Thân được đưa ra Bắc chữa trị, được dự triển lãm ảnh nghệ thuật các nước Xã hội chủ nghĩa) báo tin: "Bức *Cầu người* của anh được triển lãm ở nước ngoài. Tôi mang tờ giới thiệu về anh đây". Lúc ấy, tôi vô cùng bất ngờ, lặng đi vì xúc động..."

Và cũng rất Việt Nam, những bờ vai con gái từng làm diên đảo quân đội Mỹ, mang trong người biết bao vết thương sau chiến tranh đã trở về với cuộc đời thường dung dị và trầm lặng. "Hơn 30 năm sau tôi vẫn nhận ra chị. Vâng, vẫn là chị với nụ cười tươi năm ấy..."

ĐẶNG HẸN

Ở Vạn Lý Trường Thành

Không phải nàng Mạnh Khương
bơ vơ thuở trước
Mà là em đứng tựa vai anh
Thôi em đừng xôn xao nữa
Kẻo áo em che hết cả
Trường Thành

LÝ BIÊN CƯƠNG

Tôi đến Bắc Kinh mùa lá rụng
Cây hòai tơ khắc dáng thân em
Đêm nằm nghe tuyết lùa bên cửa
Nhúc bóng trong lòng nỗi nhớ em...

NGUYỄN BÙI VỢ

Lời khấn ở vùng lữ

Mùa màng, cây trái lữ cuốn trôi
Chỉ còn sót vạt mì sau núi
Con già sắn, dùm trong lá chuối
Dâng tổ tiên, nước mắt hai hàng
Nén hương thấp, cong hình bán nguyệt
Ông bà, cha mẹ thấu lòng chăng?

NGUYỄN NGỌC OÁNH

Hoa

Đầu đời ngủ dưới hoa cau
Hương rơi vào giấc mơ sâu nồng nàn

Giữa đời vương vấn hoa xoan
Tím sân, tím ngõ, tím màn sương đêm

Cuối đời bóng chiếc bên thềm
Chờ vầng trăng muộn, đợi xem hoa quỳnh...

DƯƠNG KỲ ANH

Nghìn năm sương khói lạnh
Ta sợ người quên ta.

Mình anh bước xuống vườn cà
Buồn trông mây trắng bay qua vườn tình.

Cười chi Nghê Đá sân đình
Mùa rom ra của chúng mình còn đâu.

Ngày trôi mau, tháng trôi mau
Kia ai mắc biếc với mầu cỏ xuân...

Đến Bắc Kinh

Thơ hai câu

TÔI có một bạn đồng nghiệp người Tiệp Khắc, tên là Ivó Vasiljev, tuổi ngoại ngũ tuần, nổi tiếng giỏi ngoại ngữ, tiếng Việt anh nói giọng Hà Nội đặc, đến nỗi ai cũng nói nếu không trông thấy đôi mắt xanh và mái tóc vàng của anh thì tưởng đâu anh là dân Trảng An chính cống.

Một hôm cùng anh đi máy bay từ Tân Sơn Nhất ra Hà Nội, khi ngồi trong ga đợi giờ ra máy bay, tôi bày trò逗 anh mấy câu tục ngữ xem thử anh hiểu tiếng Việt sâu đến mức nào. Thoạt tiên tôi逗 anh câu *Vàng gió đổ mưa*. Chỉ sau 5 phút anh hỏi lại:

- Có phải cũng nói là *Vàng thì gió, đổ thì mưa* không?

Tôi nói phải, thì anh cho biết là nhiều thứ tiếng Châu Âu cũng có những câu tương tự trong cái vốn tri thức gọi là "khí tượng học dân gian", cho nên anh đoán được nghĩa của câu tục ngữ Việt Nam một cách khá dễ dàng. Sau khi lên máy bay, tôi lại逗 anh câu *Chó treo, mèo dấy* ra逗 anh. Lần này anh nhắc đi nhắc lại mấy lần rồi chìm sâu vào suy tưởng, suốt mấy tiếng đồng hồ bay không nói một câu nào, chỉ nhắc khẽ câu tục ngữ tôi逗 vừa "ra" cho anh, cố phân tích, tìm hiểu nội dung ý nghĩa của nó.

Máy bay đến Nội Bài. Anh vẫn chưa nghĩ ra. Xe về đến Hà Nội, mà anh vẫn chưa trả lời tôi được. Khi chia tay, tôi định giảng cho anh hiểu để kết thúc trò chơi,

Thuyết, chừng nào họ chưa thấu hiểu được cái hồn của câu tiếng Việt - cái tinh thần mà cấu trúc Đề-Thuyết là một trong những biểu hiện rõ nét. Ngay như việc anh hiểu được rằng trong *chó (thì) treo*, *chó* có thể là đối tượng của *treo* chứ không cần gì phải dùng kiểu "câu bị động" ("*chó bị treo*") mới hiểu được như thế. Anh đã bắt đầu quen với cách nói *tóc nó cắt ngắn*, *bàn chưa lau sạch*, *sách viết rất hay* để không bao giờ nói hay viết những câu "Tây" như *tóc nó được cắt ngắn*, *bàn bị lau chưa sạch* (trong khi có những sách dạy tiếng Việt cho rằng kiểu câu sau mới "chuẩn", còn kiểu câu trước là "câu què" (vì thiếu chủ ngữ) hay ít nhất là "không chuẩn" (vì không có "thai bị động" như tiếng Âu Châu).

Tiếng Việt không có *chủ ngữ ngữ pháp* như trong tiếng Âu Châu, thì cách đây 60 năm nhà thơ Đoàn Phú Tứ đã thấy rõ trong bài *Đi tìm chủ từ trong Truyện Kiều*, và năm 1965 một nhà ngữ học Mỹ là L.C.Thompson cũng đã khẳng định như vậy.

Những câu đơn (có một Đề và một Thuyết) như *Tham thì thâm*

Có kiềng (thì) có lành

Tay làm (thì) hàm nhai

Trên thuận (thì) dưới hoà

2. (Trên mà thuận thì dưới sẽ hoá) hay

(Trên có thuận thì dưới mới hoà)

Trong ấm (thì) ngoài êm

LINH HỒN TIẾNG VIỆT

CAO XUÂN HẠO

giải thoát anh ra khỏi một vấn đề có thể làm anh mệt thêm sau chuyến đi, thì anh cương quyết ngăn lại, và hứa với tôi là đến sáng mai khi gặp lại sẽ trả lời.

Hôm sau, mới trông thấy tôi ở phòng họp Vasiljev đã gọi tôi tới và xin dấu hàng không điều kiện, thú thật là vấn đề quá khó đối với anh: anh đã xoay đi xoay lại câu tục ngữ, tìm cách phân tích kiểu này kiểu khác, cố nhớ thêm điển tích qua thơ cổ điển Việt Nam và Trung Quốc, v.v... Rồi cục đầu đau như búa bổ, thậm chí cá đêm chỉ ngủ được ba tiếng, mà vẫn không sao tìm ra một cách hiểu khả dĩ chấp nhận được. Sau buổi họp, khi chúng tôi ngồi ăn tối với nhau, Vasiljev nói:

- Bạn đầu tôi cú tu hỏi xem con chó nó treo cái gì, con mèo nó dấy cái gì, sao không thấy nói? Mà chó với mèo thì làm gì có tay mà treo mà dấy? Sẵn có cuốn từ điển Việt -Pháp, tôi tra đi tra lại hai chữ *treo* và *dấy*, điểm qua mọi thứ nghĩa đen nghĩa bóng, mà vẫn thấy nó tối mò mò. Đến một lúc nào đó tôi chợt nhớ rằng người Việt có ăn thịt chó, vậy có phải đây là nói về cách làm thịt chó và thịt mèo chẳng? Tôi thú vận dụng vốn hiểu biết của tôi về chữ *thì* (đã nhiều lần chữ này cứu tôi trong những trường hợp lâm vào thế bí). Vậy ta có: *Chó thì treo, mèo thì dấy*. Tôi nghĩ: liệu có phải "khi làm thịt chó thì phải treo nó lên, còn khi làm thịt mèo thì phải dấy nó lại" không? Câu đầu có vẻ có lý, nhưng câu sau thì xem ra chẳng có nghĩa lý gì, thế mà hai câu lại đối ứng với nhau, chắc cấu trúc phải như nhau. Tôi đành từ bỏ giả thiết này, và rốt cục tôi phải tu nhủ là tôi biết tiếng Việt chưa đủ để hiểu những câu như thế, vì một khi nó đã là tục ngữ thì mọi người Việt phải hiểu (có hiểu mới nhớ được, và có được mọi người hiểu và nhớ thuộc lòng nó mới thành tục ngữ).

Là một nhà ngôn ngữ học chuyên nghiệp, Vasiljev quan niệm hoàn toàn đúng về tục ngữ và văn học dân gian nói chung cũng như về cái khó mà một người ngoại quốc gặp phải trong khi học một thứ tiếng mà mình chưa thật hiểu cái hồn của nó. Cái hồn ấy, cái mà Wilhelm von Humboldt gọi là Volkstum "hồn dân", và Sprachestum "hồn tiếng" mà người bản ngữ đều mang trong xương tủy, và chỉ một số cực kỳ ít ỏi những người ngoại quốc sống rất lâu giữa lòng bản ngữ mới có được.

Qua những lời tâm sự của Vasiljev, tôi thấy được phần nào tại sao anh không thể hiểu được câu tục ngữ nói trên. Là người Châu Âu, anh đã quá quen tư duy bằng thứ ngôn ngữ dùng kiểu đặt câu "Chủ-Vị" của tiếng Châu Âu, cho nên khi nghe (hay đọc) mấy chữ *chó treo, mèo dấy* phản ứng tự nhiên của anh là hiểu *chó* như "chủ ngữ", *treo* như "động từ", và hiểu câu ấy là "*chó làm cái việc treo, mèo làm cái việc dấy*". Đó là cái nghĩa duy nhất mà một câu tiếng Âu Châu có cấu trúc như trên cho phép hiểu. Ngoài cái vai "kẻ hành động" ra, chủ ngữ của tiếng Châu Âu chỉ còn đóng được hai ba vai khác, như vai người hay vật mang một tính chất (*nó mập*), có một tình cảm (*nó buồn*), v.v... mà thôi. Trong khi đó, câu trong những thứ tiếng không có chủ ngữ như tiếng Việt có một cấu trúc khác hẳn: nó gồm hai phần, trong đó phần thứ nhất nêu lên một cái Đề (một đề tài) còn phần thứ hai nói một điều gì có liên quan đến cái Đề ấy. Phần này gọi là Thuyết. Đề có thể bất cứ là vai gì, có bất cứ quan hệ gì với Thuyết, miễn sao thành một nhận định có ý nghĩa, có một nội dung thông báo nào đấy, cho nên các kiểu câu trong các thứ tiếng này đa dạng gấp mấy mươi lần các kiểu câu của tiếng Châu Âu.

Những người ngoại quốc dù giỏi tiếng Việt đến như Vasiljev cũng không thể nào hình dung được hết những mối quan hệ đa dạng như vậy giữa Đề và



Khuê văn các đầu thế kỷ 20

Ảnh T.L

Đất lành (thì) chim đậu

Cha nào (thì) con ấy

Tre già (thì) măng mọc

và những câu ghép (gồm hai câu đơn sóng đôi cân xứng với nhau (đối nhau), mỗi câu đơn có một đề và một thuyết), như:

Bên lở, bên bồi (Bên thì lở, bên thì bồi)

Bồi ở, lở đi

Nát dẻo, sống búi

Nhiều no, ít đủ

Trên thuận, dưới hoà

Cần tãi, cái nhừ

Mềm nắn, rắn buông

(Bồi thì ở, lở thì đi)

(Cơm có nát thì nên khen là dẻo, cơm có sống thì khen là búi)

(Có nhiều thì lấy làm no, có ít thì lấy làm đủ)

(Trên thì thuận, mà dưới thì hoà)

(Rau cần thì ăn tãi, rau cái thì ăn nhừ)

(Mềm thì nắn, rắn thì buông)

là những mẫu mực lý tưởng của cú pháp tiếng Việt. Khi tôi gửi cho Vasiljev mấy câu này kèm theo đôi lời bình luận và cắt nghĩa, anh chân thành cảm ơn và trả lời rằng "Chỉ có mười câu tục ngữ mà làm cho tôi hiểu được ngữ pháp tiếng Việt gấp mười lần so với thời gian 20 năm tôi đã trải qua trước đây để học tiếng Việt).

Trong ca dao, những cấu trúc hoàn toàn tương tự như thế được khai triển thành những câu thơ lục bát hay thất ngôn, và trong những bài thơ của các tác gia cổ điển, cũng như hiện đại, ta đều gặp lại chính những cấu trúc ấy. Ngay cả trong thơ tự do và thơ không vần, cũng không thể tìm thấy một cấu trúc nào xa lạ với

những cấu trúc Đề Thuyết ấy, vốn bao hàm những mối quan hệ cú pháp đủ đa dạng, đủ phong phú để biểu hiện và diễn đạt bất cứ nội dung nào.

Trong tiếng nói hàng ngày của chúng ta, nếu không kể sự đối xứng và hiệp vần đặc thù của thơ, của tục ngữ hay ca dao, và những khuôn khổ nhiều khi rất nghiêm ngặt mà các thể loại này quy định, cũng hoàn toàn tuân theo chính những mô hình ấy. Chỉ có điều là trong câu văn xuôi dùng để giao tiếp với nhau hàng ngày, phần Đề trong câu nhiều khi không cần thiết và do đó thường vắng mặt nếu người nghe đã biết rõ người nói đang nói về ai, về cái gì hay về đề tài nào, trong khuôn khổ nào (nhờ tình huống lúc phát ngôn hay nhờ ngôn cảnh)⁽¹⁾.

Cả loài người chỉ có một cách tư duy, cho nên trong thứ tiếng nào của nhân loại thì câu cũng phải có Đề và có Thuyết: dù nói gì cũng phải cho biết mình nói về đối tượng nào, về đề tài gì, và kế theo là đưa ra một nhận định về cái đối tượng ấy, trong phạm vi cái đề tài ấy. Còn chủ ngữ chỉ có thể có trong những thứ tiếng nào đánh dấu riêng một vai hay một số vai nhất định - những vai hay được đưa ra làm đề tài nhất (như vai *người hành động* chẳng hạn), và cái vai ấy đảm ra có một đặc quyền riêng trong câu.

Ngay trong những thứ tiếng ấy, câu văn không thể không có Đề và Thuyết. Chủ ngữ chính là một thứ Đề. Có điều Đề không phải bao giờ cũng được đánh dấu như một chủ ngữ (bằng hình thái "cách" chẳng hạn), và do đó không phải là một yếu tố cú pháp. Nó thuộc bình diện nghĩa của câu, cho nên không nhất thiết phải được nói đến trong sách ngữ pháp.

Ngược lại, trong những thứ tiếng như tiếng Việt, tiếng Hán, tiếng Thái, tiếng La-hu, tiếng Nùng, tiếng Nhật, hay tiếng Triều Tiên, Đề được đánh dấu rất rõ⁽²⁾. Trong tiếng Việt, Đề được đánh dấu bằng chữ *thì* (có thể được thay bằng *là* hay *mà* trong một số trường hợp nhất định). *Thì* là một từ công cụ chỉ dùng để đánh dấu biên giới giữa Đề và Thuyết của câu. Trong mỗi câu chỉ có thể có một chữ *thì*, trừ phi trong câu có hai kết cấu Đề - Thuyết tương phản như

Trên thì bừa cạn, dưới thì cây sâu hay

Có mấy cái cuốc mà cái thì cùn, cái thì mẻ,

Khác với chữ *wa* của tiếng Nhật và chữ *nun* của tiếng Hàn (cũng là những phương tiện đánh dấu biên giới giữa Đề và Thuyết), chữ *thì* trong tiếng Việt chỉ dùng một cách bắt buộc khi nào biên giới Đề - Thuyết không được rõ.

Thì, là, mà là ba chữ mà vì không hiểu công dụng cho nên nhiều người cho là hoàn toàn vô ích. Thậm chí tôi đã từng biết những biên tập viên đánh giá văn chương theo số chữ *thì, là, mà* mà tác giả dùng: càng ít *thì là mà* thì văn càng hay, càng nhiều *thì là mà* thì văn càng dở, cho nên có biên tập viên suốt ngày chỉ đi tìm *thì là mà* trong các bản thảo cần biên tập để bỏ cho bằng hết.

Thế nhưng khi tính đếm số *thì là mà* trong các tác phẩm văn học và tính tỷ lệ so với tổng số chữ trong tác phẩm, thì thấy Nguyễn Du dùng *thì là mà* (trong Kiều) nhiều hơn hẳn các tác giả khác, nhất là các nhà thơ, (các nhà văn xuôi tuy không sánh kịp Nguyễn Du về số *thì là mà* nhưng vẫn vượt xa các nhà thơ, nhất là trong thơ hiện đại). Mà thơ của Nguyễn Du thì chắc không người Việt nào cho là dở.

Trong một số sách ngữ pháp tiếng Việt gần đây cũng nói đến Đề dưới nhãn hiệu "Đề ngữ", nhưng nó bị coi là "thành phần phụ" của câu trong khi "chủ ngữ" mới là thành phần chính. Giả dụ câu tiếng Việt có "chủ ngữ" thật, thì qua cách xử lý chữ *đều* trong mấy câu sau đây ta có thể thấy rõ Đề mới là thành phần chính:

a. *Áo cũ quần cũ đều dùng được.*

b. *"Cái áo này đều dùng được*

c. *"Bà ta đều mua áo quần cũ*

d. *Áo cũ quần cũ bà ta đều mua tất.*

Bốn câu này đều có dùng chữ *đều* (vốn dùng để chỉ số nhiều). Hai câu b. và c. không chấp nhận được vì Đề (kiếm "chủ ngữ") có số ít. Trong câu d. "chủ ngữ" (không kiếm Đề) có số ít, nhưng Đề lại có số nhiều, cho nên câu hoàn toàn đúng ngữ pháp: như vậy, khác với tiếng Châu Âu, là những thứ tiếng mà Chủ ngữ quyết định số nhiều hay số ít của động từ, trong tiếng Việt yếu tố quyết định lại là Đề (*áo cũ quần cũ*) chứ không phải là chủ ngữ (*bà ta*) dù ta có cho rằng *bà ta* là chủ ngữ như trong tiếng Âu Châu.

Trong hầu hết các kiểu câu còn lại như:

Thứ nhạc này tôi không thích

Trong vườn trồng toàn cam

Ngày xưa có anh Trương Chi, v.v...

không thể nào bỏ phần Đề (phần gạch đáy) được.

Vì phân tích cú pháp tiếng Việt theo kiểu ngữ pháp Châu Âu, sách dạy tiếng Việt ở trường phổ thông chỉ miêu tả và phân tích những kiểu câu nào hoàn toàn giống câu tiếng Pháp, tức khoảng không đến 30% trong các kiểu câu thông dụng trong tiếng Việt mà đóng bảo ta vẫn nói hàng ngày, trong khi hơn 70% kiểu câu còn lại, đều hết sức thông dụng trong tiếng nói hàng ngày, trong văn xuôi và văn vần hiện đại cũng như trong thơ ca cổ điển và trong ca dao tục ngữ, thì học sinh chưa từng được học cách phân tích, ngay cả ở các lớp chuyên ban và ở đại học.

Những kiểu câu không giống tiếng Pháp thì một là không học, hai là bị uốn nắn cho giống tiếng Pháp, ba là bị bỏ bớt đi một phần cho vừa cái khuôn tiếng Pháp.

(Xem tiếp trang 39)

TÔI quen ông Quải không do ai giới thiệu cả, tình cờ gặp ông chân một cặp bò phổi giống có bộ lông màu cánh gián tuyệt đẹp ở vat cỏ cạnh đường liền đứng ngắm rồi bắt chuyện với người chăn. Ông ta hay chuyện mà tôi lại đang thèm chuyện, đứng với nhau một lúc chưa hả lại hẹn gặp nhau tại nhà để nói cho hết chuyện. Ông nói: "Tôi tên là Quải, nhà ở xóm chùa, hỏi ai cũng biết. Nhưng tôi chỉ rảnh có lúc tối còn ban ngày thì bận lắm, đến bữa cơm trưa cũng vừa đứng vừa ăn". Hôm sau ngồi làm việc với cán bộ xã, tôi có nhắc tới buổi hẹn với một ông chân bò tên là Quải. Những người có mặt nhìn nhau rồi nín thinh, không ngăn nhưng không khuyến khích, cũng không giới thiệu thêm một lời nào. Hình như mối quan hệ giữa ông Quải với những người có chức việc ở địa phương không được mặn mòi lắm thì phải. Cũng chả sao! Việc của tôi, người tôi chọn, tôi thấy thích là được. Người mà tôi thích thường rất sôi động trong sự tưởng tượng của tôi, đó là điều cốt yếu, tôi là người viết mà lại. Nhà ông Quải ở gần rìa đường nhưng trời tối, lại sương xuống nhiều nên phải hỏi thăm một lúc mới tìm đúng ngõ. Nhà ngói ba gian nhưng xây hẹp và thấp, sân đất nện, trong nhà cũng nền đất, nửa nhà quây hai cót thóc khoảng vài tấn, phần còn lại ngổn ngang những chân chiếu, quần áo, mũ nón, như nhà không có đàn bà. Nhưng cả hai ông bà đang ngồi xem ti vi, màn hình nhỏ đen trắng trong khi quả nửa làng đã dùng ti vi màu. Nhà đủ ăn nhưng không dư tiền, thuộc diện nhà nghèo của thời này. Vợ chồng khỏe mạnh, con cái chắc đã trưởng thành mà chịu nghèo trong cái thời buổi bây giờ cũng là lạ. Phải là người dân, không biết làm ăn hoặc là bài bạc, nghiện ngập mới chịu thua kém anh em bè bạn thôi. Nhưng ông ta đâu có dân, cặp mắt tinh khôn, nói năng rành rẽ, dáng người dơi dơi thuộc loại bền sức và chăm làm. Thấy tôi đưa mắt nhìn quanh quéo chủ nhà như đã đoán được ông khách đang nghĩ gì liền nói" cái số tôi là số ăn mày ông ạ, ở đâu cũng thua thiệt, lính chiến trường mà thua thằng lính hoà bình, lão nông tri điền thu nhập lại không bằng cái thằng cán bộ về hưu mới học nghề làm ruộng. Cũng không phải là người vụng tính nhưng người tính không bằng giới tính. Có lẽ kiếp trước ăn trộm chuông chùa nên kiếp này mới bị ông giới hành hạ cay nghiệt đến thế". Ông Quải đi bộ đội năm 1966, năm ấy ông mới 19 tuổi. Hành quân một mạch từ Hoà Bình vào tận Bê Hai, bổ sung cho tiểu đoàn Ba Lê Bảy. Năm đến cả tiểu đoàn chỉ có vài thằng lính quê ở ngoài này. Mùa xuân năm 1968 đánh cầu chữ Y, tháng 5 đánh nhau ở Ngã ba Sở Gà, vẫn còn mảnh đạn găm ở lưng đây. Cuối năm 1969 sang hậu cần đóng quân bên đất bạn. Chia tay với tiểu đoàn anh hùng nhìn trước nhìn sau chỉ thấy toàn lính Bắc, mà cũng đã thay mấy đợt quân rồi. Ông Quải lại là trung đội trưởng trinh sát của tiểu đoàn, một buổi sáng chạy bảy cái lệnh, toàn lệnh đặc biệt nên Bê trưởng phải tự đi không dám giao cho ai, đi vào chỗ chết cả mà không chết, cái mạng cũng là lớn. Ông là Dũng sĩ diệt Mỹ, chiến sĩ diệt xe cơ giới, chiếu lên con sốt rét 41 độ, tới đến đầu óc còn choáng váng vẫn nhảy ra dẫn anh em đi chiến đấu, ai ngăn cũng không được. Ông đi bộ đội mới được học chữ, làm hậu cần toàn tính nhẩm, trưởng phòng Ba phải thân dạy ông căn đong đo đếm. Năm năm làm hậu cần không nhầm lẫn một các bạc, một ký gạo, một lít xăng. Cuối năm 1974, trên cho ra Bắc học văn hoá để trở về làm cán bộ dân chính vùng giải phóng, tức là đào tạo bí thư, chủ tịch quận sau này đây, ông vừa cười vừa nói thêm thế. Học ba tháng rưỡi, chữ thấy trả u, có bốn phép tính mà vẫn không thể viết đẳng thức ra trên mặt giấy. Tính nhẩm thì được, tính nhanh như máy tính. Không làm được cán bộ thì xin về nhà làm ông nông dân vậy.

Bà vợ kém chồng khoảng mười tuổi, người mập, mặt rất tươi, vẫn ngồi nín lặng nghe chồng nói từ đầu, lúc này mới lên tiếng: - Cái năm ông ấy còn ở chiến trường thì bà chị em ở nhà đã ốm nặng lắm, đi bệnh viện huyện họ bảo vừa bệnh gan vừa bệnh phổi, thuốc men ngày ấy lại hiếm, nếu có cũng chả đủ tiền mua. Mỗi lần em sang thăm cú nhìn em mà khóc, lại còn bảo nếu chị mất thì cây em trông nom ông cụ và hai đứa trẻ còn nhỏ. Chả giấu gì bác, em cũng đã có một đời chồng rồi, lấy chồng được một năm thì chồng đi bộ đội, con cái chưa có, năm 1968 thì được tin anh ấy hy sinh gần Sài Gòn. Nên chị em có ý muốn em về làm dâu thay chị nếu chị có mệnh hệ nào. Chị em mất rồi, ông bố chồng năm ấy đã ngoài bảy mươi nhưng còn khỏe, gánh sáu chục cân thóc từ sân kho về nhà, chạy một mạch không nghỉ. Nhìn ông già nuôi hai cháu thay con trai ở chiến trường ai cũng phải thương, vừa thương vừa phục. Mà ông cháu cảm có phần nản bao giờ, lại còn nói, ông giới cho khỏe để hầu con hầu cháu chứ có phải để ngồi chơi không đâu. - Rồi chị lại cười - Ông cháu vui tính lắm chứ không cầu cạu như ông con trai của cụ đâu. Tôi cũng cười: - Ông nhà khó tính lắm hở bà? - Còn hơn hũ mắm thối. Chỉ có vợ con là phải chịu

GIẬN ÔNG GIÒI

Truyện ngắn của NGUYỄN KHẢI



Minh họa của THANH CHƯƠNG

chủ cả làng này chả ai khen cái tính ấy. Ông Quải lườm vợ nói gắt: - Thiên hạ chê hay khen tôi cũng mặc xác. Minh khổ nên phải cầu cạu, thủ sướng xe mặt mũi lại không tuổi tính từ sáng đến tối à. Về già ngắm lại nhiều đời người tôi được biết, dẫu không tin vẫn phải tin, là con người ta quả có số thật. Người có số may tài cán chả hơn ai nhưng những cái may như lót dưới bàn chân từ trẻ đến già một đời phủ quý song toàn mà không mất cái gì cả, mổ hôi không, máu lại càng không. Ông Quải đúng là người có cái số vất vả. Ông chỉ có một cái may lớn, vào chiến trường suốt mười năm lúc bước ra vẫn nguyên vẹn, chỉ có mảnh đạn còn găm ở lưng, trái gió giở giò, lại buốt, là dấu tích duy nhất của một thời. Nhưng về đến nhà với hai bàn tay trắng, với một ông bố già và hai đứa con nhỏ thì lại là không may rồi. "Mấy cái năm ấy, cả nước đã hoà bình rồi, mà sao vẫn đói quá, ông Quải nói tiếp, mở cái vung ra nhìn vào nồi cơm củ đen sì như nổi cám lợn, gạo chỉ có một nhúm còn toàn trộn rau trộn củ trăm thứ bà giần mà cũng không được ăn no, hai ông con ăn rồi còn phải làm thì hai bát đầy, hai đứa trẻ chỉ có ăn với đi học thì hai bát vơi, cả ngày thêm cơm, đêm nằm cũng nghĩ đến cơm, nước dãi củ tủa ra hai bên mép. Nhưng tôi không có than thở một lời, mình đói, cả làng cùng đói, chả ai no cả. Tức thì còn nhiều cái tức lắm. Minh về đi cây chúng nó mới đi bộ đội mà bây giờ đứa thì trung tá, đứa thượng tá, đứa ở thành phố có nhà có đất, nghỉ hưu về quê nhà nhường lại cho con, đứa ở rừng có gỗ, mỗi năm kéo về đến mấy khối gỗ bán gỗ mua đất, gỗ đất đất rở, có hai vợ chồng hai đứa con mà có đến mấy dinh cơ, sao cái số họ lại sướng đến thế". Ông Quải thì nói, tôi thì ngồi hi hoáy ghi. Tôi không ghi chuyện, chuyện của ai cũng thế, và lại cái khổ của ông ấy đã thấm gì. Nhưng là ghi lại những câu nói hay, những chữ dùng hay. Người ta nói mình lại ghi ghi chép chép nhìn không được thuận. Nhưng không ghi thì quên, mà quên thì tiếc lắm, những câu chữ thần tình ấy chứa bao nhiêu là khôn ngoan, mình bịa thế nào được. Ông chủ thì vô tư, ông khách thích thì ông cứ ghi tuy cũng chưa biết tôi làm nghề gì. Nhưng bà chủ thì cứ nhìn chăm chăm vào cuốn sổ và cây bút

của tôi. Rồi bà hỏi: - Em hỏi khi không phải, bác ghi chuyện của nhà em để làm gì? - À, chuyện ông nói hay quá, tôi phải ghi lại kẻo quên mất. - Chuyện làm ăn bữa no bữa đói có gì hay mà bác phải ghi? - Tôi viết báo mà lại, đi tứ phương, nghe mọi chuyện, chuyện nào hay tôi đều ghi lại cả. - Bác chưa về hưu à? - Tôi về hưu lâu rồi nhưng vẫn viết bài gửi các báo. - Em thấy mấy ông nhà báo về xã đều mang theo máy ảnh. Sao bác làm báo mà không có máy ảnh? - À, tôi không biết chụp ảnh. Bà chủ nhà liếc nhìn chồng với cái ý: "Đấy, thấy chưa! Gặp ai cũng tâm sự cũng thở than rồi có ngày khôn". Bà lại hỏi: - Thế bác đến chơi nhà em các ông xã có biết không? - Ông nhà mời tôi đến chơi mà, việc gì tôi phải xin

phép các ông xã. Bà còn định tra hỏi tôi nữa thì có tiếng gọi ở ngoài cổng, bảo có điện thoại. Bà đứng phắt lên, dặn chồng: "Nhà Vinh muốn mua một cặp ngan, ông thủ sang hỏi nó xem, lát nữa tôi về còn bắt". Cũng là một cách đuổi khéo khách đấy! Ông Quải như chả chú ý tới những nghi ngờ của vợ về một ông khách mới quen biết lại quá tò mò. Ông vẫn tiếp tục kể cho tôi nghe những năm tháng đầu tiên ông trở về nhà sống với một người bố già đã yếu và hai đứa con còn nhỏ dại: "Về được hai năm thì bố chết, đưa bố ra đóng xong về nhà vét voi không được vài ống gạo. Trời mưa trong nhà như ngoài sân, mới vay tiền mua trám ngói, mà mưa cũng khó khăn lắm, treo lên cào mùn gianh rồi úp tạm ngói lên chống dột. Năm sau thì cưới vợ là bà nhà tôi bây giờ. Nhà đã khó nay lại dè thêm con đỏ nên càng khó. Bằng tuổi tôi người ta thì bồng cháu, mình tóc đã muối tiêu còn bồng con nhỏ là rất nghịch cánh. Cũng may bà nhà tôi tháo vát, lại rất thương chồng và con chồng, khó đến mấy cũng chỉ cười. Mấy đứa con tôi cũng học được cái tính của bà ấy nên cái nhà này không vì túng thiếu mà to tiếng với nhau. Chỉ có tôi là hay to tiếng thôi, quát tháo ầm ỹ một lúc không có ai đối lời lại, tự mình cũng nguơng với mình rồi cảm miêng luôn. Cả làng này biết tính tôi nên chả ai nỡ giận. "Minh làm khổ mình đã đủ còn ai nỡ giận mình nữa". Nói rồi lại cười, từ lúc ngồi trò chuyện với tôi ông cũng hay cười. Cười được cũng vui nhẹ với cái buồn cái tức đi nhiều lắm. Mười năm trở lại đây nhà ông không phải lo đến miếng ăn nữa. Nhưng ông vẫn chỉ ăn cơm với dưa với mắm, đựng dưa vào cá rán, cá nẫu, thịt gà, trứng vịt là nôn ọỉ liền. Cái "không bằng người" ấy chả quy lỗi cho ai được, chỉ tại cái trò chơi khăm của ông giới đó thôi. Nhưng nhìn quanh thì vẫn không bằng người, người ta làm được nhà gác thì ông mới chuẩn bị làm lại cái nhà đang ở, người ta đi xe máy thì bố con ông mới có cái xe đạp Trung Quốc. Vẫn là thua người, tính toán trí lụ hơn người mà thua mưu cả đứa trẻ nên càng tức. Ông kể: "Mấy năm nọ cả xã này đổ xô đi buôn long nhãn, nhiều người xây được nhà gác là nhờ cái đàn ấy đấy. Tôi cũng buồn. Long nhãn của nhà được vài tạ, mua vào gần hai tấn nữa.

Lúc mua có 100, 105 ngàn một ký. Giá lên 110, 115 ngàn vẫn không bán vì đám buồn đồ chúng phải lên đến 120, 125. Nào ngờ nó lại tụt dần xuống, tụt xuống rồi lại trồi lên, cái trò cung cầu của cơ chế thị trường nó uõn eo đồng bóng lắm, gan thì được, nhát thì thua. Thị gan thì nhất tôi rồi, đánh nhau mười năm với Mỹ không gan có mà chết sớm. Cái sống chết ở chiến trường có thể gan tới cùng, với lại chỉ có một mình mình đối mặt với cái chết, dờm một phát, coi như xong, chả bận bịu tới ai cả. Đàng này là cái no cái đói, sau lưng mình còn một bầy thế tử, họ lại không muốn bị đói mãi nên chỉ dám gan đến cái mức nào đó thôi, rồi đành thở dài chịu thua vậy. Mua hơn 100 ngàn, bán có 65, 62 ngàn, lỗ non nửa. Đã bảo giới tính mà, ông giới không cùng phe với mình làm sao không thua. Sau lần thua lỗ ấy, lỗ non chục triệu chú đầu có ít, tôi lại khăn gói ra Quảng Ninh gánh than, được thêm đồng nào hay đồng ấy. Ông tính, một buổi gánh ba chuyến than, gánh từ 70 cân trở lên, chạy một đoạn đường ba bốn cây số, một ngày trừ ăn uống rồi cũng giắt lưng được ba chục ngàn, ấy là chả phải trả tiền bãi mất năm ngàn. Một năm gánh than, ăn đường ngủ chợ, về đến nhà đến vợ con cũng không nhận ra nhưng trả xong nợ. Coi như mất hai năm không kiếm thêm được đồng nào, mọi sự chi tiêu đều trông vào hạt thóc. Mất toi hai năm mà tuổi đã trên năm mươi rồi, thế là lại gắt, chỉ dám gắt với vợ với con, tức ông giới chưa chịu buông tha mình, hờn dỗi với giới mà gắt. Còn năm nay tôi lại bị thua lỗ một lúa lợn. Thua đau lắm, gói bạc trong tấm tay, đã tính toán mọi việc trong cái số bạc chắc chắn sẽ có ấy mà rồi vẫn bị ông giới giết mất, ông bảo có hân không? Giá lợn đầu năm 10 ngàn một ký móc hàm, sau xuống 7 ngàn 2, 7 ngàn, rồi lại có tin đồn lợn đang bị dịch, ăn vào có khi mắc bệnh như bệnh bò điên ở bên Tây, nên giá lại càng hạ. Cắm thì đất, thịt lại rẻ, không bán với có mà sạt nghiệp!.

Nói rồi lại thở dài, vớ điệu rít một hơi thuốc, rồi tay cầm điệu vẫn buông hồ trên gối, ông đưa mắt nhìn băng khuâng ra khoảng tối ở sân một lúc lâu. Đã nghe tiếng bà vợ nói léo xéo với ai đó: "Tin vui thôi bà ạ!". Bà Quải bước vào, mỗi mắt đều cười, lại đang nhai trấu, cái nhìn với tôi như có dịu đi chút ít. Ông chống hỏi: "Ai gọi điện thoại?" - "Thằng Tiến!". Ông quay sang nói với tôi: "Nó là con bà sau, con út". Bà vợ tiếp lời: "Em làm bạn với nhà em cũng muốn nên không dám sinh nhiều, bố mẹ già con chưa trưởng thành là rồi sẽ khổ. Chỉ có một con chị mới lấy chồng năm ngoài, và thằng em đi công nhân trên Việt Trì đã được nửa năm". Tôi hỏi: "Cháu hăm mấy rồi?". Ông bố nói: "Mới 17 thôi ông ạ, học hết cấp 2 rồi xin đi làm để đỡ bố mẹ". Tôi nói đùa: "Chắc là ông bố hay gắt nên nó không dám bắt bố mẹ nuôi lâu". Bà mẹ thở dài: "Không dám khoe với bác, chú cháu được cả mọi nết, cao lớn đẹp giai, học cũng giỏi mà chỉ cơm ngày hai bữa, quần áo mặc thừa của anh cho, so với bạn bè là thua kém lắm nhưng cấm có oán trách bố mẹ bao giờ. Chỉ cười thôi. Thấy mất là thấy cười. Nó đi xa là nhà vắng hân, buồn hân, còn hai vợ chồng già ăn ở buồng tuồng, tạm bợ như ở quán trọ". Ông chống cười giọng: "Thế nó bảo gì?" - "Bảo là, mẹ trả công gặt chưa, hết bao nhiêu? Tôi nói hết 500 ngàn. Nó bảo, con cho mẹ hân 800, mẹ đồng ý không?". Người chống nói nhỏ: "Đi làm mới nửa năm đã ba lần gửi tiền về nhà, toàn tiền triệu, nó không ăn không tiêu gì à?". Bà vợ nói với tôi: "Lương tháng chưa được một triệu mà mỗi tháng vẫn giành được 500 ngàn, hai tháng được chẵn triệu lại gọi bố mẹ lên cảm liên về. Túc là phải ăn uống khem khổ lắm, có phải không bác?". Ông chống nói: "Chắc là ngày mai tôi phải lên với con. Có phải mang gì lên cho nó không?" - "Ông chịu khó mang cho nó vài cân gạo nếp, một cân lạc, cũng được vài bữa thết bạn" - "Bà rang cho tôi một cân vừng lạc nữa". Bà Quải lại đưa mắt nhìn tôi đang hí hoáy ghi: "Bác lại ghi gì nữa thế?" - "Ghi chuyện cậu con út của ông bà để bọn trẻ đời nay noi gương". Bà mẹ cười hả hê: "Chuyện của cháu bác muốn viết sao cũng được, còn chuyện của ông ấy bác đừng có viết, viết ra bằng bêu ông ấy còn gì!". Tôi nói: "Chuyện của ông nhà cũng nhiều nghĩa lý lắm đấy!". Bà vợ nhìn chống: "Đã là người thua người đại thì còn nghĩa lý gì nữa!". Tôi hỏi: "Sao bà lại dám nói ông nhà là đại?". Bà vợ đưa tay đập nhẹ lên cánh tay chống, cặp vợ chồng già này xem chúng còn trẻ tợn: "Chú lại không đại! Theo em, ông giới ghét mình, mình cứ cười lên một tiếng, mất thêm gì nào, mà hoá ra ông ấy không thể trối được mình, còn lại ngồi thở than, rên rầm có phải là mình chịu thua hoàn toàn không?".

Tôi buột miệng khen: "Bà nói đến là chí lý!". Bà ta lại cười, tôi đã chiếm được lòng tin của bà chủ nhà rồi ư? "Nghĩ với nói thì em chả thua ai ở cái làng này mà sao vợ chống vẫn nghèo hã bác?". Thấy tôi vẫn ghi lia lịa, bà đâm ngờ, những câu nói vẫn vợ ấy có cái gì hay mà phải ghi lắm thế? Bà đứng lên bước vòng qua bàn nhìn qua vai tôi lên trang giấy tôi viết. Chợt bà kêu ầm lên: "Sao bác lại ghi tên nhà em vào làm gì? Xin bác cứ gạch đi cho, bác không gạch là chúng em giận đấy!".■

12-2000

LÊ ĐẠT

Hai kầu

Em đừng nữa xui lá đổ
Khổ để vàng lượm ủa thân thu
*
Mới Bôjôe tình e đã cũ
Cốc một vang khuya ngõ cạn máu mình
*

Mất kỷ hình xưa Khổng Minh lập trận
Lần sơ đồ ga lăm lăm mét rô
*

Bỗng hiện mặt rằm trắng năm đó
Sáng song soi đôi nửa bán cầu
*

Năm lạnh tình chờ mai gốc lão
Đào diên hoa xuân báo lấy chồng
*

Cácnavan hoa hóa trang phố lạnh
Mặt na bạc tình lầy thánh ⁽¹⁾ đừng xanh
*

Hương dương trua nổi vàng cơn lửa bốc
Nắng đông đông màu Vạn Gốc cháy đông
*

Lâu cát trắng da trắng xanh tuổi sống
Phao tìm đau nhảy lông móng bạc đầu
*

Bóng bướm khuất cội xanh biển nhớ
Nẻo trần vàng vũ mộng chốn chân
*

Ngực biển đá nhỏ bến ngờ đảo nư
Bướm siêu siêu xuân khởi sự thủy triều
*

(1) Thánh ValangTanh : Thánh của Tinh yêu

LIÊN NAM

Nàng tiên

Gối đầu lên cánh tay anh
Bên tôi em bỗng hóa thành nàng tiên
Em không ngà ngọc áo xiêm
Có chăng là trái tim em dịu dàng
Trái tim sáng giá vô vàn
Cho tôi cả một thế gian nguyên lành.
Thu gom hết thấy trời xanh
Và tôi trong mắt long lanh em cười.

HỒNG NHU

Hoa

Mua giấm suốt tháng vắt sang đầu
Mà tậnh se đông chút nắng đầu
Để nư mai vàng thôi bịn rịn
Người về xuân chớm phấp phồng sao !

TRẦN PHƯƠNG TRÀ

Sen Thượng Tứ

Hố sen Thượng Tứ lại ra hoa
Mỗi đóa hoa như in bóng Phật Bà
Phế hưng thấp thoáng bao triều đại
Những tuồng còn trong mỗi cánh hoa

NGÂN VỊNH

Không để

Nẻo chiều áo mỏng đường xa
Lá bay xao xác vườn nhà gió khua
Chợt ngày chợt nắng chợt mưa
Đập diu hoa cái bỏ bùa cho ta

Thời gian nhón bước chân qua
Lòng như nghe được dăm ba tiếng người
Nỗi buồn như bát chơi vơi
Làn hương ngõ vắng bờ trời sương giăng

Con dò mắt ngó dăm dăm
Người đi qua bến cuối năm chờ đây
Em như một nhánh sông gầy
Ta hồi hương với khói mây lạc mùa.

PHẠM ĐỨC

Tết Mậu Thân

Đã ngủ yên trong hương khói
Đã ngủ yên trong cỏ cây
Cái Tết rung trời chổi lỏi
Dâng đời yên ả hôm nay !

ÁNH HỒNG

Mùa sau

Đã lâu con mới về thăm Nội
Giếng hai - đồng vắng - làng xa mờ
Gió thổi rỗng chân trời vẫn thổi
Con về làng vẫn con về xưa.

Vài con sẽ lách chách trú mưa
Mặt dề tron - hai triển cỏ ướt
Biết thương mẹ ta giờ đã muộn
Cải thấp hoa vàng nơi đầu luống.

Thôi đành, lỗi hẹn để mùa sau...

NGUYỄN VŨ TIÊM

Chọn cây thế

Chọn thế bat phong - ta mua về
con gió mạnh
Giữa xuân vui không quên cảnh bão bùng ?
Kìa, võ đài cây thế
Oai phong long hổ tranh hùng
Con mình ham bóng đá
Ta mua về cho trẻ vui chung ?

Thế phụ tử vẫn nghìn năm bền gốc
Thế thi nhân giữa thế cuộc xoay vần
Thế đại lão trước vô cùng hữu hạn
Thế hồng nhan trong cội hồng trần...
Người nghệ sĩ - triết nhân cười ý nhị
Chôm râu bạc chuyện trò với búp non xanh.

Trong sương sớm, em lẫn vào hoa nư
Giọng hàng ngày mà như tiếng vọng
mùa xuân :
- Ta chọn thế phu thế hòa hợp
Để nhà mình hoa nở quanh năm ?

KHÁNH NGUYỄN

Sang năm...

Nào em ta về nhà mới
Cả đời tần tảo chờ mong
Có khoảng trời riêng - gió lộng
Có nơi hương khói tổ tông
*
Khép lại một thời giặc giã
Nhà không vườn trồng, xa xưa
Một thời nhà tranh vách nứa
Một gian tập thể ở nhờ
*

Ta treo lên niên kỷ mới
Tuồng vôi thom đến bất ngờ
Cầu thang con về reo gõ
Nhìn xuống phố chảy như mơ
*

Một đời trông tre ngâm gỗ
Bè bạn dờ như dui, mè
Chiếc dùi cắm xuống đất ở
Để nhớ suốt đời, em nghe...

12 - 2000



Đó là mùa đông cuối năm 1945, sau Cách mạng tháng Tám. Mùa Thu Cách mạng qua đi trong niềm hân hoan cả nước và cũng là lòng quật khởi, bất khuất bảo vệ Cách mạng, bảo vệ non sông, Tổ quốc của những người trai cầm súng cùng với tâm lòng hy sinh vô tận của đồng bào góp sức nuôi quân. Nhưng rồi mùa đông đến. Mùa, rét và lạnh, nhất là anh em giải phóng quân ở chiến trường miền Tây Quảng Trị trong đó có những đơn vị giải phóng quân Quảng Bình và Thừa Thiên - Huế chi viện. Chiến trường chính chỉ từ Nha Trang, Nam Bộ, cả Tây Nguyên trong phạm vi Quân khu 6 và Quân khu 5 đảm nhận thì trời quanh năm nắng ấm. Miền Bắc đang đối phó với bọn Tàu Tưởng và quân đội Pháp trong vài trò "liên kiểm" với quân đội Việt Nam, chưa có chiến tranh.

Mùa đông ở Huế cuối năm 1945 đến có sớm, lại thêm mùa dầm dề thường kéo dài mấy ngày. Đường Paul Bert (nay là đường Trần Hưng Đạo) như sũng nước. Người đi chợ hay đi đường thường mang những cái tờ dọt, dẫu dọt nón lá. Thuở ban đầu ấy làm gì biết đến tấm vải ny-lông như sau này, ngay suốt thời gian kháng chiến chống Pháp cũng chưa "phát minh" ra được tấm ny-lông nhựa thông dụng đó. Nhiều người vẫn kéo lê đôi guốc gỗ. Riêng một số anh em giải phóng quân còn vớ được đôi giày "sân-đá" (loại giày da chắc của lính Pháp, đế đóng đinh có nùm to bản như hạt ngô) từ kho quân nhu cũ của lính Pháp, do ban quân nhu ta phát. Tôi cũng được một đôi, đi đường cứ nện rồ to gót giày... ra về lấm.

Bữa đó, tôi từ chiến trường Mường-phin, Ba-na-phào làm liên lạc được về Huế, đến chỉ huy sở Chỉ đội Trần Cao Văn trước đóng ở đồn Phan Đình Phùng (nguyên là đồn De Courcy của lính Tây, nay vẫn ở đường Phan Đình Phùng, Huế). Lính hồi đó còn được về nhà ngủ đêm thoải mái, hơn nữa tôi vừa được cho chuyển về Đại đội 18 của anh Đệ Khánh Khang đóng ở Truối, mặt nam Thừa Thiên - Huế, khi đó đang đóng ở Thanh Thủy Thượng, phía An Cựu đi vào. Mùa Huế lấm tã, qua đường Trần Hưng Đạo, đối diện với chợ Đông Ba, có tiếng gọi tên tôi. Té ra tôi đang đi qua liệm bán vải của mẹ chị Hảo và Nguyệt lại có cả mẹ

MỘT MÙA ĐÔNG BAO NGƯỜI ĐAN ÁO...

THÁI VŨ



Minh họa của HOÀNG HỒNG CẨM

của Duyên, vợ bác sĩ Nguyễn Duy Hà, quê gốc ngoài Lý Hoà, huyện Bồ Trach, Quảng Bình. Hai bà đang ngồi bên sạp vải, áo dài hai lớp, hai bàn tay ủ và cái *lồng ấp*. Vâng, cái *lồng ấp* ngày nay các bà các chị cũng như những người buôn bán ở chợ Đông Ba không dùng nữa, người ta đã quên hẳn cái vật dụng ủ ấm hai bàn tay trong mùa đông giá rét mà chỉ ở xứ Huế mới có. Ngày nay dùng gang tay khi mùa đông đến. Tôi mang cái lạnh vào nhà, hai bàn tay lạnh cóng. Một bà đưa *lồng ấp* cho tôi: "Rét như ri thì anh em lính chịu lạnh nói, lại đang đánh giặc".

Chuyện như thế, nghĩ đến anh em bộ đội đang chịu cái rét mùa đông dẫu chỉ riêng mấy bà. Ngay sau đó, do bên Hội Phụ nữ Cửu quốc vận động, cả Huế có phong trào đan áo len ủng hộ bộ đội. Mùa đông đầu tiên của Cách mạng, mùa đông đầu tiên của người lính Cụ Hồ đi đánh giặc cứu nước, những chiếc áo len đầu tiên của các mẹ, các chị xứ Huế, đến tay ai ở các đơn vị quân giải phóng, ai được ai không, nhưng đối với tôi, kỷ niệm khó quên là từ những chiếc *lồng ấp* đó. Sau cái Tết Bình Tuất, sang mùa xuân 1946, với bao nhiêu bánh trái, nhất là mứt kẹo nổi tiếng của xứ Huế, khi lên đường Nam tiến, từ ga Truối, một cô gái - ôi quên sao được Thế, con gái út cụ Cử Huân đưa vội cho tôi một chiếc áo len trắng ngà. Chiếc áo đó sau này, mùa

đông năm 1946, ở chiến trường Liên khu 5, tôi đã tặng Phương khi Phương vào công tác ở mấy tỉnh cực nam Trung Bộ (QK6). Phương ở đơn vị Nam tiến, cùng với Mai Xuân Cảnh từ Thái Nguyên vào...

Qua mùa đông năm 1946 đó, toàn quốc kháng chiến từ tháng 12, một bài hát có cái tên giản dị là *Mùa đông binh sĩ* được phổ biến từ ngoài Bắc vào Nam: *Gió hút heo may, một mùa đông bao người đan áo...* nói lên tình quân dân trong buổi đầu Cách mạng cứu nước, của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Nhưng cũng chính từ mùa đông toàn quốc kháng chiến đó, áo len làm sao có đủ cho mọi người lính Cụ Hồ, một kiểu áo bình dân bằng vải lót bông, đường may hình quả trám đã theo các anh bộ đội trên khắp chiến trường miền Bắc, từ Hà Nội đến Lạng Sơn, Bắc Can vào LK4: đó là *áo trấn thủ*.

Chiếc *áo trấn thủ* đó đã nổi lên với người lính Cụ Hồ trong trận quyết thắng ĐIỆN BIÊN PHU từ mùa đông 1953 đến mùa xuân 1954 và mãi sau này... Nhớ xưa, thời phong kiến, lính thư có câu: Ba năm *áo trấn thủ* lưu đồn - Ngày thời mang súng, Tối dồn việc quân... Còn nay *áo trấn thủ* của bộ đội Cụ Hồ, ai nhớ ai quên?■

Nhớ lại mùa Đông năm 1945

GIANG NAM

Hội xuân vùng lũ

Hội xuân vùng lũ tôi về
Hình như đây đó còn nghe nước gấm
Đường làng mưa bụi lấm râm
Vườn ai cây lại nảy mầm, vườn ơi!

Một đêm vọng cổ giữa trời
Bàn kim tiền mới tặng người xứ xa
Tôi ngồi nghe trôn bài ca
Niềm vui chùng đã xóa nhòa nỗi đau.

Áo em đỏ lựng một màu
Cái màu của lửa, cái màu mùa Xuân
Người xem sau trước chen chân
Ai đang múa đó khăn rằn vắt vai...

Mê theo nhịp vắn, nhịp dài
Nghe hồn lau sậy bên ngoài cũng say
Bàn tay em nắm bàn tay
Tôi vui như thế quê này từng yêu.

Tôi về mùa Tết về theo
Hội làng trống thúc, cờ treo ai chờ
Một vùng lũ trắng không bờ
Lại xanh... tranh thủ từng giờ mà xanh.

PHAN THỊ THANH NHÀN

Người câu cá biển

Tặng em N.N.N.L

Chê mặt hồ sóng nhẹ
Mặt ao tù lặng cầm
Anh thả câu vào biển
Mặc ngày đêm sóng gấm.

Một mình trên bờ đá
Mặc nắng soi ngang đầu
Mặc sóng tung ướt mặt
Mặc bập bênh dây câu.

Em hiền như hiền triết
Vững tin như tín đồ
Anh dăm dăm nhìn sóng
Và lặng yên đợi chờ

Ô kia con cá lớn
Đã cắn vào mồi thơm
Anh nhẹ tay giật lên
Cá đầy vồng tay ôm.

Ước chi tôi là cá
Giữa biển đời cần lao
Gặp được người tri kỷ
Biết kiên trì thả câu.

Vũng Tàu 8-2000

THU BỒN

Ngoi nhà cứ muốn bay đi
Khi những dây chằng và cọc chống
Không giữ nổi đất trời lung lay
Cuộc chơi ngông của gã điên say khướt
Không biết dừng lại chốn nào?

Người già lau nước mắt
Chôn nỗi đau ách tắc muốn trùng
Cả nước cõi trần đi chống lụt.

Ta nín giữ căn nhà giữa phủ phàng mưa bão
Phên che rách vách rã rời
Trơ trọi tre già trụ bám
Nước từ ngàn phương đổ xuống
Lốc xoáy nát lòng ta
Ảnh mắt trẻ con như trời hừng
Mái tranh nghèo đầu phải tắm tắm bay?

LÂM THỊ MỸ DẠ

Chợ tuổi thơ

Tuổi thơ xa lác phiên chợ làng
Ngày bé qua sông, cầm áo mẹ
Nắm rau, tôm cá tươi xanh quá
Gạo nếp dâng đầy kẻ lại qua

Tội đi ngỡ ngác buổi chợ mai
Ối, thị, sim, dâu thom bước ai
Tò mò thấy mặt ông già la
Đẩy tay chùn quặt, đi đi hoài

Chào mời luôn nào có ai mua
Còng lung làm quặt đã bao mùa
Ông già áo gụ, chòm râu lựa
Đi mấy vòng rồi, chợ đã trưa

Dừng bước ông già bán quạt ơi,
Cho mua nhiều chiếc để bày chơi
Ông già thật giọng, nhìn tôi nói:
- Cháu chỉ nên dùng một chiếc thôi!

Tiến mẹ cho mua mấy thứ quà
Tôi mua hết quạt cho ông già
Ôm bao ngọn gió lòng vui sướng
Mỗi bước nghe hồn reo tiếng ca

Bây chừ xa lác chợ tuổi thơ
Mùi quả, mùi rau thơm đến giờ
Cá tôm còn nhảy long tong nước
Tôi còn bé nhỏ mỗi lần mơ...

Bây chừ xa lác buổi chợ mai
Tuổi đã nghiêng chiều, tóc đã phai
Hỡi người bán quạt, giờ thiên cổ
Sao gió trong tôi cứ thổi hoài!

Con hồng thủy

Ta ôm cả cánh đồng
Mong gặt hái mùa vàng
Nước vàng đọng lối đi nhòe nhoét
Không còn oằn gánh đòn xóc nhọn hai đầu
Nhưng thiên cơ nghìn mũi tên đâm chia
Vườn cây ứa
Mùa sau
Hết giống khó tìm
Phép mầu nhiệm giấc mơ Đồng Tháp
Lúa Nàng Tiên sao đủ miệng trần?

Bị đánh úp mùa màng
Bất com và hắt ra khỏi miệng
Ta mót từng hạt lúa rải trên châu thổ
Sạ lại vầng thơ dâng hiến tình người.
Miền Đồng Nam Bộ 17-10-2000

LÊ THỊ KIM

Cốm hương

Hội thơ cốm vòng
Nao nức xuân

Ngoài trông
Tình cũ
Đã bao năm

Văn chòng chênh
Theo hương cốm lượn

Rủ rê
Ta nhớ
Mỗi lần xuân

LÊ MINH HOÀI

Châu thổ

I. Tôi sinh ra
Tư châu thổ sông Hồng
Bờ bãi đỏ au. Ngó rau ngút ngát
Phồn thực dáng hình
Phồn thực thịt da
II
Mẹ cho tôi ngân ấy hương. Ngân ấy sắc
Ngân ấy cội - nguồn - máu - thịt
Phù sa?
Con gái mẹ tóc dài, gót nhỏ
Bước ra từ ngõ sen... Mùa hạ
Có thể chính mẹ đã sinh ra những mùa trăng
đưa dả tháng Mười

Những mùa trăng lấm tẩm phù sa
Mộc mạc lời ca
Dòng sông rất trẻ
III
Xin mẹ
Cho con hát về Người
Bài ca châu thổ sinh sôi trong tiếng nôi đưa của mẹ
Tiếng cá quẫy
Dòng sông rất khỏe
và con cùng hát khỏe
với dòng sông...

HAI năm rồi mới gặp lại anh Chấn, nhưng khác trước là anh đã để râu, không những râu mép mà còn cả những râu cằm, râu dài, anh đưa tay ra vuốt râu đáng một ông lão lắm.

Kể ra thì tuổi anh cũng trên dưới sáu mươi rồi, ở làng ngày xưa năm mươi đã lên lão, nên anh để râu cũng được thôi.

Tuy vậy, tôi vẫn cảm thấy như anh đeo râu giả vì trán anh vẫn bóng, tóc đen nhánh và đôi mắt anh luôn luôn lấp lánh chứa đựng nét tinh nghịch như thuở còn trẻ trung.

Tôi hỏi anh lý do để râu, Anh nói cho ra vẻ người già, không để râu đôi lúc vẫn bị bỏ mắng, già rồi vẫn bị bỏ mắng, lúc lắm, trông thấy con râu dài bố cũng phải nể chứ. Không để râu, lúc lúc bọn trẻ ôm vai ôm cổ suồng sã, anh anh, em em thế mới lão chứ. Tuổi nào phải sống cho hợp với tuổi ấy.

Tôi cười, nhìn anh nghi ngờ, chắc chẳng phải như thế, tính anh thích đùa, có khi vài tháng sau anh lại cạo sạch râu cho mà xem. Bởi vì thuở xưa khi ở cùng một tiểu đội thông tin sư đoàn tôi biết không ai nghịch bằng anh, trong đơn vị hầu như ai cũng bị anh lừa một vài lần.

Hồi kháng chiến chống Pháp bộ đội ta hay đội mũ bê-rê. Hầu như là đóng quân trong nhà dân và mỗi lần đi chuyển phải hết sức bí mật, đại quân rút xong, một vài người ở lại cắm ơn từng gia đình. Chấn đi trước một quãng rồi quay gọi người phía sau *Này này, cậu nhất giúp tớ chiếc mũ bê-rê rơi xuống đường...*

Anh kia tưởng thật đưa tay cầm chiếc mũ, thì ra không phải mũ bê-rê, mà là bãi cứt trâu giữa đường trời nhá nhem trông giống chiếc mũ bê-rê. Anh bị lừa, tay toàn cứt trâu, lúc quá chửi ầm lên làm chó cả làng nghe tiếng người lạ, sủa ran, đồng bào chạy ra, mới biết là bộ đội đi chuyển và không rõ lý do gì mà anh bộ đội kia tay toàn cứt trâu, vội vàng í ới gọi nhau đưa nước ra. Chấn bị đại đội trưởng gọi ra đứng trước hàng quân, phê bình.

Lần khác đơn vị đóng quân gần một bản, bị bọn địch tàn phá, nhân dân sơ tán hết vào rừng, chỉ còn lại vài con chó. Ngày nào Chấn cũng dành một ít cơm và thức ăn cho chó, những con chó thấy Chấn là ngoắt ngoắt đuôi, Chấn được anh em khen là yêu quý súc vật, nhưng tiểu đội trưởng gọi Chấn tới nhắc nhở *Chó của nhân dân nuôi chứ không phải là chó hoang đâu. Bắt chó của dân là phạm kỷ luật đấy.*

Chấn cười *Số nó khổ thế vậy, phải hoá kiếp khác biết đâu kiếp sau nó*

QUÀ TẾT CỦA... KẺ THÙ

CAO TIẾN LÊ



Minh họa của LÊ ANH VĂN

thành người, Tiểu đội trưởng nghiêm mặt *Tôi không nói đùa, Chấn Á thì tôi cũng nói vui thế thôi.*

Buổi trưa khác, anh em đang nằm ngủ, cả Chấn nữa, chợt nghe phía bên rừng có tiếng nổ rất đánh, tất cả giật mình tưởng là biệt kích vội vàng nắm lấy súng chạy ra thì thấy một con chó đầu bị đứt, thân vật vã trên đám cỏ...

Về sau mới biết Chấn đã dùng kíp đánh bộc phá của phần đông dài chỉ để lại phần hạt nổ, Chấn lấy vỏ chiếc móng lợn tẩm mắm muối hạt tiêu, đem nướng bốc mùi thơm rồi cho chiếc hạt nổ vào trong móng lợn, dùng một ít cơm bọc phía hỏ, cho hạt nổ không rơi ra. Chấn gọi con chó đến bìa rừng, ném chiếc móng lợn. Có mùi thơm. Con chó chớp lấy ngay. Chiếc móng lợn vừa đại vừa cứng, chó cú gặm, gặm đến hạt nổ chó tượng xương, gặm mạnh, rất mạnh, hạt nổ nổ tung cát ngang đầu chó... Anh em được một bữa thịt chó, còn tiểu đội trưởng giận lắm, nhưng không tìm ra lý do để phạt Chấn, kiểm tra vũ khí, đạn, kíp nổ, bộc phá vẫn đầy đủ. Tiểu đội trưởng ra lệnh tiến phụ cấp tháng đó chưa ai được nhận để phòng nếu nhân dân đến hỏi chuyện mất chó, phải bỏ ra mà đền.

Tiểu đội trưởng là người nghiêm khắc và hay dễ bụng, nên lần ấy sau khi đi chiến dịch về đóng quân tại một làng bên bờ sông Chu thuộc tỉnh Thanh Hoá

chuẩn bị nghỉ ăn tết; sư đoàn nghỉ chuẩn bị nghỉ ăn tết nhưng thông tin vẫn đảm bảo thông tin liên lạc cho các thủ trưởng chỉ huy. Tiểu đội trưởng củ Chấn rải dây xuống tiểu đoàn pháo phòng không và dặn thêm sau đó tạt qua bên kia sông thăm nơi đóng quân cũ, có thể sáng mồng một tiểu đội sẽ củ một số người qua chúc tết bà con.

Chấn ra đi từ sáng, rải dây xong, các máy điện thoại thông suốt, anh mới qua bên kia sông. Bà con mừng quá riu rít thăm hỏi, quan trọng nhất là họ muốn biết chiến dịch vừa rồi, ai hy sinh ai bị thương. Mỗi vui chuyện, hai giờ chiều Chấn mới ra về. Qua sông Chu trên con đò nhỏ, chỉ có ông già chèo đò và Chấn. Trời dịu dịu, bầu trời trong veo, không gian êm ả. Con đò cập bến, Chấn bước lên bãi cát vừa đi được vài chục bước thì máy bay xuất hiện. Người lái đò chìm thuyền xuống nước rồi chui vào hầm ếch. Dân làng hai bên bờ sông đều xuống hầm cạ nhân ẩn nấp, tuy vậy họ vẫn nghe thấy tiếng nổ của chiếc máy bay và cả hai bờ đều nhìn thấy một anh bộ đội đang ung dung đi trên bãi cát trắng rộng thênh thang, như chọc tức tên lái máy bay. Anh bộ đội đó là Chấn. Cả tiểu đội chúng tôi xuống hầm rồi, nhưng không yên tâm lại nhảy lên khỏi hầm, nhìn ra phía bãi cát lo lắng cho Chấn.

Thực ra Chấn cũng rất dễ ý đến

hành động của tên giặc lái. Hồi ấy máy bay của Pháp cũng chưa lấy gì làm tối tân, mỗi lần muốn bắn vào mục tiêu nào đó chúng phải nâng độ cao rồi chúc cả máy bay xuống mới bắn được một loạt đạn. Sau đó muốn bắn tiếp phải bay vòng trở lại, rồi nhào xuống bắn với đồng tác như cũ.

Chấn vẫn ung dung đi theo hướng vào làng, nhưng khi liếc thấy chiếc máy bay bổ nhào, lấy tầm bắn, lúc đó Chấn mới dùng hết tốc lực như vận động viên điền kinh ở giai đoạn nước rút, anh chạy, nhưng không chạy theo hướng vào làng mà quay lại chạy về phía bờ sông. Còn tên giặc lái đã nã đạn bắn dồn dập theo hướng Chấn đi vào làng. Vậy là hần bắn hụt làm cát bụi bay lên mù mịt.

Biết là loạt đạn đầu không trúng, chiếc máy bay vòng lại bổ nhào bắn đón phía sau, theo hướng Chấn chạy lúc này. Nhưng Chấn một lần nữa đánh lừa tên giặc lái, anh chạy sang phía phải, ngược lên phía bắc. Cứ thế Chấn lừa tên giặc lái vòng đi vòng lại nhào bắn, không biết bao nhiêu lần, suốt cả buổi chiều quần nhau với Chấn giữa tiếng hoan hô không ngớt của nhân dân trong các làng sát hai bên bờ sông, được xem một cuộc đấu trí hết sức ngoạn mục.

Cuối cùng không hiểu do hết đạn, hay sợ hết xăng, sợ về muộn mà tên giặc lái sà xuống rất thấp, nhưng không bắn loạt đạn nào cả, chỉ ném xuống một vật gì đó, mọi người tưởng nó ném lựu đạn, liền gào thét bảo Chấn nằm xuống đừng chạy. Nhưng vật đó không nổ. Chấn đi tới nhặt vật tên phi công Pháp vừa ném xuống thì ra đây là một gói kẹo với bao thuốc lá Cô-táp.

Có lẽ tên phi công của Pháp đã khâm phục trí tuệ thông minh, lòng dũng cảm của anh Bộ đội Cụ Hồ nên cuối cùng đã gửi quà cho anh...

Cái tết năm ấy ở phần đội thông tin thuộc Sư đoàn 304 có một thứ quà đặc biệt, đây là bao thuốc lá Cô-táp và gói kẹo. Kẹo Hà Nội chính cống. Hà Nội hồi đó còn trong vùng tạm chiếm nên có gói kẹo mang từ Hà Nội ra vùng tự do Thanh - Nghệ - Tĩnh là vô cùng quý giá, càng quý giá hơn vì không phải mang từ Hà Nội ra bằng đường bộ, mà từ trên trời xuống, món quà của kẻ thù tặng.

Bao thuốc lá và gói kẹo được đặt trang trọng bên cạnh lọ hoa. Cả chủ và khách chỉ ngắm thôi, không sử dụng bởi lẽ đó là kỷ niệm của chiến thắng vô giá...■

BÁO VĂN NGHỆ THỜI ĐẠN BOM...

TRẦN NHẬT THU

TÔI in bài thơ đầu tiên của mình là trên tờ *Văn nghệ* vào năm 1966 - năm Mỹ bắt đầu đánh phá ác liệt Quảng Bình và Khu IV cũ. Thị xã Đồng Hới xinh đẹp đầy hoa hồng và những cánh bướm trắng trên sông Nhật Lệ, nay tan hoang vì bom đạn. Thị xã nhỏ vô vụn thành gạch nát. Hoa hồng và bướm trắng không còn nữa. Dân Đồng Hới kẻ lên rừng sâu, người lặn lội về các làng hẻo lánh. Cơ quan Hội Văn nghệ sơ tán tận cái thôn Hoàng Phố, tôi là dân chính gốc mà chưa hề nghe tên. Đêm i ầm tiếng bom, tiếng đạn, pháo sáng giáng mắ khắp trời.

Tôi nhận báo *Văn nghệ* không phải qua đường báo biểu mà qua đường giao liên. Cứ hàng tuần, mỗi buổi sáng thứ bảy, tôi lội bộ hơn hai mươi cây số đến trạm bưu điện sơ tán trong nhà dân để nhận báo và công văn. Ngày đó tôi làm anh "điều đóm" cho các bậc trưởng thượng trong làng văn, làng thơ Quảng Bình.

Đưa cho tôi chóng báo mà sao cô nhân viên bưu điện buồn đến vậy, hai mắt sưng đỏ, mọng đầy nước và cũng không nói một lời nào. Tôi ái ngại, rồi bỗng hiểu ra.

Mấy tờ báo trên tay tôi, có tờ còn hoen vết máu, trong đó tờ *Văn nghệ* "bị" nhiều nhất. Thì ra tối qua, anh giao liên bằng qua vùng trọng điểm Quán Hàu đã lãnh trọn một quả rốc két. Thân thể không còn nguyên vẹn, thịt xương lẫn với cát bụi. Báo tung toé khắp nơi và người ta gom nhặt mang về đây. Tôi giờ từng trang báo *Văn nghệ* bị dính bết vì máu và dục. Bất ngờ tôi run lên vì có bài thơ *Viên ngọc Đồng Hới* của mình. Đến bây giờ tôi cũng không hiểu vì sao mình có cảm giác ấy. Run lên vì lần đầu tiên có thơ đăng hay run lên vì máu - máu của cuộc chiến tranh ngày càng khốc liệt trên quê hương mình...

Năm 1968, tôi được giải ba cuộc thi thơ của Tuần báo *Văn nghệ* - một cuộc thi thơ mà ngày đó người ta gọi là một sự kiện văn học.

Rồi tôi lội bộ từ Quảng Bình ra Hà Nội bằng các ngã đường, qua những vùng B52, qua dốc Sỏi, qua ngã ba Đồng Lộc, qua cầu Bùng... đầy đặc bom từ trường, có lúc cận kề cái chết. Đi, không phải vì giải thưởng mà muốn được tận mắt nhìn thấy các nhà văn, nhà thơ luôn hiện hữu trong trái tim non nớt của mình. Đi để được gặp các anh, các chị ở báo *Văn nghệ* từ lâu nghe tên, đã hằng gửi thư động viên, giục giã tôi viết và gửi bài từ tuyến lửa ra cho báo. Cái tình văn nghệ một thời vẫn còn hằn sâu trong ký ức.

Đã hơn 30 năm làm "công tác viên" của báo, để có được là mình hôm nay.

Nhưng tôi mãi mãi không bao giờ quên bài thơ đầu tiên được in và máu người giao liên đầm ướt tờ *Văn nghệ*.

Tôi ân hận đến bây giờ vẫn chưa biết người ấy tên gì, quê quán nơi đâu, và hồn anh có linh thiêng về họp mặt trong ngày xuân này của báo *Văn nghệ*...■

NHÀ thơ Trần Hữu Thung cũng là một tay thợ săn có hạng.

Khoảng năm 1990 anh bị ốm nặng. Các bạn đồng hương Nghệ Tĩnh làm việc ở báo *Văn nghệ* và chung quanh toà báo viết thư thăm hỏi, đồng thời quyên góp tiền gửi vào giúp, chúc anh chóng lành bệnh. Được biết các cơ quan chính quyền và Đảng của tỉnh cũng quan tâm giúp đỡ.

Hè 1998, nhân một chuyến đi "hành hương" vào Đồng Hới nơi tôi sống thời thơ ấu, tôi có ghé qua Phủ Diễn thăm anh chị. Hai anh em kể lại những kỷ niệm cũ, trao đổi sách tặng nhau và cùng chụp ảnh.

Không ngờ sau đó Trần Hữu Thung ốm trở lại và một năm sau anh qua đời.

Nhớ anh, tôi tìm lại những bức thư anh viết. Lời lẽ thân mật chân tình, về nên chân dung con người Trần Hữu Thung, nhà thơ của *Thăm lúa*, của *O Buổi*, của *Cò trắng phát thanh*.

Sau đây là đoạn trích một bức thư anh viết gửi cho tôi và Hoàng Trung Thông:

"Ngày 6-4-1991

Anh Bùi Hiền quý mến,

... Bây giờ Thung xin kể lại một mẩu chuyện có liên quan giữa Thung với anh Hoàng Trung Thông và anh. Vì không kể được thì không yên tâm anh ạ.

Áy là thế này.

Đạo đó những năm chống Mỹ ác liệt, cơ quan Hội Văn nghệ Nghệ Tĩnh sơ tán ở xã Đức Thành (Yên Thành).

Anh và anh Hoàng Trung Thông vào công tác đến thăm Hội và anh chị em. Trước hôm hai anh chuẩn bị ra Hà Nội, tôi và anh Lê văn phòng có bàn là làm một bữa cơm rượu sơ sơ để cúng vui. Tôi chợt nghĩ: Đạo các anh Huỳnh Chính đến, mình bắn được con vịt trời thốt. Rồi đoàn học viên trường Nguyễn Du vào thì bắn được một con diệc to. Chả lẽ đối với hai anh mình phải ra công có gì ý nghĩa. Thế là sáng hôm đó tôi ra chợ Sàng (hợp trong lòng núi) tìm gặp ông bạn phường săn, rủ cùng đi. Thấy mùa hè không phải là mùa săn nhưng tôi tha thiết bàn nên ông ta nhận lời. Thế là chiều

MỘT CUỘC ĐI SĂN... VỀ NHÀ

BÙI HIỂN

hôm đó tôi đạp xe đi. Nhà ông ta ở tận Đồng Cầu Yên Ngựa giáp Nghĩa Đàn cách Đức Thành 6km. Mà anh ạ, lập quán phường săn vốn mê tín, lúc đi phải giầu nếu "tuyên bố" với mọi người thì không may. Thế là tôi nói dối có việc cần ra đi, ý chắc nịch là sẽ mang về một con mồi ra trò (ít ra cũng là một con cáo hay con chồn bạc má) để anh em mình cùng vui suốt sáng, và cũng để khoe tài của tôi nữa chứ!

Thế là tôi đi và đêm đó, chúng tôi đi khắp nhưng không hề gặp mồi. Đến gần sáng tôi thấy bên đèn (tức mắt con mồi dơi vào đèn), tôi nổ súng, đến, thấy một con dẻ con lạc đàn!!! Ông Đức cụt tay, bạn săn bạc và sợ, vác súng về. Tôi vác con dẻ đến nhà nông trang mới đến hỏi vừa đúng là chủ con dẻ, xin đến. Ông ta hỏi tên rồi cười: Ở đây ta uống rượu, anh tôi đã biết, làm thơ bài *O Buổi* tôi đang thuộc.

T Trời rạng sáng, tiệc rượu chả ngon vui với tôi nhưng ông chủ và láng giềng với ông thì hề hã say ca.

Tôi cáo ra về, lòng ân hận và then. Đến cơ quan thì hai anh đã lên đường ra Hà Nội. Tôi nghe anh Lê nói: "Không ngờ anh Bùi Hiền uống rượu nhiều đến thế!" tôi càng ân hận.

Anh ơi! Đó là kỷ niệm hay là lỗi của Thung cũng đúng. Anh có gặp anh Thông nhờ anh kể lại cho anh ấy nghe vơi. Thung chân thành xin lỗi hai anh. Cái tật của thằng Thung là vậy, ngày học ở Quán Tín, anh em mình lên sông Đào tắm, Thung với thằng Liên (nay không biết ở đâu) thường trượt cống nước dài, chả kể nguy hiểm, anh nhớ chứ?

Thế đấy anh ạ. Năm ngoài ốm suốt chết mấy lần. Lúc nặng nằm nhớ các anh, nhớ bạn, nhớ những sai sót của mình lắm lắm.

Thế anh nha. Anh cho Thung đứng bút. Tay còn run. Viết nửa chừng thằng cháu lại lấy bút mực đi học. Thung phải đi mượn bút bi này của ông cảnh nhà.

Mền thơ

Chúc lần nữa: Chị, anh, các cháu nội ngoại an khang.

Thung"■

VIỄN PHƯƠNG

Tiến bạn qua cầu sa

Gởi Lê Anh Xuân

Sáng ấy bên cầu Sa
Tôi tiến em vào trận
Trời xuân đầy phong ba

Em vẫy tay tạm biệt
Nụ cười tươi như hoa
Em vào vùng đất chết
Nhẹ hơn chàng Kính Kha

Không có Cao Tiệp Ly
Tiếng tiêu sầu róc rạc,
Em và tôi đôi bờ
Gió phủ sa thom ngát.

Chim chiều bay về núi
Em chiều nay về đâu ?
Hoàng hôn mờ sương khói
Đường xa... lòng đất sâu.

Em hy sinh buổi ấy
Trong bãi lầy chiến tranh,
Lính Mỹ và lính nguy
Bảy điệu hầu bu quanh.

Em đi trời đất lặng
Tôi về nặng nhớ thương,
Chưa nói lời vĩnh biệt
Sao... hai miền quê hương ?

Năm tháng buồn xót xa
Chiều mưa qua cầu Sa
Nhìn đồng khói trắng...
Nhớ em lệ nhòa...

Xuân sang... mai nở rồi
mai rụng
Em cũng là hoa rụng
trước mùa

Như cánh mai vàng vương
sắc nắng
Em còn lưu mãi sắc
hương xưa.

11-2000

THANH THẢO

Quả si quả sầu trên cao

Nhớ anh Xuân Diệu

Anh thêm quả si chất chua chua
ngỡ cuộc đời bé bằng quả si ấy
"mau với chứ, vội vàng lên với chứ"
dù chỉ là chất chua chua

"mau với chứ, vội vàng lên với chứ !"
đời ngắn sao còn bao việc phải làm
có thú hàng nào quí dị như thời gian
khí bán rẻ như bèo lúc mưa thì vô giá

anh quen sống như người nghèo đi chợ
tính chi li từng phút từng giây
khoèo cầu thơ như thuở nhỏ khoèo me tây
đọc phố hè Quy Nhơn lấm bụi

hơn bốn trăm cuộc bình thơ hơn năm mươi
cuốn sách
buổi sáng giặt mình nghe lạnh lạnh

"cá bánh đường !"
dòng thơ cuối cùng chảy vội về quê hương
chảy ngược đến tuổi thơ vị Gò Bồi mẩn mẩn

chợt nhớ buổi chiều giữa thành phố lạ
anh và tôi ngồi lặng với hoàng hôn
mất dỗi theo chuyến tàu điện cuối cùng
vài chiếc lá thăm rơi như tín hiệu

lúc bấy giờ làm sao tôi hiểu
đó là lần cuối cùng tôi lặng lẽ bên anh
để nhận một điều gì từ thăm thẳm không gian
nơi quả si anh yêu nhỏ xanh như cúc áo

như cúc áo mà tít cao vời vời
cho suốt đời ta thêm khát kiếm tìm.
cái vị chất chua tan vào cổ họng ban đêm
cứ nghẹn nghẹn mỗi khi trời trở gió

"mau với chứ, vội vàng lên với chứ !"

PHẠM TIẾN DUẬT

Viết cho bé Liên Hà

Giao thừa Thế kỷ này cháu mới đầy năm
Mới bập bẹ tiếng đầu lòng tiếng Mẹ
Thế kỷ cũ lấm bùn cũng chỉ vì con trẻ
Bao gót son mai ngày có được chặng đường khó

Ồi đôi mắt rất to, đôi mắt rất ngây thơ
Thế giới của Liên Hà chỉ là gương mặt cha,
mắt mẹ

Một con khiêu rất to, một con yến rất bé
Một con mèo cụt râu. Thế giới nhỏ đường bao.

Quán rượu nghèo của bố rất ồn ào
Mấy ông say cãi nhau vì một nước l-rắc
Đôi mắt ngây thơ không hiểu đâu là ta

và đâu là giặc
"Toàn cầu hóa" thế nào mà súng nổ liên miên

Loài người là cái quần này chằng, vừa khốn
vừa điên

Sau này cháu lớn lên sẽ mỉm cười độ lượng
Nhân loại đang trưởng thành dần như cháu đấy
Bác cầu mong xui xẻo sẽ qua dần

Lá cờ của chúng mình, lá cờ của Nhân dân
Sẽ chằng bao giờ phai màu, bác tin tưởng thế
Như cháu lúc lớn lên càng thêm yêu cha mẹ
Tình yêu của con người sẽ cứu rỗi dương gian.

BẾ KIẾN QUỐC

Ngôi đền trong vũ trụ

Những ngọn sóng xanh lơ dội vào
bờ giấc ngủ
Tĩnh yên nào lóng lánh cặp mắt em
Trái tim đập xa vời trong vũ trụ

Ngọn lửa trắng như chiếc mắm đang ủ
Vô Biên ơi, Trái Đất mọc phương nào
Ai đánh rơi cả một chùm tình tử
Xuống Ngân Hà, sóng động suốt
dòng sao

Tiếng "NGƯỜI ƠI !" nồng ấm ngọt ngào
Bỗng đây áp không gian đang giãn nở

Đã có hướng. Và mắt tìm hướng đó
Hạt mặt trời liên tục đốt mình lên
Giữa hoang vu : Vàng chói một
ngôi đền...

NGUYỄN HOA

Với chùa Tiếu

Tiếc không về ngày mùa chín
Thị - trăng vàng lẫn lá gió xanh

Tiếc không có đêm nghe thể sự
Kiếp người phúc phận, đức lòng trong...

Lý gia lịch thạch (*) trời báo ứng
Thụ lộc quây quần bánh đúc tương

Cứu người như cây giải thoát
Niệm cây phỉen muối số an bài.

Sư cụ mừng một đồng trí tuệ
Một đồng sức khỏe đuổi chân mây !

(*) Bia đá thiêng nhà Lý : về sự phát tích của triều
Lý

TRẦN QUỐC THỰC

Con đề ngày ấy
lung đầy cỏ may

không để

nỗi buồn thơ ngây
lão xào gió bắc
phơi phong khắp trời

áo ai sắp cưới
bóng khâu gấu áo
bóng khâu gấu người

xa xa tháng chạp
gánh đào phai

VƯƠNG TRỌNG

Nghỉ tết người về

Nghỉ tết người về từ phía ruộng
Chân cạp núi rơm khô sạch bùn
Dép nhựa ít dùng, đi thấy vương
Cứ để chân trần bước thích hơn.

Nghỉ tết người về từ phía biển
Nu cười mỹ phẩm nở như hoa
Giày dép thời trang, quần áo diện
Trai làng chiêm ngưỡng, ngắm từ xa.

Người lên từ ruộng, người cày cấy
Lúa khoai muôn thuở vẫn nuôi người
Người về từ biển, nghề gì vậy
Mà sang, mà đẹp, trẻ trung ới ?

Xin xuân hãy mở lòng nhân ái
Đừng thúc trong ai những nỗi niềm
Gặp gửi lời chào, xin chúc hỏi
Để người đoan chính đến... ra giêng !

YÊN ĐỨC

Tháng giêng

Và một giêng hai
xanh lại bờ lau trắng
nắng trong suốt như hơi
nắng mà không nắng

Em đặt gót trần cỏ mềm bùn ướt
dắt trời ngan ngát hương
hương từ hoa, hương từ em
tơ non cả nỗi buồn
khắc khiêu cành khô cũng ấm

Trào dâng nỗi nhớ cánh đồng
Những khu vườn riu ran chim chóc
Những vòm xanh thấp lặc
Giêng ngang chiều con đề thăm màu xuân

Anh nhớ em nỗi nhớ tháng giêng
Nỗi nhớ của đất đai thai nghén
Của quần quýt bay đôi chim én
Của nồm vũ hống kẻ miệng bé sơ sinh

Ta bắt đầu đi em, cùng với tháng giêng
tháng giêng của năm hai nghìn lẻ một...

Tháng giêng 2001

ANH NGỌC

Tâm hồn anh...

Tâm hồn anh là một buổi chiều đông
Buồn chậm chậm ở ngoài khung cửa sổ
Lạnh và xám như mặt hồ nước ngủ
Như góc tường rêu phủ đã ngàn năm

Anh vẫn nghe ngọn gió của thời gian
Thổi hun hút trong hồn anh lặng lẽ
Thổi lơ đãng qua đến đài hoang phế
Thổi âm u trên gương mặt con người

Tâm hồn anh theo dòng nước trôi xuôi
Lâm con dò bập bênh trên khói sóng
Ngoài bãi vắng con vac gầy bất động
Tâm hồn anh hóa đá tự bao giờ

Những ngã đường lầy lội khuất trong mưa
Về đâu đó những bước chân vội vã
Quay bốn phía chỉ gặp toàn xa lạ
Anh một mình lạc lối giữa mê mông

Tâm hồn anh là một buổi chiều đông.

DƯƠNG THUẦN

Gửi thư Mừng Dôn

Nhớ em ở Mừng Dôn
Anh viết một lá thư
Ra bưu điện
Mua một con tem
Dán xong gửi bỏ vào thùng

Về nhà tối nào cũng đếm
Một ngày
Hai ngày
Một tháng...
Biết thư có tới em không
Hay thư đến em đã đi lấy chồng
Đến Mừng Dôn lội ba trăm khúc suối

Anh gửi một lá thư đi
Lòng càng thêm nhung nhớ
Thương em quê núi xa trên đó
Bản vắng rừng sâu lẫn lộn một mình
Lại thương thêm người đưa thư vất vả
Đường non lận lỏi vì tình anh

THANH QUẾ

Quên

Tháng năm rồi sẽ người quên
Bài thơ anh viết tặng em mận nồng
Quên ngày nhớ quên đêm mong
Quên con đường nhỏ ai chong mắt chờ
Quên như trong một giấc mơ
Rằng em - anh chưa bao giờ gặp nhau



KHÍ CHẤT...

(Tiếp theo trang 31)

- Em đã để tang anh đúng ba năm rồi nhé! Em đã sinh cho anh một chú thợ mỏ tương lai rất kháu khỉnh rồi nhé! Em vẫn giữ hòn than ngũ sắc của anh như biểu tượng màu sắc tình yêu. Vậy là lúc nào anh cũng ở bên em đấy nhé!

- Nhưng sao em không cho con về thăm mẹ anh?

- Để con lớn em mới dám dẫn về thăm mẹ. Nó rất giống anh.

- Hãy chăm sóc cho nó học hành đến nơi đến chốn.

- Mẹ em cứ giục em phải đi lấy chồng để thằng bé có cha. Nhưng em sợ...

- Đừng sợ! Cứ lấy chồng đi. Em còn trẻ, không thể để phí hoài tuổi xuân vì sự chung thủy với hu vô.

Liên không tin có ma, nhưng lại thích những cuộc đối thoại như vậy và đã nghe được những câu trả lời đúng của Nội. Năm sau Liên lấy chồng. Đó là một tay buôn đá đỏ đang phát với danh hiệu "Xuân tóc sâu" không chỉ vì anh ta có mái tóc sâu bên trái đầu mà còn cả vì cách ăn, cách nói uốn éo như con sâu rủa lá. Trông bề ngoài, anh ta cao ráo, khá đẹp mã, nhưng tính nết tũn mủn hơn cả đàn bà. Mua đất thủ gi anh ta cũng xuýt xoa như bị vấp ngã. Thực ra Xuân đã đeo bám Liên ngay từ hồi nàng mới đặt chân lên đất Hà thành.

Điều làm Liên hài lòng nhất là anh ta thực sự quý mến thằng Long và đã thuê hẳn một người giúp việc chăm sóc nó, đi đâu cũng khoe là "con trai tôi đấy". Đêm cưới được tổ chức ở nhà hàng Phú Gia rất sang trọng, chi phí mất mấy ngàn đô, không kể sợi dây chuyền mặt đá rubi của cô dâu giá trị mấy trăm triệu. Mãi sau này khi đi lễ đến Cửa Ông, Liên bị kẻ cắp lấy mất cái túi xách có sợi dây chuyền mặt đỏ, phải nhờ Hải cùng công an phường truy tìm mãi mới chuộc lại được, chỉ mất có 200.000 đồng. Ông chủ hiệu vàng là người sành đá đỏ, đã mua sợi dây đó. Ông còn cho Liên xem cả một hộp mặt đá giả đủ loại của Tàu, của Thái cũng lấp lánh mê hồn. Liên chẳng nói chuyện đó với chồng, chỉ vút sợi dây chuyền vào ngăn kéo bàn trang điểm và cảm thấy rất buồn. Nhưng buồn hơn, nhọc nhằn hơn là phải đi năn nỉ xin "mua lại" những thứ đồ trang sức mà chồng nàng đã "ưu ái phân phối" cho những bạn học cũ của nàng. Khi nghe Liên đang nghiên về trở lửa đỏ, anh chàng "Xuân tóc sâu" chỉ nhún nhử cười và tặc lưỡi:

- Thì anh cũng bị lừa xuýt sạt nghiệp, xuýt bị công số 8 nữa kia. Đời khổn nạn thế đấy!

Liên nghi ngờ cung cách làm ăn của Công ty vàng bạc đá quý mà chồng nàng đang giữ chức phó giám đốc. Nàng cũng nghi ngờ kiến thức đích thực của chồng bởi đã có lần anh ta nhầm lẫn "Bandắc là niềm tự hào lớn của người Nga" v.v... Nhưng Liên không thể hiểu nổi tại sao chồng nàng lại có thể loè bịp nàng, bắt nàng đeo mặt đá giả trong khi bộ sưu tập đá quý thật của anh ta lại giấu kỹ ở trong két sắt đêm nào Xuân cũng mang kính lúp ra soi, vừa ngắm vừa cười một mình mãn nguyện. Quả là màu sắc của những viên rubi rực rỡ lắm, hấp dẫn lắm. Nhưng Liên đâu có hám giàu sang, phú quý.

Chồng Liên đam mê cờ bạc hơn bất cứ thứ gì trên đời này. Anh ta có thể phóng xe vào tận Sầm Sơn ngồi trên thuyền đánh bạc suốt mấy ngày liền. Nhưng trai gái thì không. Liên biết rõ chứng bất lực của anh ta. Đó là điều khổ tâm nhất của hai vợ chồng. Nhiều đêm mùa đông Liên đã phải ngâm mình trong bồn tắm lạnh công cố quên đi sự khao khát thêm muốn. Ban đầu anh ta nói dối đang chữa bệnh viêm tuyến liệt phải kiêng cử một thời gian, Liên tin và vui vẻ ngủ với con. Quả là Xuân uống đủ loại thuốc. Nhưng lấy nhau một năm mà chưa hề ăn ái là chuyện lạ khó tin. Liên tìm đọc các loại sách về bệnh lý và trong niềm cảm thông sâu sắc với chồng nàng đã cố gắng gằn gù, tâm sự chuyện trò và tìm đủ mọi cách tạo niềm hưng phấn cho chồng. Nhưng đến cả thần dược Viagra của Mỹ cũng chẳng ăn thua gì. Anh ta đã cố hết sức và khi không làm được gì thì dầy vò thân xác Liên như một thằng điên. Sau này Liên mới biết thời trai trẻ anh ta hung hăng lắm, học chưa hết năm thứ hai Đại học Mỏ đã học chất đá bỏ đi đào vàng, đào đá đỏ, trở thành đại ca,

suốt ngày rượu chè, em út triển miên rồi đổ bệnh lậu và sốt rét ác tính phải quay về nằm bẹp mấy năm ở quê. Bố mẹ bắt lấy vợ, mong có cháu nối dõi tông đường. Cô thôn nữ về làm dâu nhà Xuân bị tiếng oan là "vô sinh", van lạy xin được ly hôn nhưng anh ta chỉ cười khẩy: "Rồi cô sẽ có con...". Mãi đến khi xây dựng cơ nghiệp kha khá ở Hà Nội, gặp được Liên, anh ta mới về quê kỷ đơn ly hôn cho cô vợ của anh ta và dọa nếu để lộ anh ta sẽ giết.

Trong lần về quê thăm mẹ chồng gần đây, tình cờ Liên đã gặp người đàn bà ấy. Chị ta đã lấy một người thương binh, tuy lớn tuổi và bị cụt chân nhưng đã cho chị một bé gái kháu khỉnh. Nhà họ nghèo quá, mãi tranh đã mực nát, chẳng có tí vị, chẳng có xe đạp. Liên dốc hết túi tiền nhét vào tay chị và nói:

- Lần sau về, em sẽ đưa chị nhiều hơn.

Người đàn bà ôm Liên thốn thức:

- Tôi có tội với cô. Đứng ra tôi phải nói sự thật cho cô biết ngay từ buổi đầu. Nhưng tôi sợ, tôi hèn, khiến cô phải mang gông khổ suốt đời. Tôi biết cách anh ta hành hạ đàn bà... Cô có bị thế không?

Liên ứa nước mắt, gật đầu...

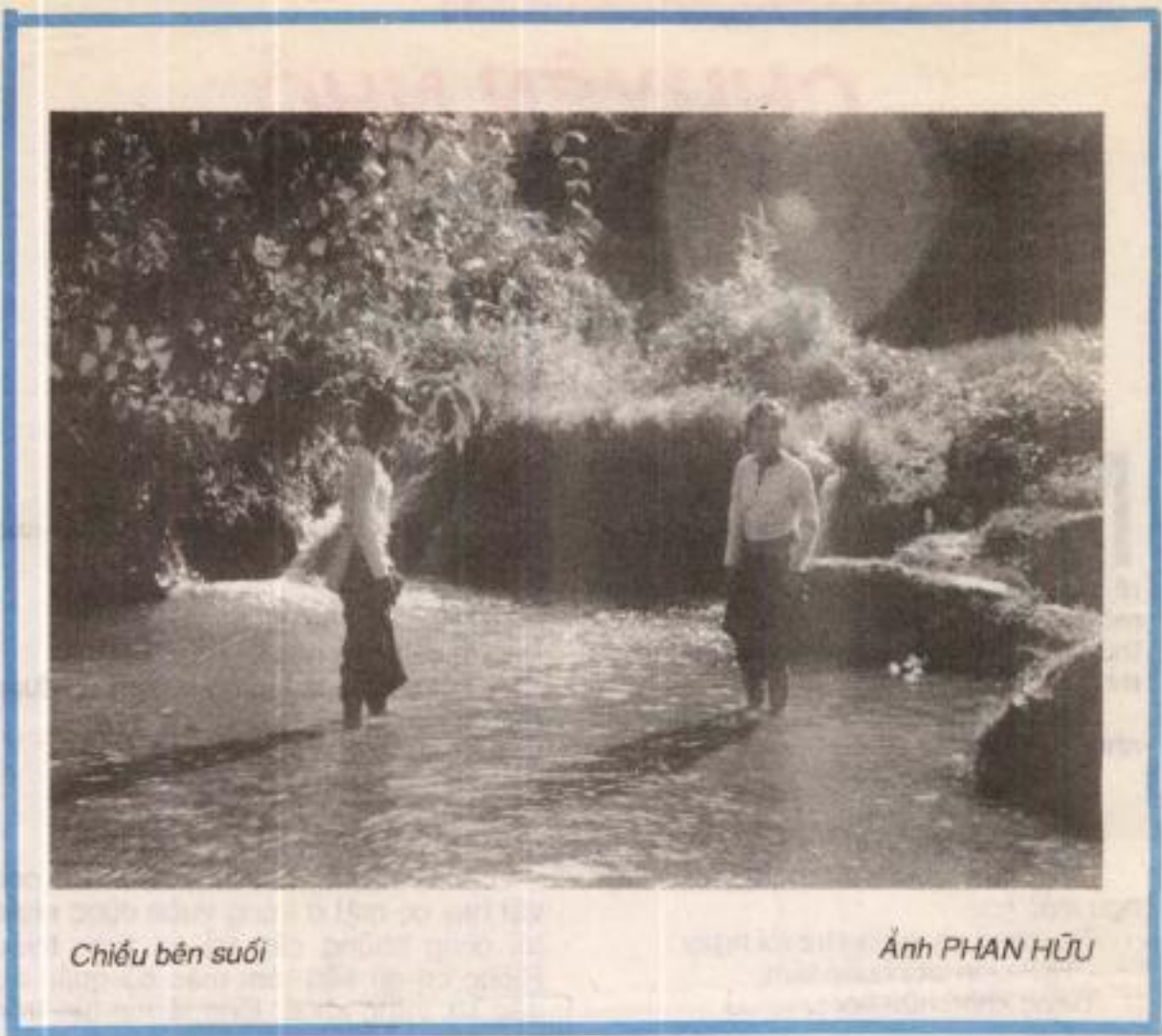
Nhìn vào cuộc sống của vợ chồng Liên, ai cũng ngỡ họ hạnh phúc lắm, sung sướng lắm. Có bao nhiêu gia đình phải giấu kín những bất đồng, những nỗi đau như Liên, thỉnh thoảng dặt tay nhau dạo phố, cũng vờ cười nói hoan hỉ với mọi người. Dù sao Liên cũng đã có một đứa con và nó đang khôn lớn trong sự cung chiều của chồng nàng. Đó là niềm an ủi lớn nhất, giúp nàng nhẫn nhục sống. Ban đầu Xuân con để cho Liên giúp việc trang trí ở một cửa hàng bách hoá. Nhưng vì có lúc phải làm đêm, anh ta bắt nghỉ việc. Cục đoạn hơn Xuân đã bẻ hết bút vẽ, ném giá vẽ vào góc nhà kho. Dù rất ghen, nhưng thái độ cư xử dịu dàng, lối sống có văn hoá của Liên và đặc biệt là sự nghiêm túc trong các mối quan hệ đã có tác động ít nhiều đến người chồng vốn "coi trời bằng vung". Tuy Liên không nói ra, nhưng anh ta biết khá rõ tình yêu của nàng đối với Nội và cùng với đứa con, hòn than ngũ sắc có ý nghĩa thế nào. Thời thì cứ để nàng "ngoại tình với quá khứ" còn hơn là nàng thâm thụt đi lại với bọn trai to béo mạp, hám của như khối vị mệnh phụ phu nhân đã mắc phải. Dù chưa bao giờ Liên dọa ly hôn, nhưng chồng nàng tự hiểu: trước sau gì điều đó cũng xảy ra. Thuốc men đủ loại chẳng có chuyển biến gì anh ta đi hết đèn chùa cầu khẩn. Thế rồi một gã thầy bói ở xó làng nào đó bỗng nhiên xuất hiện với lời phán quyết đúng vào khát vọng của anh ta, rằng: "Phải đập đá, dỡ bỏ mọi vật màu đen trong nhà và nơi làm việc thì mới lấy lại được khí chất đàn ông". Cái tử cụ đánh véc ni đen được thay thế bằng chiếc tủ ván ghép Singapore đóng theo kiểu Italia màu vàng choe, nẹp xanh lá cây. Toàn bộ khung ảnh màu nâu đen, tượng Phật bằng đồng hun đen cũng bị thay thế bằng nhũ vàng rực. Tất nhiên hòn than đen lấp lánh vân ngũ sắc được Liên nâng niu bao năm nay phải bị đập vỡ đầu tiên. Nhưng tất cả những điều đó cũng chẳng thể trả lại gì cho Xuân khí chất của người đàn ông. Mảng tóc sâu trên đầu Xuân đã ngả dần sang màu bạc trắng và người vợ càng ngày càng héo hơn, vật vờ như các xác không hồn. Có những buổi chiều nàng ngồi bên khung của sổ mắt đăm đăm nhìn rằng đỏ hoàng hôn, vừa hát ru vừa khóc, khiến anh chồng cũng phải động lòng nói rộng các khoản chi tiêu.

Vào một ngày cuối đông, có một người khách lạ tìm đến thăm mẹ con Liên với rất nhiều quà xuân. Đó là vị lương y, tiến sĩ rất nổi tiếng với những bài thuốc y học cổ truyền. Ông vui vẻ nói:

- Chị không biết tôi đâu, nhưng tôi thì không thể quên được hình ảnh chị ngồi ôm bộ quần áo của anh Nội buổi sáng cuối năm ấy! Vâng, tôi là một trong những người đã được anh Nội cứu sống. Năm nào tôi cũng về tháp hương ở Cửa Ông nhưng mãi đến hôm qua tình cờ gặp anh Hải tôi mới biết được địa chỉ của chị và cháu.

Hình như Hải đã kể cho ông tiến sĩ nghe hoàn cảnh của Liên nên trong số quà xuân còn có cả cho riêng chồng nàng mấy hộp thuốc "bổ thận tráng dương đặc hiệu" do ông đúc rút và phối chế thành công từ nhiều bài thuốc quý ngày xưa.

Đang ngồi soi lựa những viên đá rụ bi ở cuối phòng nghe nói đến tác dụng tăng lực của thuốc, cặp mắt Xuân hấp háy, rực sáng. Anh ta cuống quýt lấy rượu Martin



Chiều bên suối

Ảnh PHAN HỮU

XO mời khách và rút rè chia tay xin được bắt mạch.

Ông tiến sĩ vui vẻ thăm mạch, quan sát thần sắc của Xuân, hỏi han đôi điều rồi chậm rãi nói:

- Sinh lực giới tính không chỉ được nuôi dưỡng, bồi bổ bằng cao lương mỹ vị. Có những bệnh thuốc chỉ chữa được một nửa, còn nửa kia thuộc ý thức của con người. - Ông tiến sĩ mỉm cười, ngăn không cho Xuân rót thêm rượu và tiếp: - Có những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống tưởng là vô hại nhưng lại dễ dàng làm ta mất dần khí chất đàn ông hoặc mất dần nữ tính. Đam mê ma tuý giết chết mọi đam mê khác. Đam mê tiền bạc, quá cũng vậy. Giành lại khí chất của một con người là một cuộc chiến đầy khốc liệt chỉ có thuốc thang thôi không đủ mà phải có nghị lực, phải dũng cảm thay đổi nếp sống, nếp nghĩ. Phải biết làm nhiều việc tốt đẹp cùng với sự rèn luyện thân thể thường xuyên sẽ tạo nên sự khoẻ khoắn cho cả thể xác lẫn tâm hồn...

Nghe lời khuyên của ông tiến sĩ, Liên mua châu hoa, cây cảnh, nuôi cá, nuôi chim, sơn lại ngôi nhà, trang trí lại phòng ăn, phòng ngủ và tỏ ra chăm sóc chồng con nhiều hơn, vui vẻ hơn. Từ đây sâu của một tâm hồn đã bị màu sắc của đá quý đóng băng, trong óc Xuân bỗng loé lên những mảng màu ấm áp của tình thương yêu và bao ý nghĩ mới mẻ:

- Nàng đã chịu khổ vì ta, đã cản ràng chung thủy với ta. Lẽ nào ta không thể cao thượng vì nàng được sao? Không thể đem lại niềm vui cho nàng được sao? Phải tìm lại cho nàng hòn than ngũ sắc, phải mua kỳ được bức tranh "Chiếu Bái Tử Long" và phải trả lại giá vẽ cho nàng...

Chuông điện thoại réo. Liên vẫn nằm im. Cô giúp việc đỡ ống nghe rồi cầm máy lại cho nàng: "Điện thoại của bà".

- A lô! Vâng, tôi đây! Xin lỗi, tôi đang được nói chuyện với ai ạ?

- Không nhận ra bạn cũ nữa à? Lê Hải đấy!

Liên ngồi dậy, sôi nổi hẳn lên:

- Sao anh biết số điện thoại nhà em?

- Chồng em vừa ở đây. Anh ấy nhờ anh kiểm cho hòn than ngũ sắc.

- Có kiểm được không?

- Không!

- Khó thể kia à?

- Đó là loại than angtraxit đã ngấm các loại dầu thải đổ bừa bãi hàng chục năm trăm tích mới tạo nên màu sắc. Bây giờ mỏ than đã có các bể lắng lọc dầu, không một người thợ nào được phép để vương vãi dầu mỡ ra nền đất, nền than. Vì thế sẽ vĩnh viễn không còn những hòn than màu ngũ sắc nữa. Mà em đừng buồn! Trân trọng nhưng không nên luyến tiếc, găm nhấm mãi nỗi đau. Cái mất này là chuẩn bị cho ta những cái khác lớn hơn. Những sắc màu không nhìn thấy được bằng mắt mới khó tìm.

- Anh chỉ định nói có thể thôi à?

- Còn nữa! Đây mới là điều quan trọng. Bà Don vừa mất chiều nay. Em nên đưa cháu đích tôn của bà về chịu tang.

- Sao anh biết thằng Long là cháu bà Don?

- Anh biết hết mọi chuyện. Mà nó giống cậu Nội thế, lạc vào đâu được.

- Em đã xem bức tranh "Chiếu Bái Tử Long" của anh. Đẹp lắm! Em muốn mua.

- Chính nhờ những tài liệu và cái giá vẽ em để lại ở nhà Nội mà anh vẽ được bức tranh ấy đấy. Cứ xuống đây, anh tặng em tất. Tặng cả cuộc đời còn lại của anh nữa.

- Nói thế mà không sợ cô Thương xé xác à?

- Cô ấy bỏ anh theo ban tình mới sang Canada rồi. Còn chồng em thì đã đồng ý giải phóng cho em. Anh ấy đã kể hết... và thực sự muốn làm điều gì đó tốt đẹp cho em.

Liên lặng đi hồi lâu không hoàn toàn tin chồng mình hào hiệp thế, đổi thay nhanh thế, nhưng nàng vẫn rất vui, giọng sôi nổi, quyen rũ:

- Thế còn anh?

- Anh đã mê những sắc màu ẩn kín trong tâm hồn em ngay từ hôm đưa em đến nhà Nội mua sư tử than. Nhưng hồi ấy anh sợ...

- Sợ gì?

- Sợ mình xấu xí, hèn kém. Vả lại Nội nó xứng đáng hơn anh. Lâu nay anh vẫn mơ tưởng có ngày gặp em. Anh nỗ lực học vẽ chính vì điều đó. Mà tại sao em lại có thể quảng bút vẽ đi dễ dàng vậy? Hãy cầm bút, ta sẽ thấy cuộc đời đẹp biết bao trước muôn vàn sắc màu rực rỡ, tốt lành. Mong sớm gặp lại em...

Có tiếng còi ô tô và chiếc Toyota Camry màu đồng quen thuộc đỗ lại trước cổng. Liên nhận ra chồng nàng khẽ nề ôm một tảng than bước vào, giọng từ tốn, vui vẻ khác thường:

- Anh sẽ ngâm tảng than này trong dầu. Chắc chắn rồi nó sẽ tạo ra được những vân màu rực rỡ. Cùng với nó, anh muốn trả lại cho em tình yêu và hạnh phúc đích thực.

Liên xúc động nhìn chồng đang thân trọng đặt tảng than vào chiếc hộp kính do người lái xe vừa bê tới. Dù biết đây chỉ là một việc làm mang ý nghĩa tượng trưng, Liên vẫn hôn lên má chồng, giọng triu mến:

- Em cảm ơn anh rất nhiều!

Ngày hôm sau Liên còn ngạc nhiên hơn khi đang chuẩn bị hành lý đưa con về Vùng Than, nàng nhận được tờ đơn ly hôn đã có chữ ký của chồng.

- Anh đã nghĩ kỹ rồi. Không thể làm khổ em mãi được. - Ngừng lại nuốt nước bọt, gãi vào mảng tóc sâu, Xuân thổ dài và giọng cười, chân thành nói tiếp: - Đây là giấy thông hành vào đời của em. Chiều nay anh sẽ bay sang Đức dự triển lãm quốc tế. Có thể anh ở lại chữa bệnh khá lâu. Mong em tìm được hạnh phúc đích thực của mình. Lê Hải là một người tốt và hình như cũng rất yêu em.

Đúng là Lê Hải đã có lần tỏ tình với Liên khi Hải đến thăm nàng mới sinh con, nhưng Liên chưa bao giờ chờ đợi điều này. Nàng cố đọc những ý nghĩ trên gương mặt đau đớn mà thanh thần của chồng. Hoá ra con người nào cũng có những khoảng sáng, những sắc màu nội tâm đa chiều mà chỉ ở những thời điểm nào đó mới lấp lánh, mới cho ta nhìn thấy. ■

Thu đóng 2000
V.K.N.

CHUYỆN NHỎ TRONG VƯỜN XUÂN

Chuyện kể của PHONG THU

MÙA xuân đến rồi. Trên cành mận, cành mơ tro trọi, những chiếc mầm bé xíu hé mắt ra nhìn hơn hớn. Ôi, dịu quá. Cái rét đang bị nắng ấm xua đi. Đám sương mờ loang dần. Ấy là lúc cảnh vật đã thức giấc. Trong tiếng véo von của hoa mĩ, có lời trong trẻo:

- Này, chúng mình nói chuyện "giá như" một lúc đi.

Có tiếng khác hỏi lại:

- Giá như thế nào?

Tiếng trong trẻo trả lời:

- Giá như... các cậu mầm bé cứ nằm ngủ mãi?...
Tia nắng sà xuống trả lời ngay:

- Thì vườn cây buồn lắm.
Tiếng khác nữa hỏi:

- Giá như hoa mĩ đi vắng?
Hàng cây trả lời:

- Thì mọi người sẽ nhớ tiếng hót của hoa mĩ.

Lại nghe hỏi:

- Nếu bác cóc đi vắng thì sao?

Tất cả nhón nhạo:

- Thì chúng ta không biết trước được những cơn mưa.

Hỏi nữa:

- Nếu cô giun đi đâu ấy thì sao?

Chùm rễ cây đáp:

- Thì đất sẽ rắn lại mất.

Lần lượt, các loài chim và các con vật hay có mặt ở trong vườn được nhắc tới cùng những câu trả lời thân thiết. Riêng có gã sâu róm mặc bộ quần áo sặc sỡ, vàng choé, lông lá tua tủa trên

cây ổi là không thấy ai nói gì. Nó cứ chờ, chờ mãi... rồi nhún hún cái đầu đen sì và hàm răng đỏ lôm lôm lên ngo ngoe:

- Thế !... Thế tôi không ở đây thì làm sao nào?

Không có tiếng trả lời. Nó tức lắm, gào lên:

- Thì sao nào?

Chị gió đã nghe thấy hết câu chuyện "giá như" ở trong vườn. Chị liền lướt tới

lay mạnh cành ổi ngã bên bờ ao và trả lời:

- Thì sẽ bớt đi một kẻ ăn mắm bẻ, lá non của cây!

Gã sâu róm bị hất lộn xuống mặt nước.

Bỗng nghe "bùm" một cái! Chị cá mè đã nổi lên tha sâu róm xuống đáy ao.

Câu chuyện nhỏ trong vườn xuân lại tiếp tục...■

MINH HỌA
VŨ HUYỀN



Minh họa của VŨ HUYỀN



NGUYỄN XUÂN THÂM

Ếch sợ ngà

Cái ao bèo sau mưa
Đầy bóng cây bóng nắng
Đầy muớp thả hoa vàng
Vào buổi trưa vắng lặng.

Không cần câu lưỡi câu
Lại tính chuyện câu ếch
Kéo nhau ra bờ ao
Mấy chú bé lếch thếch.

Núi lá bèo, ếch cồm
Mắt nghiêng ngó nhìn trời
Em buộc cái hoa muớp
Vào đầu dây làm mối.

Thấy hoa rơi trước mắt
Ếch vội vàng chớp ngay
Bị giật lên sợ ngà
Ếch không dám buông tay.

ĐINH HẢI

Xem cháu vẽ tranh

Hải Duy thích vẽ mèo
Mèo con quanh mèo mẹ
Ngó nghinh chưa, mèo bé:
Bé tẹo đã có râu!

Ông xem tranh, lắc đầu:
- Mèo mẹ nhiều râu nhất!
Hải Duy tròn xoe mắt:
- Mèo... chú phải người đầu!

Ông cười xòa, rung râu:
- Ô, cháu ông có lý!

NGUYỄN BAO

Dòng sông tuổi thơ

Dòng sông tuổi thơ
Ngọt lành như sữa
Uốn mềm dải lụa
Lượn quanh đồng làng

Nước trôi để lại
Bãi ngô phát cò
Thuyền xuôi để lại
Mênh mang giọng hò

Êm êm sóng hát
Hòa lời mẹ ru
Dòng sông trong vắt
Động mãi tuổi thơ.

CỦ cuối vụ đông, cây trang nguyên đầu làng Ái Mộ lại nở hoa, dưới tán cây trang nguyên là trường mẫu giáo của bé Hoa. Cha của Hoa cứ sáng sáng đưa con tới lớp, bao giờ em cũng dặn:

- Chiều cha đón con sớm nhé!

Nhưng sáng nay khi cây trang nguyên nở hoa đỏ, hoa tròn đầy trên cây, Hoa dặn cha:

- Chiều cha mang giá vẽ đến sớm cho con.

Vốn chiều con, cha mang giá vẽ đến, Hoa vẽ trước sân và nói với cha:

- Cha có thấy cây trang nguyên đẹp không?

- Đẹp, nhưng con vẽ sẽ chẳng đẹp.

- Con sẽ vẽ đẹp cho cha xem.

Cha Hoa tủm tỉm cười, ông biết có nói với Hoa thì phải nói ngược lại, nếu bảo vẽ đẹp thì Hoa vẽ không đẹp và nói ngược thì cô bé vẽ chắc thành công, nói xong, ông lại lặng lẽ để một mình Hoa ngồi vẽ.

Buổi chiều trên sân mẫu giáo, nắng đông ít ỏi còn vương lại trên sân trường, cô bé cặm cụi vẽ, chiều tối, Hoa vẫn vẽ. Khi cha Hoa đi vội vã từ nhà ra trường đón con về, ông không ngờ mớ hôi trán Hoa vãi ra đám đĩa, cây

CÂY TRẠNG NGUYÊN

TRẦN THỊ THẮNG

cọ vẽ trên tay kỳ rất nhanh bên góc trái bức tranh. Ông đỡ chiếc cọ trên tay con gái chưa kịp đưa mắt nhìn bao quát bức tranh thì Hoa đã nói hỏn hển:

- Cha ơi đây là cây trang nguyên do anh Hoàn trông hoi còn chiến tranh, cô giáo con bảo thế. Con vẽ cây trang nguyên chính là anh Hoàn đấy.

Cha ôm con vào lòng. Ông biết rằng đây là bức vẽ đẹp nhất mà Hoa đã vẽ, là sự cảm xúc mạnh mẽ mà cô bé được cô giáo truyền sang.

Làng Ái Mộ của Hoa sống có bao chuyện vui buồn cùng cây đào, cây quất, cây thiên tuế, vạn

tước mà người làng Ái Mộ ưa trồng. Nhưng có một cây trang nguyên dưới lớp học của Hoa bao giờ cũng nở hoa suốt từ mùa đông sang mùa xuân. Hoa trang nguyên đỏ và đẹp rực rỡ, Hoa yêu nghề vẽ của cha nhưng Hoa cũng yêu câu chuyện làng kể để có một bức tranh vẽ hoa trang nguyên.

Cô bé Hoa giờ này đã học lớp ba, bức tranh vẽ cây hoa trang nguyên, họa sĩ cha vẫn treo cẩn trọng giữa nhà. Lần đầu tiên ông biết cảm xúc nhỏ nhoi của con ông được tạo ra từ câu chuyện thật mà như huyền thoại của làng.

Cây trang nguyên trong bức tranh đi suốt bốn mùa mưa nắng, dẫu đào phai, bích đào hay cây quất vàng sum suê quả được kê trong nhà nhân ngày tết. Nhưng cây trang nguyên vẫn nở đẹp, hoa đỏ tròn xoe, cái màu đỏ của trí tuệ của tâm hồn cứ lớn dần trong cô bé Hoa. Làng Ái Mộ bên bờ sông Hồng với tấm lòng ngưỡng mộ về thủ đô, một vọng gác của Hà Nội: Ái Mộ, Bồ Đề, Gia Lâm có cây lá đỏ trang nguyên luôn gác cổng cho Tháng Long. ■

Minh họa của TÔ CHIÊM



CHIEM
2000

QUẢ bom Mỹ lần đầu ném xuống Hà Nội trong chiến tranh phá hoại đã rơi vào phố Huế mùa Hạ 1967, còn những trái sau cùng là những chùm đã trút xuống khu Khâm Thiên vào đêm tháng Chạp 1972. Những năm ấy gần như vòm trời trên đầu chúng ta lúc nào cũng xanh đến nóng ruột. Người Mỹ thích đặt tên cho các chiến dịch; hồi đánh dọc Đường 5 họ gọi là *sấm rền*, còn đánh Hà Nội thì được gọi là *biển lửa*. Đấy đâu phải là những từ văn vẻ, nó là một sự thật. Mục đích cuối cùng của những cuộc tiến công ấy là nhằm triệt phá tận gốc ý chí độc lập, thống nhất của một dân tộc, là bất đối phương phải chịu khuất phục bằng vũ lực.

Vào những ngày tháng sôi sục đó, bộ đội phòng không nẩy ra sáng kiến đua súng máy lên đỉnh cầu Long Biên. Đứng là đối mặt với quân thù. Có cả thảy tám khẩu 14 ly 5 được đặt trên tám nhíp. Những người lính trẻ quê quán gần như đều ở các làng trong vùng châu thổ sông Hồng cả. Họ thay nhau leo lên leo xuống một ngày vài ba lần, lấy cơm nước, tắm giặt, khi lên khi xuống để dần dò nhau dùng có nhìn xuống để chống mặt. Lại đang giữa mùa đông, đứng ở trên cao mới thấy gió lạnh lùa đủ lắm. Có bà mẹ tìm lên thăm con, bà cụ cú ngắc mặt lên gọi con mà ràn rụa nước mắt. Chưa kịp đánh trận nào bằng lại có lệnh tháo gỡ cả xuống, trong một vài ngày phải mang hết súng vào thành phố, đặt lên những nóc nhà vững chãi nhất, chẳng hạn như nóc Học viện Thủy lợi, nóc Hội trường Ba Đình, nóc Nhà Bàng, nóc Nhà hát Lớn; ở một nóc ngôi nhà dân trong Hàng Buồm cũng thấy có một khẩu. Nghe nói đấy là theo lệnh của Bác. Người gọi đồng chí chỉ huy lên và bảo: "Làm sao phải thế, cho các cháu xuống".

Ở bên đường Cổ Ngư mé Hồ Tây cũng thấy có đặt một trận địa nổi. Hàng mấy trăm chiếc thùng phuy được ken xít vào nhau bằng những sợi cáp to, bên trên lát ván. Bình thường không sao nhưng mỗi lần nổ súng cả người và pháo đều nhảy lên, chao như chao vông. Đó là những khẩu 37 ly phục ở đấy để đón lõng máy bay bay thấp. Đêm nào anh chính trị viên cũng xách đèn bão đứng trước hàng quân xác định nhiệm vụ, chúng ta ở đây là bảo vệ các cơ quan Trung ương, bảo vệ cầu Long Biên, nhà máy điện Yên Phụ và chùa Trấn Quốc.

Trong chùa Trấn Quốc lúc đó có bếp anh nuôi, lại thêm một đơn vị công an kéo ra ở nhờ nhà chùa, phải tới một trung đội. Ban ngày thấy họ ngủ, họp hành cũng ít, nhưng đêm đến là gọi nhau đi mất hút, sáng bánh tưng lộp lộp lượt quay về. Chỉ có thể nói là hết sức bí hiểm và quan trọng.

Vị sư trụ trì tuổi đã cao lắm, đôi mắt già nua nhuộm màu sương khói. Cụ thường ngồi tiếp chuyện tôi bên thềm nhà trai, trong tay là một chiếc chày gỗ và một chiếc cối gỗ nho nhỏ. Hôm ấy thấy cụ già vài lát gừng, hôm lại thấy cụ già nắm lá tía tô, kinh giới. Một lần tôi hỏi, thưa cụ sao trong chùa lại có treo tám đại tự với hai chữ Trấn Bắc. Cụ thủng thảng hỏi lại: Anh cũng có chữ Hán? Cháu chỉ lồm bồm vậy thôi, thuở bé ở nhà quê đến trường học quốc ngữ, về nhà vẫn phải học thêm Hán tự, cháu là một thứ đồ bùn cụ ạ!

Nhà sư già gạt chiếc cối gỗ sang một bên quay vào nhà trong mang ấm chén ra thêm pha trà mời tôi cùng uống. Cụ thêm nói chuyện. Giọng cụ nghe thều thào lúc xa lúc gần, nhiều lúc đang nói cụ bỗng ngừng lại nghĩ vẩn vơ đầu đầu, tôi đoán rằng những lúc đó cụ đã quên bằng là có tôi đang ngồi hầu chuyện.

Đấy là lần vua Minh Mạng tuần du

THẬP NIÊN TÂM SỰ CỘNG THANH THIÊN

Tuỳ bút của ĐỖ CHU



Mình họa của NGÔ XUÂN KHÔI

Bác Hà, ngài có tới thăm chùa này và đã hạ thánh chỉ cho đổi tên chùa là Trấn Bắc. Đã có Huế là kinh đô rồi thì ngoài này cái gì cũng phải xuống cấp. Cũng như khi Gia Long lên ngôi thì Thăng Long được gọi là Hà Nội. Vùng đất có cái thế rồng chầu hổ phục nằm ở giữa trời đất, bỗng chốc chỉ còn là một cái tên nôm na tầm thường, đất trong sông. Cho nên Bà Huyện Thanh Quan mới có thơ, "*Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo; Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*". Anh có tưởng tượng nổi khi bóng chiều phủ xuống những bờ thành ngoài của Tây, của Bắc kia nó khiến ta nao lòng đến thế nào không. Năm Tây lấy thành Hà Nội lần đầu, hình như là năm 1873, cụ Nguyễn Tri Phương bị trúng đạn ở bụng trong lúc đốc quân kháng cự, vào cuối trận đánh, thấy thế ta đã núng lảm rồi, cụ bèn gọi người con trai đầu cụ lên bờ thành, để nhìn thành phố một lần nữa. Cụ là tướng giữ thành, phải chết ở trên thành. Tây lấy được thành nhưng tự liệu thấy chưa giữ nổi, chưa sống yên được bèn rút ra ngoài, phải mười năm sau đó, là năm Giáp Thân 1884 chúng mới quay lại lấy thành lần thứ hai, lần này thì ở hẳn, thiết lập Nhà nước thực dân. Với dân mình đó là mười năm mang rất nhiều tâm sự. Quan giữ thành là cụ Hoàng Diệu. Lúc mất thành là vào buổi chiều, cụ một mình bước vào Võ Miếu thắp hương khấn vái nhân lối trước Tổ tiên rồi tuần tiết bằng một dải lụa bạch. Trước hai cụ ít lâu, Hà Nội còn có một quan tổng đốc nhân cách cũng lớn lắm, đó là cụ Trần Bích San. Cái chết của cụ có lẽ chỉ có con cháu trong nhà mới rõ thực hư. Rất nhiều năm sau người ta vẫn đồn thắm rằng đã nuốt đầy giấy bản vào ruột mà chết. Năm ấy cụ tròn ba mươi bảy tuổi, là một trong sáu người được vua Tự Đức cất cử làm đại diện Nam Triều qua Pháp thương thuyết. Nói là thương thuyết nhưng thực là sang để cắt ba tỉnh miền Nam Bộ cho họ. Biết vậy cụ Trần bèn chọn lấy cái chết cho mình. Cụ Phan Thanh Giản là trưởng đoàn thì không thoát thác được, sau đó về nhà nhục không chịu nổi cũng uống thuốc độc mà mất. Cụ Nghè Trần Bích San đỗ tam nguyên năm hai mươi nhăm tuổi, được giữ lại trong triều làm quan luôn. Tuổi trẻ tài cao, về sau dễ gặp sương giá nghiêm trọng. Lúc nghe tin con trai đỗ đầu cả ba kỳ thi, thân sinh của cụ là cụ Nghè Trần Doãn Đạt đã ôm mặt khóc rồi làm một bài thơ gửi vào Huế dặn con trai. Thơ có câu, "*Hữu thức vô nan nan thức đảo. Vô danh bất hoãn hoãn danh phủ*". Làm một người có hiểu biết không khó, khó là thành một người hiểu biết thấu đáo. Vô danh không hèn, hèn là những kẻ mang danh hào, hư danh. Các cụ đều đã giữ trọn danh tiết, để lại tiếng thơm muôn đời. Phải gánh vác việc nước vào lúc nước suy là cầm chắc gặp ghềnh nông nổi cay cực, cay cực không sao thổ lộ được cùng ai. Những cái chết như vậy bao giờ cũng là những an ủi lớn, làm giàu có và cố sức thúc đẩy mạnh tinh lịch sử.

Hiện nay trước cổng gò Đống Đa vẫn đang lưu giữ câu đối của cụ Nghè Liên làm. Lấy có trùng tu Trung Liệt miếu tưởng niệm công lao hiển hách của Quang Trung, nhưng kỳ thực là các cụ còn muốn gửi vào đấy những tâm sự của các trí giả trong thời mất nước. Đó là lời diếu, là những buồn thương, những uất hận, và niềm kiêu hãnh của con cháu trước vong linh các bậc liệt sĩ đã ngã xuống trong hai cuộc chiến đấu giữ thành Hà Nội. Là muốn gửi gắm vào đấy một niềm tin bất diệt về sự trường tồn của dân tộc Việt Nam.

Câu đối ấy đọc là, "*Thủ thành quách thủ giang san, bách chiến phong trần du xích địa - Vi nhật tinh vi hà nhạc, thập niên tâm sự cộng thanh thiên*". Dịch là: Đây thành quách giang sơn gió bụi trăm

trần nhu được thu cả về khoảnh đất nhỏ này - Kia trăng sao tinh tú, tâm sự mười năm ấy tưởng cũng đủ để sống mãi cùng trời xanh.

Xem đấy để biết không có cái đau nào bằng cái đau mất nước. Không có tủi nhục nào đáng sợ hơn tủi nhục mất nước. Có nước mà không biết giữ, để xềnh tay thì chỉ còn có cách nhìn nhau mà ngậm ngùi. Thật quả là trở trêu, đến lúc ấy chỉ một cô me tây cũng đủ làm đảo điên tất cả. Anh có biết ai đã đứng ra mộ phu phá thành Hà Nội hồi cuối thế kỷ trước không. Đấy là nhà chị Tư Hồng. Một cô gái vùng đồng chiêm Phú Lý đi mua gà về bán cho Tây, rồi lán la thành vợ một viên quan ba. Tây tổ chức đấu thầu phá thành, chị ta dự thầu và trúng. Thiếu nhân công thì về làng mộ lấy vài trăm gia đình. Chỉ mấy tháng chị ta đã phá tan cả bốn bờ thành, số gạch mang ra xây được cả dãy phố của Đông. Vào lúc vận nước đã xuống bao giờ cũng thấy có lắm sự lố lằng kỳ lạ.

Ta hãy cú nhìn vào hai chị em bà chúa Chè đủ rõ. Quén binh nghiêng thiên hạ, họ coi cái đất kinh kỳ này không bằng một con muỗi. Cho nên mới dám hô đám kiêu binh mắc mừng giữa ban ngày ban mặt giữa đường giữa chợ để mà vật con gái người ta ra. Ghê gớm thật, con người ta khi được thời được thế là sinh ra nhiều tệ hại, nó là những vết nhơ nhục rất khó gột tẩy, là nguồn cơn chuẩn bị cho con cháu mỗi khi bước ra đường không còn dám ngẩng mặt lên. Cũng bởi biết con người ta là lắm chứng tật cho nên người xưa thường khuyên "quan tể nếp tường mà đi". Người xưa dặn ta sống một ngày là giữ sạch mình một ngày, là khiêm cung nhân ái, chẳng ai dạy ta sự bừa bãi cầu thả.

Một lần cụ dạy tôi, trong những ngày cả nước lâm nguy thế này, bạn thì bạn, nhưng dù bạn mấy có dịp anh vẫn cứ nên lảng vảng tạt qua những nơi vốn vẫn được gọi là chốn xưa cảnh cũ của Hà thành. Những chỗ ấy giờ sắp hoá phế tích cả rồi, tuy vậy nó vẫn còn giữ được nhiều dấu vết của cổ nhân, đủ để đời sau ngẫm ngợi. Đấy là những pho sứ tướng tàn mạn mà rất công phu, được đặt giữa trời giữa đất, đặt trước mắt tất cả mọi người, mọi thời, nhiều khi nó còn toàn bích hơn cả những pho sứ được cất giữ kín đáo trong cơ mật viện của các triều đại đã đi qua. Tôi thuở trẻ là người cũng ham đọc kinh sử, đọc rồi gấp sách lại nhìn ra ngoài đời bỗng giạt mình mà hiểu ra rằng mình chỉ còn mỗi một con đường nấp nhờ cửa phật là hay hơn cả.

Lúc xây đền Ngọc Sơn trên Hồ Gươm, các bậc khoa bảng căn nhắc mãi vẫn không biết nên rước ai vào thờ ở chỗ ấy cho phải nhất, sau cùng các cụ bảo nhau hơn hết thấy chỉ có đức thánh Trấn mà thôi. Cũng từ cái đức lớn của Ngài mà cụ phó bảng Nguyễn Văn Siêu mới ghi ra được mấy câu để ở cổng trong cửa đền, "*Luân sư thường tôn trung hậu lâm, vật đại phân hắc bạch, vi văn bất tác khinh bạc ngữ, đồ tự sinh thu hoàng*". Khi xem xét việc đời nhớ là phải lưu lại lấy một chút lòng trung hậu, chớ có rết róng chuyện đúng sai quá, văn chương thì phải tránh dùng những lời khinh bạc cao ngạo, càng không nên hoa mỹ son phấn mà làm gì.

Rồi anh lại phải qua Văn Miếu. Đó cũng là chỗ linh thiêng huyết mạch chẳng kém gì Hồ Gươm. Có nhiều chỗ bị tàn phá phải xây cất lại mấy lần, chỉ riêng chỗ ấy là thấy mỗi thời lại được xây dựng thêm một ít. Đến thời Nguyễn thì trong Huế có Văn Thánh, cũng là văn miếu cả đấy. Tuy vậy, vào thời Gia Long các cụ ngoài này vẫn tiếp tục cho xây Khuê Văn Các. Khuê Văn Các mới có từ đó. Ở trong nhà Văn Miếu giờ vẫn đang để ba chữ "*Tập đại thành*". Thế nào là tập đại thành đây? Đấy là mấy

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)

"GIÀ KHƯƠNG"

TRINH ĐƯỜNG



Ong ở Mậu Dương
Hay là An Trạch,
Né Châu, Xích Đằng?
Đầu cũng bỏ mương
Bạt ngàn nhãn bưởi
Ong về quê mới
Khéo đi nhăm đường

(Quê ông, 1965).

Đây là một trong những bài thơ Già Khương viết trong một "chùm thơ ong" sau chuyến đi thực tế ở Bắc Hưng Hải cùng đoàn nhà văn do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức...

Trong một bài thơ ngũ ngôn tôi viết về Già Khương có câu: "Học thuật và tâm thuật". Ngõ là hai nhưng chính là một. Điều này thấy rõ trong thơ Già Khương, trong suốt thập kỷ, các thời kỳ, từ thực dân phong kiến đến chiến tranh hay hoà bình. Thật vậy, không một học thuật chân chính nào tồn tại nếu không có một tâm thuật vì dân vì nước, vì đại nghĩa, trên cơ sở một sự sáng tạo vừa trời cho, vừa lao động quên mình. Bài từ tuyệt viết về Nguyễn Trãi, Già Khương bỏ ra nhiều tháng trời vì một chữ *nối* đầu hồi hay ngã trong câu cuối:

*bản cớ thế sự quân không động
Mà dấy quanh mình nổi (hay nổi)
bão giông.*

Không ít bạn thơ phân vân vì từ nay, Già Khương sẵn sàng bỏ ra một buổi hoặc cả một ngày để trình bày ý kiến của mình vì sao mà anh không dùng chữ *nổi* mà dùng *nối*: nỗi niềm.

Nói đến nhà thơ Khương Hữu Dụng, không thể nào không nói đến phần thơ dịch của ông. "Dịch là phản" (traduire c'est trahir) với ai, chứ với ông là sự lột tả, từ: ngũ nghĩa, ngũ điều, nhất là cái hồn, cái thần, để đọc giả tận hưởng hết cái đẹp của nguyên văn. Tôi chọn hộ để ông dịch thơ Tống qua Lục Du... Không chỉ thơ chữ Hán, ông còn dịch lẻ tẻ vô số những nhà thơ nổi tiếng Đông Tây kim cổ khác, và tập thơ dịch làm cho nhiều người kinh ngạc là *Thần khúc* của Dante... Tập trung thơ dịch của ông về lượng, có thể gấp rất nhiều lần thơ sáng tác của ông, nhưng cả về thơ sáng tác và thơ dịch tiếc thay, sự công bằng về đánh giá của chúng ta chưa đến với cả một đời thơ hiếm có của ông Già Khương này!...

Viết bài này cho số tết phải không chế số lượng từ, tôi đành "làm phép" biến bể thành ao, biến núi thành gò đồng, nên chỉ nêu lên được vài ba điểm về nhà thơ Khương Hữu Dụng. Kính mong Già Khương và bạn đọc lượng thứ.■

Hà Nội, 3-11-2000

Phóng bút về nhà thơ Khương Hữu Dụng

TRINH ĐƯỜNG

Trong bài *Thơ gửi con trong nớ*, Già Khương viết:
Nghe tin Mùa Xuân Tổng

tiến công

*Con tiến vào Thị xã quê hương
Qua cây đa đầu thôn
Con nhớ thết to lên
Cho Cha Ông nghe tiếng
Rừng thẳng Hưng
Con Già Khương
Đã về! (1968)*

Dĩ nhiên là "đã về" từ nhà Già Khương sau tập kết ở Hà Nội.

Tôi gặp và thân nhau ngay với ông từ cái quán cơm Quảng ở Sông Vệ của ông, trong Đại hội Văn nghệ Quảng Ngãi và với cái trường ca mới viết của ông *Từ đêm Mười Chín*. Lòng quyết tâm, sự gian khổ, tinh thần chiến đấu, những trận thắng oanh liệt của Quân Dân Đất Quảng được thể hiện thật sinh động, sáng khoái qua bản trường ca và cũng là sử thi này. Kỷ niệm 50 năm ngày Toàn quốc Kháng chiến (19-12-1946 - 19-12-1996), Quảng Nam - Đà Nẵng tái bản *Từ đêm Mười Chín*, càng thấy rõ hơn giá trị của nó như Xuân Diệu đã giới thiệu từ khi nó được in bằng litho gửi từ Khu V ra Chiến khu Việt Bắc. Mọi sự việc đều rơi vào quên lãng nếu không được ghi lại trong sử sách. Bạn đọc nhỏ tuổi sẽ hình dung được chúng nào cảnh đồng bào tản cư, những tội ác của giặc, những cuộc treo đầu lâu từ khi mới gian khổ, những hành động dũng cảm, những chiến công oanh liệt của quân dân ta trong chín năm chống Pháp, không kém gì công cuộc chống Mỹ sau này khi đọc bản trường ca mà tôi dám khẳng định là bất hủ này.

Nói thơ, nói văn nghệ là nói sáng tạo. Sáng tạo để làm giàu cho cuộc sống cả về vật chất lẫn tinh thần. Anh xuất thân từ thơ *Tiếng Dân* do cụ Huỳnh Thúc Kháng làm chủ bút; khi tâm sự với một người đồng chí hướng, lúc cổ động giúp đỡ đồng bào bị bảo lột, khi họa thơ với cụ Phan Bội Châu... Người làm thơ Đường luật dễ bị sáo mòn, nhưng hoàn toàn ngược lại với Già Khương. Anh càng viết càng mới, mọi đối mới đều có trong ông già kỳ lạ này, kể cả thơ không vần, và đều tải mọi thứ đạo lý nước lợi dân trên đời, chú không riêng Khổng giáo, Đạo giáo, Phật giáo...

Trong bài *Quê ta* anh viết về đứa con Giải phóng quân:

*Hôm đánh vào giải phóng quê ta
Con nổ bộc lôi chín lần rào thép
Hai bộc lôi hất tung con lên
Quần áo bay đi hết
Con lại như đứa trẻ mới lọt lòng
Trên mảnh đất chôn nhau cắt rốn
Lại sinh ra con lần thứ hai (1969)*
Thật thế, đời Già Khương là một chuỗi ngày sáng tạo. Ở đây, Già trở về cái tuổi một em bé sơ sinh:
*Bầu trời tối đen
Ngàn sao nhấp nháy
Mẹ ơi nhìn xem
Ông sao đánh máy
(“Bè nhìn sao” - Những tiếng thân yêu).*
Ở kia, Già biến thành một cô mẫu giáo có một không hai trên đời:
*Cháu dỗi không ăn cơm (cơm)
Bà hôn hôn cháu bé
Nhà ta thành vườn trẻ
Cô mẫu giáo là...ông!*

(trong tập "Bi bô", 1985).

Cũng tiêu biểu không kém các bài trên là bài *Nông Cổng chiếu nay*:
*...Một trận mưa thêm vàng
Một rừng kê rất co
Nông Cổng chiếu nay
sao mà Phú Thọ
Sao mà Tam Quan
(Trích 5 câu cuối bài *Nông Cổng chiếu nay* trong tập *Những tiếng thân yêu*, 1963).*

Điểm đầu tiên của thi ca là sáng tạo và cái đích của nó vẫn là tập trung vào những điển hình. Tiêu biểu, theo tôi về việc thay da đổi thịt đất nước là một "lụng ca" này:

*Xưa hỏi quê ông
sao ông không nói?
- Ông ở trên rừng
Ba ngàn chớp núi
Biết đâu mà quê?
Hôm nay gặp ông
Bay giữa cánh đồng*

không biết mà toan đua đòi thì tội lắm, cây nhiều tiến ra chợ ôm về những bụi cây thân cành xoắn tít, uốn éo rối loạn, nom ngô hay lắm thực tình là nhảm nhí. Rống đầu có bay lượn như vậy chứ, đó chính là đã rơi vào thế địa lợi. Với những người sành cây thế, một khi cất gọt nhăm lẩn, để cái cây của mình sa vào thế địa lợi thì chỉ còn có một cách là vút vào bếp làm củi. Nói cho cùng, củ để các nhà sinh vật cảnh mặc sức thi thố vẫn không sao bén được gót các cụ ta xưa. Hãy nhìn, xung quanh Hồ Tây là những rừng bàng bát ngát, làng nào cũng bàng, ngõ nào cũng bàng, đường nào sân nào cũng bàng. Những vòm cổng dưới bàng, những hiên nhà dưới bàng, cầu ao bờ giếng, đền miếu chùa chiền đều nấp dưới những tán bàng. Và áo the khăn xếp, nón thúng quai thao, khăn vuông mỏ quạ, áo dài tú thân, yếm trắng bao xanh, tất cả đều hiện ra thấp thoáng dưới những rừng bàng. Cây bàng mùa hạ lá xanh ròn, mùa đông lá đỏ, mùa ra lá có cái đẹp của mùa ra lá, mùa rụng lá lại mang vẻ đẹp của mùa

rụng lá. Chao ôi, chơi đến thế là tuyệt vời lịch duyệt, mà lại gần gũi giản dị biết bao nhiêu. Đây là chơi giữa trời đất, sống giữa trời đất, sống cùng trời đất.

Chiều ấy tôi tạ từ nhà sư bước đến cổng ra khỏi cổng chùa. Sóng vỗ ì oạp lên bến đá. Ở đằng xa, chỗ mây nước một màu, trong sương lạnh đàn vịt trời đang vừa đập cánh vừa chín chít gọi nhau. Một ngày yên bình hiếm hoi giữa thời khói lửa. Không gian im ắng, chứa đầy vẻ pháp phòng cảnh giác. Những chiếc xe "Gát" kéo theo những khẩu pháo không trum bạt chạy từ thành phố lên đê sông Hồng. Những người lính mặt mày gầy gầy, áo xống lấm bụi, đầu đội mũ ngồi đứng lơ lơ trên các thùng xe. Cầu Long Biên đã bị gãy một nhịp từ mấy hôm trước, cầu phao Chương Dương vừa bắc xong. Cánh lính pháo di chuyển trận địa. Anh em công an cũng được lệnh chuyển vào nội thành. Ngồi chùa trở lại về tỉnh mệnh vốn có của nó.

Mấy năm sau ở chiến trường ra, tôi có trở lại nơi ấy, muốn tìm gặp nhà sư

lấy một lần nữa nhưng ông cụ đã quy rồi. Ông cụ đã hạc giá vắn du về chốn xa xăm, như người ta thường nói. Tôi đứng lơ đãng trong mảnh vườn vắng vẻ sau chùa, nơi đặt mộ chỉ của các vị đã tịch diệt. Mỗi trường lão lúc sắp qua đời đều tự lo cho mình một cái tháp gạch, cái thì cao, cái thì thấp, cái nọ nấp sau cái kia, nhìn chung vẫn có cùng một kiểu dáng, bốn mặt đều có chữ Phật đắp bằng xi măng tô sơn đen giữa nền vôi trắng. Vì các vị không cho khắc tên riêng của mình nên tôi đành chịu không thể rõ ông cụ giờ đang nằm ở đâu trong khu vườn đó. Tôi đốt một nắm hương thơm mang chia lẻ ra cắm xuống chân của từng cây tháp. Tôi bỗng tự hỏi vậy là nhà sư già buổi ấy đã chuyện trò cùng tôi hay Hà Nội ngàn năm tuổi đã chuyện trò cùng tôi.

Ngoài đê con nước đang lên cao. Những cơn gió từ hai bờ đất củ thối mãi vào lòng tôi những vui buồn muôn thuở.■

Hà Nội, tháng 11 năm 2000

chữ được rút ra từ sách *Luận ngữ* - "Tập liên thánh chi đại thành". Nghĩa là phải học kỹ lưỡng, học tất cả các bậc hiền triết trước mình, không trừ một ai. Anh thủ tính xem, cùng thời với Khổng Phu Tử còn có biết bao các vị khác nữa. Khổng Phu Tử chỉ là thánh chi thời, còn có Bá Di là thánh chi thanh, Liễu Hạ Huệ là thánh chi hoà, Y Doãn là thánh chi nhậm... Vô khối người lớn giúp ta khôn lớn trưởng thành, ở đời đừng có một mục chỉ biết tới cái này mà không thấy còn có cả những cái kia. Hai thời Lý - Trần có nhiều thành tựu lớn, khoan dung mà mạnh mẽ, đó là một sự khai mở vĩ đại, tạo ra được nhịp điệu khai mở như thế quả là đã mang lại cho dân tộc một hồng phúc. Tìm ra được nhịp điệu ấy tất nước nhà lúc đó chắc chắn phải có nhiều bậc cao minh, lòng da phải sáng như ngọc. Chỉ thế mới có thể hiểu thấu nổi cái chân lý đơn giản, trong cõi đời vốn đã có cái này nhưng vẫn còn có cả cái kia. Trong quy mô rộng lớn đến vô cùng của ba vạn sáu trăm nghìn thế giới cũng vậy, có cái này nhưng vẫn còn có cả những cái kia. Cái này và cái kia nó chính là sự toàn vẹn và chính nó làm nên nhịp điệu hoà thái muôn đời. Đã không đủ sức bao dung ôm nhận thủ hồi làm sao có thể gọi được là lớn. Cái nghèo cái khổ suy cho cùng chưa phải đáng sợ nhất, cái đáng sợ nhất có lẽ là sự tâm tối, nó mới chính là cái nghèo nhất trong mọi cái nghèo. Nam mô a di đà Phật, xin ngài đại xá, đã chúng sinh ắt khó tránh khỏi vô minh.

"*Thăng Long phi chiến địa*" là lời sấm của cụ Trạng Trình, nói thế để can mấy ông họ Mạc họ Nguyễn chớ có cố chấp tranh giành mãi với Lê, Trịnh, mỗi nhà hãy tìm một phương mà mở nước, dung nước. Chủ bảo phi chiến địa là không có đánh nhau thì không phải, chả có cuộc chiến nào đến hồi quyết định lại không diễn ra ở đây, thế mới ác liệt.

Cũng như bảo người Trạng An là thanh lịch thì cũng đâu có sai, nào có thiếu gì kẻ sĩ, thiếu gì hiền tài ở chốn này. Anh cử thủ lợi dọc dòng Tô Lịch mà đêm, thời nào cũng có thể gọi ra vài chục đấng. Vậy suốt mười thế kỷ cả thành Thăng Long này sẽ là bao nhiêu, rất nhiều. Họ từ bốn phương tụ họp về, mỗi người mang theo hào khí một miền, một gốc rễ, chung đúc nên hào khí Thăng Long. Cụ Trần Bích San người trấn Sơn Nam Hạ, nay là Nam Định, cụ Nguyễn Tri Phương người Thuận Hoá, cụ Hoàng Diệu người xứ Quảng, lại còn có những vị vốn là gốc Chàm, gốc Châu Mân, Châu Liêm, đời này qua đời khác, con cháu về sau cũng có nhiều người hiển vinh.

Nhưng về một lẽ khác mà nói, phạm đã gọi là đất kinh kỳ thì không tránh được chuyện chín người mười làng, cho nên đất Trạng An cũng còn được gọi là đất kẻ chợ. Gọi là người Trạng An thì thiên hạ quý trọng lắm mà bảo đấy là người kẻ chợ thì họ thấy e ngại. Chưa chắc giàu đã sang, chưa chắc mũ cao áo rộng mà không ngồi xổm ăn bốc. Có những ông tổng đốc nhưng lại vẫn có những ông bất quá cũng chỉ như một viên lý trưởng ở một cái làng quá nhiều thượng thư, tuần phủ.

Anh xem cái thú chơi cây thế có bác học không. Cây có rất nhiều thế, mỗi thế mang một ý nghĩa, một cốt cách riêng. Cây thông thẳng đứng là thế trực, *minh minh cô cao đa liệt phong*, nó chính là tư chất của người anh hùng giữa cuộc đời nhiều giông bão, sóng gió mây mù. Cây thông quần quai bám vào vách đá mà ngồi đây là thế tà, *khô từng đảo quái ý tuyệt bích*, nó là biểu tượng của một ý chí phi thường, một bản lĩnh sống phi thường, đầy thách thức và bất chấp. Tuồng là tình cờ như không mà thế nào vẫn phải ra thế ấy, rất rành mạch, có vậy mới gọi là biết chơi, kẻ đã

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)

T RÊN báo *Giáo dục và thời đại* số 101, ra ngày 13-11-1999 có đăng bài *Gọi học trò tiểu học là "con" hay là "em"* của nhà giáo Nguyễn Viết Sơn là một ví dụ. Chúng tôi là gần một năm sau, cũng trên tờ *Giáo dục và thời đại*, nhà giáo Trần Hữu Trà đề nghị: *"Giáo viên nên gọi học sinh là các em"* (số 103 ra ngày 26-8-2000). Rồi ngày 23-9-2000, cũng trên tờ *Giáo dục và thời đại* số 115 đăng luôn bài: *Trao đổi thêm về cách xưng hô giữa giáo viên và học sinh* của nhà giáo Đinh Cao... Cùng ngày, tuần báo *Văn nghệ* số 40 ra ngày 30-9-2000 của Hội Nhà văn Việt Nam cũng đăng bài: *Thấy và trò, xưng hô và danh phận* của nhà thơ Nguyễn Thành Phong. Tiếp đó ở Tuần báo *Văn nghệ* số 46 ra ngày 11-11-2000, tác giả Nguyễn Tý lại lên tiếng *Trao đổi thêm về bài "Trò và thầy, cách xưng hô và danh phận"* của nhà thơ Nguyễn Thành Phong...

Như vậy là nhiều tác giả và báo chí đã nhập cuộc, chắc chắn là sẽ có nhiều cây bút khác và các phương tiện thông tin đại chúng khác cũng nhập cuộc. Người viết bài này vốn là một nhà giáo, cũng xin có dăm câu ba điều để... "nối đầu".

Rằng đây là một vấn đề lớn. Đó là "Lễ" rất nên được xã hội quan tâm, ít nhất là về lý thuyết. Xét nội dung của các bài viết trên, quy mô càng được mở rộng ra, từ chuyện xưng hô giữa học trò nhỏ với thầy cô giáo cấp tiểu học đến tầm xã hội. Mỗi tác giả mỗi ý, mỗi quan niệm, mỗi cách lý giải, ai cũng có lý riêng của mình, nhưng do thời gian, khuôn khổ báo và nhiều nguyên nhân khác, họ mới chỉ nêu lên vài khía cạnh thậm chí có vài chỗ chưa đủ sức thuyết phục. Ví dụ: Trong bài *Trao đổi về thầy và trò, xưng hô và danh phận*, tác giả Nguyễn Tý viết *"...Nhà giáo đặt vị trí của người thầy sau vua và trên cả cha mẹ - Tam cương (Quân - Sư - Phụ) là vì thế."*

Thưa không phải. Tam cương là ba giếng mối, (cương vốn nghĩa là cái giếng lưới, cái chủ não), gồm: quân thân (vua tôi - nghĩa), phu tử (cha con - thân), phu phụ (vợ chồng - thuận) là ba bậc (ba đẳng) phải được tôn kính ngang nhau (dĩ nhiên có logic thứ tự hình thức). *Tam cương* cùng với *ngũ thường* (Năm điều thường: nhân - nghĩa - lễ - trí - tín) gọi tắt là *cương thường* đối với nhà Nho giáo là cực kỳ quan trọng coi như một pháp điều, hơn nữa, là một tín điều, có nghĩa như một tín ngưỡng tư giác sống chết vì nó.

Hoặc trong bài: *Thầy và trò...* nhà thơ Nguyễn Thành Phong đã viết: *"... học sinh, sinh viên thì dù sao cũng đã trên 18 tuổi có quyền công dân..."* nói vậy không sai, nhưng ở đây không nên đặt ra công dân hay không công dân, quyền hay không quyền, mà nên khẳng định nhà trường là *nơi dạy và học*. Thầy (sư) dạy và trò (đê) học. Vậy trong nhà trường không nên nói đến *luật* mà nên đặt cái *Lễ* lên hàng đầu. Cái lễ có khi thuộc điều luật nhưng ở nhà trường nên coi đó là luân lý trọng yếu nhất. Cái Lễ Sư - đê (thầy - trò). Đó sự thực mới là cái gốc của nhà trường. Gần đây, ở các trường học, nơi tôn nghiêm nhất có một câu viết trang trọng *"Tiên học lễ, hậu học văn"* chính là lễ đó. Nhưng sự thực thì mấy ai thấu suốt nội dung. Câu đó nguyên là của Khổng Tử (551-480 trước CN) vạn thế sư biểu (thầy của muôn đời). Nguyên văn như sau: *"Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc lễ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tác dĩ học văn"* (con em ở nhà thì hiếu với cha mẹ, ra ngoài thì kính những bậc lớn tuổi, thận trọng lời nói mà thành thực yêu khắp mọi người mà gần gũi người nhân đức, làm được như vậy rồi mà dư sức thì sẽ học văn (tức là học thi - lễ - nhạc - dịch)). Đủ biết Khổng Tử coi Lễ lớn biết chừng nào? Học của Khổng Tử có nghĩa là học đạo, học cách cư xử, cách làm người trước hết, rồi mới học đến văn, đến những kiến thức khác. Là người đầu tiên cống hiến cho nhân loại một chữ "Nhân", trong *Luân ngữ* có đến 50 trang Khổng Tử nói về "Nhân", và 105 lần nhắc đến chữ "Nhân", đó là nòng cốt của hiền học Khổng Mạnh. Khổng Tử coi Nhân là gốc mà Lễ là ngọn. Hai đức Khổng Tử nhắc đến nhiều nhất và chính ông thực hành triệt để hai đức đó. Và cũng từ Khổng Tử trở đi chữ Nhân của ông mới từ trường học của mình phổ biến dần. "Nhân" và "Lễ" trở thành một hệ thống đủ Thế (nguyên chất hàm ở trong) và Dụng (công dụng làm ra ngoài). Điều "Nhân" sách vở báo chí đã nói nhiều. Ở đây ta chỉ nói đôi điều về "Lễ" là điều rất ít thấy nhắc đến. Đó là một sự lạ. "Lễ" nghĩa nguyên thủy là cúng tế thần linh, hiện nay, gần như phổ biến với ý nghĩa đó: sấm lễ đi cúng hoặc viếng, nhưng theo *Kinh Thư* trong thiên "Lạc cáo" viết vào thời Chu Công (Cơ Đán) có nghĩa là cúng tế, mà mục đích Chu Công chế định ra Lễ là để duy trì trật tự giai cấp trong xã hội "tông pháp" mang ý nghĩa chính trị. Ví dụ: Chu Công chế định Thiên Tử mới được dùng vũ "bát dật". Suy rộng ra con người cũng là một trong Tam Tài: Trời - Người - Đất. Con Người ở giữa Trời và Đất. "Thiên - Địa - Nhân tam tài giả". Trời là khí dương bốc lên mà thành, Đất là khí âm kết lại mà thành. Con Người ở giữa do âm dương hợp lại có sự mệnh hoá dục muôn vật của Trời (dương) và Đất (âm) bởi vậy *Kinh dịch* nói: "Lập nên Đạo trời là khí âm và khí dương, ấy là tài của Trời. Lập nên Đạo Đất là chất nhu và chất cương ấy là tài của Đất, lập nên Đạo Người là đức Nhân và đức Nghĩa, ấy là Tài của Người". Vậy Trời - Đất - Người là ba bậc tài ở trong đời. Đủ biết con người có vị trí trọng yếu như thế nào của tạo hoá. Phát hiện này là vô cùng quan trọng đầu tiên khẳng định vị trí của con người giữa Trời và Đất, là một trong Tam Tài. Là tinh hoa của vũ trụ kết lại. Mà vũ trụ vốn hài hoà, sinh thái vốn cân bằng gọi là Thái cực. Thái cực vốn tròn vẹn vô thủy vô chung là vĩnh hằng, bởi vì Thái cực có hai nghi: âm và dương. Lại trở lại Khổng Tử.

Thoạt đầu Khổng Tử dạy vài ba người trong xóm, tiếng lành vang xa, người đến cầu học mà thành. Đó là trường tu học đầu tiên của nhân loại. Tương truyền ông có đến ba nghìn học trò, trong đó có 72 người trở thành



Cụ Đồ viết câu đối Tet

Anh: ĐẮC NGỌC

người hiền, 4 người được thờ vào hàng Tứ phối. Về mặt tuổi tác, các môn sinh cách nhau rất xa, có người chỉ kém Khổng Tử 5-6 tuổi như Tăng Tích, nhưng có người kém ông những 39 tuổi. Tăng Sâm kém ông 40 tuổi và sau đó còn có trò nhỏ đến học tuổi tác hẳn còn xa hơn nhiều. Hiện tượng đó cũng na ná như ở ta những năm trước Cách mạng Tháng Tám. Thấy đồ như ông như cha, tất thầy môn sinh, bất kể tuổi tác, giàu nghèo, gia thế đều tự xưng là con. Bởi vì đó là Lễ - Trong lớp học chỉ có hai lớp người: người dạy là Thầy (sư), người học là Trò (đê) mà "sư" thì giáo lễ đã thành nếp "Quân - Sư - Phụ" thầy còn trên cả cha, cho nên học trò tự xưng "con" là điều tất nhiên. Bất kỳ tuổi tác, bất kỳ học ít hay nhiều. Bởi vì đã có câu "Nhất tự vi sư, bán tự vi sư" thấm vào máu thịt của họ rồi. Đó là một lễ. Cái chính là các thầy giáo xưa dạy học là truyền thụ kiến thức, truyền bá đạo lý làm người... học trò đến trường cũng bấy nhiêu số nguyên, trình độ giữa thầy và trò khác nhau với mọi, tuổi tác chênh lệch quá lớn thì việc xưng hô đã rõ ràng. Đó là Lễ - Cái Lễ đó còn nghiêm khắc hơn muôn vạn thủ luật nữa. Vượt qua điều Lễ đó là lay tận cái gốc của nó là đức Nhân.

Thời phong kiến ở nước ta cũng có tiểu học, trung học, Đại học. Cũng có trẻ ẻ a "tam tự kinh" cũng có thi Hương, thi Hội, thi Đình, cũng có Tú tài, Cử nhân, Tiến sĩ, cũng có người làm quan đến Thượng thư, Tể tướng... họ xưng hô với thầy (kể cả những thầy đồ cũ) cũng chỉ xưng hô với mỗi quan hệ tình "sư-đê" mà thôi. Lại nữa, xưa kia trường học dù nhỏ vẫn là điểm sáng văn hoá của một vùng - nơi đào tạo con người. Rồi từ đó con người trưởng thành gánh vác những trách nhiệm xã hội được xã hội tin nhiệm. Ở trường thì thầy (sư) ra thầy, trò (đê) ra trò, ngoài

đời thì quan ra quan, ắt dần phải ra dân, tôn ti trật tự trên dưới rõ ràng. Lâu dần đã thành phong tục tập quán, thành truyền thống của dân tộc ta rồi. Hà tất phải đặt lại cách xưng hô làm gì khi mỗi con người "tu" được "thân" thì "Lễ" ắt sẽ có, danh sẽ hợp với thực, nếu không hợp nhau thực, gọi tên ra, người ta sẽ không hiểu, lý luận sẽ không thuyết phục nổi ai (dù là đứa trẻ) mà chỉ càng thêm rắc rối. Nếu áp đặt xưng hô này nọ, bắt khuôn bắt phép mà không được "khẩu phục tâm phục", rốt cuộc chỉ dẫn đến sự đối phó nguy hại "đa trước mặt..." mà thôi.

Bản đến đây, lại cần nhắc đến ý của nhà thơ Nguyễn Thành Phong:

... "Danh phận" - Hay lắm! Đáng là danh phận. "Trên phải ra trên, dưới phải ra dưới". "Thượng bất chính, hạ tắc loạn", "Lời nói đi đôi với việc làm". Đó là "Chỉnh danh" - một phát kiến của Khổng Tử - Ông nói:

"Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành, sự bất thành tắc lễ nhạc bất hưng, lễ nhạc bất hưng tắc hình phạt bất trừng, hình phạt bất trừng tắc dân vô sở thố thủ túc" (*Luận ngữ - Tử Lộ*) (danh không chính thì ngôn không thuận, ngôn không thuận thì sự không thành, sự không thành thì lễ nhạc không hưng khởi, lễ nhạc không hưng khởi thì hình phạt không trừng, hình phạt không trừng thì dân không biết đảng nào mà theo, thậm chí không biết đặt chân tay vào đâu). Cú lý đó mà suy trong trường học thầy là "sư", trò là "đê", "sư" trên cả "phu", thì trò là "con", thầy ra thầy, học trò sẽ "khẩu phục tâm phục", dù không bắt chúng vẫn xưng hô với danh phận không còn bị "tiếm lễ" dù ở tuổi tác nào, họ vẫn chọn được một cách xưng hô hợp "Lễ" nhất!

Như trên đã viết, các nhà giáo nêu lên việc xưng hô thầy trò các cấp, nhà báo, nhà thơ đã vào cuộc, chuyên tuy nhỏ nhưng vấn đề lại không nhỏ, nếu không nói là một dấu hỏi lớn về tình trạng đạo đức xã hội hiện nay đang xuống cấp nghiêm trọng - "lễ nhạc hoại". Báo chí luôn luôn nhắc nhở "thầy cho ra thầy, trò cho ra trò, trường cho ra trường..." nhưng chưa hề thấy có câu "Quan cho ra quan, dân cho ra dân" trong khi "thầy trò trường lớp" chỉ là một đơn vị nhỏ bé của xã hội cực kỳ rộng lớn. Nội chính xác hơn, các tác giả trên đã mạnh mẽ đụng đến một vấn đề then chốt của một trong ngũ thường: "Lễ". Nơi nào dạy "Lễ"? Ấy là nhà trường "Dạy con từ thuở còn thơ". Khổng Tử dạy môn sinh: "Cái gì không hợp "Lễ" không nhìn, không hợp "Lễ" đừng nghe, không hợp "Lễ" đừng làm (*luận ngữ*)". Lễ giữa thầy trò trong nhà trường và Lễ giữa người với người trong xã hội. Mặc dầu trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là tivi xuất hiện bao nhiêu là lễ hội, trong dân chúng bao nhiêu là cầu cúng lễ bái, cúng tế xi xúp, hương khói mù trời, thậm chí cả gốc cây bờ bụi, cả những nơi hành nghề mỗi giới cũng hương khói xi xúp, mà tuyệt không ai nghĩ đến "Lễ" để làm gì. Lễ xong rồi sẽ làm gì hay chỉ để "nhất bản vạn lợi", "thăng quan tiến chức"? Người không có đức Nhân thì Lễ mà làm gì? (Nhân nhi bất nhân, như Lễ hà? - *Luận ngữ*).

Tiếc thay bao nhiêu nhà lý luận giáo dục hiện đại viết bao nhiêu là sách, nhưng chưa thấy cuốn nào về Lễ cả. Họ quên đi chăng? ■

Hà Nội, 12-12-2000

MÓN NỢ VĂN CHƯƠNG

PHẠM TƯỜNG HẠNH

VÀO những năm đầu thành lập Hội Nhà văn Việt Nam, đất nước còn rất khó khăn vì phải chia làm hai miền và cuộc chiến đấu chống Mỹ cứu nước của toàn dân tộc.

Tuy vậy, Chính phủ cũng cố gắng tài trợ cho Hội Nhà văn Việt Nam một số tiền để trợ cấp cho các nhà văn đi sáng tác khi các anh, chị có đề cương. Tuy số tiền trợ cấp không có bao nhiêu nhưng anh chị em đều nhất trí cử nhà thơ Tú Mỡ làm Chủ tịch Hội đồng Quỹ sáng tác vì ông là người cán cơ, sòng phẳng, anh chị em ai cũng kính nể.

Cứ đúng kỳ hạn, anh chị em nào chưa có tác phẩm để thanh lý hợp đồng, có bản danh sách của phòng kế toán đệ trình là Chủ tịch Hội đồng Quỹ sáng tác ký công văn cho Văn phòng Hội gửi đòi nợ.

Nữ sĩ Ngân Giang nhận được hai lần công văn đòi nợ. Bà đã viết một bài thơ trả lời:

"Thân gửi Tú Mỡ;

Cái nợ văn chương khéo ồm ồm

Nợ gì mà lại nợ bằng thơ

Hội non sông có vui nhiều đấy

Chuyện áo cơm còn náo lăm cơ

Múa bút ngơ nên hằng van chữ

Chạy ăn chẳng biết đến bao giờ

"Tay tiên một vẩy", dân muôn điệu

Tiến hết, ai ngồi nắn phím tơ".

Nhà thơ Tú Mỡ nhận được thư trả lời của nữ sĩ Ngân



Nhà thơ Tú Mỡ

Giang mỉm cười và lập tức thảo một bài thơ phúc đáp, có đóng dấu hay không, không ai dám xác nhận nhưng bài thơ được đặt trong phong bì in tiêu đề Hội Nhà văn Việt Nam.

"Thân gửi Ngân Giang nữ sĩ,

Chỉ trách khi vay, mấy cũng ở

Tiền thì tiêu hết, chẳng ra thơ

Văn chương trước hãy lo đến nợ

Cơm áo sau rồi sẽ liệu cơ

Đã nổi tài danh từ thuở ấy

Hãy nâng sự nghiệp lúc bấy giờ

Nợ đâu trót đã đem mang lấy

Rút ruột tâm cơ, gắng nhả tơ."

Cả hai bài thơ đã làm xôn xao Hội Nhà văn Việt Nam. Các anh chị chuyển nhau đọc và bình luận: Nào là cả hai bài thơ đều diễm, tuy cả hai đều nói chuyện nghiêm chỉnh. Nào là nữ sĩ muốn trên ghẹo Tú Mỡ *Tay tiên một vẩy* ý muốn nói làm thơ chớ phải làm quỹ thuật đâu mà phụ phép. Còn nhà thơ Tú Mỡ cũng muốn trả miếng nữ sĩ rằng *Đã nổi tài danh từ thuở ấy, Hãy nâng sự nghiệp lúc bấy giờ*.

Năm năm sau nhà thơ Nguyễn Đình phụ trách trang thơ trào phúng của Tuần báo *Văn nghệ*, đề nghị nữ sĩ Ngân Giang được viết câu chuyện giai thoại văn chương để đăng báo. Nữ sĩ Ngân Giang đã không đồng ý, nói rằng: Lúc này đất nước còn đang bị chia cắt, đang hai bài thơ này lên, bọn xấu, có thể xuyên tạc.

Hôm nay, 40 năm đã đi qua. Hai nhà thơ Tú Mỡ và Nguyễn Đình đã qua đời từ lâu, đã là nội tổ, ngoại tổ của thế hệ thứ tư.

Xin chân thành cảm ơn nữ sĩ Ngân Giang đã có lời nhắn nhủ với đàn em. Đầu xuân này xin kính chúc nữ sĩ được dồi dào sức khỏe và hạnh phúc trong những năm tháng quý báu của cuộc đời còn lại và, rất mong được đọc thêm những văn thơ mới của người nghệ sĩ già đầy tâm huyết gần 100 tuổi vẫn vui vẻ, yêu đời... ■

Tháng 11 năm 2000

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)

SOI TỔ TẬN....

(Tiếp theo trang 30)

qua 400 trang sách khổ nhỏ, đã soi rọi đến tận ngọn nguồn gốc gác cách đọc Hán - Việt, một cách đọc giúp cho người Việt Nam ta dễ dàng tiếp nhận tinh hoa văn hoá Hán - nền văn hoá lớn nhất phương Đông - mà không bị "Hán hoá"...

... Một ngày cuối năm 2000, đến thăm anh Cẩn, tôi không quên hỏi :

- Thế bây giờ anh đã đọc cuốn sách của W.H. Baxter rồi chứ ?

- Rồi.

- Chắc anh đồng ý cho chị Barbara in bản dịch cuốn sách của anh rồi chứ ?

- Thì ra cái ông Baxter bên Mỹ đó cũng không có ý kiến gì ngược với kiến giải của mình về ngữ âm tiếng Hán đời Đường. Giờ thì mình yên tâm. Mình vừa gửi e-mail cho cô Barbara để cô ấy sớm đưa in bản dịch tiếng Pháp.

Có lẽ cũng cần nhắc đôi lời về cuốn *Lịch sử ngữ âm tiếng Việt (so thảo)* của Nguyễn Tài Cẩn xuất bản năm 1995, dày 350 trang, một trong mấy công trình được phong tặng *Giải thưởng Hồ Chí Minh*. Trong cuốn sách đó, tác giả khảo sát tiếng Việt không phải chỉ tới thế kỷ thứ IX -VIII, thời kỳ xuất hiện cách đọc Hán - Việt, mà còn ngược đồng thời gian lên đến tận hơn hai thiên niên kỷ trước Công nguyên ! Qua tác giả, ta biết được rằng những số đếm mà trẻ em ta bập bẹ học nói như *một, hai, ba, bốn, năm...* là bắt nguồn từ tiếng Môn - Khmer, và đã có trong kho từ vựng tiếng Việt từ hơn 4000 năm trước ! Còn những từ mà ta dễ nghĩ là từ "thuần Việt" liên quan đến chân nuôi gia súc, gia cầm như *bò, vịt, gà, ngan, bồ câu, con đực, con mái, gáy, những từ liên quan đến cây cối như muơng, phai, đống, rẫy, bừa, cuốc, vãi, bứt cỏ, gạo, phân, (cái) nong, bánh, mùa...* ; những từ liên quan đến cây trồng như *tre phero, cam quýt, tỏi, ngon, nu...* ; những từ liên quan đến cảnh sống ở vùng đồng ruộng thấp như *ao, đầm, sông, chèo, bơi, lội, lụt, dĩa, bèo...* đều vay mượn qua hệ ngôn ngữ Thái - Kadai, hoặc là từ có gốc Hán, nhưng được du nhập vào tiếng Việt thông qua ngôn ngữ Thái - Kadai.

Cách đây hơn một nghìn năm, người Việt và người Mường còn dùng chung một tiếng nói. Tiếng địa phương Nghệ - Tĩnh hiện vẫn còn lưu giữ khá nhiều tiếng Mường như : *lố* (lúa), *chí* (gi), v.v....

Từng trang, từng trang trong cuốn sách đem lại cho ta nhiều phát hiện mới mẻ, -thứ vj.■

H.C.

GIÁ LẠNH...

(Tiếp theo trang 25)

Cánh tay tôi dường như tê liệt, còn bàn tay kia thì giữ chặt lấy tôi bằng sức mạnh huyền

thể từ đầu rót vào một ống phễu sâu hun hút.

"Những điều này vẫn thường xảy ra trên đời. Ta nói với người rằng hãy quay trở lại". Giọng nói bà ta thối miến tôi như búa mìn. Tôi đứng như chết đuối trong ánh mắt bà ta.

"Thế này là không được", tôi nói phễu phào như thể không phát ra tiếng. Tôi hoá đá thực sự mất rồi, chẳng còn chút cảm giác gì nữa.

Bà ta vẫn cười. "Hãy nói lại với ta rằng thế này là không được. Hãy nhắc lại đi rồi hãy từ chối ta".

Đúng là một thế giới hoá đá. Trái tim tôi bị giam cầm trong cũi chết. Tôi quay lại và đi vào nhà, dừng lại bên bậu cửa. Tôi thấy người đàn bà đó đang trừng trừng hướng ra trần chiến, hai tay dang ra như tôi lúc trước. Dường như bà ta đã làm cho tất cả im phắc. Thế rồi, trong tình không, bà ta đã nói một lời làm hai người lính bỗng dung nổ tung. Những cái đầu của họ toé ra. Những con mắt của họ phồng vọt ra như những viên đạn. Thân thể họ chảy nhũn trên mặt đất, khung xương gãy vụn, còn bộ da thì tuột tróc như xác rắn, như vỏ cây, như lông ngựa. Phũ tang họ tan chảy như sáp, rơi lả tả, tất cả phút chốc chẳng còn gì nguyên vẹn.

Tôi đứng đó trở mắt nhìn. Tôi trơn trùng như cái sọ đầu lâu đã rửa hết da thịt. Âm thanh giọng nói tôi biến đi đâu hết, dù miệng tôi hình như đang hét. Đôi tay tôi như hai cái gộc cây, còn toàn thân như đang nhũn ra, từ từ sụp xuống. Rồi tất cả đã hết. Khung cảnh trở lại êm đềm. Bầu trời như một cái hang lớn cho ngôi nhà đứng chơ vơ bên rừng. Cả tôi và người đàn bà, cả những bãi xương và vũng lầy máu thịt, tất cả bất động giữa lạng thình bốn phía màu trắng.

Người đàn bà quần lại tấm áo choàng quanh thân mình, kéo mũ lên che kín đầu, chiếc mũ liền áo màu xanh da trời. Váy bà ta cuộn sóng rồi lạng phắc. Bà ta quay lại, nhìn vào mặt tôi làm tôi cảm tưởng như màn đêm đã buông xuống từ lâu lắm rồi. Tôi biết mình không đường trốn chạy, không có cách nào vớt lại kỷ ức. Tôi bị bóng đen vây bủa, như thể đang chìm mãi, chìm mãi xuống đáy hồ sâu thẳm. Tôi vùng vẫy gắng gỏi, tôi cố giương mắt nhìn bà ta. Người đàn bà cũng chân trời nhìn tôi rồi lại mỉm cười, sắc đẹp làm tôi bóng rắt, kiểu bóng lạnh mỗi lúc một thắm sâu. Rồi bà ta quay đi, cất bước băng qua bãi xương vũng thịt, chấp chớn hướng ra phía trời xa.

Đêm ấy tuyết vẫn rơi dày. Khi tôi ngồi lạng yên bên cửa, mùa đông nhẹ nhẹ đến bao phủ khắp mảnh đất quê tôi, rơi đầy lên những khoảng đất mọc toàn cỏ dại, phủ khắp nơi nơi một màu chết chóc. Tôi vẫn ngồi nhìn qua khung cửa mùa đông, ngồi nhìn những điều không tên tuổi. Tôi nhìn mãi những bông tuyết rơi, mỏng manh và thắm lạng. Từ lúc nào, chúng đầu lên mi mắt tôi, trên gò má tôi, trên tóc tôi rồi rơi xuống lòng. Tôi nhìn thấy người đàn bà ấy, người đã để lại dấu tay buột giá lên vai tôi, lên khắp cuộc đời. Thăm chí khi đã đi xa rồi bà ta vẫn còn như đang hiển hiện, như tuyết, như băng, như hơi sương lạnh, che phủ hồn tôi và chôn vùi tất cả. Người đàn bà ấy đã làm thế.

Hồi mệnh mỏng buột giá, hãy đứng lại như chưa từng có ngày ấy, và nói một lời với tôi.■

LÃ THANH TÙNG (chọn dịch từ Internet)

CÂY BÚT TRẺ...

(Tiếp theo trang 32)

nhưng còn nghèo khổ, nơi có mẹ cha và nơi chứa những kỷ niệm thiếu thời.

Sáu năm như thế. Trong thời gian học này Duyên còn học các môn về Âm nhạc cơ bản để nhận bằng ASPIRATURA (trình độ đủ giảng dạy các thạc sĩ tương lai). Lại được qua 6 mùa thu với những chiếc lá phong vàng phủ kín mặt đường...

Khí ấy tôi có dịp qua Matxcova có người kể rằng Duyên là người có ngôi sao may mắn chiếu mệnh. Duyên kiếm tìm những con điểm tuyệt đối thật dễ dàng, cô được người Nga yêu mến như ruột thịt, có cô giáo đã đưa Duyên đi thi đại học và đứng ở cửa chờ, chẳng khác nào người mẹ ở nhà, ngày bảo vệ luận án Tiến sĩ thì cô giáo ấy đến nghe, góp ý kiến... Khoá học của Duyên được các giáo sư đầu ngành của Nga giảng

day. Giáo sư P.Protopopov (đầu ngành về phức điệu). Giáo sư V.Kholopov (đầu ngành về hoà âm). Giáo sư Hazaikinsky (đầu ngành về phân tích tác phẩm)... Và Duyên đã có luận án làm rung động các nhà khoa học ngành âm nhạc.

Luận án tiến sĩ của Cù Lê Duyên được đánh giá là *"Một công trình có giá trị, mang tính khoa học, có tác dụng thiết thực trong vấn đề nghiên cứu phức điệu"*. Bản thân Duyên cũng tham gia hội thảo khoa học về Mozart (Bài tham luận được in trong cuốn sách Nghiên cứu khoa học bằng tiếng Nga có tựa đề *Canon trong âm nhạc Mozart* cùng các tham luận khác của các giáo sư. Điều chưa xảy ra với bất kỳ nghiên cứu sinh nước ngoài nào ở Nhạc viện này).

Về nước (1998) Cù Lê Duyên nhận công tác ngay, là giảng viên khoa Lý - Sáng - Chỉ* (Sáng tác - Lý luận - Chỉ huy) của Nhạc viện Hà Nội. Sinh viên của cô giáo Duyên có người đã thành đạt như Trần Mạnh Hùng; những người có triển vọng như Nguyễn Hiến Đức... Duyên là một trong những hội viên trẻ nhất Hội Nhạc sĩ Việt Nam, hoạt động trên lĩnh vực phê bình. Gần 100

bài phê bình âm nhạc, phần lớn về những buổi biểu diễn nhà nghề loại âm nhạc hàn lâm. Hiện Duyên đang chuẩn bị xuất bản cuốn sách giáo khoa về chuyên ngành phức điệu. Duyên còn là người soạn sách giáo khoa đại học cho các trường nghệ thuật âm nhạc, là thành viên trẻ nhất trong Ban giám khảo Hội Nhạc sĩ Việt Nam chấm giải thưởng Âm nhạc năm 2000. Cũng là người đoạt giải thưởng về phê bình âm nhạc năm 1999 của Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

Không ồn ào khoa trương, không hay có mặt ở chỗ đông người và không có ý thức tìm một sự nổi trội, nhưng có lẽ những người am hiểu Âm nhạc và nghệ thuật phê bình không ai biết đến một Cù Lê Duyên sắc sảo, trung thực, đôn hậu trong mỗi bài phê bình mà Duyên đã viết.

Tinh tế trong cảm nhận những giai điệu cuộc đời, hiểu được những cung bậc tình cảm của trái tim người nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn ấy vậy mà dường như những thanh âm đang vang trong tâm hồn Cù Lê Duyên lại chưa tìm được một sự đồng cảm. Hay có thể là đợi mùa xuân đến.■

T.T.TR.

LINH HỒN...

(Tiếp theo trang 15)

Chẳng hạn một câu đơn giản mà ai cũng nói và viết rất nhiều như:

Tôi tên là Nam

mà cũng đã vượt ra ngoài cái khung eo hẹp của cú pháp Châu Âu và do đó mà bị các nhà ngữ học xử lý thật tàn tệ.

Nhiều người cho rằng câu này "đúng ra" phải viết là *Tên (của) tôi là Nam*, với chủ ngữ là *Tên tôi*, động từ là *là*. Chủ cú để nguyên thì không thể phân tích được. Ở trường cần tránh dạy kiểu câu này, và nên dạy cho các em viết đúng câu chuẩn như vừa dẫn, vì nói *Tôi tên là Nam* có khác gì nói *Tên tôi là Nam* đâu? Chẳng qua là một cách nói "biến dạng", "lệch chuẩn" mà thôi. Ta cần gì những kiểu nói vô văn hoá, sai ngữ pháp như thế? Nhưng thật ra hai câu khác nhau rất rõ:

Câu trước nói về *Tôi* cho nên có thể tiếp: *Tôi tên là Nam, sinh ở Huế, có ba con*, còn câu sau nói về cái *Tên* của tôi, nên không thể tiếp như vậy (*Tên* gì lại có ba con?), mà chỉ có thể tiếp: *Tên tôi là Nam, do ông tôi đặt, tuy không hay, nhưng tôi thích lắm*. Còn nếu muốn tiếp như câu trước thì phải đổi cái Đé: *Tên tôi là Nam; tôi có ba con*.

Một số tác giả khác cho rằng trong câu *Tôi tên là Nam*, thành phần chính của câu chỉ có *tên* (chủ ngữ) và *là Nam* (vị ngữ) là thành phần chính, còn *Tôi* ("đé ngữ" hay "khởi ngữ") là "thành phần phụ" hay "nằm ngoài câu". Nhưng cú thủ bỏ *Tôi* đi mà xem, còn lại *Tên là Nam* thì có còn ra câu được nữa không? Nhưng *tên là Nam* mới phù hợp với kiểu câu "chuẩn", kiểu *"Danh là Danh"* của tiếng Âu Châu.

Cộng thêm vào đó là cái lỗi dạy tiếng Việt như một

ngôn ngữ đa âm tiết: hễ "tư" tiếng Pháp (hay tiếng Nga) có mấy *từ tổ* thì "tư" tiếng Việt cũng có bấy nhiêu *tiếng* (âm tiết). Người ta quên mất rằng đơn vị cơ bản của tiếng Việt là *tiếng*, chứ không phải là *từ*. Chẳng qua người ta lẫn lộn *từ* với *ngữ định danh* tức một cụm gồm nhiều từ dùng để gọi tên một sự vật. *Xe* là một từ, *đạp* là một từ; điều này ai cũng thừa nhận. Nhưng *xe đạp*, là thay cũng là một từ (1+1=1). Để tiện hô cho phép tính cộng lạ đời này, người ta dám nói rằng hai chữ *xe đạp* không phải là chữ *xe* và chữ *đạp* trong *đạp xe*, mà chỉ lĩnh có đồng âm với nhau thôi, và *xe đạp* tuyệt nhiên không phải là một thứ xe.

Bằng cách đó người ta phủ nhận đến cùng cái tinh thần chủ đạo của từ vựng học tiếng Việt: tinh thần của một ngôn ngữ phân tích tinh đơn tiết, gọi tên sự vật bằng một *tiếng* duy nhất hay bằng hai ba tiếng bổ nghĩa cho nhau bằng những quan hệ cú pháp, với những tiếng có nghĩa rất khái quát như *xe, máy, đòn, bàn* làm trung tâm.

Bất kỳ nhà ngữ học nào, sau khi đọc một cuốn sách ngữ pháp mà ta dùng để dạy tiếng Việt cho học sinh, cũng phải kết luận ngay rằng "tiếng Việt là một ngôn ngữ Ấn Âu điển hình, tuy đã mất hết các hiện tượng biến hình trong hình thái học". Vì cái linh hồn của thủ ngữ pháp ấy là linh hồn của các thủ tiếng Châu Âu, chứ không phải của tiếng ta.

Cũng khá nhiều người nói rằng ngữ pháp "Đé-Thuyết" rất đúng với tiếng Việt cổ - tiếng Việt của ca dao tục ngữ, của Ưc Trai thi tập, của Kiều, của Chinh phụ ngâm, nhưng không còn đúng với tiếng Việt hiện đại, vì ngày nay, do tiếp xúc với ngoại ngữ, tiếng Việt đã "sao phỏng" ngữ pháp Châu Âu mà trở thành y hệt như tiếng họ rồi - một sự chuyển biến đáng mừng, vì có thể ta mới thực sự "hội nhập" với thế giới hiện đại được.

Những người nghĩ như thế quên mất rằng tự duy của loài người là một, nhưng các phương tiện biểu đạt

tư duy trong các thủ tiếng lại vô cùng đa dạng. Và chính tinh đa dạng của ngôn ngữ, cũng như của các lĩnh vực khác trong nền văn hoá dân tộc, làm cho sự hội nhập có thể được thực hiện mà không dẫn tới sự đơn điệu tẻ nhạt. Một dân tộc đã đánh mất cái linh hồn nằm sâu trong tiếng mẹ đẻ của nó liệu còn có thể giữ được cái bản sắc độc đáo trong nền văn hoá dân tộc được không, và từ đó còn có thể đóng góp được gì vào bức tranh muôn màu của văn hoá nhân loại?

Không! Linh hồn của tiếng Việt không hề mất. Cái ý vị vô song của ca dao tục ngữ, của những câu Kiều, vẫn còn sống mãnh liệt trong tiếng nói hàng ngày của dân ta, trong thơ của Nguyễn Bính, Tố Hữu hay Chế Lan Viên, và vẫn làm cho những nam thanh nữ tú mặc quần Jeans hay váy đầm thời nay rung động trong từng đường gân thớ thịt của mình. Nếu giờ học tiếng Việt bị học sinh và giáo viên của ta coi như một buổi cở-vê tẻ nhạt và vô bổ, thì đó tuyệt nhiên không phải vì họ không còn yêu tiếng Việt, không còn cảm nhận được cái đẹp của tiếng Việt nữa, mà vì người ta bắt hợ dạy và học một thứ "tiếng Việt" chẳng ra Tây, chẳng ra ta, chỉ còn cái lên là tiếng Việt, không hề truyền đạt và hấp thụ lấy được một phần ngàn cái linh hồn bất diệt của nó.■

C.X.H.

1- Điều này khiến cho Đé khác hẳn chủ ngữ trong các thủ tiếng có chủ ngữ như tiếng Pháp, tiếng Đức hay tiếng Anh, trong đó chủ ngữ không thể vắng mặt, ngay cả khi nó là một đại từ không hề chỉ một thực thể nào ("chủ ngữ giả"), như trong tiếng Pháp il faut "phải", tiếng Đức es regnet "mưa", tiếng Anh it seems "hình như".

2-Trong hai thủ tiếng kể sau cùng cả Đé lẫn chủ ngữ đều được đánh dấu.

G IÁP tết. Gặp nhau ở làng. Tôi ngơ ngàng trước sự chuyển đổi cây trồng của làng. Anh Nguyễn Huy Bái, Chủ tịch xã nói như vạch vẽ:

- Xã Mê Linh chúng tôi thành vùng hoa từ 6-7 năm nay rồi. Hoa vẽ, đồng ruộng đổi thay. Làng xóm đổi thay. Cuộc đời cũng thay đổi!... Nghe anh nói, trong tôi, hình ảnh của làng hoa cứ hiện lên... Suốt con đường 23, từ xã Tiến Phong, qua Mê Linh, lên Đại Thịnh của huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc cứ ngàn ngạt những hoa hồng, hoa cúc. Những bông hồng sắp đến kỳ thu hoạch được cuốn giấy "bảo hiểm" như những chiếc kèn tò te chụp xuống để trang điểm thêm nét đẹp của nụ hoa. Bạt ngàn những vườn hồng đơm nụ, tự dung nhu bị đổi thành nụ trắng đúng ken kề bên nhau trải tít tắp tới tận chân đê, chân kênh: hoa vậy lấy xóm, lấy làng tạo nên bức tranh hoành tráng của làng quê đổi mới. Rằng ở đất Mê Linh nơi hai chị em nữ Anh hùng đầu tiên của dân tộc Trung Trắc - Trung Nhị phát cờ khởi nghĩa chống quân Nam Hán từ mùa xuân Canh Tý (năm 40 sau Công nguyên) nay đang sung mãn, sung lúc cả vật chất lẫn tinh thần, đang hoà quyện khàng khi ý chí và sức năng động trong thời khắc kinh tế thị trường... Tất cả hiện ra, dâng lên cho đời một trời hoa Mê Linh. Đất và hoa Mê Linh thành men say rạo rực lòng người đến lạ lùng!

Cắt ngang câu chuyện của Nguyễn Huy Bái, Chủ tịch xã, tôi dạm dầm cùng anh:

- Mấy chục năm trước, ấn tượng trong tôi là một Mê Linh độc canh cây lúa. Năng suất liên tiếp xếp vào hàng thứ cuối của huyện. 11 năm sau chen thêm một vụ đông. Mê Linh thành làng lúa, làng rau với đủ loại: bắp cải, cà chua, hành, cà rốt, ớt, tỏi... vậy lấy làng lấy xóm kết nối với các xã ngoại ô thành vành đai thực phẩm của Thủ đô Hà Nội. Thế nhưng Mê Linh vẫn chẳng giàu lên. Diện nghèo đói, khốn khó vẫn chiếm tới 15-16% dân số... Bây giờ, hay quá, diện khó khăn chỉ còn 2%!...

Hình như sợ tôi không hiểu căn nguyên của sự chuyển hướng cây trồng, anh Bái tiếp tục câu chuyện. Giọng chắc dạn, mạch lạc, rạch ròi:

- Mê Linh quê tôi, các anh biết rồi đó. Người đông, đất ít. Cả xã chỉ có 425 héc-ta đất canh tác mà có tới 10.500 dân, với 2.300 hộ. Anh thử tình xem, bình quân đầu người chỉ có trên một sào đất canh tác, dù cấy đến 3-4 vụ lúa thì giới làm cũng chỉ no chứ làm sao nên giàu nên có được! Nhưng rồi, đua cây hoa hồng vẽ, hoa làm ra tiền, làm nên nhiều việc. Đảng bộ, chính quyền, hợp tác xã và tất cả người dân Mê Linh thống nhất hoạch định lại đất đai trồng cấy: Hơn 200 héc-ta (600 mẫu) chuyển trồng hoa; gần 70 héc-ta chuyển làm rau mẫu. Diện tích còn lại chủ yếu là chân ruộng cấy hai vụ lúa trong đó có nhiều diện tích được xen thêm cây rau mẫu vụ đông!... Anh Bái chuyển giọng:

- Cây hoa trở thành cây kinh tế chủ

lực của làng tôi đấy. Đảng bộ xã mới Nghị quyết: *"Giữ vững và thâm canh 600 mẫu hoa. Phấn đấu tạo thành vùng hoa đặc trưng của miền Bắc"*.

- Điều gì tạo nên nét đặc trưng của một vùng hoa? Chúng tôi hỏi. Ông Chủ tịch đáp ngay:

- Phải có nhiều hoa (khối lượng sản phẩm hoa lớn). Diện tích hoa Mê Linh và các xã liên kế đã tạo nên vùng hoa hồng hàng ngàn mẫu. Trung bình, mỗi ngày xã Mê Linh bán ra tới một triệu bông hồng. Nhà bán nhiều tới 2.000 bông. Nhà bán ít vài trăm bông. Tính đổ đồng mỗi nhà bán 500 bông một ngày. Nếu tính các xã cận kề thì số bông hồng bán ra, ít nhất cũng hai triệu bông/một ngày... Thuở trước, dân chúng tôi đua hoa về Hà Nội bán bị chèn ép đủ đường. Bây giờ, chúng tôi mở chợ hoa

lại thân cây không có gai!...

Chuyện làng hoa, tự dung đua chúng tôi "du ngoạn" tới đất trồng hoa truyền thống của Nhật Tân, Nghi Tàm (Hà Nội), tới tận đất du lịch Đà Lạt muôn hoa. Rằng, ngày xưa ấy, ngoài nghề làm tang, Nghi Tàm còn là đất thiêng của những loài hoa quý hiếm như Cúc, Lan, Trà Mi. Riêng Cúc ở đây có hàng chục giống nổi tiếng như đại đoá, long trảo, bạch thọ mi... Rằng, Đà Lạt đã có hơn hai phần ba thế kỷ trồng hoa. Hoa hồng *"Hoa hậu của các loài hoa"*, có rất nhiều giống đặc trưng quý hiếm như: Hồng vàng, hồng phấn, hồng chàm và hồng nhung đại đoá đỏ sẫm... Ngán ấy thời gian trồng hoa trên đất muôn hoa này, người ta đã du nhập về đây tới 200 loài hoa hồng. Giống mới bây giờ đều có màu sắc đẹp, có nhiều kích cỡ bông,

trước, khi từ Vĩnh Phúc định xây sân Gôn ở Đại Lải, Xuân đã tìm đến thuê đất để lập trang trại trồng cây ăn quả. Và năm 1997, khi cây hồng Đà Lạt ở buổi vãn thời, Xuân bắt gặp và đón mua ở chợ hoa Hà Nội nguồn hoa hồng từ Pháp gửi về. Giống mới được chiết ghép công phu nhân ra 400 gốc cây mẹ trong vườn nhà ở khu ấp Hạ... Rồi từ đó nhân ra khắp làng, khắp xã. Bây giờ không chỉ làm hoa tại làng, Xuân còn về tận Đồng Anh hợp đồng thuê tới 29 sào đất của Công ty Bắc Hà để trồng giống hồng Ý và thử nghiệm những giống hoa mới nhằm tạo sự "đột biến" đón thị hiếu của người trồng hoa và người tiêu dùng...

Ở lại làng, bây giờ người làm hoa nổi tiếng nhất lại là Nguyễn Nhân Thuận. Anh đang làm tới 1,6 mẫu hoa. Mới rồi trong chuyến đi du lịch ở Trung Quốc, Thuận đã đem về giống hoa đồng tiền lấy từ "Thủ phủ hoa" Côn Minh. Hoa đồng tiền giống mới cho hoa to, cánh xếp trồng lên nhau, thóp hoa và cánh hoa đủ màu. Hơn 100 triệu đồng được Thuận bỏ ra để đầu tư cho một mẫu hoa đồng tiền. Hoa được ươm nhân, được che chắn, được phun tưới trong nhà kính... Người dân nói đến vườn ươm của Thuận như niềm hy vọng của chính họ, của cả làng hoa...

Chuyện trò với người trồng hoa mới hiểu biết nổi vất vả, nhọc nhằn có cả cay nghiệt của người trồng hoa.

Gặp vợ chồng anh Nguyễn Văn Thành và các anh Thân, anh Thân bên luống hoa đang độ rộ nụ, rộ bông, đón chờ phiên chợ sớm mai. Mọi người đều bảo rằng: Nghề nông chẳng có việc gì là nhàn hạ. Việc trồng hoa cũng chịu muôn nỗi nhọc nhằn. Phải lo cho phân đủ, nước vừa, chăm chút gây dựng, nâng niu tía tót từng bông hoa từng nhánh lá như mẹ chăm con. Phải lo chống sâu, chống nhện, chống nấm vậy ốc, giữ cho hoa không bị nhiễm bệnh, nhiễm thuốc... và cái giá của sự đánh đổi ngoài vốn liếng đầu tư, là đức tính cần cù mới mong vốn bỏ một thu về hai hoặc ba. Bởi thế người làm hoa phải lo sao nhiều vốn. Cho nên, quỹ tín dụng của xã cũng nâng động, hỗ trợ dắc lực cho người làm hoa tới 5-6 tỷ đồng... Đã thế lại phải thao thức, nơm nớp trong giấc mơ hoa. Nơm nớp phấp phồng về nắng mưa, thời tiết. Nơm nớp, phấp phồng phấp phồng về giá cả khi tới vụ thu hoạch. Phải nào lòng suốt mùa nắng hạ, khi hoa héo rữa, ế ẩm!... Phải tất bật vào những ngày lễ, ngày tết, mồng 8-3, 20-11 và Tết truyền thống hàng năm...

Anh Nguyễn Huy Bái hồ hởi trao cho chúng tôi những bông hoa thắm đỏ, giọng chắc nịch: *"Chúng tôi quyết đưa vùng hoa Mê Linh thành Thánh địa của hoa trên đất Bắc. Giống hoa, công nghệ trồng hoa và thị hiếu người tiêu dùng sẽ là hướng chỉ cho chúng tôi đi tới!"*■

HOA MÊ LINH

Bút ký của NGUYỄN UYÊN

ngay giữa vùng hoa kẻ bên đường 23. Chợ họp từ 5 giờ tới 8 giờ rưỡi sáng (trừ những phiên chợ Hạ, chợ Đình). Vào phiên chợ hoa, người buôn hoa tứ phương đổ về họ chở hoa bằng đủ các phương tiện, xe đạp, xe máy, ô tô. Cứ thế hoa Mê Linh đi về muôn ngả, đến những miền xa lạ, cao sang... Cứ thế, hoa cho làng tôi hết người đói khổ. Năm mới rồi, cả xã thu về lời 40 tỉ đồng tiền hoa. Nhà thu nhiều mỗi năm có trên 100 triệu. Nhà thu thấp cũng 10-15 triệu. Nhờ hoa mà 90% hộ dân có tivi màu, có xe máy, có nhà cửa khang trang, có giếng nước sạch, có máy điện thoại, máy cày, máy bơm v.v... Nhờ trồng hoa mà chúng tôi hết cảnh du thừa lao động, lại còn đón nhận thêm hàng trăm lao động nơi khác tới làm việc...

Ngừng giây lát, anh nói tiếp: Cái quyết định công việc của người trồng hoa là chất lượng, chất lượng hoa là hàng đầu. Cơ chế thị trường bắt chúng tôi phải theo hướng đó. Phải tạo nên những giống hoa đặc trưng. Đó là con đường sống, con đường cạnh tranh của đất hoa Mê Linh... Hiện tại, chúng tôi chỉ có hai loài hoa đặc trưng, đó là hoa hồng Pháp và một ít diện tích hoa Cúc.

Chuyện về hoa, chuyện của làng hoa, chuyện về những người trồng hoa và bán hoa cứ hút mãi chúng tôi. Đưa mắt ngắm và thưởng ngoạn một bông hồng hay một bông cúc tâm hồn chúng tôi như rung lên. Một cái gì ấy thuộc về linh giác đắm thắm, quyến rũ khiến chúng tôi không thể hững hờ.

Hỏi chuyện, vì sao Mê Linh lại chọn giống hồng Pháp? Cô gái trồng hoa xinh đẹp, có nước da phớt hồng của làng Hạ Lôi, duyên dáng dịu dàng và nồng nhiệt kể rằng:

- Cách đây 6 năm, chúng em trồng giống hồng Đà Lạt. Bốn năm lại đây thay bằng giống hồng của Pháp, của Ý, của Hà Lan. Nhưng hoa hồng Pháp là chủ lực. Giống hồng này, bông to, màu đẹp, cánh dày, mùi thơm quyến rũ... với

độ cứng của cánh cũng cao hơn... Hiếm nổi, thân hồng này nhiều gai và gai rất nhọn, rất cứng gây nên nỗi phiền toái cho người thương thức... Còn nói về hoa cúc thì đã nhập vào ta từ rất xa xưa. Dân làng hoa Ngọc Hà (Hà Nội) trồng cúc từ đời nhà Lý. Làng hoa truyền thống này đã lai tạo nên biết bao giống cúc đẹp về hình dáng, màu sắc. Với những tên hoa rất đổi nên quen, nào là: Cúc vàng, cúc hoàng kim; nào là cúc đại đoá, cúc trắng, cúc chi...

Người đời từng nói: *Hoa hồng* là biểu trưng của tình cảm thiêng liêng, trân trọng; *hoa cúc* là biểu trưng cho tuổi thọ, cho sức sống lâu bền. Có phải vì lẽ này mà Mê Linh chọn trồng đại trà hoa hồng, hoa cúc, quyết tâm đua đất lúa, đất màu thành hoa chủ của làng hoa?

Chúng tôi tò mò muốn biết ai là người đã có công đưa những giống hoa này về đây. Tựa hồ như trên đất Mê Linh này người nào cũng tưởng tận. Họ bảo rằng, cuối năm 1993, anh Nguyễn Văn Lợi em trai anh Nguyễn Văn Quý người trồng hoa giỏi nhất làng có công đưa giống hoa hồng Đà Lạt về đây. Sau đấy là anh Nguyễn Nhân Thuận nay là chủ nhiệm Hợp tác xã Hạ Lôi lại đua tiếp giống hồng Hà Lan cũng từ Đà Lạt về. Hoa hồng Đà Lạt nổi danh một thời. Nhưng rồi sau đấy bị giống hồng Pháp nhiều ưu thế hơn lấn át và chiếm độc tôn...

Chúng tôi dành chọn những ngày nghỉ cuối tuần tìm gặp những người có công khai sáng vùng hoa Mê Linh. Hỏi anh Ngô Văn Xuân, dân cuối làng bảo rằng: cứ lên thôn Hạ Lôi, ngôi nhà nào to và đẹp nhất thì đấy là nhà của Ngô Văn Xuân! Đúng như lời mạch chỉ. Nhà Xuân cao 4 tầng, có diện tích xây dựng tới 300m². Chỉ tính tiền xây nhà hết 620 triệu. Tất cả đều từ nguồn tiền bán hoa. Đó là ngôi nhà đẹp, đẹp như hoa. Người làng thường ca tụng như thế! Xuân xuất xứ từ gia đình nông dân chất phác, nhưng có chí làm ăn... Hơn chục năm



CÓ CÒN CHẰNG - "BIỂN THỨC"?

NGÔ VĨNH BÌNH



Nhà văn DUY KHÁN

tú thơ cũng thông báo cho nhau, khoe với nhau. Nhưng cái "khoe" của Duy Khán là độc đáo hơn cả, hồn nhiên đến đáng yêu. Có lần nhà văn Nguyễn Khải

thấy cánh cửa phòng anh cứ im ỉm suốt ngày mới gọi vào đùa: "Ông Khán ơi, ông viết gì mà cứ nhao nhao suốt ngày thế. Từ từ để anh em theo với chứ". Duy Khán hé cửa phòng cười rất tươi nói với bậc đàn anh: "Vâng, tuần vừa rồi em cũng viết được 10 bài thơ, 6 bài khá, những bài còn lại cũng được. Ấy vậy mà gửi đi chưa thấy báo nào in"... Hồi viết cuốn *Tuổi thơ im lặng* cũng vậy, riêng với tôi, viết được mẫu nào anh đọc cho tôi nghe mẫu ấy và kể rằng anh vừa viết vừa khóc. Anh nói với nhà thơ Trần Vũ Mai, người rất tâm đắc với tác phẩm này khi còn phôi thai: "Kính thật, chẳng rõ bằng cách nào mình và làng quê mình lại qua được cái thời khổ đau ấy!". Đạo đi công tác ngoài quần đảo Trường Sa về cũng thế, anh ngồi lì trong phòng, cầm bút viết cuốn *Biển thức*. Anh viết cuốn bút ký này trên một tập giấy rất lạ, dài như một cuốn sổ của người cán bộ kế toán. Chữ anh to, rõ ràng và nắn nót như chữ học trò. Anh kể miên man về những chuyến đi biển của mình,

từ lúc buộc ba lô rời ngôi nhà số 4 đến lúc trở về ngồi trong căn phòng 6 mét vuông của mình. Anh đưa nó cho nhiều người xem và anh có vẻ vui hơn, hoạt bát hơn và... uống cũng nhiều hơn. Một hôm nhà thơ Phạm Tiến Duật đến chơi, nghe anh kể anh đi, anh viết về Trường Sa, ngẫu hứng đọc hai câu thơ:

*Một nhà thơ đi sáu ngàn cây số biển
Về ở căn buồng sáu mét vuông.*

Duy Khán không cần đắn đo tiếp liền:

*Một ngày đôi chén rượu suông
Văn thơ đầy ắp căn buồng con con.*

Cái căn buồng con con ấy nay không còn, nhưng từ đó đã hoài thai ra những tập thơ *Trên mái, Tâm sự người đi và Tuổi thơ im lặng*. Rất tiếc là tập *Biển thức* đã không kịp xuất bản trước lúc Duy Khán về hưu và đi xa mãi mãi! Nhớ anh, nhớ những kỷ niệm về căn buồng 6 mét vuông của anh năm nào lại càng tiếc cho *Biển thức*. Không hiểu tập bản thảo ấy giờ phiêu bạt nơi nào, còn chẳng hay đã đi cùng tác giả của nó về cõi vô biên? Tôi viết theo những dòng kỷ niệm nhớ về nhà thơ Duy Khán xuân này cũng như là một lời nhắn tìm tập *Biển thức* của anh với hy vọng một ngày nào đó sẽ tìm thấy, sẽ được xuất bản hoặc chí ít cũng được đưa vào bảo tàng của Hội Nhà văn như một di cảo của một nhà thơ thời hiện đại. ■

BẦY giờ thì căn buồng ấy không còn nữa. Nhưng những kỷ niệm về nó thì vẫn còn trong bạn bè đồng nghiệp và bạn đọc của nhà thơ. Ấy là một buồng xếp, rộng 6 mét vuông (vừa đủ kê một chiếc giường đơn dài 2m, rộng 1m, một bộ bàn ghế nhỏ và rải một chiếc chiếu) ở góc 2 nhà số 4 Lý Nam Đế, Hà Nội. Căn buồng này là nơi nhà thơ Duy Khán - tác giả cuốn *Tuổi thơ im lặng*, giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1997 đã từng sống và làm việc.

Tôi cũng có một dạo được bố trí ở một buồng xếp cạnh đó, nghĩa là được làm người "láng giềng" của nhà thơ. Cũng như bác Thanh Tịnh, Duy Khán có một thời gian dài "ăn cơm tập thể nằm giường cá nhân", làm việc và nghỉ ngơi, tiếp khách trong căn xếp ấy, còn ăn thì ngày ngày hai buổi vác bát vác đĩa sang nhà ăn tập thể báo *Quân đội Nhân dân*. Như thành lệ, cứ sáng sáng đến cơ quan là tôi phải đi qua phòng của anh. Nghe tiếng dép lên thang gác của tôi là anh biết liền và gọi tôi vào hoà nước chè cùng uống (anh không nói là pha nước chè mà nói là *hoà chè*). Được ở gần anh tôi cũng thường được anh coi như "bạn đọc đầu tiên" của anh. Thời bấy giờ các nhà văn ở Tập chí *Văn nghệ Quân đội* có một thói quen hẳn hoi viết được gì, thậm chí có khi chỉ là một ý tưởng, một

TÔI ngắm nghĩa tấm bưu ảnh chúc Tết của chị mới gửi về. Chỉ là một mảnh nhỏ dòng sông Xen lăn tăn gợn sóng, mấy vòm gấm cầu lạch lũng của một cây cầu qua sông, với một góc, một cành cây trụi lá của mùa đông Pa-ri...

Nhưng mặt sau bưu ảnh thì là những lời chân thành của chị. "... Kèm theo, gửi về là một phần tập hồi ký của tôi. Anh đọc trước và góp ý cho. Thành thật đấy. Đường như tôi thấy khó viết về cái ta. Viết thế nào cho đúng vị trí, không khiên nhường giả tạo và dùng sự thật. Anh cho lời khuyên nhé."

Chị hen qua năm sẽ về, làm tôi lại nhớ cái năm đầu tiên chị từ Pa-ri về Hà Nội sau kháng chiến chống Pháp. Không phải một mình chị, nữ sĩ Thu Trang, còn có nhà điêu khắc Điềm Phùng Thị, họa sĩ Mai Trung Thứ... Hồi Nhà văn Điềm Phùng Thị, họa sĩ Mai Trung Thứ... Hồi Nhà văn Điềm Phùng Thị, họa sĩ Mai Trung Thứ... Hồi Nhà văn Điềm Phùng Thị, họa sĩ Mai Trung Thứ...

Tôi công tác ở Hội Nhà văn, được phân công đi đón chị Thu Trang. Chị ở trên ngôi nhà tổ tiên để lại trong làng Nghi Tàm, có lối từ đề đi xuống. Hội Nhà văn khi ấy chỉ có cái ô-tô Mat-xơ-vít mà chúng tôi gọi đùa là ô-tô Con Cóc. Bởi vì nó giống con cóc và cũng chỉ to bằng con cóc.

Tôi mang ô-tô ấy đi đón chị. Chắc lần đầu chị được đi xe kiểu ấy. Cũng như lần đầu chị được đến trụ sở Hội Nhà văn.

Chị bảo không quên được không khí vui vầy đầm ấm hôm ấy. Chính chị cũng mang đến sự đầm ấm ngay từ phút đầu gặp gỡ.

Bước vào, chị gặp anh Nguyễn Đình Thi, nhà văn Tổng thư ký của Hội chúng tôi, chị vui vẻ nói:

- Anh quả là "jeune premier" của Hội, danh bất hư truyền.

Anh Nguyễn Đình Thi hình như hơi bị đột ngột với lời

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)

DUYÊN DÁNG THU TRANG... ĐIỂM

ĐÀO VŨ



Nữ sĩ Thu Trang - hoa hậu Sài Gòn (1955) và lúc 60 tuổi

khen "đào kép nhất" ấy, nhưng anh đủ sự bình tĩnh và linh hoạt đối đáp, anh chỉ sang tôi nói tránh đi:

- Đây mới là "jeune premier" của Hội. Chị nhầm!

Chị Thu Trang chịu hệt hắng, đành nói chữa:

- Hèn nào anh cho anh Vũ lên đón tôi.

Vào đến cuộc họp mặt mới càng vui, nữ sĩ Thu Trang bộc lộ mạnh hơn nhiệt tình và phong cách sống ở Châu Âu lâu năm của mình:

- Tất cả các anh chị ở đây tôi chỉ được nghe tiếng bấy nay, hôm nay mới được gặp mặt, tôi xin phép được ôm hôn tất cả.

Và không phải chỉ nói chung như vậy, chị ôm hôn từng người thật, hình như chỉ trừ họa sĩ Mai Trung Thứ và nhà nữ điêu khắc Điềm Phùng Thị mà chị vốn quá quen từ bên Pháp.

Vui nhất là đến thi sĩ Lưu Trọng Lư, anh hồn nhiên như trẻ con nói thành thật:

- Khổ quá, tôi hóp hết cả đôi mắt, không còn chỗ nào nữa để hôn.

Tất cả cười ồ lên, chen vào có tiếng trêu: "Đâu phải chỉ có má là chỗ để hôn!" Còn có tiếng trêu: "Thế thì Lưu Trọng Lư phải nhận nụ hôn của nhân vật "cô gái trong song cửa" trong thơ mình, trên đôi má hóp cũng được". Chị Điềm Phùng Thị vốn là linh hồn của bài thơ kia, để gì chịu sức ép ấy - chị chỉ ngồi cười, mặt không hề biến sắc.

Đến tôi là người thứ hai dám từ chối nữ sĩ Thu Trang. Tôi biết là câu nói đùa hơi sàm sỡ, thất lễ, nên chỉ nói nhỏ bên tai chị:

- Trước mặt đông người, nhận nụ hôn quý hoá nhường ấy, tôi không quen và thấy uống biết bao nhiêu!

Tôi nói nhỏ, chị nghe rõ, nhưng sự sàm sỡ thất lễ kia,

chẳng biết chị công nhận hay bỏ qua cho tôi, không nhắc lại cho mọi người nghe.

Buổi gặp mặt vui vẻ từ đầu đến cuối. Chuyện thơ văn, chuyện nỗi xa quê, nỗi gặp lại, cả nhiều chuyện khác. Đốt pháo, ăn chè kho, bánh chưng nữa. Nhưng cuối cùng, quá nửa đêm rồi, cũng phải chia tay mãn cuộc.

Tôi lại đưa nữ sĩ Thu Trang về lại nhà trên Nghi Tàm, qua lối xuống đường đề.

Dầu sao cũng là đường đêm của tháng củ mật, Hà Nội nhưng là ngoại thành không có đèn điện. Trời tối thật. Lại mưa phùn. Rét.

Cái ô-tô con cóc của Hội dùng chạy để đó, phải đi tìm lối xuống. Khốn nỗi, là nhà thơ tổ của chị thật nhưng chị xa nó, xa cái đất tổ này đã quá lâu nay mới trở lại. Còn tôi, mới đi một lần cũng chưa thuộc lối, nên tôi phải đưa chị đi đi lại lại cả quãng đề dài trong đêm mà vẫn chưa tìm ra lối rẽ xuống. Chị mặc không đủ ấm, nhưng cưỡng lại lời tôi mà rằng:

- Không sao! Tôi vào Nam thôi, nhưng người xứ Bắc mà. Lại đã qua nhiều mùa đông châu Âu đến giờ. Tôi chịu được rét.

Rồi chị bất ngờ hỏi tôi về bài thơ Lưu Trọng Lư được đem ra nói vui khi này ở cuộc họp mặt. Tôi đáp:

- Ai cũng đều biết là "cô gái trong song cửa" của bài thơ chính là chị Điềm Phùng Thị... Vâng, chị Điềm Phùng Thị khi ấy là người đẹp xứ Huế, lại xuất thân cao sang, quyền quý, thiếu gì người ngưỡng mộ, có riêng gì "con nai vàng" Lưu Trọng Lư... Bài thơ chị không nhớ hả?

Tiếp câu trả lời, tôi phải đọc lại mấy câu thơ cho chị nghe:

*Em là gái trong song cửa
Anh là mây bốn phương trời
Anh theo cánh gió chơi vơi
Em vẫn nằm trong nhung lụa*

Đọc hết cả thơ, lối rẽ xuống quá quấy chỗ nào mà vẫn chưa tìm ra!

Cái rét cuối năm cảm cảm .
Mưa phùn lất phất không ngớt.

Tôi vẫn biết chị Thu Trang người ngoài này, vốn có tên là Công Thị Nghĩa. Chị vào Nam, tham gia hoạt động trong phong trào học sinh, sinh viên ở thành phố, từng ra vào vùng căn cứ, từng bị chính quyền Diệm tổng giam. Chị viết cho nhiều báo trong thành phố thành tên Thu Trang từ đấy. Điều lý thú là nhà báo trẻ xống xáo kia lại là hoa hậu từ cuộc thi "Người đẹp miền Nam" năm 1955. Nhà báo hoa hậu tham gia hoạt động bí mật trong lòng

(Xem tiếp trang 45)

HỌ ĐÃ ĐỂ LẠI GÌ CHO ĐIỆN ẢNH TRUNG QUỐC?



Đạo diễn Lu Yue (bên trái) giải bảo Vàng

Trần Xung, diễn viên số 1 của Châu Á

KHI chúng ta nhìn lại điện ảnh Trung Quốc thế kỷ XX là đồng thời nhìn lại sự suy thoái và sập lụn của nó cũng như việc thể hiện sự kém cỏi và bất cập. Có thể nói rằng những cơ hội có lợi cho điện ảnh Trung Quốc ở thế kỷ này không nhiều. Sự biến đổi dữ dội của thời đại, khẩu vị thường thức của quần chúng không ngừng thay đổi. Sự cải cách xã hội đem lại cho điện ảnh nhiều cơ hội nhưng cũng không ít phiền toái.

Vào những năm 30-40 có thể nói vườn điện ảnh Trung Quốc nở hoa. Các phim *Mã lộ thiên sử* (1937), *Mùa xuân ở thành phố nhỏ* (1948) là những tác phẩm chân thực, để lại ấn tượng sâu đậm trong lịch sử điện ảnh. Vào khoảng 60, điện ảnh nghệ thuật Châu Âu thực sự giành được những thành tựu về nghệ thuật. Và có thể nói rằng *Mùa xuân ở thành phố nhỏ* cũng là một tác phẩm đặc trưng mang tính nghệ thuật. Từ thành công đó nhìn rộng ra có thể thấy rằng một là đại bộ phận điện ảnh hồi bấy giờ dù là điện ảnh xã hội nhưng không phải mục đích là thuyết giáo. Điện ảnh nên tìm kiếm điều gì đó chứ không phải chỉ là trình bày một số sự việc. Hai nữa là điện ảnh khi đó rất gần gũi với đời sống nhân dân, nếu tiếp tục huy được truyền thống đó mà không bị gián đoạn thì ít nhất cho đến nay qua điện ảnh chúng ta cũng có thể thấy được diện mạo chân thực của mỗi thời đại.

Mãi cho đến 1959, sau gần mười năm xây dựng và tích lũy mới hình thành được cái mà chúng ta thường gọi là "trào lưu điện ảnh" và xuất hiện những bộ phim có thể coi là đáp ứng thời đại như *Cửa hàng nhà họ Lâm*, *Lâm Tắc Du*. Nhưng cao trào giai đoạn này chỉ như hoa nở lại tàn. Cùng với thời gian, đời sống nghệ thuật cũng phai tàn đi. Biết bao nhiêu đạo diễn tài hoa không còn chờ được đến mùa xuân thứ hai của mình.

Ngày nay khi nhắc đến các đạo diễn điện ảnh vẫn còn tiếp tục sáng tạo thì người phải nhắc đến đầu tiên chính là Tạ Phổ Ứng. Tác phẩm của ông là đại biểu xứng đáng nhất của nền điện ảnh Trung Quốc, đồng thời đại biểu cho lương tri của những người làm điện ảnh Trung Quốc. Ông có cống hiến cực kỳ to lớn cho nền điện ảnh Trung Quốc cho dù cống hiến ấy có thể kể như đã dùng lại ở phim *Thị trấn phù dung*. Và điều khẳng định là đối với việc phát huy văn hoá điện ảnh truyền thống Trung Quốc, cho đến giờ ông vẫn là người xuất sắc nhất. Bên cạnh ông, một đạo diễn cũng rất xuất sắc, đó là Tạ Thiết Lệ. Phim *Tháng hai xuân sớm* quay 1962

của ông đã xác lập vị trí vững chắc của vị đạo diễn này trong làng điện ảnh Trung Quốc. Ông là một trong số những đạo diễn sáng tạo không biết mệt mỏi. Số lượng phim do ông đạo diễn thật khổng lồ, nhưng cũng khá nhiều phim "chênh vênh" khiến cho người ta có cảm giác như "lục bất tông tâm", nhất là ở một số phim được cải biên từ một số danh tác.

Trong một khoảng thời gian dài, điện ảnh Trung Quốc chỉ thiên về hướng nội, không hề có hướng ngoại. Tạ Phổ đường như dẫn dắt điện ảnh Trung Quốc đi tới tận cùng.

Bộ phim đầu tiên của Trung Quốc *Núi định quân* chính là điểm báo trước về hướng phát triển điện ảnh trong tương lai của Trung Quốc. Đối với các đạo diễn Trung Quốc mà nói, tiêu chuẩn của một bộ phim tốt phải là tính cách hoá nhân vật dựa trên cơ sở các tính tiết mang kịch tính.

Đến đạo diễn Tạ Phi thì may mắn hơn. Anh tiếp tục đi con đường truyền thống và dành được thành công lớn. Từ phim *Năm bản mệnh* đến *Tuần mã đen*, tác phẩm điện ảnh của anh ngày càng tiếp cận với nhu cầu dân tính hơn. Nhưng anh không tiếp tục đi sâu vào đó. Chủ nghĩa ôn hoà trong nghệ thuật đã làm yếu đi tư duy nghiêm khắc đối với cuộc sống của anh.

Đối với hàng loạt những tác phẩm nhạt nhẽo tầm phào, sự xuất hiện của *Chuyến cũ thành Nam* và *Nhân quý tình thật* là ngoài sức tưởng tượng. Đứng là hai viên trăn châu trong bãi rác. *Chuyến cũ thành Nam* của Ngô Thái Cung và *Nhân quý tình thật* của Hoàng Thục Cẩn thực sự là các tác phẩm "có tiếng nói" hiếm thấy trong điện ảnh Trung Quốc giai đoạn đầu. Nghệ thuật chín muồi, đầy sự chân thực mà giản dị, tiếp xúc được tới tận những sự tình tế, uyển chuyển trong tình cảm cũng như tâm hồn của dân chúng. Nhưng rồi hàng loạt các tác phẩm tiếp theo của Ngô Thái Cung và Hoàng Thục Cẩn ra đời chỉ lập ỷ lập lại chính mình, không có sáng tạo mới nên cũng dần phai mờ đi, chẳng hạn như các phim *Hồn biến*, *Hồn hoa*...

Thế hệ các đạo diễn đời thứ tư, giai đoạn 79-83 đã đi vào ổn định. Cao trào điện ảnh lần thứ nhất kéo dài trong 4 năm đã qua đi. Với sự nỗ lực của các đạo diễn Tạ Phi, Ngô Thái Cung, Hoàng Thục Cẩn, Ngô Thiên Minh, Trịnh Đồng Thiên, Trương Ngạn Căn, Hoàng Kiến Trung... điện ảnh Trung Quốc dần dần đã lấy lại được sự cảm thụ, quan tâm của quần chúng. Điều đó cũng chính là cống hiến của đạo diễn với điện ảnh Trung Quốc.

Thế hệ đạo diễn thứ năm ra đời một cách bé thế hơn. Có thể nói là họ gần như

cùng đồng thời xuất hiện.

Thập kỷ 80 chính là thời kỳ sáng sủa nhất, là cơ hội cho các tài năng tự thân đua nở. Trần Khải Ca, Điện Trương Trương, Trương Quân Chiêu, Ngô Tử Ngưu, Trương Nghệ Muu... Hàng loạt các đạo diễn tài hoa bẩm sinh này thả sức tung hoành hồ gió gọi mây trong ngành nghệ thuật thứ bảy. Họ chính là lớp đạo diễn đánh về vang nhất và cũng là lớp người làm nên sự sôi động lớn nhất của điện ảnh Trung Quốc thời kỳ mới. Sự xuất hiện của họ làm xuất hiện thời kỳ lên cao rõ rệt của điện ảnh Trung Quốc. Trong buổi họp xét giải thưởng *Con gà vàng* lần thứ 5 Hoàng Công Anh đã tranh đấu đến cùng chỉ để giành danh phần xứng đáng cho bộ phim *Đất vàng* của Trần Khải Ca. Và thời gian đã

chứng minh rằng *Đất vàng* thực sự xứng đáng được xếp vào một trong các bộ phim ưu tú nhất của Trung Quốc.

Sau khi có *Đất vàng*, người ta không còn bao giờ dám nhìn điện ảnh Trung Quốc bằng con mắt như thời trước đã nhìn. *Đất vàng* xuất hiện thực sự đã đem tới một khả năng mới cho điện ảnh Trung Quốc. Nhưng sau tác phẩm này của Trần Khải Ca không thấy có tiếng nói phê bình nào về tính kịch cũng như tính thông tục của nó. Dù cho phim *Vương triều biệt thần* của Trần Khải Ca khiến cho thanh danh ông lên tới đỉnh điểm trên thế giới, nhưng trong đó vẫn thiếu sự quan sát chân thực. Ông đã bỏ qua hết *Đại duyệt binh*, *Vua đi vua hát*, *Vua trẻ con*, không có sự tìm tòi, khám phá ở những phần đi trước này mà

cho rằng điện ảnh là một sự truyền kỳ.

Sơ với thập kỷ 80 thì điện ảnh Trung Quốc giai đoạn 90 kém hẳn đi sức sống. Những người làm điện ảnh đã kém hẳn đi đúng khi và sự kiện trí để đẩy điện ảnh lên phía trước.

Trương Nghệ Muu là một đạo diễn Trung Quốc nổi tiếng nhất trong làng điện ảnh quốc tế. Điện ảnh Trung Quốc cũng đi cùng con đường với điện ảnh quốc tế, và ông chính là người đi đầu trên con đường này. Đây là bước khởi đầu có ý nghĩa vô cùng quan trọng mà sau này, tất cả những người có ý định làm đạo diễn đều phải cảm tạ. Sự nghiêm túc chăm chỉ đã tạo nên chính ông. *Cao lương đỏ* chính là một bộ phim tuyệt diệu. Kinh phí quay phim rất thấp, nhưng sức chấn động của nó lại rất lớn. Nó chiếm một vị trí chắc chắn trong nền điện ảnh Trung Quốc. Trong *Cao lương đỏ* còn chứa một điều vô cùng quan trọng, đó là lòng nhiệt tình. Sự nhiệt tình cao độ này giống như tình yêu đầu của tuổi mới lớn. Hoàn toàn không có sự tính toán trần tục. *Cao lương đỏ* đã làm chúng ta tin tưởng rằng chỉ cần dựa vào lòng nhiệt tình, sức mạnh, sức sống, tình yêu là có thể đưa được điện ảnh đi lên. Bắt đầu từ *Thu Đào đá quan* cho tới một loạt các tác phẩm kỳ thực tiếp theo, hy vọng rằng ông sẽ cùng đạo diễn Iran đến từ thế giới thứ ba Apatxo Gialutxhami cũng tạo nên một trào lưu và một sự biểu đạt đối nghịch nhau. Nhưng điều đáng tiếc là những tác phẩm của ông lại kém đi tinh thần chân thực và không xây dựng nên được sự trân trọng và lắng nghe của quần chúng, kém đi sự mẫn cảm cũng như sự tìm tòi. Còn một điều đáng nói nữa là Trương Nghệ Muu không chỉ dựa vào năng lực của chính bản thân mình, chỉ giờ đạo diễn nước là có thể trở thành nhà đạo diễn điện ảnh tài ba. Mà điều này khiến cho con

đường nghệ thuật sau này của ông ít nhiều cũng phụ thuộc vào sự giúp đỡ của "Những người xung quanh".

Thái độ của giới chuyên môn hiện nay cho thấy, Minh Doanh chân thực hơn nhiều, sức tưởng tượng và sáng tạo của cô dựa trên lòng nhiệt tình, thể nghiệm, suy nghĩ từ cuộc sống chân thực. Không phải để chứng minh cho sự chân thực của bản thân mà tăng thêm sự chân thực cho điện ảnh, chẳng hạn như các phim "Tìm vui về", hay "Câu chuyện dân cảnh".

Giống như các đạo diễn Điện Trương Trương, Trương Văn, Minh Doanh, Trương Minh... các tác phẩm của họ cũng với nội tâm của họ về cơ bản là nhất trí với nhau. Tác phẩm điện ảnh của họ chính là trạng thái tâm linh của bản thân. Trương Văn là đạo diễn nghệ thuật không vượt qua được "thế hệ thứ 5". Tuy rằng tác phẩm của anh chỉ có phim *Ngày sáng ánh mắt trời* được ra mắt công chúng, nhưng với một trình độ đạo diễn như thế cũng đủ khiến người ta tôn trọng, bởi trong tác phẩm của anh hầu như không có một cái gì ngoài những điều xuất phát từ nội tâm.

Còn ở phim *Quyển đến quả đoan* và mạnh mẽ thì thể hiện rõ tài hoa về nắm bắt và kết nối sự kiện. Anh hoàn toàn có thể tin tưởng đi mở mang và khai phá lĩnh vực điện ảnh. Phim *Vu Sơn văn vũ* của Trương Minh thì quá tham vọng, nó dễ dàng bập vào với các tình tiết kết cấu của điện ảnh truyền thống chủ định cho tới "trăm lẻ một đoá hoa đua nở", hơn cả "trăm hoa đua nở". Điều đáng kinh của phim này là ở đây mà điều đó của nó cũng ở đây nốt. Đáng tiếc là các đạo diễn này giờ đây người thì không làm phim nữa, người thì phim làm ra gặp nhiều khó khăn, vô hình trung họ đã tự huỷ hoại sự sáng tác của chính mình.

"Thế hệ đạo diễn thứ sáu" được đánh giá là một thế hệ vô cùng đặc sắc. Ngoài những trở lực và khó khăn gặp phải giống các bậc đàn anh, họ còn bị lưới đạo sắc "Thương nghiệp" quơ trên đầu. Họ chính là thế hệ "Hành tẩu". Họ phải làm việc rất nhiều, dùng phương thức và hành động của bản thân để chứng minh khả năng quyền lực của từng người đối với điện ảnh. Chỉ mỗi điều là hãy yêu điện ảnh, có điều kiện, có năng lực, thì bạn có thể làm phim được. Thế hệ đạo diễn thứ 6 khiến cho người ta thấy rõ điện ảnh mang tính khả thi mới mẻ của một loạt hiện tượng văn hoá, vị trí văn hoá. Họ và "Thế hệ thứ 5" có rất nhiều điều khác nhau. "Thế hệ thứ 5" giỏi về khai thác đề tài lịch sử và nông thôn. Các tác phẩm điện ảnh chủ yếu cái biên từ tiểu thuyết. Còn phim của "Thế hệ thứ 6" thì đa số là nguyên bản sáng tác. Những điều họ viết chính là tình cảm và cuộc sống nhân sinh của chính bản thân, tâm nhìn thật độc đáo. Trương Nguyên thiên về nắm bắt diện mạo của Bắc Kinh. Các tác phẩm của anh sớm bộc lộ sự tuyệt vọng và cơ hội sống, mang một sức mạnh nội tại sâu sắc. Tâm lý ẩn sâu trong phim anh cũng với đặc điểm "Chủ nghĩa hiện thực thành phố" đã khiến anh có một tiếng nói không thể coi nhẹ trong làng điện ảnh đương đại Trung Quốc. Nhưng cũng với những gì nổi bật lên đó, thái độ cũng trở nên thay đổi, sức mạnh ấy cũng dần tiêu tan. Lẽ nào những cái có thực ấy không trở lại sao? Cho đến nay các đạo diễn "Thế hệ thứ 6" vẫn không có nổi tác phẩm nào vượt lên trên thế hệ đàn anh thứ 5.

Xuất phát từ tâm thái, khởi điểm và tố chất nghệ thuật của toàn thể "thế hệ thứ 6" mà nói, họ cũng chính là một thế hệ quá độ. Nhà văn Chu Văn cho rằng, trình độ cơ bản của đạo diễn Trung Quốc tương đương với trình độ văn học thanh niên. Có điều cũng như trong dân nhưng thế nào cũng có tiếng nói khác biệt. Chẳng hạn như tiếng nói của Giả Trương Khả lại rất độc đáo giữa đám đông. Thực tế là sự xuất hiện như thế của đạo diễn trẻ tuổi *Giả Trương Khả* khiến cho chúng ta càng có lòng tin ở điện ảnh. Sự ra đời phim *Tiểu Vũ* không chỉ cho chúng ta phát hiện thêm một bộ phim mà là phát hiện một tác giả. Phim của anh đã thể hiện được một tư chất trên mảnh đất điện ảnh này còn khiếm khuyết của Trung Quốc, có một cách nhìn tương đối hoàn chỉnh đối với thế giới. Ngoài sự hy vọng điện ảnh còn cần rất nhiều thứ. Đôi khi ở điện ảnh, sự tuyệt vọng lại còn có giá hơn hy vọng. Nhưng cũng nên thấy rằng Boocman đã kiếm tìm một tia sáng trong bóng tối, tia sáng đó chính là cho tác phẩm của ông có tính chân thực đáng tin hơn. Và điều đáng để mong đợi là cùng với sự phổ cập kỹ thuật mã số, thì những "người làm điện ảnh nghiệp dư" cũng xuất hiện trên vũ đài rộng lớn này ngày một nhiều và chắc chắn sẽ làm thay đổi cách nhìn của dân chúng với điện ảnh Trung Quốc. ■

TRINH BẢO

(Tổng hợp Báo chí Trung Quốc 10-2000)



TẠ PHỔ



TRẦN KHẢI CA



TRƯƠNG NGHỆ MUU



GIẢ TRƯƠNG KHẢ

PHÙNG NGỌC HÙNG

Cây cảnh

Không thể cao và lớn
Bình thường một đời cây
Sống ở trong chậu cảnh
Được tia chăm suốt ngày

Càng nhỏ, thấp càng đẹp
Không bị chê bé, lùn
Càng lâu càng được giá
Thách thức cùng thời gian

Người mà như cây cảnh
Đề gì được yêu hơn ?

THÁI GIANG

Bốn mùa thương

Dù xuân đang chảy, qua đi
Trẻ trung - em chớp hàng mi... niu về

Dù hè nắng trắng đôi què
Mái tóc em - một bóng mờ... dịu dàng

Dù thu sương khói mang mang
Bàn tay em - lượn lá vàng... giấu đi

Dù đông buốt giá mây chi
Sông buồn, một tiếng thầm thì... lại xanh

Khi yêu, tim hóa ấm lạnh
Bốn mùa thương mến - ta dành tặng nhau
Thời gian dù rười qua mau
Có tình yêu - núi bạc đầu - vẫn xuân

NGUYỄN THANH KIM

Lưu luyến

Suối Mỡ ai trèo trôn bậc đá
ngủi xa lũng ấy ngọc hơi mây
se se sẽ chuôn kim vương sợi cỏ
sao gió ngàn thiêng lạc chốn này ?

Suối Mỡ dốc cao chừng nín thở
lòng hồng nhẹ thênh giọng ai cười
suối buồn diu dặt tay ai dặt
nắng rừng khoan nhất nhạc ve sôi

Suối Mỡ ai còn giăng mắc đó
xui gom một chút lá bên trời
xui gom một chút tình dân dã
kịp gửi cho người lưu luyến ơi...

NGÔ VĂN PHÚ

Hương Canh

Phía sau là núi. Phía trước là đồng.
Tường xây bằng tiểu phủng, tiểu hồng,
Ngõ rộng, tường rêu, gió động lồng lộng,
Con gái nhà giàu váy bạc, lưng ong...

Ta thả hồn trên những mái đao cong,
Tranh khắc gỗ hồn nhiên giữa lòng đình
nhang khói.

Những lối cò đủ năm màu hoa dai,
Những cầu ao chấp chới cánh chuồn chuồn.

Chợ quê hoa quả mộc mà thơm,
Áo quê thoáng hương dãi, hương lúa
Những đồng ruộng cao dần theo giải thửa,
những lò nôi, xanh biếc khói chiếu hòm...

Ván cò chân chó bó dỏ bên đường.
Đám trẻ trâu, che long lá sen đứng đình,
Xa xa núi. Trăng đêm vàng vac sáng.
Ta đưa em về, tắt cánh đồng chiêm.

Hương Canh, Hương Canh, lại nhớ ban đêm,
Xe thô chum vai cao chất ngắt,
Lúa trấu vui, cá kho nổi đất,
Trăng sáng xui người thức suốt đêm



NGÔ MINH

Hà Nội hương

Hà Nội mùa này... ngẩn ngơ anh hát
Huê hương thơm ngất ngưỡng phố chiều
Tóc như bão cuốn anh vào cõi khái
Nghìn năm ơi, ngôi ngời thế này sao !

Em thì thầm, em nói cười thảng thốt
Em gọi tên cho anh biết có mình
Trái tim anh bao năm không đập
Bỗng chiều nay hồi hộp tái sinh

Ta đi nhau qua đêm Hồ Tây gió
Hà Nội mùa này đầy chất chỗ yêu
Nào cạn chén sương, đêm trắng quá
Anh nổi chìm trong suối rong rêu

Anh nép vào dãy thì Hà Nội
Nghe tim mình trống hội mùa say
Em biết không, chỉ thế thôi cũng đủ
Cho riêng Hà Nội mùa này...

PHẠM NGỌC CẢNH

Kịch câm

Màn sau chót sẽ phân vai
Anh xiêm áo với cân đai rõ ràng

Hóa thân sang kiếp Ngọc Hoàng
Diễn vai này nữa là màn khế buồng

Mấy mươi năm thẹn với tuồng
Tích trò nào cũng chen đường thoát ra

Cả đời diễn chuyện phù hoa
Chuyện giăng lưới bên quết rà dây sống

Gào cho mây nén vào giồng
Giờ xin nín lặng giữa vòng tay em



TRÚC CUONG

Sóng và đêm

Suốt canh dài thao thức
Thăm lặng từng hạt sương
Rì rầm trên kẽ lá
Xôn xao mấy ngả đường
Đất trời đang thay đổi
Núi ngày mai xanh hơn
Cỏ hoa mai sẽ ngát
Một mùi hương rất gần

Em đã xa, rất xa
Cánh Hải âu bé nhỏ
Sóng áp biển dạt dào
Vỗ bờ hai thế kỷ

THÁI THĂNG LONG

Nguyễn

Trãi

lên

kinh

thành

Góc phố xưa
Nguyễn Trãi bên quán vắng
Đêm cuối năm
Nghe một câu thơ bất khóc
Tóc người xưa,
Đã bạc trắng trước đèn
Gió Tây hồ thổi thức niềm riêng
Áo vải mỏng manh
Bút nghiên kẻ sĩ
Rời Côn Sơn
Người mơ thấy rồng bay
Có một mùa xuân
Trước người đẹp Nguyễn đã say
Hồn rực sáng tựa nghìn tinh tú
Và bao đêm không ngủ
Rừng trúc lao xao
Hoàng vắng miền xa.

Ta như mơ
Thấy Nguyễn bước bên ta
Dưới ánh đèn vàng Hà Nội
Rét mướt lắm
Liều người bối rối.
Phảng phất dấu xa
Từ mọi miền xa.
Ta như mơ
Người lặng lẽ hiên nhà
Ngắm hoa đào
Vui bên hoa trình nữ
Ngắm bài thơ day dứt mấy nghìn đêm.

Ta như mơ
Thấy Nguyễn lồng lộng bên
Người rực sáng
Như sao trời rực sáng
Em biết không
Có một Hà Nội nghìn năm đã khác
Vẫn thấy Nguyễn lên kinh thành
Áo vải giữa đêm đông.

Ảnh:

PHAN HỮU ĐỖ

TRẦN NHUẬN MINH

Uống

rượu

bên

sông

Tiền

Rắn nung ngon đông trời
Rượu để say sứt đất
Gấp nhau có dễ đâu
Sống Tiền trôi ngang mặt

Hai em trai chết trận
Chiến tranh ở hai đầu
Anh thờ mờ sương khói
Vẫn không nhìn mặt nhau

Cầu thơ như gan ruột
Phơi ra giữa trời mây
Mỗi người một số phận
Đi qua thế kỷ này

Đất nước liền một giải
Sao vàng bay bốn mùa
Thế là sướng cái bụng
Kể chi ngày khổ xưa...

Miệt vườn không rót nắng
Lá ăm tiếng ong bay
Điều dòn ca lãng tử
Rượu uống hoài chẳng say...

LÊ QUANG TRANG

Dâng xuân

Trong hơi mưa xuân như sương bay
Cát diu bàn chân, trắng đất cây
Mà hồng ăm cả trời xuân lạnh
Mất ai lúng liếng để người say.

Vườn đầy hoa và rừng xanh cây
Niu giữ lòng ta với đất này
Chuông chùa gieo vọng qua u tịch
Muốn gửi chút tình theo gió mây.

Gác lại vui buồn với đắng cay
Để nghe rộn rã sớm mai này
Đầu biết đường đời nhiều bất trắc
Mà gặp xuân về vẫn ngất ngây

Bên em, ta đi trong mưa xuân
Nào, hãy cùng nhau rũ bụi trần
Để chất hồn ta thành giọt rượu
Dâng người thương thức lúc sang xuân.

THI HOÀNG

Thế kỷ mới

Có tôi gì đâu chỉ hỗn chai lì
Suơ chai lì cử bóng bầy dần lên cho mình
trượt ngã

Bóng râm đã đen miết vào thái dương.
Kìa, bóng cánh tay trần thiếu nữ trên tranh !
Vừa mới chạm vào thế kỷ hai mốt

Một trăm năm mới tỉnh nóng bỏng
Vừa đục xong và chuyển tới địa cầu
Ừ nhỉ, bây giờ ta mới thấy nóng
Thiếu nữ trong tranh nhảy cảm hơn mình

Cánh ong ới a tình rằng đang quạt nguội
thời gian

Trên mặt nước có rất nhiều ánh mắt
Trên mặt đất có rất nhiều dấu chân
Dấu chân là chiếc ổ của thời gian
Thời gian cần dấu chân chứ không phải
chiếc giường

Thế kỷ mới đâu phải là cậu bé
Mà là một kiếp tái sinh tìm trở lại cố hương.

LÊ THÀNH NGHỊ

Trong suốt sông Kỳ Cùng

Ái lên xứ Lạng...

Cả rừng hoa hái chờ em ngay ấy
Biết bao mùa còn trôi tìm trong anh

Đường xứ Lạng bến mê sau bóng núi
Sông Kỳ Cùng nguyên một sắc chàm xanh

Anh vẫn biết, rằng sông chảy ngược (1)
Thế nghĩa là hoa tím chẳng về xuôi

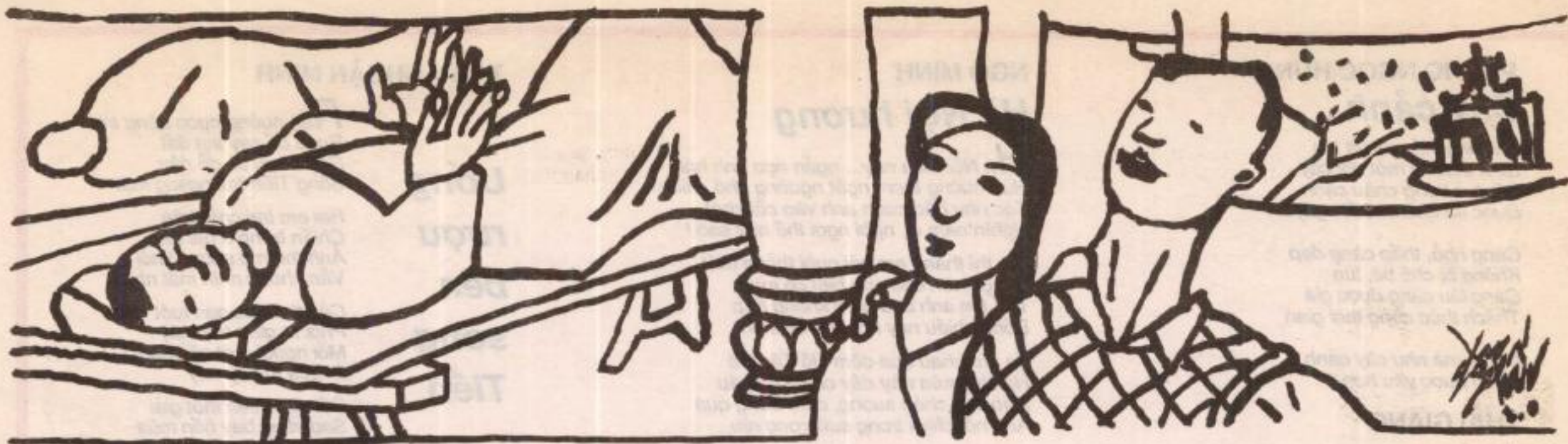
Anh vẫn biết mềm không riêng gì nước
Có nghĩa là núi cũng phải trôi trôi

Có nghĩa là sẽ cùng trôi cuối đất
Sẽ theo sông cho đến tận kỳ cùng !...

Nhưng từ thuở xa em xuống núi
Bụi phố phường càng xa xòl nhớ sông

Em từ thuở với đá ngầm ở lại
Giấu nỗi buồn trong suốt chảy trăm năm !

(1) Sông Kỳ Cùng là dòng sông duy nhất ở Việt Nam chảy ngược về phía bắc.



Minh họa của ĐỖ PHẤN

SAU khi tham gia Tổng khởi nghĩa, ngay chiều ngày 19-8-1945 chúng tôi tập trung ở trại Bảo An Bình (nay là 40 phố Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm). Từ đó tôi trở thành anh Giải phóng quân Hà Nội, rồi Vệ quốc quân.

Từ những ngày đầu cuộc kháng chiến ở Thủ đô, đơn vị tôi, đại đội 134, tiểu đoàn 56 chiến đấu ở Ô Cầu Dền, đề Thanh Nhàn... Đầu tháng 1 năm 1947 đại đội được điều sang mặt trận Giăng Võ.

Sáng ngày 5 tháng 1 năm 1947, tôi cùng anh Trang - trung đội trưởng và các tiểu đội trưởng đi men đề La Thành để nghiên cứu phương án chiến đấu. Anh Trang nói vui: Ông chính trị viên ơi! Hôm nay là 14 tháng Chạp rồi đấy. Tết này phải tổ chức cho thật "oách" nhé. Tôi cười trả lời: Nhất định rồi, thanh niên Hà Nội mà.

Bỗng tiếng nổ: "Tác bọp". Một tên bắn lên nã một phát đạn "đum đum". Đạn nổ sát chân, mảnh đạn xuyên qua cổ chân trái, tôi ngã vật xuống.

Một đồng chí lao lên, anh bị trúng đạn. Cầm dưới bị vỡ, máu tràn đầy ngực.

Tôi được công về đơn vị, nói là đơn vị nhưng thực ra là nhà dân. Ngày đó khu vực Giăng Võ toàn là nhà tranh vách đất. Nhân dân đã đi tản cư hết. Tiểu đội cứu thương của đơn vị, là những cô gái làng hoa Ngọc Hà, trẻ trung và cũng rất tinh nghịch. Tôi là thương binh đầu tiên ở trận này, nên các cô rất quan tâm. Có tổ trưởng mới 17 tuổi bảo tôi: Anh đừng đi đâu cả, cứ nằm ở "đơn vị", chúng em sẽ chăm sóc. Người Hà Nội chúng mình ở lại đây cùng chiến đấu, sống chết có nhau...

Trong bối cảnh, đạn nổ ầm ầm, tôi bị thương, các bạn tôi đang vội vã chuẩn bị chiến đấu, tôi thấy xúc động quá, chảy nước mắt. Các cô xúm lại hỏi: Anh nhớ ai mà khóc thế. Có cô lại cười to: Eo ôi! Chính trị viên mà lại khóc nhè. Thế là các cô đâm vào lưng nhau thùm thụp, cười như nắc nẻ. Tôi cũng vui lây.

Tối hôm đó (5-1-1947) anh Lê Trí Thực, một học sinh trường Thăng Long, cũng hoạt động với tôi từ trước Cách mạng Tháng Tám ở Hà Nội. Cả hai chúng tôi đều là đảng viên Đảng Cộng sản, sần sần tuổi nhau, tôi 18, anh mới 20, lại cùng ở một đại đội, nên chúng tôi thân nhau. Tôi là chính trị viên trung đội, anh là chính trị viên đại đội. Anh đến khuyên tôi, về tuyến sau điều trị.

Mặc cho tôi phản đối, anh nói tiếp: Đảng quyết nghị cậu phải về tuyến sau. Thế là ngay tối hôm đó, tôi được cáng về trạm y tế tuyến phương ở ấp Thái Hà.

Cả đêm hôm đó, thao thức không sao ngủ được, phần thì vết thương sưng tấy lên, đau nhức, phần thì nhớ đơn vị...

Mở sáng ngày 6-1-1947, nghe tiếng súng nổ dồn dập ở hướng Giăng Võ, lòng tôi bồn chồn, lo lắng... Tôi nghĩ đến bao khuôn mặt thân thương: Đại đội trưởng Vũ Công Định - một thanh niên,

tinh tình cương nghị, Lê Trí Thực - Bí thư chi bộ, người bạn tâm tình, cái kẹo bẻ đôi. Tôi nhớ đến những nụ cười hồn nhiên, tinh nghịch của các cô gái làng hoa Ngọc Hà, nhớ đến đồng đội, vì cứu tôi mà bị thương... Lòng tôi nóng như lửa đốt.

Khoảng gần trưa, y tá đại đội chạy vào chỗ tôi, vừa thở vừa nói: Đơn vị rút khỏi trận địa, tôi rẽ vào thăm anh.

Tôi cướp lời, hỏi: Đại đội chiến đấu thế nào? Tại sao lại rút?

- Ta chiến đấu đã gần hết đạn, thương vong nhiều lắm. Đại đội trưởng và chính trị viên ở lại chặn địch cho đơn vị rút. Khi rút lui, lội qua hồ Giăng Võ, tiểu đội nữ cứu thương hy sinh gần hết...

Nói xong anh nắm chặt tay tôi nói vội: Anh điều trị cho khỏe, tôi đi theo cáng thương binh.

Tôi lặng người đi, nghẹn ngào, nước mắt rung rung, không nói nổi một lời tạm biệt. Ngay hôm đó tôi được cáng về thị xã Hà Đông, rồi theo sông Nhuệ xuôi thuyền về phía Văn Đình.

Nhiều thương binh mới tiếp tục đến. Qua số thương binh của đơn vị, tôi được biết: Quân Pháp có nhiều xe tăng, xe bọc thép yểm trợ. Trận địa của ta lại ở đoạn địa hình trống trải. Chiến đấu diễn ra rất ác liệt. Có nhiều đợt quân ta phải dùng lê, đánh giáp lá cà. Địch chết nhiều, nhiều xe bọc thép bị phá hủy. Ta hy sinh gần 40 đồng chí. Để tránh bị bao vây, Đại đội trưởng và chính trị viên ở lại chiến đấu, chặn địch.

Hai thanh niên Hà Nội, hai đảng viên Cộng sản ấy đã anh dũng hy sinh...

Trạm quân y, nơi tôi điều trị, là đình làng, dành cho thương binh nặng. Trong số đó, tôi là người nhẹ nhất. Tuy chân trái bị thương, nhưng chống gậy vẫn "lò cò" đi lại được. Nằm đối diện với tôi là anh Nguyễn Văn Cẩn, một đại đội trưởng Vệ quốc đoàn. Anh bị cụt bàn tay phải. Trường hợp bị thương của anh cũng rất đặc biệt. Anh kể lại: Xe tăng của giặc xông vào trận địa ta, một chiến sĩ Vệ quốc quân vọt lên đâm bom ba càng, nhưng người chiến sĩ ấy chưa lao đến nơi đã hy sinh. Anh Cẩn vọt lên nhặt lấy bom ba càng đâm vào xe tăng địch. Bom xịt. Anh tức quá rút súng lục kể vào lỗ quan sát của xe tăng bóp cò, cũng lúc ấy địch bắn ra, anh gãy tay. Xe tăng địch rú ga chạy lui.

Nằm cạnh tôi một chú bé tên là Vinh, 15 tuổi. Em Vinh là liên lạc viên của đơn vị Vệ quốc. Trong khi vượt qua đường phố để truyền mệnh lệnh, lúc đó địch đang bắn mạnh, em vọt qua và bị bắn gãy chân... Thình thoảng em thủ thủ nói: Cụt chân em chả sợ, sau này có chân giả em vẫn đi được. Chỉ "ức" là không được chiến đấu nữa.

Ở bệnh viện, có nhiều nữ y tá nguyên là những nữ sinh Hà Nội, tham gia đội quân "Hồng thập tự" làm công việc cứu thương. Khi tiếng súng kháng chiến ở Hà Nội bùng nổ. Các cô trở thành y tá bệnh viện. Trong hoàn cảnh chiến tranh, gặp nhau, chúng tôi thân nhau và kết thành anh, em.

- Anh Nguyễn Cẩn cao tuổi nhất là anh cả.

- Chị Vương y tá tuổi trên 20, lúc đó cũng là cao, nên chúng tôi gọi là chị.

- Các cô y tá: An, Chân, Hải... là em.

- Chú Vinh là em út.

Tết Đinh Hợi đã đến. Chúng tôi chuẩn bị đón năm mới. Chị Vương bảo tôi: Em à!, "chẳng thơm cũng thể hoa nhài"... là thương binh càng phải chuẩn bị cho thật rôm rả, cho xứng tên người "Tràng An" em nhé.

Chúng tôi xin thuốc đỏ, xin thuốc ký ninh để hoà màu vàng, rồi kẻ một khẩu hiệu thật đẹp: "Tổ quốc Việt Nam muôn năm", vẽ cả tháp rùa, có cả cảnh bích đào bằng giấy rất đẹp...

Sáng mồng 1 tết (22-1-1947) nhân dân các làng Sêu, Trình Tiết đến thăm hỏi thương binh rất đông. Nhìn những thanh niên Hà Nội khôi ngô, trẻ măng, người thì cụt chân, cụt tay, nhiều bà, nhiều chị chảy nước mắt...

Anh Ty, thương binh cụt một chân, chân còn lại vẫn đang cuốn băng, anh thay mặt thương binh cảm ơn nhân dân. Anh quá xúc động nói to như hét: Nếu quân Pháp tràn đến đây, dù cụt chân, tôi nguyện ôm mìn lần ra cản xe tăng...

Lời nói từ đáy lòng người chiến sĩ quả cảm ấy, làm mọi người xúc động.

Không khí trong đình lặng đi. Anh Cẩn vẫy cánh tay cụt gọi: Chú Xuân ơi, hát đi. Chị Vương nói nhỏ: Em ơi hát lên cho vui.

Thế là tôi "lò cò" ra giữa đình, chị Vương theo ra đứng cạnh. Tôi vịn vào vai chị, đứng một chân, hát:

... "Tiến lên đường,
Tôi sa trường,
Ta xứng danh là cảm tử quân"

Tôi hát say sưa và cũng không nhớ sẽ phải kết thúc ở đoạn nào.

Không khí trong đình sôi nổi hẳn lên. Các cô gái làng tròn xoe mắt nhìn tôi, còn bác sĩ Thịnh, người phụ trách trạm quân y, đứng tựa cột đình nhìn tôi, mỉm cười...

Hát xong, mấy cô gái bạo dạn nhất, chạy đến chỗ tôi ríu rít nói: Anh hát hay quá. Ra tết dạy chúng em với.

Chả biết tôi hát có hay thật không, nhưng chắc chắn là tôi hát bằng tất cả trái tim của anh Vệ quốc quân, nguyện hy sinh chiến đấu vì nền độc lập tự do của Tổ quốc.

Đêm mồng 1 tết năm Đinh Hợi, tiết

đại hàn rét ghê quá. Tôi chỉ có độc một bộ quần áo mặc trên người, đắp chiếc chăn đơn mỏng tang. Rét không ngủ được, nằm co quắp, nghĩ miên man... Bao nhiêu kỷ niệm ủa tôi. Tôi nhớ đến anh Thực, anh Định, nhớ tiếng cười trong trẻo, hồn nhiên của các cô gái làng hoa Ngọc Hà... Phải chi, nếu quân xâm lược Pháp không gây ra cảnh chiến tranh này, thì những nam nữ thanh niên kia, biết đâu sau này có người trong số họ trở thành nhân tài của đất nước...

Họ phải ra đi, khi còn quá trẻ, đang ở độ tuổi "trắng tròn"...

Tôi nghĩ đến gia đình mình, trên đường tản cư, không biết phiêu dạt ở nơi đâu. Còn người con gái Hà Nội, mà tôi đem lòng yêu dấu nay còn hay đã chết. Hà Nội ba mươi sáu phố phường, nơi tôi đã sinh ra, lớn lên với biết bao kỷ niệm buồn, vui, vẫn đang âm vang tiếng súng, phỏ xạ mịt mù khói lửa chiến tranh...

Còn tôi võ cổ chân, vì đạn của quân thù nằm đây, bất lực...

Tôi thấy có cái gì đó dâng lên ngang cổ họng, lòng uất ức nghẹn ngào, bật lên tiếng khóc. Tôi vội bịt chặt mồm, khẽ lẩn ra sân đình, ngồi dưới gốc cây, gục mặt lên hai lòng bàn tay, rưng rưng nghẹn chặt, nước mắt đầm đìa.

Không biết từ lúc nào, chị Vương đã ra ngồi cạnh tôi. Chị quàng tay lên vai tôi hỏi:

- Em đau lắm à?

Tôi lắc đầu.

- Thế em nhớ nhà à?

Tôi lắc đầu.

Chị nhẹ nhàng, thủ thủ. À chị biết rồi, em nhớ đơn vị muốn trở về chiến đấu. Chị mong cho em chóng khỏi để sớm trở về đơn vị. Chắc chắn ngày kháng chiến thành công, chị em ta sẽ gặp nhau ở Hà Nội.

Tôi thấy lòng mình dịu đi, ngồi gục đầu vào vai chị. Hai chị em cứ ngồi như vậy cho tới khi gà gáy sáng.

Giữa năm 1947, tôi trở về lại đại đội 134 của tôi và giữ trách nhiệm chính trị viên đại đội, Bí thư chi bộ Đảng. Từ đấy tôi đi tiếp con đường dài đánh giặc đang dang 30 năm ròng cho tới ngày toàn thắng.

Trên nửa thế kỷ đã trôi qua. Các cô y tá An, Châu đều là sĩ quan quân y đã nghỉ hưu ở Hà Nội. Chị Vương đang vui mừng đón cháu ở Quảng Ninh. Còn chú em út Vinh, trung tá được, nghỉ hưu ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhớ lại cái Tết đầu tiên ở trạm quân y ngày ấy, tôi vẫn bồi hồi, xúc động. Không biết, có phải không, mỗi khi ta nhìn sâu vào những dòng nước mắt của quá khứ ta càng thấy rõ những nụ cười rạng rỡ của tương lai? ■

Tết TânTy (3,4,5 - 2001)



TỔNG CÔNG TY THỦY TINH VÀ GỐM XÂY DỰNG

Trụ sở: 628 Hoàng Hoa Thám, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 8326982 Fax: (84-4) 7613292
E-mail: vgc@hn.vnn.vn

Chi nhánh: S44-S45 Bàu Cát, Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 8490582 - 8427374 Fax: (84-8) 8427386

VIETNAM GLASS AND CERAMIC FOR CONSTRUCTION CORPORATION



Chủ tịch HĐQT
Ông Trần Đình Thế



Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Huy

Gần 30 năm hoạt động và phát triển, ngày nay VIGLACERA đã trở thành một tập đoàn sản xuất vật liệu xây dựng đạt tiêu chuẩn quốc tế lớn nhất Việt Nam, với nhiều đơn vị thành viên đang hoạt động trong và ngoài nước và đội ngũ trên 10.000 kỹ sư, cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề.

Ngành nghề sản xuất kinh doanh

- ★ Sản xuất các loại sản phẩm thủy tinh và gốm xây dựng:
- Kính kiến trúc: trắng, mờ, kính phản quang, kính hoa dầu, gương...
- Sứ vệ sinh, gạch granit và ceramic.
- Vật liệu chịu lửa: gạch kiềm tính, cao nhôm, gạch Sanmót, vữa chịu lửa các loại.
- Gạch ngói đất sét nung.
- ★ Tư vấn đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất VLXD

- ★ Thiết kế và thi công các công trình vật liệu xây dựng.
- ★ Đào tạo cán bộ và công nhân kỹ thuật sản xuất VLXD
- ★ Khai thác, chế biến các loại nguyên liệu: Cát, cao lanh, Feldspar, đất sét
- ★ Thi công lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp sản xuất VLXD
- ★ Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình hạ tầng kỹ thuật
- ★ Kinh doanh, phát triển nhà và khu công nghiệp.
- ★ Xuất nhập khẩu lao động, vật tư, phụ tùng thiết bị và vật liệu xây dựng.



Through nearly 30 years of operation and development, nowadays VIGLACERA has become the biggest group in manufacturing international standard building materials in Vietnam with many member companies operating locally and abroad, and more than 10.000 skill-full engineers, technicians and workers.

Fields of activities:

- ★ Manufacturing various kinds of glass and ceramics for construction such as:
- Architectural glass: transparent, opaque, coating, figure glass and mirror.
- Sanitary wares, Ceramic and Granite tiles.
- Basic and high aluminium refractories.
- Heavy clay products.
- ★ Consulting on investment and transferring technology in production of building materials.
- ★ Designing, execution of projects for building material industry.

- ★ Training for managers and technicians in the field of building materials.
- ★ Exploiting, processing of various kinds of raw materials such as: silicasand, kaolin, feldspar, and clay..
- ★ Assembling of machinery and equipment for building material industry.
- ★ Execution of civil, industrial and infrastructure projects.
- ★ Trading and development of houses and industrial zones.
- ★ Importation and exportation of labor, materials, spare parts and building materials.

VIGLACERA SẴN SÀNG HỢP TÁC VỚI CÁC NHÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC DƯỚI MỌI HÌNH THỨC
VIGLACERA IS WILLING TO COOPERATE WITH DOMESTIC AND FOREIGN PARTNERS UNDER ANY FORM OF BUSINESS

DUYÊN DÁNG...

(Tiếp theo trang 41)

địch. Bị bắt tổng giám có dịp quen biết bà Nguyễn Thị Bình. Càng lý thú bởi phần là khi bị đưa ra tòa, luật sư bào chữa cho chị lại chính là luật sư danh tiếng Nguyễn Hữu Thọ.

Bởi vậy, tôi đánh bạo hỏi chị về một tin đồn:

- Cuộc bào chữa ấy mới hay! Nhưng hỏi thật chị, giữa luật sư cách mạng bào chữa với thân chủ cách mạng lại là hoa hậu, chỉ có quan hệ giữa những người yêu nước, cách mạng, cùng chí hướng...

Chị Thu Trang ngắt lời tôi:

- Này, không được phạm thượng nhá!
- Tôi đã nói gì mà phạm thượng! - Tôi cãi: - Tôi rất nhớ ông đã là yếu nhân của Nhà nước cách mạng...

Nhưng chị biết ý, tiếp tục nói với tôi:

- Tôi đối với luật sư, chỉ có sự kính trọng và lòng quý mến như đối với lý tưởng cách mạng.

... Chị Thu Trang sang sống bên Pháp, tiếp tục làm báo và làm thơ. Quan trọng hơn chị bảo về xuất sắc luận án tiến sĩ sư học với đề tài "Tiểu sử Phan Châu Trinh và chính trị thời cận đại Việt Nam". Và chị cho xuất bản những tác phẩm, chỉ là những tác phẩm về sử Việt Nam, về các danh nhân Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc... Và chị trở thành một trong những người lãnh đạo phong trào Việt kiều, Tổng thư ký Hội Khoa học xã hội.

Tôi không kể những hoạt động trong Việt kiều tại Pháp của chị để vận động bà con góp phần vào sự nghiệp giải phóng trong nước. Cũng như tôi không kể những chuyến về nước của chị quyền góp nhiều thứ mang về, đóng góp nhiều mặt công việc ở nhà. Mà chỉ kể một việc vui vẻ thế này:

Thời gian có cuộc đàm phán giữa ta và Mỹ ở Pa-ri, chị cùng với nhiều Việt kiều góp phần chăm lo hậu cần cho phái đoàn của ta. Phái đoàn do Bộ trưởng Ngoại giao Xuân Thủy làm trưởng đoàn. Nhà ngoại giao lại kiêm nhà thơ, tôi chắc từ phương diện ấy, nhà thơ Xuân Thủy có thơ tặng nhà thơ Thu Trang. Đó là một bài tử tuyệt

mà mãi nhiều năm sau tôi mới được nghe.

Một năm nào đó sau đàm phán kết thúc, Mỹ rút hết quân, chị về Hà Nội. Xong công việc ở Hà Nội, chuẩn bị trở lại Pa-ri, chị tổ chức một bữa cơm tạm biệt ở khách sạn Hoàn Kiếm. Bữa ấy chỉ mời anh Xuân Diệu, anh Nguyễn Tuấn và tôi. Trong bữa tiệc vui chị Thu Trang mới kể chuyện được ông Xuân Thủy tặng thơ. Anh Nguyễn Tuấn đặt cốc rượu xuống, sốt sắng bảo chị:

- Cô đọc cho tôi nghe. Tôi biết chuyện và chưa được nghe thơ.

Chị hồn nhiên và cười mở đọc ngay:

"Sóng Xen duyên dáng thu trang điểm

"Sóng nước long lanh óng ánh vàng

"Ngôn lai Ngọc Hà hoa cúc nở

"Sóng lòng cuốn cuộn Cửu Long giang

- Hay, hay quá! Cô chép cho tôi.

Nguyễn Tuấn sốt sắng bảo chị như thế. Còn chị, càng hồn nhiên cười mở hơn:

- Vâng, để em đọc cho anh chép.

Nguyễn Tuấn xua tay, lắc đầu lia lịa:

- Không, không, phải là chữ của cô chứ.

Không ngần ngại gì, Thu Trang chép thật và chép ngay. Anh Nguyễn Tuấn nâng tờ thơ trên tay, lầm nhẫm... *duyên dáng thu trang... điểm*. Rồi định gấp bỏ túi. Tôi cản lại, anh nhìn tôi, tỏ ra rất hiểu ý nhau, tôi mới bảo anh:

- Bây giờ đến lượt chữ của anh chép lại cho tôi chứ.

Không ngờ anh rất tâm đắc, cười hỉ hả và chép ngay. Anh còn ghi ở cuối bài thơ hàng chữ "Nguyễn Tuấn chép lại của Thu Trang" hai chữ tên người viết bằng chữ Nho khá đẹp. Tờ thơ chữ anh tôi đang để trước mặt khi viết những dòng này. Còn tờ của Thu Trang chép cho anh, thành tư liệu, không biết bây giờ ở đâu, hay anh đã mang xuống Suối Vàng?

Thu Trang hồn hậu là thế, nhưng khi bất bình thì cũng gay gắt ra trò.

Năm 1994, chị về Hà Nội trao tặng Trường đại học Khoa học xã hội và nhân văn nhiều bộ sách quý viết về Việt Nam của các nhân sĩ, tác giả Pháp Việt. Không phải chỉ tặng trường đại học ở Hà Nội, còn nơi khác nữa miền trong. Nhưng không biết vô tình hay sơ khoáng gì trong đó, chị gay gắt nói với tôi và anh Tô Hoài hôm ở buổi lễ:

- Người ta biết tôi mang về đây rồi, mà

không thêm liên hệ với tôi để tôi mang tới nữa!

Một hôm tình cờ, gặp một anh bạn nhà văn, anh giơ tay bắt mà chị không bắt! Anh có viết văn chút ít nhưng vốn là một cán bộ cao cấp, một nhà báo danh tiếng, hoạt động quốc tế lão luyện... Vậy thế là nghĩa làm sao? Sau lúc ấy, vào bàn chá cả do báo *Văn nghệ* thất, chúng tôi mới hỏi, chị trả lời sòng phẳng:

- Quyền sách đó của anh, không phải là sáng tác văn học mà sách sử chính trị, tư liệu là quyết định. Tôi là người cung cấp tư liệu cho anh từ A đến Z. Lúc ra sách không đề là đồng tác giả đã đành, anh cũng không một lời minh bạch với bạn đọc về việc tôi giúp anh tư liệu... Như vậy, anh còn giơ bắt tay tôi ư?

Gay gắt như thế, trường hợp khác lại thiếu nhạy bén đến kỳ lạ, và tệ nhị phương Đông đến phong kiến.

Năm ấy, tôi được bạn bè tổ chức cho bữa tiệc mừng tuổi bảy mươi ở Quán Huế. May mắn có mặt chị Thu Trang từ Pa-ri về. Còn có mặt bà Phước Đại từ Thành phố Hồ Chí Minh ra. Lại có mặt nhà văn Tô Hoài, người được bà Phước Đại vốn từ lâu ngưỡng mộ và có cảm tình. Vào tiệc, Tô Hoài và bà Đại ngồi sát cạnh nhau. Bà Đại lại có cử chỉ rất thân mật và đẹp đẽ với nhà văn ngưỡng mộ mà ít có dịp được gặp của mình.

Chị Thu Trang ngồi đối diện mãi vui chuyện, tôi phải nhắc:

- Nhà báo quốc tế, có vũ khí trong tay mà không sử dụng những lúc thế này...

Chị mới vội cầm máy ảnh lên. Quả nhiên chị chụp được kiểu ảnh rất đẹp hai người. Làm ra ảnh rồi, chị mang cả ảnh lẫn phim trao lại trả cho tôi, không dám mang về Pháp. Tôi lấy làm lạ. Chị giữ ý với gia đình nhà văn Tô Hoài? Hay giữ ý cho nhân vật tiếng tăm Phước Đại hiện vẫn giữ nhiều trọng trách trong Quốc hội của ta và Hội Luật gia Việt Nam? Tôi phải bảo chị Thu Trang, ảnh chụp đẹp để thế này có gì đâu mà chị ngại! Và tôi trộm nghĩ, đây không phải là nhà báo quốc tế mà là nhà thơ Thu Trang, sự tế nhị giữ gìn đến thế có thể chụp cho chị cái mũ tu tướng phong kiến được chăng?

Trong việc này hay việc khác, tôi vẫn thấy ở chị khía cạnh một nhà thơ, hơn nữa, một nhà thơ nữ.

Chuyển về mới nhất của chị hình như

năm ngoài.

Nhà thơ Hữu Thịnh tiếp chị với tư cách Tổng biên tập báo *Văn nghệ*. Đứng hơn nửa với tư cách bạn thơ - đã có những cuộc gặp gỡ của Hữu Thịnh với chị ở Pa-ri trước đó.

Anh Hữu Thịnh mời chị đi ăn bánh trôi Tàu ở đường Quán Thánh. Bánh trôi Tàu không sang trọng gì nhưng ăn nóng có vị lắm!

Thực ra, chị Thu Trang có bảo: lâu không gặp mùa hoa sữa, nhớ mùi hoa sữa.

Anh Thịnh đưa cả đoàn lên Quán Thánh, có phải cốt ăn bánh trôi Tàu đầu, mà rỗng rần đi bộ dọc phố để bạn thơ phương xa về thưởng thức lại mùi hoa sữa của Hà Nội.

Chính trong cuộc đi chơi này, các anh báo *Văn nghệ* xúm vào động viên chị Thu Trang viết hồi ký cho báo. Chủ gì nữa, hồi ký của một thời trong lòng thành phố Mỹ - Diêm, hoạt động sinh viên, lui tới vùng căn cứ... Của ai, của một nữ cán bộ mà lại là hoa hậu... Ài chà, viết tốt quá đi chứ lại! Có thể từ Pa-ri viết đến đâu gửi về đến đây, vừa viết vừa in. Hôm ấy tôi đã phải nói riêng với chị Thu Trang, dấu sao cũng không phải ở một nước, báo *Văn nghệ* nhiệt tình lắm vậy, nhưng việc làm tuần báo không dễ gì thực hiện được vừa viết vừa in thế đâu.

Thấm thoát, hôm nay tôi đã có trong tay một phần bản thảo của tập hồi ký Thu Trang. Với cánh bu thiệp hình ảnh sóng Xen, với lời thành thật của chị muốn tôi đọc góp ý.

Tôi đã đọc. Muốn nói với chị không phải như chị khiêm tốn thấy khó viết về *cái ta*. Tôi lại thấy nhiều hơn cái khó là của một nhà thơ viết văn xuôi. Văn xuôi bọn tôi là chi tiết, chi tiết tạo nên cuộc sống, thêm sức thuyết phục trong người đọc. Nhà thơ không chịu đầy tình cảm, sự việc cho đến đáy của nó. Người đọc cảm nhận được sự rung cảm ban đầu, nhưng chờ đợi cái tiếp theo cụ thể hơn, sâu hơn để mà tin, để mà nhớ.

Cũng như tôi bây giờ đang đợi chị ở những trang đã viết, càng đợi chị ở những trang chưa viết.

Còn đợi chị như lời hứa, qua năm sẽ về Hà Nội, gặp lại nhau ở Hà Nội. ■

TRẦN ĐÌNH SỬ

Gần đây trong lời giới thiệu cho tập *Quê hương* (tức là *Thiếu quê hương*, khi in thành sách nhà văn bỏ đi chữ *Thiếu* cho khỏi sai), mới tái bản năm 1996, nhà phê bình văn học Vương Tri Nhân đã đặt lại vấn đề về tác phẩm này, xem như sự thể hiện một cái "Tôi" phong phú của con người nhà văn Nguyễn Tuân. Nhà phê bình như nghe thấy những lời tuyên ngôn toát ra từ tác phẩm: rằng "Chỉ tôi thôi cũng đã làm nên tính đa dạng muôn màu muôn

Theo hiểu biết của tôi thì sự đổi mới nghiên cứu, đánh giá văn lục của ta chưa có gì là nhiều. Chẳng hạn nhìn sang Trung Quốc, việc nghiên cứu Lỗ Tấn, nhà văn lớn đã có những đổi thay đáng kể. Theo Giáo sư Đại học Bắc Kinh Tiền Ly Quần, thời những năm 20-30, người ta xem Lỗ Tấn như là biểu hiện của hỗn dân tộc. Sang những năm 40 trở đi người ta xem ông là chiến sĩ văn hoá kiên cường. Từ những năm 80 người ta xem ông như tâm hồn một người Trung Quốc hiện đại, một cái tôi mạnh mẽ, phong phú. Theo xu hướng chung đó, ngày nay có lẽ ta không nên xem Bạch trong *Thiếu quê hương* là một người mắc bệnh xê dịch một cách bệnh hoạn. *Thiếu quê hương* là tấn bi kịch (hay gọi là "thảm kịch" như nhà văn đã nhiều lần nói ra trong tác phẩm) của một thanh niên trí thức thuộc địa. Muốn đi, thềm đi, muốn đổi thay mà không đi nổi, vì anh ta còn lương tri, còn thương yêu vợ con, cha già và điều kiện khách quan cũng không cho phép! Ở đây nhân vật vừa khao khát, vừa dằn vặt, vừa sám hối, tự phê phán mình. Bạch là bi kịch của con người hiện đại, qua đó phơi bày ra biết bao mâu thuẫn trong tình cảm, vừa khao khát những chân trời, vừa nặng lòng với những cái truyền thống.

Hiện tượng Nguyễn Tuân đòi hỏi ta phải nhìn nhận mối ảnh hưởng của văn học phương Tây công bằng hơn. Những Nitơ và những Giơ không chỉ đem lại những gì tiêu cực cho văn học dân tộc. Nitơ là người đã đặt lên vị trí hàng đầu ý nghĩa của các cảm xúc hiện đại đối với văn học, và những gì biểu hiện qua tiểu thuyết và tùy bút của Nguyễn Tuân, chưa

"Thủy tinh bóng đèn điện không có lửa, dưới ánh bóng bầy như đồ tế nhuyễn ma và vô liêm sỉ như những cuộc đời không có chân giá, mỗi tí hào nhoáng phủ lên trên chỉ toàn là của dĩ mụn" (*Chiếc lư đồng mất cua*). Theo tôi thì đó là giọng văn mang nhiệt tình chống lại sự giả dối trong mọi trường hợp. Chống giả dối sao gọi là khinh bạc? Nguyễn Tuân đúng là có nhiều câu khinh bạc, đó là khi ông tỏ ra xem thường những cái vốn chẳng có gì đáng coi thường cả theo quan niệm truyền thống. Nhưng đó là xung đột hiện đại và truyền thống trong văn ông.

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2000

(1) Đọc Nguyễn Tuấn toàn tập, 5 tập, Nguyễn Đăng Mạnh biên soạn và giới thiệu, Nxb. Văn học, 2000.

Trong các bản dịch, có nhiều bản bằng thư tiếng đặc biệt như: Latinh, Hy Lạp cổ, Aixien, Quốc tế ngữ... và tất nhiên có bản tiếng Việt. Một số thư tiếng có nhiều bản dịch được in trong tập là: Tiếng Nga (3 bản), tiếng anh (8 bản trong thời gian từ 1852 đến 1872); tiếng Đức (17 bản)... Có hai bản dịch được chú ý là: bản dịch tiếng Đức của Các Mácxia Kótbeni (1849) được coi là bản cổ nhất và bản tiếng Pháp của Alếchxăng Đuyma (bố)... Tất cả đã chứng tỏ ảnh hưởng rộng lớn của thơ và nhân cách của Pêtôphi qua không gian, thời gian và đông đảo các đối tượng trên thế giới. ■

ĐỖ MINH ĐIỂM



HOÀNG TRẦN CƯƠNG

Mùa
tết

Tết - cánh cửa của năm
Hoa rung nhà
Người rạng bếp
Tết - cầu giao ngày đêm
Điều hơn lễ thiết
Nhòa vào khói hương
Tết - khóa trái hòm rương
Ng nắn nắn vào dây cóc
Lổ lổ đỏ rần mắt mối
Tết - xanh rì vãn hội
Làng xưa phố cũ thơm lừng
Chấu đồng con đàn nghên lồi
Tết - phở của rẻ người ời
Tết - chung giàu nghèo đen đỏ
Tết nhất về theo gió
Bỏ lại
Ngày thường đứng co ro...

HOÀNG VŨ THUẬT

Hoa đừng quên tôi

Đừng quên tôi⁽¹⁾ nhé hoa ơi
Sao hoa chỉ khê mỉm cười lạ chưa ?
Ơi màu hoa đã thành thơ
Như con bướm lượn trước giờ sương tan
Tôi đi trong sắc mơ màng
Đổi hoa một nét dịu dàng trong mây
Rượu mời chưa uống mà say
Má em không phấn mà hây hây nồng
Tên hoa sao khéo lạ lùng
Kìa hoa công chúa một vùng tím xanh
Hoa hoàng tử đỏ long lanh
Tháng năm bình lặng vây quanh ghé gối
Tên hoa có tự lâu rồi
Mà sao bỗng ngỡ từng lời gọi lên
Hoa nào hoa của nằng em
Hoa nào nở dưới trời đêm lạnh lùng
Hoa nào thấp ngọn đèn chong
Làn hương e ấp chờ mong tháng ngày
Hoa nào trắng tựa bàn tay
Xòe ra năm ngón thơ ngây giữa trời
Đừng quên tôi nhé hoa ơi
Sao hoa chỉ khê mỉm cười, lặng thinh...

(1) Tên một loài hoa ở Đà Lạt

TRÚC THÔNG

Vui lo

Len qua sương nhẹ
qua dịu gió mai
những tầng kính liên doanh
những hàng xôi bún phở
vào sâu ngõ
gõ cửa
ô việc gì ?
- tặng một tập thơ
chà, trút gánh...
nhưng
trời xanh lại rộng
xuân
đâu phải còn hơn một tháng
mà tít xa !
... bao giờ
lại len qua sương nhẹ

VŨ DUY THÔNG

Chợ

Mang nỗi buồn đến chợ
Bán mãi gánh vắn đầy
Mang niềm vui đến chợ
É cũng chào lấy may
Nỗi buồn trao bằng mắt
Niềm vui nở trên môi
Thiên hạ thương anh ngốc
Chia tay trắng ra rồi
Chợ họp suốt đời người
Chống tênh lều với quán
Minh làm người đi bán
Minh làm người đi mua.

NGUYỄN LINH KHIẾU

Buổi sớm hoa mai

Giữa hoa mai và buổi sớm
những ngọn xuân đang nồng ấm trở về
chúng ta bắt đầu từ ai hồi hoa mai tinh khiết
đăng đẳng cả năm trời như người đi vắng
chỉ mấy hạt xuân dăm chổi này lộc bỗng nhiên
nguyên vẹn trở về
một buổi sớm vẫn vắt tinh sương
nồng nàn hương
những cánh mai trắng muốt mong manh
thốn thức
những ngọn xuân sinh lực tràn trề rạo rục
một thi nhân tuổi lên mười tươi tắn và hân hoan
bắt đầu từ ai đây hồi hoa mai tinh khiết
những gian truân xa rồi cứ để nó xa
những gương mặt xa rồi cứ mặc cho xa mãi
gặp gỡ được nhau là thiêng liêng hơn cả
hoa mai buổi sớm và những ngọn xuân nồng ấm
rạo rục đã về.

VŨ XUÂN HOÁT

- Cháu về ngay bây giờ !
Chú này hay. Chiều áp Tết
Màu cả phê đắng sắc
Như màu chiều một phía không yên
Cháu - bông hoa thoảng hương lửa quê mình
Thơ tìm đến, phút giây chợt hiện
Cháu truyền thống, chú thì hiển hiện
Thế hệ này với cách thế hệ kia

LÊ DUY PHƯƠNG

Thế kỷ mới ủa về lạ lắm
Nắng gió trước thêm ngỡ nhận không ra
Ta ngoảnh lại nhìn trăm năm trước
Vui sướng, tự hào, đau khổ, xót xa.
Một thế kỷ biết bao là mau đổi
Hương cháy lòng ai cuối chân trời
Năm tháng xếp theo hàng bia mộ
Mẹ già em nhỏ khóc tàn hơi
Một thế kỷ cuốn bay tung trái đất
Nguyên tử bom và vi trùng bom
Kẻ ở giả lẫn trong người sống thật
Cái chết không mớ cái sống không cơm
Đầu biết được trên đời không phải thế
Nước này giàu nước khác giàu hơn

NGUYỄN ĐỨC MẬU

Chợ

Tôi mua gì ? Mua không mất tiền
Mua nụ cười em, đóng chợ phiên
Mua mùi tôm cá, hương hoa qua
Mua đường đi lạ, lối hay quên
Tôi mỗi chân mà chưa hết chợ
Có chi... ? Sao cứ ngăn ngợ tìm ?
Tôi mang nhiều lắm, mang sao hết ?
Đừng dấy trong mắt, đừng dấy tim...
Chiều muộn người mua thua vắng chợ
Người vắng thưa mua chợ muộn chiều
Có già quết lá lung còng tuổi
Có người say khướt bước liêu xiêu

TRƯƠNG NAM HƯƠNG

Dâng cha

Tết này nhà lại vắng cha
Thuốc không thơm nữa ấm trà hết ngon
Cha đi về phía vương trôn
Trần gian lấm láp mãi còn nắng mưa
Đời người mới đấy thành xưa
Nhìn lên nhân ảnh ảo mờ khói hương
Con không tin có thiên đường
Nhưng tin có thật nỗi buồn, cha ơi !
Con tìm đâu giữa chơi vơi
Cha đi về phía xanh lời cổ hoa
Cách người thuốc đất mà xa
Rót mời cha một chén trà hư không
Rung rung tàn thuốc quấn vòng
Thương cha khói cũng nặng lòng không bay

Chiều áp Tết

Những quả quất cứ vàng lên muốn xóa khát
vọng chiều
Cháu và chú có thể nào gần được
Phố xá vào vèo chẳng ngớt
Đất với trời hòa khúc xuân sang
Thời khắc trời điều gì lặng êm
Niu người lại vị cả phê lắng
Giữa khoảng vắng nu hổng lấm nhấm
Bóng vách nghiêng lắc nhắc ánh đèn mơ.

Chào thế kỷ

Nhưng súng vẫn ở trong tay em bé
Bắn vỏ thức như một kẻ vỏ hồn
Rồi có thể trôi đi và vĩnh viễn
Đừng mang vào thế kỷ mới làm chi
Những cấm vận ở nước này nước nọ
Chẳng lẽ tiền cứ là mối hiểm nguy
Ôi khoa học mở ra hay đóng lại
Sáng bùng lên đầu có tối đen sì
Trăm năm trước con người nhiều khôn đại
Khoa học là khoa học tội tình chi
Thế kỷ mới xin chào người vĩ đại
Xin người đừng làm khổ chúng tôi
Một thế giới công bằng bác ái
Những tuyên ngôn đặt hoa giữa tay người.

"THIỆP MỜI"...

(Tiếp theo trang 4)

được tên phi công sùng sỏ đại tá Mỹ cho mình nghe đi!
- Theo lời động viên ấy của Đại tướng, Mai đã bằng động tác của đôi tay để như diễn lại trước mắt Đại tướng trận đánh giữa biên đội mình với phi đội của Noman trên vùng trời sát gần Hà Nội ngày 12 tháng 5 năm 1967.
Đấy là một trận đánh giữa ta và Mỹ hoàn toàn không cân sức. Ta có hai Mic - 17, tốc độ theo lời mĩa mai của phi công Mỹ là "chậm như sên" trang bị hoả lực bằng súng ca - nông chỉ bắn được ở cự ly gần. Mỹ bốn chiếc "con ma" F.4, tốc độ gần gấp hai lần Mic - 17, hoả lực tấn công lại bằng tên lửa mà lũ chỉ huy không quân Mỹ đã từng huỳnh hoang là khi nó phóng ra thì đối phương chỉ còn biết "cầu Chúa".
Với ưu thế về số lượng, tốc độ và hoả lực như thế nên khi bay vào gần đến vùng trời Hà Nội phát hiện thấy bên ta chỉ có hai Mic - 17, Noman đã mừng rơn. Vốn là hiệu trưởng một trường đào tạo phi công Mỹ, tự nguyện sang Việt Nam để "thực tế", lúc này lại ở cương vị chỉ huy phi đội với 4 chiếc F.4 đang có trong tay, Noman đã rất tự tin. Càng chắc mẫm sẽ thực hiện được ý định của mình hơn khi qua ba lượt quần vòng đánh lừa đối phương, y đã đưa một chiếc Mic vào máy ngắm của mình. Nhưng đúng lúc đó, đúng lúc chỉ còn

trong nháy mắt nữa Noman sẽ ấn nút phóng tên lửa thì bất thần chiếc Mic phía trước lật sấp rồi bay rẽ ngang ra. Và, từ phía sau một đám mây, chiếc Mic của Mai đã bất ngờ xông ra bám được sát đuôi chiếc F.4 của Noman xả liên một loạt đạn của cả ba khẩu ca - nông. Chiếc F.4 của hán bồng như bị sét đánh rung lên dữ dội. Toàn bộ hệ thống buồng lái tối sầm lại, các kim đồng hồ chết cứng. Tên phụ lái ngồi phía sau Noman chết ngay tại chỗ. Còn hán đầu óc quay cuồng choáng váng không còn biết đâu là đất, đâu là trời, nhưng may còn nhớ được nút ấn đồ tung dù... Thì ra không phải Noman mà chính Ngô Đức Mai đã lừa hán khi Noman đang bám sát "con mối" phía trước (tức chiếc Mic trong biên đội của Mai)...
Nghe xong lần nữa Đại tướng lại choàng cả hai tay ôm lấy Ngô Đức Mai hồi lâu và lại cười rất khoái rồi nói:
- Phải đánh như thế. Đó là cách đánh của chúng ta, của dân tộc Việt Nam ta, là cách đánh vô sản. Tu tướng tiến công thật quyết liệt, cách đánh thật thông minh. Tim chàng đấu sỏ mà quật. Chà ! Đồng chí Mai đánh gần thế, một kiểu đánh gần bất ngờ, "nắm lấy thất lung địch mà đánh" như Quân giải phóng của chúng ta ở miền Nam đấy. Ta phải đánh như vậy, một trung uý của ta hạ một đại tá Mỹ. Nó có hai mươi năm thâm niên, ta chỉ có vài năm. Nó có hơn 6.000 giờ bay, đồng chí của ta chỉ còn vài trăm giờ...
Ngô Đức Mai rất xúc động và thấy mình như được "chấp cánh" thêm để bay tiếp vào những trận đánh tới đây trước lời cổ vũ này của Đại tướng. Chẳng riêng

Mai, chúng tôi may mắn có mặt trong cuộc hội ngộ rất thân tình, đám ấm này cũng thấy lòng mình lâng lâng như đang được bay lên. Nhưng không chỉ lâng lâng như thế. Từ lâu, tôi đã hằng kính yêu, ngưỡng mộ đức độ, tài ba của Đại tướng, qua chuyến xuất hiện bất thần ở sân bay Gia Lâm và những lời phát biểu chân thực mang đầy chí khí tiến công này, tôi lại càng mến mộ và hiểu rõ hơn một đặc tính rất quý ở ông: vị tướng tài ba, nhưng rất giản dị luôn thích hoà mình với quần chúng và luôn lắng nghe ý kiến từ thực tế chiến đấu của chiến sĩ mà rút ra cho mình những điều cần thiết về chỉ đạo chiến tranh.
Vâng, đây là đặc tính Nguyễn Chí Thanh, một "Đại tướng - binh nhì" mà chỉ hai tuần sau chuyến thăm một đơn vị cơ sở của Không quân này, toàn quân toàn dân ta đã bàng hoàng vô cùng thương tiếc khi nghe tin Đại tướng đột ngột qua đời.
Hơn 30 năm đã trôi qua. Hôm nay viết lại kỷ niệm này với tư cách là người chứng kiến, tôi vẫn như thấy bóng hình ông đang ở bên chúng ta mà sẵn sàng:
"Ở đâu nghèo đói, gọi xung phong
Lặn nước, mò com lội khắp đồng
Ở đâu tiền tuyến, kêu Anh đến
Tay súng, tay cò lại tiến công"⁽¹⁾
Một con người như thế sẽ sống mãi với nhân dân cùng đất nước, non sông.

H.B.N.

(1) Thơ Tố Hữu.



TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY SUPE PHÔT PHÁT VÀ HOÁ CHẤT LÂM THẢO
LAM THAO FERTIZERS AND CHEMICALS COMPANY

**ĐƠN VỊ
3 LẦN
ANH HÙNG**



chào thiên niên kỷ mới

Xuân Tân Ty 2001



Sản phẩm :

- Supe lân Lâm Thao - sản xuất theo TCVN 4440-87	750.000t/năm
- NPK Lâm Thao (5.10.3), (10.10.5), (16.16.8),...	250.000t/năm
- Phân bón cho hoa và cây cảnh	500t/năm
- Axit sunfuric (H_2SO_4) kỹ thuật - sản xuất theo TCVN 5719-1993	260.000t/năm
- Axit sunfuric (H_2SO_4) loại P, Pa - sản xuất theo TCVN 2718-78	120t/năm
- Axit sunfuric (H_2SO_4) dùng cho ắc quy - sản xuất theo TCVN 138-64	100t/năm
- Natri silicoflorua (Na_2SiF_6) - sản xuất theo TCVN 1446-73	4.000t/năm
- Natri florua (Na_2SO_3)	50t/năm
- Natri florua (NaF) loại P	15t/năm
- Natri pyrosunfit ($Na_2S_2O_5$) loại Pa	5t/năm
- Phèn nhôm sunphát - sản xuất theo TCVN 25-88	5.000t/năm
- Phèn kép amoni nhôm sunphát	4.000t/năm
- Natri biunfit ($NaHSO_3$)	100t/năm
- Ôxy đóng chai	40.000 chai

ĐỊA CHỈ :

HUYỆN LÂM THẢO - TỈNH PHÚ THỌ

ĐIỆN THOẠI : 0210.825131 - 0210.825139 - FAX : 0210.825126

CHI NHÁNH :

HUYỆN CẨM GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG

ĐT : 0320.786454 - FAX : 0320.786758

Bạn của nhà nông

CÂU ĐỐI TẾT

- Trọng đạo tôn sư, xây móng vững gốc bền, Trí tuệ sáng bừng hội mới ;
- Yêu nghề khuyến học, mở đường ngay lối thẳng, Tài năng nở rộ tương lai.

NGỌC HẢI

- Ta người Việt, tiêu dùng nên nội địa ;
- Minh dân Nam, văn hóa chứ ngoại lai.

NGUYỄN QUANG PHẤN

- Bốn ngàn năm, con cháu Lạc Hồng tạo thế đứng Non sông Cẩm Tú ;
- Kỷ nguyên mới, Tiên Rồng trăm họ dựng ngọn cờ Dân tộc Phồn Vinh.

CẢNH NGUYỄN

GÓC VUI NGÀY TẾT



Tranh: BAS



Tranh: CHU ĐỨC TIẾN

TRANH VUI NƯỚC NGOÀI



Khách nam mới của nhà đi săn



Không lời

Hãy nói cho tôi biết dự kiến kiểu mẫu. Tôi không còn cái Kim Tự Tháp của tôi nữa
N.V. sưu tầm

Lời của Rắn

HỒ VĂN KHUÊ

GIAO ban, Rắn bảo với Rồng :
Anh thì chỉ được mã trống bễ ngoài
Giương vẩy, chia móng ra oai
Để cho lút lội thiên tai hoành hành
Cứ xem công tích của anh
Bác cân nặng nhẹ rõ ràng kềm tôi
Tôi làm thuốc quý cho người
Chăm lo diệt chuột khắp nơi ruộng đồng
Thế mà kẻ bắt người lũng
Đem làm đặc sản, đóng thùng xuất biên
Cán cân sinh thái lệch nghiêng
Vì ai ham lợi cho nên nổi này !

Năm Ty phòng rắn!

SĨ GIANG

LƯỜN lách, chui rúc, đánh hơi,
Xuất kỳ, bất ý hai người xưa nay...
Rắn lục nấp dưới lá cây,
Lập lò xanh trắng ai hay mà lường !
Hổ mang dữ tợn la thưởng,
Miếng phun nọc độc, khổ đường cứu nguy !
Hổ lửa nào có kềm gì,
Cũng loài họ hổ, dôi thì sánh đôi !
Rắn giun rúc đám cỏ hôi,
Ấn sương nằm đất, sáng trời lại ra !
Rắn mống nấp chốn rừng già,
Hình thù quái dị như ma hiện hình !
Cấp nia khéo biết thu mình,
Biết co, biết rút, nằm rình đã lâu !
Đen ngòm ấy chú rắn trâu,
Mai găm loại rắn lớn đầu to mang !
Náu mình trong ổ trong hang,
Hàm mới đau đầu, sẵn sàng hành hung !
Rắn độc nọc độc vô cùng,
Độc hơn nọc độc, ấy lòng gian tham !
Miếng người, nọc rắn đã đoán !...

"Đền bù"

SĨ HỒ

NHÀ ở đang yên bỗng phải dời
Đất đang canh tác cũng buông rơi
Vì chung Nhà nước đang cần đất
Xây dựng công trình, nhượng - phải thôi !

Có thiệt cho nên mới được đền
Đền bù tương xứng, lẽ đương nhiên
Chẳng ai được lợi hơn ai cả
Sòng phẳng, công bằng sống mới yên !

Nhưng lạ, chuyện đời rắc rối sao
Cháo kia đã múc, tiền đã trao
Lầu lầu chưa thấy công trình đóng
Tiếc rẻ, dân... gian lại "xé rào" !

Chưa hết, nhiều ông dựa chức quyền
Tham lam, xoay xỏa, chẳng nghĩ yên
Thấy đâu thừa đất bung ra chiếm
Thu lại không cho, chỉ... bắt đền !

Vấn nạn đền bù chuyện kéo của
Đền bao nhiêu nữa cũng chưa vừa
Xuân sang, Tân Ty, xin chào nhé
Công quỹ nào đâu phải của chùa !

● VĂN NGHỆ - TUẦN BÁO SÁNG TÁC, LÝ LUẬN, PHÊ BÌNH, THÔNG TIN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT ● Tổng Biên tập : HỮU THỈNH ● Tòa soạn, Trại sự : 17 Trần Quốc Toản, Hà Nội - Điện thoại biên tập : 9439619, Trại sự : 9437091 - Fax : 8.263926 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Nam : 43 Đồng Khởi, TP. Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8.298802 ● Văn phòng thường trực các tỉnh miền Trung : 34 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng - Điện thoại : 8.21434; Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa, Điện thoại : 8.51752 - 8.53522; 292 Đường 2 tháng 4, TP. Nha Trang - Điện thoại : 8.22832 - 8.26040 ● In tại Nhà in Báo Nhân Dân ● ISSN 0866 - 0815 ●

VĂN NGHỆ TẾT TÂN TÝ

(Số 3 + 4 + 5 - 2001)

- 71 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930 - 3-2-2001): HÀNH TRÌNH CỦA BÁC (Hồng Hà)

● Những bài báo xuân của ANH ĐỨC, NGUYỄN QUANG SÁNG, BÙI HIỂN, ĐÀO VŨ, NGUYỄN TRẦN THIẾT, TRẦN HƯƠNG, THÁI VŨ, TRẦN NHẬT THU, NGUYỄN UYỂN, NGÔ VINH BÌNH, TRẦN ĐÌNH SỬ, ĐÀO VĂN XUÂN...

● Bút ký, tùy bút xuân của HOÀNG MINH TƯỜNG, ĐỖ CHU, TRẦN MẠNH HẢO, CAO TIẾN LÊ, VŨ LỤC, VĂN CHINH, NGUYỄN TƯỜNG LÂN, NGUYỄN THÀNH PHONG...

● Truyện ngắn của NGUYỄN KHẢI, TRUNG TRUNG ĐỈNH, TRỊNH ĐÌNH KHÔI, VÕ KHẮC NGHIÊM

● Thơ của TỔ HỮU, HUY CẬN, NGUYỄN ĐÌNH THI, NGUYỄN XUÂN SANH, GIANG NAM, THU BỒN, NGUYỄN KHOA ĐIỂM, LƯU TRÙNG DƯƠNG, TRẦN LÊ VĂN, HÀ MINH ĐỨC, VŨ TÚ NAM, BẢO ĐỊNH GIANG, LÊ ĐẠT, LIÊN NAM, LÊ THỊ KIM, LÂM THỊ MỸ DẠ, PHAN THỊ THANH NHÀN, PHẠM TIẾN DUẬT, VƯƠNG TRỌNG...

● Trùm chuyện ngắn... ngắn của các nhà văn NGA, TRUNG QUỐC, ẤN ĐỘ, THỤY SĨ.

● Trang Tết của các em với thơ, văn của NGUYỄN BAO, NGUYỄN XUÂN THÂM, ĐỊNH HẢI, TRẦN HOÀI DƯƠNG, PHONG THU, TRẦN THỊ THẮNG, THÁI CHÍ THANH.

● Những bài viết về các ngành nghệ thuật của TRIỀU DƯƠNG, TRẦN THỊ TRƯỜNG, NGUYỄN HÀO HẢI...

● Giới thiệu bộ *Nguyễn Tuấn toàn tập* (TRẦN ĐÌNH SỬ) - Linh hồn tiếng Việt (CAO XUÂN HẠO), Soi tỏ ngọn nguồn tiếng Việt (HÀM CHÂU) - Trước bình minh thiên niên kỷ thứ III (G.S NGUYỄN QUANG RIỆU).

- Tranh bìa và trình bày: PHẠM MINH HẢI.



Đua thuyền rồng ở Hồ Gươm

Ảnh: PHAN HỮU ĐỒ

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI



TỔNG CÔNG TY - DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HẠNG ĐẶC BIỆT, VỚI MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG TRONG CẢ NƯỚC, PHỤC VỤ CÁC TỔ CHỨC THUỘC MỌI THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ MỌI TẦNG LỚP DÂN CƯ.

Chúc Mừng Năm Mới
HAPPY NEW YEAR

HIỆU QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA BẠN HÀNG
LÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA BIDV

CUNG ỨNG NHIỀU HÌNH THỨC TÍN DỤNG, DỊCH VỤ NGÂN HÀNG,
ĐÁP ỨNG CAO NHẤT MỌI NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG:

- Cho vay trung, dài hạn để đầu tư phát triển các dự án đầu tư, chương trình phát triển, cho vay hỗ trợ vốn đầu tư các chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng.
- Cho vay ngắn hạn phục vụ nhu cầu sản xuất, kinh doanh.
- Tín dụng tài trợ nhập khẩu; Tín dụng hàng xuất khẩu.
- Cho thuê tài chính; Bảo hiểm tài sản (xây dựng, thiết bị...)
- Bảo lãnh, đồng bảo lãnh, dự thầu, bảo lãnh thanh toán vay vốn trong nước và ngoài nước.
- Chiết khấu chứng từ, hối phiếu.
- Nhận gửi VND và ngoại tệ.
- Thanh toán, chuyển tiền trong nước, thanh toán quốc tế qua mạng.
- Mua bán ngoại tệ; dịch vụ ngân quỹ, đại lý thanh toán thẻ.
- Tư vấn, bảo lãnh, phát hành chứng khoán.
- Tư vấn phương án nguồn vốn đầu tư dự án, cơ cấu lại tài chính dự án, thẩm định dự án.

PHỤC VỤ THUẬN TIỆN, CHU ĐÁO VỚI TIỆN ÍCH CAO

- Áp dụng công nghệ hiện đại, hội mạng thanh toán nhanh.
- Nối mạng với khách hàng; dịch vụ Home Banking.
- An toàn, chính xác, nhanh chóng, đảm bảo bí mật.
- Phong cách lịch sự, tận tình, chu đáo.

Chi tiết xin liên hệ: Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Tel: 8268318; Fax: 8266959; Website: bidv.com.vn; Email: bidv@hn.vnn.vn; - Công ty Cho thuê Tài chính (Leasing Co.); Tel: 9341324; Fax: 8266959; - Công ty Chứng khoán (BSC Co., Ltd); Tel: 8262959; Fax: 8262188; - Ngân hàng Liên doanh VID PUBLIC Bank; Tel: 8268307; Fax: 8268228; - Công ty Bảo hiểm Việt - Úc (BIDV - QBE); Tel: 8223738; Fax: 8223740; - Ngân hàng Liên doanh Lào - Việt; Tel: 9433173; Fax: 9433176; Sở giao dịch I, Sở giao dịch II và chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển tỉnh thành phố trong cả nước.



SÀI GÒN HOTEL



41-47 Đông Du, Q1, TP HCM.
 TEL: (84-8) 8299734 FAX: (84-8) 8291466
 Email: saigonhotel@hcm.vnn.vn

Nhà hàng SÀI GÒN-PARIS

- Từ tầng thượng của Khách Sạn, quý khách sẽ chiêm ngưỡng toàn cảnh thành phố và được phục vụ các món ăn đặc sản Âu, Á.
- Nhận đặt tiệc cưới, liên hoan, sinh nhật, hội nghị, theo yêu cầu.

Trung tâm du lịch SAIGON HOLIDAYS

Thường xuyên tổ chức các Tour du lịch trong và ngoài nước, cho thuê xe từ 4 đến 50 chỗ.

DỊCH VỤ

- Internet, Email, Fax.
- Massage, Sauna



Karaoke-bar EMPEROR

- Thiết kế theo kiểu Hàn Quốc, sang trọng, âm cùng, âm thanh sống động
- Nơi thư giãn lý tưởng sau những giờ làm việc căng thẳng.



KHÁCH SẠN SÀI GÒN CHUỆ MỪNG NĂM MỚI !

NHÀ MÁY XI MĂNG CẦU ĐƯỚC NGHỆ AN

Địa chỉ: Phường Cửa Nam, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (038) 842634; Fax: (038) 854398

Giám đốc: Thạc sỹ HÀ LÊ (Anh hùng Lao động)



*Uy tín
chất lượng
hiệu quả*



Đồng chí Hà Lê và Đại biểu Anh hùng Chiến sĩ thi đua ngành xây dựng và ngành khác với Thủ tướng Phan Văn Khải



- Với công suất 72.000 tấn/năm, có công nghệ tiên tiến.
- Là một trong những đơn vị xi măng lò đứng đầu tư và kinh doanh có hiệu quả nhất của cả nước.
- ĐÃ ĐƯỢC THƯỞNG:
 - Huân chương Lao động hạng Nhất (1999)
 - Huân chương Lao động hạng Nhì (1994)
 - 2 Huân chương Lao động hạng Ba
 - 2 Giải thưởng Bạc quốc gia và nhiều Huy chương Vàng chất lượng cao ngành Xây dựng Việt Nam.
- Sản xuất kinh doanh xi măng PCB 40 và PCB 30 (TCVN 6260 - 1997) đã được hợp chuẩn quốc gia.

Bia Sài Gòn kể chuyện ngày Xuân



23 tháng chạp: uống tiễn ông Táo.



Đêm 30: uống đón Giao thừa.



Mùng Một: uống mừng Tân niên.



Mùng 3: uống tiễn ông bà.



...uống cầu tài lộc quanh năm.

